

# THUYẾT GIẢNG KINH LUẬN



**HT. Duy Lực**  
**Thích Đồng Thường Ghi Thành Văn**

*Nguồn*

*<http://thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 5-8-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

## Mục Lục

### LỜI NÓI ĐẦU

#### Giảng giải KINH KIM CANG

Giải thích đề kinh

1. Pháp Hội Nhân Do
2. Thiện Hiện Khởi Thỉnh
3. Đại Thừa Chánh Tông
4. Điều Hạnh Vô Trụ
5. Như Lý Thật Kiến
6. Chánh Tín Hy Hữu
7. Vô Đắc Vô Thuyết
8. Y Pháp Xuất Sanh
9. Nhất Tướng Vô Tướng
10. Trang Nghiêm Tịnh Độ
11. Vô Vi Phước Thắng
12. Tôn Trọng Chánh Giáo
13. Như Pháp Thọ Trì
14. Ly Tướng Tịch Diệt
15. Trì Kinh Công Đức
16. Năng Tịnh Nghiệp Chương
17. Cứu Kínch Vô Ngã
18. Nhất Thể Đồng Quán
19. Pháp Giới Thông Hóa
20. Ly Sắc Ly Tướng
21. Phi Thuyết Sở Thuyết
22. Vô Pháp Khả Đắc
23. Tịnh Tâm Hành Thiện

24. Phước Trí Vô Tỷ
25. Hóa Vô Sở Hóa
26. Pháp Thân Phi Tướng
27. Vô Đoạn Vô Diệt
28. Bất Thọ Bất Tham
29. Oai Nghi Tịch Tịch
30. Nhất Hợp Tướng Lý
31. Tri Kiến Bất Sanh
32. Ứng Hóa Phi Chơn

Giảng giải KINH PHẠM VÕNG

#### 10 GIỚI TRỌNG

- 1- GIỚI SÁT SANH
- 2- GIỚI TRỘM CƯỚP
- 3- GIỚI DÂM
- 4- GIỚI VỌNG
- 5- GIỚI BÁN RƯỢU
- 6- GIỚI RAO LỖI CỦA TỬ CHÚNG
- 7- GIỚI KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI
- 8- GIỚI BỎN SẼN THÊM MẮNG ĐUÔI
- 9- GIỚI GIẬN HỒN KHÔNG NGƯỜI
- 10- GIỚI HỦY BẢNG TAM BẢO

#### 48 ĐIỀU GIỚI KHINH

- 1- GIỚI KHÔNG KÍNH THẦY BẠN
- 2- GIỚI UỐNG RƯỢU
- 3- GIỚI ĂN THỊT
- 4- GIỚI ĂN NGŨ TÂN

PHẨM PHỔ MÔN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẦN ĐẦU ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU ĐA LA LIÊU NGHĨA KINH

PHẨM BÁT NHÃ THỨ HAI PHÁP BẢO ĐÀN KINH

TRUNG QUÁN LUẬN

PHẨM NHÂN DUYÊN

Phá Duyên Duyên

Phá Tăng Thượng Duyên

Phẩm Khứ Lai

Phẩm Quán Thời.

YẾU CHỈ TRUNG QUÁN LUẬN

Lời nói đầu

Phẩm thứ nhất : PHÁ NHÂN DUYÊN

Phẩm thứ ba : PHÁ LỤC TÌNH

Phẩm thứ tư : PHÁ NGŨ ÁM (NGŨ UẨN)

Phẩm thứ sáu : PHÁ NHIỄM VÀ KẼ NHIỄM

Phẩm thứ bảy : QUÁN TAM TƯỚNG (SANH, TRỤ, DIỆT)

## LỜI NÓI ĐẦU

Quyển sách này đặt tên là Thuyết Giảng Kinh Luận, do chúng tôi gộp nhặt lại những lời của Hòa thượng Duy Lực giảng các kinh luận: Kinh Kim Cang, kinh Phạm Võng, phẩm Phổ Môn, phẩm Bát Nhã, phần đầu kinh Viên Giác, vài phẩm Trung Quán Luận, Yếu Chỉ Trung Quán Luận.

Tất cả lời giảng của Hòa thượng vì mục đích để cho mọi người đầy đủ niềm tin tự tâm là Phật sẵn có, y theo Phật dạy có pháp gián tiếp và có pháp trực tiếp mà thực hành, để hiện ra cái dụng không giới hạn không gian, thời gian, số lượng.

Băng giảng chỉ có bao nhiêu ấy, chúng tôi đành phải chép bấy nhiêu, để giúp cho người tu học giác ngộ được dễ dàng. Việc làm này không khỏi sai sót, xin các vị độc giả biết chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích Đồng Thường.

### **Giảng giải KINH KIM CANG**

#### *Giải thích đề kinh*

Kim Cang là vật chất cứng nhất, phá tất cả thứ vật chất khác được, còn các thứ khác không phá nó được. Hai chữ “kim cang” là hình dung cho Bát Nhã.

Bát nhã dịch ra là trí huệ, nhưng không phải trí huệ thế gian. Trí huệ thế gian đối với Phật pháp cho là si mê. Vì trí huệ thế gian coi những cái không phải thật cho là thật, trái lại trí huệ của bát nhã là phá tất cả những chấp thật. Bất cứ chấp thật cái gì, dù chấp thật có Phật cũng phá, chấp thật Bồ Tát cũng phá.

“Ba la mật” dịch là đến bờ bên kia, tức là mình ở bờ sông bên nay, không được tự do tự tại, có phiền não có khổ. Muốn đạt đến bờ sông bên kia, phải nhờ Kim Cang Bát Nhã để phá tất cả, mới đạt đến tự do tự tại.

### ***1. Pháp Hội Nhân Do***

Chánh văn:

Tôi nghe như vậy, một thuở Phật ở nước Xá Vệ, nơi tịnh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, cùng chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ đến giờ ăn, Thế Tôn đắp mang y bát, vào đại thành Xá Vệ, theo thứ tự khát thực từng nhà trong thành xong, trở về chỗ ở thọ trai, rồi cất y bát, đại chúng rửa chân, trải tọa cụ cùng ngồi.

Giảng giải:

4 chữ “như thị ngã văn”, kinh nào cũng có. A Nan nói: “Tôi nghe như vậy, một thuở ở nước Xá Vệ, nơi tịnh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên”.

Ở đây nói chùa, Trung Quốc gọi là tự, dịch ra Già Lam là vườn của Tăng Già.

Kỳ Thọ là tên của một thái tử, Cấp Cô Độc là tên của một trưởng giả giàu sang, hai người này hợp tác làm tịnh xá, cho nên lấy tên của 2 vị là tịnh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên.

Phật đi đến đâu đều có 1250 vị Tỳ Kheo A La Hán theo, mặc dầu Phật đã thành Phật vẫn đi khát thực mỗi ngày. Ở đây nói về đời sống hàng ngày của Phật, tu là ở trong đời sống hàng ngày, chứ không phải đi vô rừng sâu núi cao mà tu.

## ***2. Thiện Hiện Khởi Thỉnh***

Chánh văn:

Khi ấy, trưởng lão Tu Bồ Đề ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Hy hữu Thế Tôn! Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?

Phật bảo:

Lành thay! Lành thay! Tu Bồ Đề! Theo như người nói, Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người nói rõ. Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như vậy, hàng phục tâm như vậy.

-Bạch Thế Tôn, con rất mong được nghe.

Giảng giải:

Phật giảng kinh nào đều có đại diện đương cơ, để đối đáp với Phật và thỉnh Phật thuyết pháp. Kinh Kim Cang có trưởng lão Tu Bồ Đề đại diện đương cơ.

Lúc ấy, Tu Bồ Đề từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật và cung thỉnh Phật thuyết pháp.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào thiện nam tín nữ phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề và hàng phục vọng tâm? (A Nậu Đa La dịch là vô thượng, tam miệu dịch là chánh đẳng, tam bồ đề dịch là chánh giác; tức là vô thượng chánh đẳng chánh giác, chánh giác đối với tà giác. Ngoại đạo cũng có giác ngộ, nhưng còn chấp ngã, nên gọi là tà giác).

### ***3. Đại Thừa Chánh Tông***

Chánh văn:

Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Các Bồ Tát Ma Ha Tát nên hàng phục tâm như vậy: Tất cả các loài chúng sanh, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng, ta đều khiến vào Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ. Diệt độ vô lượng vô số chúng sanh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ Tát.

Giảng giải:

Phật bảo Tu Bồ Đề rằng: Tất cả chúng sanh gồm có: Noãn sanh từ trứng sanh ra, thai sanh là con người hay con vật, thấp sanh là con muỗi, con trùn,... và hóa sanh là tự biến hóa ra, có hình tướng hay không hình tướng;

cũng như vô sắc giới không có thân thể, vẫn là một loại chúng sanh; hoặc có tướng hay không tướng, tức là 12 loại chúng sanh; tôi đều cho họ được nhập Vô Dư Niết Bàn. Niết Bàn gồm có: hữu Dư và Vô Dư.

-Niết Bàn Hữu Dư của Tiểu thừa chứng quả A La Hán và Bích Chi Phật chưa đạt cứu cánh, chỉ hết phần đoạn sanh tử, chưa hết biến dịch sanh tử, cho nên còn thiếu.

-Niết Bàn Vô Dư là chứng quả Phật cuối cùng. Niết là không sanh, bàn là không diệt; tức là cái dụng của Tự tánh và độ tất cả chúng sanh được tự do tự tại.

Như vậy, độ hết tất cả chúng sanh, nhưng thật chẳng có một chúng sanh nào được độ cả. Tại sao?

Phật giải thích: Tu BỒ ĐỀ! Nếu BỒ TÁT có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải BỒ TÁT. Bởi vì, Phật pháp là phá ngã chấp, mới đạt đến chỗ giác ngộ. Tiểu thừa thì phá được nhân ngã chấp, tức là phá chấp thân người là ta. Đại thừa phá nhân ngã chấp và pháp ngã chấp, luôn pháp ngã chấp mình biết pháp mình tu đều không thật, mới đạt đến bậc BỒ TÁT.

Nếu còn có ngã tướng tức là cho thân này là ta, thường ở ngoài đời hy sinh thân mình vì đại ngã; ban đầu lớn là quốc gia, dân tộc và lớn nữa là nhân loại; gọi là nhân tướng, bất quá nó rộng lớn hơn. Toàn nhân loại chưa phải là lớn, phải toàn chúng sanh, gồm các loại bao gồm tất cả động vật ở dưới đất, dưới nước, trên không, trên mặt đất.

Đại ngã là lớn hơn hết, tuy đại nhưng vẫn còn ngã; nếu có chúng sanh tướng tức là có ngã tướng. Nhân tướng tức là toàn nhân loại cũng là ngã tướng, vì trong đó có ngã. Do có tiểu ngã nên có đại ngã.

Thọ giả tướng là chỉ thời gian, tất cả tướng đều có khái niệm thời gian. Nếu không có thời gian thì không có chúng sanh. Tất cả ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng đều phải qua thời gian, gọi là thọ giả tướng.

Cũng như năm nay tôi 61 tuổi, nếu bỏ 61 tuổi thì tôi làm sao có? Có một trong bốn tướng đều có ngã tướng, nếu có chấp ngã thì không phải BỒ TÁT, nên không được giải thoát.

#### ***4. Diệu Hạnh Vô Trụ***

Chánh văn:

-Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bồ Tát ở nơi các pháp, ung vô sở trụ mà hành việc bố thí, tức là chẳng trụ sắc bố thí, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí nên chẳng trụ nơi tướng như thế. Tại sao? Nếu Bồ Tát chẳng trụ nơi tướng bố thí thì phước đức chẳng thể suy lường.

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Hư không bên phương đông có thể suy lường chẳng?

-Bạch Thế Tôn, không.

-Tu Bồ Đề! Hư không bên các phương nam, tây, bắc và trên, dưới có thể suy lường được chẳng?

-Bạch Thế Tôn, không.

-Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí chẳng trụ nơi tướng, phước đức cũng như vậy, chẳng thể suy lường. Tu Bồ Đề! Bồ Tát cần an trụ tâm như ta đã bảo.

Giảng giải:

Vừa rồi, mới nói hàng phục tâm thì phải phá ngã chấp, bất cứ tiểu ngã và đại ngã đều phải phá hết. Vậy phải trụ như thế nào?

Pháp của Bồ Tát thì phải vô sở trụ, pháp của Bồ Tát có Lục Độ.

Bố thí ở trong Lục Độ, hạnh bố thí không có trụ nơi sắc bố thí và thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng vậy. Người thường có lục căn tiếp xúc lục trần đều muốn hưởng thọ lục trần. Mắt muốn xem sắc đẹp, tai muốn nghe âm thanh dễ nghe, mũi muốn ngửi mùi thơm, lưỡi thì muốn nếm vị ngon, thân muốn tiếp xúc vật êm dịu, pháp trần là việc có ích cho thú vui thì mình thích mình chịu.

Nếu thực hành vô sở trụ, đều phải quét hết tức là bố thí hết; nhưng sự quét không phải dễ dàng, hàng ngày lục căn tiếp xúc lục trần muốn bỏ liền không thể được.

Vậy, thì phải làm sao? Phải nhờ phương tiện của Phật, Phật dạy có rất nhiều pháp môn, có 84.000 pháp môn quy nạp lại có 4 loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng; ở một trong bốn loại này, thấy thích hợp chọn ra một pháp, rồi tu đúng tông chỉ pháp đó.

Như tham thiền phải theo tông chỉ của Thiền tông, niệm Phật phải theo tông chỉ Tịnh độ,... mà được bố thí hết.

Phật nói với Tu Bồ Đề! không trụ ở nơi tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tại sao? Không những không trụ tướng lục trần, nhưng cả tướng quét (bố thí) cũng không trụ. Nếu Bồ Tát trụ nơi tướng bố thí cũng là trụ vậy; Phật dạy vô sở trụ, nếu xả bỏ thì vẫn còn ngã.

Cho nên, từ bi khác với bác ái, bác ái là chấp ngã, có ngã có ta để yêu đại chúng; còn từ là vô duyên từ, không có đối đãi; bi là đồng thể bi, như chúng sanh đồng một thể, không có đối đãi khác nhau.

Vậy, từ bi không có ta bố thí, mà ông không có thọ bố thí của ta. Bởi vì, có năng bố thí và có sở bố thí, tức là có tướng bố thí thì còn ngã chấp, nên không có đủ tư cách làm Bồ Tát và không thể giác ngộ vô thượng Bồ Đề, đạt được tự do tự tại đến bờ sông bên kia.

Bởi đề kinh là đến bờ sông bên kia được tự do tự tại. Không có trụ tướng bố thí, bộ óc không thể biết đề suy nghĩ ra được, Phật sợ người nghe không hiểu ý của Phật nên hỏi lại.

Tu Bồ Đề! Theo ý của ông như thế nào? Cũng như không ở phía đông, có thể suy nghĩ đến được không?

Tu Bồ Đề đáp: Không.

Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Vậy hư không phía tây, phía nam, phía bắc và trên, dưới có suy nghĩ được không?

Tu Bồ Đề đáp: Không.

Bởi vì, hư không đâu có giới hạn cho mình suy nghĩ được, như Trung Quán Luận nói: Người muốn đi phương đông, nếu đi mãi có phương đông hay không? Không có phương đông. Như cho ở đây là trung điểm thì nói phương đông của trung điểm là phương đông, vì không có phương hướng, do có tâm chấp ngã làm trung tâm, rồi nói có phương đông.



Sự thật, hư không đâu có phương đông cho mình đến, cho nên phá ngã chấp rồi thì không có phương đông để đến, vì không thể suy nghĩ đến được.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Bồ Tát bố thí vô sở trụ phước đức cũng như thế, nếu lấy bộ óc của mình thì không thể suy nghĩ được; Bồ Tát nghe theo Phật dạy phải trụ như thế! Tức là vô sở trụ, trả lời cho hai câu hỏi trên.

### ***5. Như Lý Thật Kiến***

Chánh văn:

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ thân tướng mà thấy Như Lai chăng?

-Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ thân tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói thân tướng tức phi thân tướng. Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng phi tướng, tức là thấy Như Lai.

### ***6. Chánh Tín Hy Hữu***

Tu Bồ Đề Thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh được nghe những lời nói, văn tự kể trên có thể sanh lòng tin chơn thật chăng?

Phật bảo:

-Tu Bồ Đề, đừng nói vậy! Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm về sau, từ tượng pháp cho đến mạt pháp, nếu có người tu phước trì giới đối với lời nói, văn tự kể trên được sanh lòng tin, cho đó là thật. Phải biết người ấy đã nghe lời nói văn tự này, cho đến được một niệm sanh khởi lòng tin trong sạch, là vì đã từng gieo trồng thiện căn nơi muôn ngàn vô lượng Phật, chứ chẳng phải gieo trồng thiện căn nơi một Phật, hoặc ba, bốn, năm Phật.

Tu Bồ Đề! Như Lai biết rõ, thấy rõ những chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế. Tại sao? Vì những chúng sanh ấy chẳng còn có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, chẳng chấp pháp tướng, cũng chẳng chấp phi pháp tướng. Tại sao? Vì những chúng sanh ấy

nếu khởi tâm chấp tướng (tiền trần) tức là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Nếu chấp pháp tướng (pháp trần) cũng là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng (là bóng phân biệt của pháp trần), cũng là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Vì thế chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp. Do nghĩa này Như Lai thường nói: Các Tỳ Kheo phải biết lời thuyết pháp của ta ví như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè; vậy pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!

Giải thích:

Hai đoạn trên đã trả lời “hàng phục tâm” và “an trụ tâm”. Sau đây giải thích chung “hàng phục tâm” và “an trụ tâm”, giải thích rộng hơn.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Theo ý của ông như thế nào? Có thể lấy thân tướng thấy được Như Lai không?

Tu Bồ Đề đáp: Không, không thể lấy thân tướng mà thấy Như Lai. Tại sao? Lời Như Lai nói “thân tướng không phải thân tướng”.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Phạm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy tất cả tướng chẳng phải tướng thì mới thấy được Như Lai. Không có tướng cũng là tướng, bao gồm các tướng, nói theo tứ cú thì mới rõ.

Có cũng là tướng, không cũng là tướng, chẳng có chẳng không thì có tướng chẳng có chẳng không, cũng có cũng không thì có tướng cũng có cũng không; nên tất cả đều là tướng. Nếu trụ là chấp tướng, không trụ là phi tướng tức là không chấp thật.

Có tướng mà không trụ gọi là phi tướng, không tướng mà không trụ cũng gọi là phi tướng. Không trụ chẳng có chẳng không cũng là phi tướng. Không trụ cũng có cũng không cũng là phi tướng. Nếu trụ nơi phi tướng cũng không được, vì phi tướng cũng là tướng, thì phi tướng này cũng quét luôn, tức là quét tứ cú phi tướng, mới thấy Như Lai, là kiến tánh thành Phật cũng là thấy Tự tánh của mình.

Nếu còn thấy một chút tướng gì đó hay phi tướng cũng chưa được, vì vẫn còn ở trong ý thức. Kiến tánh phải lìa ý thức, tướng và phi tướng là ý thức, cần phải lìa mới thấy được Như Lai.

Câu “thấy tất cả tướng chẳng phải tướng tức là Như Lai”, có nhiều người hiểu câu này, cho chẳng phải tướng là Như Lai. Chữ “phi” có tác dụng quét, luôn cả phi tướng cũng phải quét, lia được tâm ý thức thì được kiến tánh.

Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: Có một số chúng sanh đã nghe pháp rồi, có sanh lòng tin chân thật không?

Phật nói với Tu Bồ Đề rằng: Đừng nói vậy! Sau khi Phật nhập Niết Bàn được 500 năm, nếu có người trì giới tu phước mà sanh niềm tin kinh này, không phải ở một Phật mà nhiều Phật đã gieo trồng thiện căn, nghe được lời này sanh lòng tin trong sạch, không có chỗ nào nghi ngờ.

Nói 500 năm sau là ví dụ tạm thời, nói đúng là vĩnh viễn, 500 năm rồi qua 500 năm, vì theo nghiệp của chúng sanh. Ở Trung Quốc cho một đời chỉ có 30 năm làm việc được, còn Phật pháp được hưng thịnh có khoảng 500 năm, ở đây nói 500 năm không phải cố định.

Nếu mình nghe pháp sanh được lòng tin chân thật, là gieo trồng thiện căn với nhiều vị Phật. Vậy Phật nói chỗ này rất khó tin, vì không cho mình để đứng chân; nếu phá chấp tất cả, luôn cả mình phá cũng phá luôn thì có ai nghe pháp? Có ai tin pháp?

Phật nói với Tu Bồ Đề: Tất cả việc, Phật đều thấy biết có bao nhiêu vô lượng phước đức. Tại sao? Vì chúng sanh không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng; tức là không có pháp tướng, nghĩa là không có tướng nghe tôi thuyết pháp; nếu chấp theo lời tôi thì còn pháp tướng, cũng chẳng phải phi pháp tướng.

Như tứ cú: Có pháp tướng cũng quét, không pháp tướng cũng quét, chẳng có pháp tướng chẳng không pháp tướng cũng quét, cũng có pháp tướng cũng không pháp tướng cũng quét. Quét như thế thì được triệt để. Tại sao? Vì chúng sanh chấp tướng tức chấp tứ tướng là ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp pháp tướng là pháp trực, chấp phi pháp tướng là ngã tướng của tiểu ngã và đại ngã. Cho nên, không chấp pháp với phi pháp.

Vì thế, Phật nói với các vị Tỳ Kheo (Tỳ Kheo dịch là khát sĩ thọ 250 giới): Pháp của ta nói ra như chiếc bè đưa người qua sông, khi chở người qua sông thì chiếc bè phải bỏ; vì mục đích đến bờ sông bên kia được tự do, còn vác chiếc bè trên vai thì làm mất tự do. Chiếc bè dụ cho chánh pháp, chánh pháp còn phải bỏ huống là chẳng phải chánh pháp!

## 7. Vô Đắc Vô Thuyết

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Như Lai có chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng? Như Lai có thuyết pháp chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

-Như con hiểu nghĩa của Phật nói thì chẳng có pháp nhất định gọi là pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng chẳng có pháp nhất định cho Như Lai thuyết. Tại sao? Vì pháp của Như Lai thuyết đều chẳng thể chấp thật, chẳng thể nói là pháp, là phi pháp hay phi phi pháp. Tại sao? Vì tất cả hiền thánh đều dựa theo pháp vô vi mà nói sai biệt.

Giảng giải:

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý của ông như thế nào? Phật có được giác ngộ cao nhất không? Phật có thuyết pháp cao siêu nhất không? Vì Phật muốn hỏi Tu Bồ Đề có hiểu ý của Phật không?

Tu Bồ Đề đáp: Theo con hiểu ý của Phật nói “không có một pháp nào nhất định cho Như Lai thuyết”. Tại sao? Vì Phật thuyết pháp không thể chấp lấy được, tức là chẳng thể nói ra; như “pháp, phi pháp, phi phi pháp”, đây là nghĩa ba câu.

Pháp là câu thứ nhất, phi pháp là câu thứ nhì, phi phi pháp là câu thứ ba. Ở đây bắt đầu nghĩa ba câu; câu thứ nhất chấp là thật, câu thứ nhì là phi pháp phá câu thứ nhất, pháp không phải là thật gọi là phi pháp, câu thứ ba phá câu thứ nhất là pháp và câu thứ nhì là phi pháp đều không phải thật, cho nên phải thêm chữ “phi” là “phi phi pháp”, cũng không phải thật. Đó là nghĩa ba câu.

Tại sao? Thánh Hiền lấy pháp hữu vi làm mục tiêu, rồi tất cả sai biệt. Có hữu vi thì có tướng nên thấy, còn vô vi không hình tướng thì không thể thấy. Vì kiến lập pháp vô vi thì có sai biệt từ hữu vi cho đến vô vi. Như kinh Lăng Nghiêm có 57 cấp sai biệt, Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa đều sai biệt; đạt đến vô vi, cuối cùng quét sạch hết.

Vừa nói, giác ngộ cuối cùng cao nhất cũng quét là vô vi, nếu còn chờ đợi thì không phải vô vi; nhưng kiến lập pháp vô vi thì có đủ thứ sai biệt, tất cả Tam Hiền Tứ Thánh đều do kiến lập vô vi mà có sai biệt.

## ***8. Y Pháp Xuất Sanh***

Chánh Văn::

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như có người đem thất bảo đầy khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, người ấy được phước đức nhiều chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

-Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Phước đức ấy tức phi phước đức tánh, nên Như Lai nói là phước đức nhiều.

Phật bảo:

-Nếu có người thọ trì (tín thọ mà thực hành) Kinh này, cho đến chỉ thực hành theo tứ cú kệ rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia. Tại sao? Tu Bồ Đề! Tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ Kinh này ra. Tu Bồ Đề, gọi là Phật pháp, tức phi Phật pháp.

Giảng giải:

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý của ông như thế nào? Nếu có người lấy thất bảo chất đầy tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì phước đức của người đó có nhiều không?

Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều. Tại sao? Phước chẳng phải phước đức, tức siêu việt số lượng là nhiều; còn nằm trong số lượng thì thế nào cũng phải hết, nên Phật nói “phước đức nhiều”.

Phật nói: “Nếu có người ở trong kinh này, thọ trì 4 câu kệ mà giảng thuyết cho người khác biết thì phước đức nhiều hơn người lấy thất bảo chất đầy tam thiên đại thiên thế giới bố thí”. Tại sao? Vì sự giác ngộ của Phật đều từ kinh này, dạy mình quét sạch hết mới được giác ngộ thành Phật.

Nếu như vậy phải thọ trì, như 2 chữ “thọ trì” thường hiểu lầm “đọc kinh Kim Cang cho là thọ trì”, như vậy không phải trì, đó chỉ tụng mà thôi; theo kinh thực hành gọi là trì. Cho nên, ở đây nói là “thọ trì”, thọ là tin rồi lãnh thọ, theo đó thực hành gọi là trì.

Tứ cú kê ở đây có nghĩa là tứ cú: “Có, không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng không”, ấy là nguồn gốc của Phật pháp. Vì vậy, Phật dạy mình lia tứ cú, nghĩa vô sở trụ là lia tứ cú; nghĩa ba câu giống như nghĩa tứ cú, như nói: “Pháp, phi pháp, phi phi pháp”.

### ***9. Nhất Tướng Vô Tướng***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tu Đà Hoàn có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả Tu Đà Hoàn" chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

-Bạch Thế Tôn, không ạ. Tại sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu mà vô sở nhập; chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn.

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tu Đà Hàm có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả Tu Đà Hàm" chăng?

-Bạch Thế Tôn, không ạ. Tại sao? Tu Đà Hàm gọi là Nhất Vãng Lai mà thật chẳng vãng lai, ấy gọi là Tu Đà Hàm.

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? A Na Hàm có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả A Na Hàm" chăng?

-Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? A Na Hàm gọi là Bất Lai mà thật chẳng phải bất lai, ấy gọi là A Na Hàm.

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? A La Hán có thể nghĩ rằng "Ta đắc đạo A La Hán" chăng?

-Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Thật chẳng có pháp gọi là A La Hán. Thế Tôn! Nếu A La Hán nghĩ rằng "Ta đắc đạo A La Hán", tức là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con đắc Vô Tranh Tam Muội, là hạng nhất trong loài người, là hạng nhất trong bậc ly dục A La Hán. Thế Tôn! Nhưng con nghĩ rằng con là ly dục A La Hán. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đắc đạo A La Hán, thì Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ Đề là một hành giả thanh tịnh hạnh. Vì Tu Bồ Đề vốn là vô sở hành, nên mới gọi Tu Bồ Đề là hành giả thanh tịnh hạnh.

Giải giảng:

Ở trên vừa nói phá ngã chấp, tiếp theo phá pháp chấp mà phá cái chấp mình biết; pháp chấp có 3 lớp:

1/ Mình biết được, như quý vị lại nghe biết được pháp, nếu biết pháp mình nghe được cho là thật, gọi là chấp pháp.

2/ Nghe pháp rồi tu, lại chấp pháp tu của mình là thật.

3/ Pháp chứng của mình, pháp chứng được sanh tử luân hồi, cũng còn phải phá, không được chấp thật.

Trên đây là nghĩa Đại thừa.

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý ông thế nào? Tu Đà Hoàn có ý niệm chứng quả Tu Đà Hoàn không? (Thừa Thanh Văn có 4 quả: Tu đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán).

Tu Bồ Đề đáp: Không, không có đắc được quả Tu Đà Hoàn. Tại sao? Vì Tu Đà Hoàn dịch là nhập lưu, mà thật ra nhập lưu là vô sở nhập. Tại sao? Vì lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức, gọi là xuất lưu; nếu nhập lưu thì lục căn không tiếp xúc lục trần, mà trở về Tự tánh mới là nhập lưu. Nhưng nhập lưu không có nhập, tức là lục trần không có nhập; nếu lục trần đã nhập gọi là xuất lưu, vì lấy lục trần gọi là Tu Đà Hoàn.

Lục căn tiếp xúc lục trần cho là thật thì có ngã chấp, phá hết nhân ngã chấp được chứng quả A La Hán. Còn kinh Đại thừa thì phá luôn pháp ngã chấp.

Sơ quả Tu Đà Hoàn gọi là nhập lưu (có 7 lần sanh tử), nhị quả Tư Đà Hàm gọi là nhất vắng lai (có 1 lần sanh tử), tam quả là A Na Hàm gọi là bất lai (ở cõi trời mà ra); kỳ thật, vắng lai không có vắng lai, như nói đi phương đông, nhưng thật không có phương đông để đến, nên không được chấp thật.

Tứ quả là A La Hán ra khỏi sanh tử luân hồi, nếu chấp thật quả A La Hán thì còn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Phật nói đắc vô tránh tam muội (tam muội dịch là chánh định, vô tránh là không có lý sanh ra tranh luận đúng sai, thị phi, đắc thất,...), tức liả hết dục vọng, đây là quả đệ nhất A La Hán.

Thực hành không có tranh luận thì không được chấp pháp của mình tu pháp này, chúng được pháp kia; mà thực là không có hành, không có tu, không có chúng, mới đúng là hạnh thanh tịnh (a lan na hạnh). Nếu nói tôi biết pháp này, chúng được pháp kia thì còn ngã chấp, không được gọi là hạnh thanh tịnh.

### ***10. Trang Nghiêm Tịnh Độ***

Chánh Văn:

Phật bảo:

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Xưa kia Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đặc pháp gì chăng?

-Bạch Thế Tôn, không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật vô sở đắc.

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ chăng? -Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Nói trang nghiêm Phật độ, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (nghĩa ba câu).

-Cho nên Tu Bồ Đề! Chư Bồ Tát Ma Ha Tát nên sanh tâm trong sạch như thế, là chẳng nên khởi tâm trụ sắc, chẳng nên khởi tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, ưng vô sở trụ mà sanh kỳ tâm.

-Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu Di, ý người thế nào? Thân ấy có đại chăng?

-Bạch Thế Tôn, rất đại. Tại sao? Phật nói phi thân thị danh đại thân (Chữ đại ở đây là siêu việt số lượng).

Giảng giải:

Phật giảng đến chỗ này, còn sợ người nghe pháp hiểu lầm, chưa có hiểu thấu nên Phật hỏi lại: Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Xưa kia Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng Phật có đặc pháp gì không?

Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn, không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật vô sở đắc.



Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ chăng? (Một Phật độ là tam thiên đại thiên thế giới).

Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Nói trang nghiêm Phật độ, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Câu thứ nhất chấp “trang nghiêm” Phật độ là thật, câu thứ hai phá chấp thật câu thứ nhất, nên nói “phi trang nghiêm”, câu thứ ba “thị danh trang nghiêm”, thị danh là giả danh; tức câu thứ nhất “trang nghiêm Phật độ” là giả danh, câu thứ hai “phi trang nghiêm Phật độ” là giả danh, câu thứ ba “thị danh trang nghiêm Phật độ” cũng giả danh; nghĩa là 3 câu phá hết. Nghĩa ba câu của kinh Kim Cang là căn bản Phật pháp Đại thừa.

Cho nên, Phật nói với Tu Bồ Đề: Đại Bồ Tát sanh tâm thanh tịnh như thế!

Nếu chỉ quét hai câu thì không phải tâm thanh tịnh, vì còn câu thứ ba chưa quét; tức là còn giả danh chưa quét nên tâm không được thanh tịnh, muốn được thanh tịnh thì phải quét hết. Cho nên, không được trụ sắc, thanh, vị, xúc, pháp sanh tâm, mà “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, câu này Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng thì ngộ triệt để.

Cái tay để thí dụ vô sở trụ là hoạt bát vạn năng của Tự tánh. Cái tay lấy kiến, cái khăn, cuốn sách,... lấy cái gì cũng được. Nếu tay nắm chặt một thứ, như chấp chân lý thì hoạt bát vạn năng bị mất, lấy gì cũng không được. Phật dạy quét thì khôi phục hoạt bát vạn năng, nên lấy được mọi thứ; đây là nghĩa vô sở trụ, sanh kỳ tâm là dụng hoạt bát vạn năng của Tự tánh.

Vậy, vô sở trụ nên có dụng hoạt bát vạn năng, nếu có sở trụ thì mất dụng hoạt bát vạn năng. Bất cứ chấp cái nào đều mất cái dụng, cần phải quét bỏ thì tâm được thanh tịnh hiện ra cái dụng, làm gì cũng được.

Cho nên, “ung vô sở trụ” là giữ hoạt bát vạn năng, “sanh kỳ tâm” là dùng cái hoạt bát vạn năng. Nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, chứ không phải thành một Phật chết không dùng được! Vì vậy, Phật pháp nói chữ không, nhiều người tưởng là tiêu cực, không có gì cả.

Kỳ thật, Phật nói không là hiển bày cái dụng, như căn nhà chẳng có cái không (trống rỗng) làm sao mình ngồi đây và để đồ? Tách này chẳng có cái không (tách bị lấp bít) thì không thể đựng nước.

Muốn dùng thì phải có cái không, có cái không mới dùng được; nghĩa là không tức dùng, dùng tức không. Cái tay cũng vậy, luôn luôn phải quét sạch thì dụng được hoạt bát vạn năng.

Cầm chặt cây bút không buông là pháp có, làm mất hoạt bát vạn năng; ngược lại trong tay không cầm vật gì, tự làm nắm tay cũng mất hoạt bát vạn năng. Vì thế, chấp không cũng phải quét thì dụng hoạt bát vạn năng của Tự tánh hiện ra.

Thường thường bỏ chấp có lại chấp không, nếu chấp không cũng làm mất cái dụng hoạt bát vạn năng của Tự tánh vậy.

Như thân người lớn bằng núi Tu Di, nếu có cái thân, có số lượng thì không gọi là lớn! Vì nằm trong số lượng, còn có thể lớn hơn; như đại số muốn thay số lớn nhất có được không? Không được. Tại sao? Nếu thêm một con số 0 sau cùng con số đó thì đã lớn hơn 10 lần và cứ thêm như thế vô cùng tận, vậy không có con số nào lớn nhất cả!

Nên không có thân mới là lớn, tức là siêu việt số lượng, còn nằm trong số lượng không phải lớn và cũng không có cực nhỏ nữa, vì tất cả thứ đó đều là hư vọng.

### ***11. Vô Vi Phước Thắng***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Như có nhiều sông Hằng bằng số cát trong một sông Hằng. Ý ngươi thế nào? Số cát ở trong những sông Hằng ấy có phải nhiều chăng? Tu Bồ Đề đáp:

-Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ những sông Hằng ấy cũng nhiều vô số rồi, huống chi là cát.

-Tu Bồ Đề! Nay ta nói thật cho nghe, như có thiện nam tín nữ, đem thất bửu chứa đầy các đại thiên thế giới bằng số cát kể trên dùng để bố thí, được phước nhiều chăng?

-Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì Kinh này, cho đến chỉ thực hành theo tứ cú kệ, rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia.

Giảng giải:

Ở đây nói đến số lượng, lấy sông Hằng để ví dụ, sông Hằng có bao nhiêu cát thì có bấy nhiêu sông Hằng, bao nhiêu sông Hằng đều có cát.

Phật hỏi: Vậy, tất cả số cát của các sông Hằng có nhiều không?

Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều. Chỉ số cát của một sông Hằng còn tính không được, huống chi số cát của nhiều sông Hằng làm sao đếm được!

Phật nói với Tu Bồ Đề: Nay ta nói cho ông biết, như có thiện nam tín nữ nào lấy thất bảo nhiều bằng số cát sông Hằng để đem bố thí thì phước đức đó có nhiều không?

Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều, không thể kể được.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Như có thiện nam tín nữ ở trong kinh này mà lãnh thọ thực hành, cho đến thực hành theo cú kệ và giảng thuyết cho người khác nghe, thì phước đức đó hơn việc lấy thất bảo mà bố thí. Phước đức bố thí thất bảo vô lượng vô biên thế giới không bằng thọ trì kinh này và giảng thuyết cho người ta nghe, vì phước đức kia nhiều nhưng có số lượng, hưởng lâu ngày sẽ hết.

Nếu theo kinh này được giác ngộ thành Phật, đạt đến tự do tự tại thì phước đức đó vĩnh viễn không thể hưởng hết, vì siêu việt số lượng. Dù có số lượng lớn nhất nhưng hưởng lâu ngày cũng phải hết, như đem cát sông Hằng đếm từng hạt thì lâu ngày cũng sẽ hết.

## ***12. Tôn Trọng Chánh Giáo***

Chánh Văn:

-Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào có thuyết Kinh này, cho đến chỉ thuyết tứ cú kệ, phải biết nơi đó tất cả thế gian, trời, người, A Tu La đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống chi có người được thọ trì đọc tụng cả Kinh này.

Tu Bồ Đề! Nên biết người ấy thành tựu pháp hy hữu tối thượng hạng nhất. Vậy phạm nơi nào có kinh điển này tức là có Phật, được Phật tử tôn trọng.

### ***13. Như Pháp Thọ Trì***

Khi ấy Tu Bồ Đề thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên gì? Chúng con phải thọ trì như thế nào? Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, người cứ theo tên gọi thọ trì. Tại sao? Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba La Mật, tức phi Bát Nhã Ba La Mật, thị danh Bát Nhã Ba La Mật (đây cũng là nghĩa ba câu đã được giải ở trên).

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có thuyết pháp chẳng?

-Bạch Thế Tôn, Như Lai vô sở thuyết.

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tất cả vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chẳng?

Tu Bồ Đề thưa:

-Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

-Tu Bồ Đề! Như Lai nói những vi trần ấy tức phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai nói thế giới tức phi thế giới, thị danh thế giới (nghĩa ba câu). Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ ba mươi hai tướng thấy Như Lai chẳng?

-Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ ba mươi hai tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức là phi tướng, thị danh ba mươi hai tướng (nghĩa ba câu).

-Tu Bồ Đề! Như có thiện nam tín nữ đem thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng dùng để bố thí; với người thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo tứ cú kệ và giảng cho người khác nghe, thì được phước hơn người kia rất nhiều.

Giảng giải:

Tiếp theo, Phật nói với Tu Bồ Đề: Khi nói kinh này, tất cả người, cõi trời, a tu la đều phát tâm cúng dường, như cúng dường tháp của Phật vậy, như thế là kính trọng Pháp bảo; huống chi có người đọc tụng thọ trì kinh Kim Cang.

Đọc tụng thọ trì liên nhau, Tại sao? Nếu đọc tụng không hiểu nghĩa, cũng như không có đọc tụng; đọc tụng phải hiểu ý nghĩa trong kinh, rồi lãnh thọ thực hành gọi là trì. Nếu không thực hành thì không gọi là trì, luôn cả đọc tụng cũng như không có đọc tụng.

Nếu có thực hành thì biết người ấy thành tựu pháp tối cao nhất hiếm có. Vậy, kinh này ở chỗ nào thì chỗ ấy có Phật, nên đệ tử của Phật phải tôn trọng pháp của Phật, vì pháp của Phật để dạy mình được giải thoát vĩnh viễn.

Như ở trên lấy bao nhiêu thất bảo cũng không bằng, dưới đây lấy bao nhiêu thân mạng để bố thí cũng không bằng pháp này.

Tu Bồ Đề hỏi Phật: Kinh này làm sao theo đó thực hành và đặt tên kinh này là gì?

Phật nói: Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

Đề kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, tôi đã giảng ở trên, theo danh từ này mà thực hành đạt đến ba la mật; nên Phật nói “nghĩa ba câu” là cách thực hành. Bát nhã ba la mật, phi bát nhã ba la mật, thị danh bát nhã ba la mật (nghĩa ba câu); trong đây đều là nghĩa ba câu.

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Phật có thuyết pháp không?

Tu Bồ Đề đáp: Phật không có thuyết pháp.

Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Tất cả tam thiên đại thiên thế giới, tất cả vi trần nhiều không?

Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều.

Phật nói: Tất cả vi trần, không phải vi trần, chỉ giả danh vi trần (nghĩa ba câu). Vi trần là câu thứ nhất, không phải vi trần là câu thứ hai, giả danh vi trần là câu thứ ba. Thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới (nghĩa ba câu). Thuyết pháp, phi thuyết pháp, thị danh thuyết pháp (nghĩa ba câu). Nếu nói Như Lai có thuyết pháp thì còn ở trong câu thứ nhất, nói không có thuyết pháp thì ở trong câu thứ hai.

Phật nói nhiều lần để Tu Bồ Đề có hiểu không? Sự thật Tu Bồ Đề đã hiểu rồi, nhưng muốn mọi người nghe, phải đi hỏi lại nhiều lần cho mọi người hiểu thấu nghĩa ba câu, vì người ta chưa hiểu nên chấp ngã chấp pháp.

Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Có thể lấy 32 tướng thấy được Như Lai không? (Trong kinh nói Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nhiều người chấp cho đó là thật; nếu chấp thật thì còn chấp ngã, còn bệnh chấp thật thì không được giải thoát, nên ở đây Phật phải quét sạch).

Tu Bồ Đề đáp: Không thể lấy 32 tướng tốt mà thấy được Như Lai (không được kiến tánh). Vì Tự tánh không có hình tướng, lại lấy có tướng thì không thể được. Tại sao? Như Lai nói: Tướng, phi tướng, thị danh tướng (nghĩa ba câu). Tướng là câu thứ nhất, phi tướng là câu thứ hai, thị danh tướng là câu thứ ba.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Như có thiện nam tín nữ đem thân mạng bằng số cát sông Hằng dùng để bố thí, với người thọ trì kinh này, cho đến thực hành theo tứ cú kệ và giảng cho người khác nghe, thì phước của người thọ trì kinh này rất nhiều hơn phước bố thí người kia.

Tại sao? Vì thân mạng tuy quý, nếu đem nhiều thân mạng bố thí chỉ được phước có giới hạn, thì đâu bằng phước đức của người nghe tứ cú kệ, rồi thực hành được giác ngộ, vì phước đức của giác ngộ không có hạn lượng.

#### ***14. Ly Tướng Tịch Diệt***

Chánh Văn:

Bấy giờ Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết Kinh này, hiểu thấu nghĩa thâm sâu, xúc động chảy nước mắt mà bạch Phật rằng:

-Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết kinh điển thâm sâu như thế, con từ khi được huệ nhãn đến nay, chưa từng được nghe kinh như vậy. Bạch Thế Tôn! Lại nếu có người nghe được Kinh này lòng tin trong sạch, liền sanh thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hy hữu hạng nhất.

Bạch Thế Tôn! Đây nói thật tướng tức là phi tướng, cho nên Như Lai nói giả danh thật tướng (nghĩa ba câu).

Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe Kinh này tín, giải, thọ trì chẳng cho là khó. Nếu năm trăm năm về sau, đời vị lai có chúng sanh nghe được Kinh này, tín, giải, thọ trì thì người ấy là hy hữu hạng nhất. Tại sao? Vì người ấy vô ngã tướng, Nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì ngã tướng tức là phi tướng, Nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng cũng là phi tướng. Tại sao? Là tất cả chư tướng, tức gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Đúng thế! Đúng thế! Lại nếu có người được nghe Kinh này mà chẳng kinh ngạc, chẳng khiếp sợ, phải biết người ấy rất là hy hữu. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật, tức phi đệ nhất Ba La Mật, thị danh đệ nhất Ba La Mật (nghĩa ba câu).

Tu Bồ Đề! Như Lai nói nhân nhục Ba La Mật, tức phi nhân nhục Ba La Mật, thị danh nhân nhục Ba La Mật. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như ta xưa kia bị vua Ca Lợi xẻ nát thân thể, lúc đó ta vô ngã tướng, Nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì xưa kia khi ta bị phanh xé thân thể từng miếng, nếu có ngã tướng, Nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì phải sanh tâm sân hận.

Tu Bồ Đề! Nhớ lại kiếp quá khứ, ta làm tiên nhân nhục trải qua năm trăm đời, những đời ấy đều vô ngã tướng, Nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tu Bồ Đề! Vì thế Bồ Tát phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải lìa tất cả tướng. Chẳng nên sanh tâm trụ nơi sắc, và cũng chẳng nên sanh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm vô sở trụ; nếu tâm có trụ tức là phi trụ, thị danh tâm trụ (nghĩa ba câu).

Cho nên Phật nói tâm của Bồ Tát chẳng nên trụ nơi sắc bố thí, chẳng nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sanh, cần phải bố thí như thế. Như Lai nói Tất cả các tướng tức là phi tướng, lại nói Tất cả chúng sanh tức phi chúng sanh.

Tu Bồ Đề! Như Lai là người chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuống ngữ, bất dị ngữ. Tu Bồ Đề! Pháp của Như Lai chứng đắc, ấy là pháp vô thật vô hư.

Tu Bồ Đề! Nếu tâm của Bồ Tát trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả. Nếu tâm của Bồ Tát chẳng trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người có mắt dưới ánh sáng mặt trời, tất cả thấy rõ đủ thứ sắc tướng.

Tu Bồ Đề! Về đời sau này, nếu có thiện nam tín nữ thọ trì, đọc tụng Kinh này, thì trí huệ của Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên.

Giảng giải:

Tới đây, mọi người nghe pháp hiểu được ý của Phật, nên Tu Bồ Đề cảm động chảy nước mắt và bạch Phật rằng: Pháp này hiếm có, con từ xưa đến nay, chưa có huệ nhãn để thấy, chưa nghe kinh này.

Tu Bồ Đề lại thưa với Phật rằng: “Nếu nghe kinh này, lòng tin được thanh tịnh thì sanh thật tướng”. Thật tướng là biệt danh của Tự tánh, vì Tự tánh không hư vọng, nên đặt tên là thật tướng.

Tự tánh đáng lẽ không có tên, nếu không đặt tên thì không thể nói được, nên đặt tên là Tự tánh; sự thật, không thể đặt tên, nhưng tùy dụng mà đặt tên. Vì không sanh không diệt nên đặt tên là Niết Bàn, không đi không lại, nên đặt tên là Như Lai, sanh ra vạn pháp đặt tên là Pháp thân.

Dụng Tự tánh vô lượng vô biên, nên tên cũng vô lượng vô biên, nhưng tên là cái dụng tạm thời. Vừa rồi thí dụ cái tay, muốn viết chữ thì cái tay cầm bút, viết xong rồi thì buông bút ra; nếu xong mà còn trụ nơi cây bút làm mất tác dụng của tay, nên lúc tay cầm bút thì đặt tay cầm bút.

Tay cầm bút cho là nhất định tên tay cầm bút thì không đúng, vì tay không thể là tay cầm bút được. Cho nên, cái dụng của Tự tánh chỉ tạm thời, lúc dùng cái nào thì gọi tên ấy. Nhưng cái tên đó không phải bản thể, bản thể là hoạt bát vạn năng, không có tên.

Vì vậy, người tin hiểu kinh này, mà thọ trì thì công đức có vô lượng vô biên, không có gì để sánh được. Thật tướng cũng nằm trong nghĩa ba câu. Thật tướng, phi thật tướng, thị danh thật tướng. Hiểu thấu nghĩa ba câu tức là hiểu thấu nghĩa kinh Kim Cang, rồi sau đó thực hành theo.

Về sau, nếu có chúng sanh thọ trì kinh này cũng là đệ nhất hy hữu. Vì người thọ trì kinh này không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Nếu có 4 tướng cũng nằm trong nghĩa ba câu, cho nên lia tất cả tướng gọi là Phật. Lia tất cả tướng là phi tướng, phi phi tướng cũng lia.

Phật nghe Tu Bồ Đề nói vậy thì gật đầu, nói: “Như thế! Như thế!”, tức là Tu Bồ Đề hiểu được ý của Phật.



Nếu người nghe kinh không kinh sợ, vì đã hiểu nghĩa rồi; cũng có người nói kinh Kim Cang mâu thuẫn quá, kinh nguy chứ không phải kinh Phật; như nói thuyết pháp không phải thuyết pháp, mà chính Phật nói kinh Kim Cang; cho là rất mâu thuẫn, cứ nghĩ không phải kinh thật.

Có người tin mà sợ hãi, như nói không có mình, rồi mình ra sao! Mình sống như thế nào? Sanh ra kinh sợ. Khi hiểu thấu thì không còn sợ, nên người này rất hiếm có. Tại sao? Vì thấu nghĩa ba câu của Phật. Phật nói: Đệ nhất ba la mật, phi đệ nhất ba la mật, thị danh đệ nhất ba la mật (nghĩa ba câu). Nhẫn nhục, phi nhẫn nhục, thị danh nhẫn nhục (nghĩa ba câu).

Phật kể lại chuyện tích: Trước kia tôi tu nhẫn nhục trên núi, lúc ấy vua Ca Lợi đi săn bắn trên núi, có cung nữ đi trước, gần vị tu nhẫn nhục cười giỡn. Vua Ca Lợi lên sau thấy vậy, hiểu lầm rồi gán tội cho vị tu nhẫn nhục, hành hạ xẻ thịt cắt tai; nhưng vị tu nhẫn nhục không giận, mà lại phát tâm sau này sẽ độ nhà vua.

Vị tu nhẫn nhục là tiên thân Phật Thích Ca, vua Ca Lợi là Kiều Trần Na. vị tu nhẫn nhục không có ngã chấp, còn có lòng từ bi độ vua Ca Lợi, vì lúc ấy vị tu nhẫn nhục không có bốn tướng.

Cho nên, Phật dạy Tu Bồ Đề: Hành đạo Bồ Tát phải lia tất cả tướng, phát tâm giác ngộ tối cao thì không được trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sanh tâm vô sở trụ. Tâm có trụ là cú thứ nhất, chẳng có trụ là cú thứ hai, trụ và không trụ cần phải quét. Nếu trụ nơi “không trụ” thì vẫn còn trụ, chưa phải là “vô sở trụ”.

Phật nói: “Tâm Bồ Tát không được trụ nơi nào cả”. Nếu trụ nơi Phật thì phải quét Phật, trụ nơi Bồ Tát thì quét Bồ Tát, trụ chỗ nào cũng phải quét. Điều thứ nhất của Lục Độ là bố thí, điều thứ nhất của Tứ Nhiếp Pháp cũng là bố thí, làm hạnh bố thí lợi ích cho chúng sanh thì phải vô sở trụ.

Tất cả tướng vô sở trụ, tất cả chúng sanh cũng vô sở trụ. Nếu nói “tôi có độ chúng sanh” thì chấp chúng sanh là thật, tức là chúng sanh tướng, có ngã tướng. Vậy chúng sanh, phi chúng sanh, thị danh chúng sanh; tức là tất cả đều là giả danh.

Phật nói Tu Bồ Đề: Lời này chân thật, không có lừa gạt, không có khác biệt; mặc dầu, Phật nói khác biệt, nhưng ý của Phật không có khác biệt; có ý là phá bệnh chấp thật của chúng sanh mà thôi. Chúng sanh chấp cái này thì phá cái này, chúng sanh chấp cái kia thì phá cái kia; chấp A La Hán thì Phật phá

A La Hán, chấp Bồ Tát thì phá Bồ Tát, chấp Phật thì phá Phật, huống là chấp cái gì mà không phá ư!

Cái pháp này cũng không được chấp thật, nên Như Lai nói đăc cái pháp này không thật không hư. Nếu nghe nói không thật tưởng là hư, mà chấp là hư cũng là chấp thật. Nói vô thật vô hư, vì thật là cú thứ nhất, hư là cú thứ hai, chẳng thật chẳng hư là cú thứ ba, cũng thật cũng hư là cú thứ tư; tứ cú này cần phải lia.

Phật lại thêm thí dụ, nói với Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát trụ nơi pháp bố thí, cũng như chỗ đen tối chẳng thấy gì cả. Bồ Tát có tâm bố thí mà không trụ nơi pháp, cũng như người có con mắt sáng thấy được mọi vật. Vậy, là muốn cho người ta không được trụ ở pháp nào cả.

Nếu có thiện nam tín nữ ở đời sau, nghe kinh này có lòng tin; lãnh thọ mà hành trì thì người này có vô lượng vô biên công đức, không thể so sánh được; vì giác ngộ thành Phật được tự do tự tại, công đức hưởng không hết nên nói vô lượng vô biên.

### ***15. Trì Kinh Công Đức***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, buổi sáng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi trưa lại bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi chiều cũng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, cứ bố thí thân thể như thế cho đến vô lượng trăm, nghìn, muôn ức kiếp. Với người nghe kinh điển này lòng tin vững chắc, thì được phước nhiều hơn người kia, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe.

Tu Bồ Đề! Nói tóm lại, Kinh này có công đức vô biên, bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Như Lai vì người phát tâm đại thừa và người phát tâm tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người nào hay thọ trì đọc tụng, phổ biến cho người, thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy đều được thành tựu vô biên công đức, bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Những người như thế mới là gánh vác được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai. Tại sao?

Tu Bồ Đề! Nếu người ưa pháp tiểu thừa, dính mắc ngã kiến, Nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến (chẳng ngoài sáu mươi hai kiến chấp), thì chẳng thể tin thọ, đọc tụng Kinh này và giảng giải cho người khác nghe.

Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào, nếu có Kinh này, tất cả thế gian, trời, người, A Tu La, đều nên cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp Phật, đều nên cung kính lễ bái, dùng các thứ hương hoa rải quanh chỗ đó.

Giảng giải:

Đoạn này là so sánh công đức, để cho người ta kiên cố lòng tin. Ở Ấn Độ chia một ngày một đêm thành 6 thời, 1 thời có 4 tiếng, ngày có 3 thời (sơ nhật thời, trung nhật thời, hậu nhật thời), ban đêm chia làm 3 thời (sơ dạ, trung dạ, hậu dạ); nhưng Trung Quốc và Việt Nam chia ra làm 12 thời, 1 thời là 2 giờ.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Nếu có thiện nam tín nữ, lúc sơ nhật thời, đem thân mạng mình như số cát sông Hằng bồ thí, trung nhật thời đem thân mạng mình như số cát sông Hằng bồ thí, hậu nhật thời đem thân mạng mình như số cát sông Hằng bồ thí, bồ thí vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, với người nghe kinh điển này, sanh lòng tin vững chắc thì phước đức nhiều hơn phước đức người bồ thí thân mạng trên, huống là đọc tụng thọ trì và giảng thuyết cho người khác nghe thì phước ấy càng lớn thêm nhiều.

Tóm lại, kinh này không thể dùng trí óc suy nghĩ đến được. Phật thuyết kinh này là vì chúng sanh phát tâm Đại thừa và Tội thượng thừa. Nếu có người đọc tụng thọ trì, Phật biết người này thành tựu vô lượng vô biên công đức bất khả tư nghì, nên người này được giác ngộ cao nhất của Phật.

Tại sao? Nếu người thích pháp nhỏ, gặp pháp này không thể nghe đọc tụng. Do ở chỗ này theo chữ đọc tụng phải hiểu nghĩa, nếu nói đọc tụng thì người pháp nhỏ cũng đọc tụng được, sao nói không đọc tụng được? Vì người thích pháp nhỏ đọc tụng không hiểu, cũng như không có đọc tụng, nên nói họ đọc tụng không được.

Kinh Kim Cang có 4 chữ gắn liền “đọc, tụng, thọ, trì”. Có nhiều người nói đọc tụng là trì kinh, đó là sai lầm; vì đọc tụng để hiểu nghĩa, rồi theo nghĩa ấy mà thực hành, gọi là trì kinh.

Bất cứ ở nơi nào, nếu có kinh này thì tất cả trời, người, a tu la đều nên cúng dường. Vì tất cả Phật, Bồ Tát đều từ kinh này sanh ra, nên mình phải cung

kính pháp của Phật vậy; phải lấy hoa, hương, tiền của, vật chất cúng dường để biểu thị lòng cung kính của mình.

Tham thiền là đề câu thoại đầu, khởi nghi tình quét sạch tất cả chấp ngã tức là trì kinh này rồi.

## ***16. Năng Tĩnh Nghiệp Chương***

Chánh Văn:

-Lại nữa, Tu Bồ Đề! Như thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh rẽ, thì những nghiệp nhân đời trước đáng lẽ phải đọa ác đạo, vì nay bị người đời khinh rẽ, nên những nghiệp nhân đời trước liền được tiêu diệt, lại còn được đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề! Ta nhớ đời quá khứ, trước Phật Nhiên Đăng vô lượng vô số kiếp, được gặp tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha chư Phật, ta đều cúng dường thờ phụng, chẳng bỏ sót Phật nào. Lại, nếu có người đời mạt kiếp hay thọ trì đọc tụng Kinh này, được nhiều công đức, đem công đức cúng dường chư Phật của ta so với công đức ấy, chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số, thí dụ đều chẳng thể sánh bằng.

Tu Bồ Đề! Nếu ở đời mạt kiếp, có thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, được công đức vô lượng. Nếu ta kể ra hết, hoặc có người nghe rồi tâm liền cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Tu Bồ Đề! Phải biết ý nghĩa Kinh này bất khả tư nghì, quả báo cũng bất khả tư nghì.

Giảng giải:

Phật nói với Tu Bồ Đề: Có thiện nam tín nữ nào đọc tụng thọ trì kinh này, nếu bị người ta khinh rẽ thì tội kiếp trước của người này đều được tiêu diệt, sẽ chứng quả Phật.

Tôi đã có nói, hiện nay mình ở trong chiêm bao thì những tội lỗi đều ở trong chiêm bao, nếu thức tỉnh thì tất cả khổ của tội lỗi ở trong chiêm bao đều sạch hết.

Nhân dịp này, tôi giảng mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao: Thường thường người ta tin nhắm mắt chiêm bao, chứ không tin mở mắt chiêm bao; kỳ thật nhắm chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều do ý thức biến hiện ra.

Nhắm mắt chiêm bao là do độc đầu ý thức biến hiện. Tại sao gọi là độc đầu ý thức biến hiện? Vì chỉ có thức thứ 6 biến hiện, lúc ngủ thì 5 thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) ngưng hoạt động, chỉ có thức thứ 6 hoạt động. Cho nên, gọi là độc đầu ý thức biến hiện ra cảnh giới nhắm mắt chiêm bao.

Mình ngủ trên giường, thức thứ 6 biến hiện ra chiêm bao; tiếp xúc người quen biết, người không quen biết; thấy có vui có khổ mà cho vui cho khổ là thật, nên ở trong chiêm bao khóc rồi thức dậy cũng có nước mắt; ở trong chiêm bao lo sợ, khi thức dậy thấy trái tim vẫn còn đập; ở trong chiêm bao có khổ cách mấy, nếu thức tỉnh thì cái khổ cũng hết; lúc ấy muốn kiếm khổ cũng không được, vì những thứ ấy là chiêm bao do độc đầu ý thức biến hiện.

Còn hiện giờ mình mở mắt cũng là chiêm bao, mở mắt chiêm bao gọi là đồng thời ý thức biến hiện; vì cùng 5 thức trước hoạt động. Mắt thấy sắc thì nhãn thức và ý thức đồng thời khởi lên, tai nghe tiếng thì nhĩ thức và ý thức đồng thời khởi lên. Như nhĩ thức nghe được tiếng, nhưng không biết tiếng gì, không biết tiếng người tiếng chim,... phải có ý thức đồng thời khởi lên mới biết tiếng chim hay tiếng người,... phân biệt rõ ràng. Chỉ có thức thứ 6 không có nhĩ thức thì không nghe được tiếng, không thể phân biệt tiếng gì. Cho nên, hai thức đồng thời khởi lên, gọi là đồng thời ý thức biến hiện.

Ở trong chiêm bao chỉ có một mình thức thứ 6, có người hỏi thì thức thứ 6 cũng nghe được; nhưng chỉ nghe được bóng của tiếng, ấy không phải là chất của tiếng; như người chiêm bao nói chuyện với người trong chiêm bao, người gần đó chẳng nghe gì cả.

Bởi vì, nhắm mắt chiêm bao không có 5 thức trước, ở trong chiêm bao không thấy trong phòng mà thấy bên ngoài, như thấy bên Tàu, bên Tây, bên Mỹ,... và thấy quá khứ, vị lai; nhưng không thấy được trước mắt, vì không có đồng thời ý thức khởi lên.

Thức thứ 6 ngày đêm không ngưng hoạt động. Như tôi giảng Tâm Kinh, ý thức ngày đêm hoạt động thấy sai lầm; nên có sanh tử luân hồi, có tất cả vũ trụ vạn vật. Tội ở trong mở mắt chiêm bao phải giác ngộ mới hết, mở mắt chiêm bao khó thức tỉnh, nên nói giác ngộ tối cao là cuối cùng “tất cả tội đều tiêu diệt”.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Tôi ở thời quá khứ vô lượng kiếp, trước thời Nhiên Đăng Phật có vô số Phật, tôi đều phụng sự; phước đức này chẳng bằng công đức của những ai trong đời mạt pháp đọc tụng thọ trì kinh này. Tại sao? Vì

trì được kinh này thì bộ óc không thể suy nghĩ đến được, quả báo ấy nhiều mình không thể suy lường. Cho nên, gọi là bất khả tư nghị.

Bởi vì, mình làm việc bố thí, phước đức có vô lượng vô biên; nhưng phước đức đó hưởng lâu ngày sẽ hết, vì còn giới hạn trong số lượng. Kiến tánh thành Phật thì phước này dù có hưởng bao nhiêu cũng không hết, vì cùng khắp không gian thời gian. Do đó, nói so sánh muôn triệu ức bố thí không bằng người đọc tụng kinh này là vậy.

### ***17. Cửu Kinh Vô Ngã***

Chánh Văn:

Lúc bấy giờ, Tu Bồ Đề thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào? Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên sanh tâm như thế này: Ta phải diệt độ cho tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà chẳng có một chúng sanh nào được diệt độ. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Vì thật chẳng có pháp gì để phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng?

-Bạch Thế Tôn, không. Theo con hiểu nghĩa của Phật nói, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật chẳng có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo:

-Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Như Lai thật chẳng đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nếu Như Lai có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho ta rằng: "Về đời sau người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Bởi thật chẳng có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên Phật Nhiên Đăng

mới thọ ký cho ta rằng: "Về đời sau người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Tại sao? Nói Như Lai tức là các pháp như nghĩa. Nếu có người nói rằng Như lai đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng như nghĩa. Tu Bồ Đề! Vì thật ra Phật chẳng đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nói Như Lai đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó vô thật vô hư.

Cho nên Như Lai nói "Tất cả các pháp đều là Phật pháp." Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp, tức phi tất cả pháp, thị danh tất cả pháp (nghĩa ba câu). Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao lớn đã kể trên, nghĩa là siêu việt số lượng.

Tu Bồ Đề thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn, tức phi thân lớn, thị danh thân lớn (nghĩa ba câu).

-Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế. Nếu nói rằng ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh thì chẳng thể gọi là Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật chẳng có pháp gọi là Bồ Tát. Cho nên Phật thuyết tất cả pháp vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói rằng ta phải trang nghiêm cõi Phật thì chẳng thể gọi là Bồ Tát. Tại sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (nghĩa ba câu).

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói ấy mới gọi là Chơn Bồ Tát.

Giảng giải:

Đoạn này, cứu cánh là không có ngã, tức là phá sạch hết ngã chấp. Lúc đó, Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: Có thiện nam tín nữ phát tâm bồ đề cao nhất làm sao hàng phục tâm? (Phật ở trên giải thích rồi, nhưng chỗ này thí dụ rõ ràng triệt để hơn).

Phật nói: Nếu có thiện nam tín nữ phát tâm bồ đề cao nhất thì phải độ hết tất cả chúng sanh. Độ hết tất cả chúng sanh, nhưng thật không có chúng sanh nào được độ. Nghe như vậy thấy mâu thuẫn! Như trên đã nói "vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả", làm sao cho mình có chúng sanh để độ. Nếu nói không phải thì lọt vào cú thứ hai, nếu chấp thật có thì lọt cú thứ nhất; cho nên ở đây phá triệt để.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Nếu có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải Bồ Tát; cũng như có ta để độ chúng sanh gọi là ngã tướng, có chúng sanh để độ gọi là chúng sanh tướng; vậy sao làm Bồ Tát được!

Bồ Tát phải phá nhân ngã chấp và pháp chấp gọi là Bồ Tát, chứ chẳng phải như thế gian phá tiểu ngã rồi còn đại ngã. Ở đây, tứ tướng, đại ngã và tiểu ngã đều phải quét, luôn cái pháp để phá cũng phải quét. Cho nên tiếp theo nói:

Tu Bồ Đề! Thật không có pháp phát tâm bồ đề. Đây là phá lần thứ nhất.

Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tôi ở nơi Nhiên Phật không có đắc vô thượng bồ đề không?

Tu Bồ Đề đáp: Không. Theo con hiểu Phật ở đời Nhiên Đăng Phật không có đắc vô thượng bồ đề.

Phật nói: Phải rồi. Tu Bồ Đề! Thật ra không có đắc vô thượng bồ đề. Nếu tôi có đắc vô thượng bồ đề thì Nhiên Đăng Phật không thọ ký cho tôi thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Tại sao? Vì Như Lai là pháp như nghĩa, như nghĩa là đích thân mình kinh nghiệm; nếu ở nơi lời nói văn tự thì không gọi là như nghĩa.

Như người chưa ăn qua đường, không biết ngọt là gì? Mặc dầu, chữ ‘ngọt’ thì nói được, nhưng không phải như nghĩa. Ngọt là lời nói, không phải kinh nghiệm; nếu giải thích chữ ‘ngọt’ để nghe, cũng không biết ngọt là gì? Chỉ cần mình đích thân nếm một chút đường thì thật biết ngọt là vậy. Kinh nghiệm thật chứng mới là như nghĩa. Nếu có người nói Phật Thích Ca có thật chứng vô thượng bồ đề thì không đúng.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Như Lai có đắc vô thượng bồ đề đâu! Chỗ này, Phật quét vô thượng bồ đề 6, 7 lần. Quét thế giới Phật thì người ta dễ tin, còn quét luôn cả Phật thì người ta khó tin. Nói đi nói lại thật không có pháp nào là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên, nói pháp vô thượng bồ đề không phải thật, không phải hư.

Thật với hư là đôi đũa, thường thường người ta cho là không phải thật thì phải hư; thật là cú nhất, hư là cú thứ hai; nên không phải thật cũng không phải hư. Vậy, Phật nói “tất cả đều là Phật pháp”, nếu cho tất cả là Phật pháp cũng sai.



Cho nên, Phật nói với Tu Bồ Đề: Tôi nói nhất thiết pháp, kỳ thật chẳng phải nhất thiết pháp, chỉ là giả danh nhất thiết pháp (nghĩa ba câu). Câu thứ nhất là chấp nhất thiết pháp, câu thứ hai là phá nhất thiết pháp nên nói chẳng phải nhất thiết pháp, câu thứ ba là thị danh nhất thiết pháp (thị danh là giả danh).

Tức là nhất thiết pháp là giả danh, phi nhất thiết pháp là giả danh, thị danh nhất thiết pháp cũng giả danh; nghĩa là câu thứ ba quét câu thứ nhất, câu thứ hai và luôn cả câu thứ ba, thì đủ nghĩa ba câu của kinh Kim Cang; kinh Kim Cang trước sau đều là nghĩa ba câu.

Đại thân, chẳng phải đại thân, thị danh đại thân (nghĩa ba câu). Bồ Tát phải quét sạch như thế, nếu nói ta độ hết tất cả chúng sanh thì không phải Bồ Tát. Bởi vì còn có ngã chấp, có ta có chúng sanh. Phật pháp là câu thứ nhất, phi Phật pháp là câu thứ hai, thị danh Phật pháp là câu thứ ba. Theo nghĩa ba câu thì Bồ Tát cũng phải quét, phi Bồ Tát cũng phải quét, thị danh Bồ Tát cũng phải quét.

Nghĩa ba câu là quét tứ tướng (ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả). Thọ giả tướng là thời gian, các pháp nếu không có thời gian thì không thể thành lập được. Không gian, thời gian và số lượng như cái sườn nhà, vũ trụ vạn vật như cái nhà; nếu không có sườn nhà thì căn nhà bị sụp, cũng không thể cất lên căn nhà.

Như vũ trụ vạn vật, mình thấy rõ ràng; nếu một trong ba thứ (không gian, thời gian, số lượng) mà rút ra thì vũ trụ vạn vật đều bị tiêu diệt. tôi ngồi đây cũng có 3 thứ này, 3 thứ này không có bản thể, chỉ là 3 khái niệm của vọng tâm.

Vì không gian chẳng có bản thể, thời gian chẳng có bản thể, số lượng chẳng có bản thể; nhưng vũ trụ vạn vật không được rời 3 khái niệm này, nếu rời 3 khái niệm này thì phải tiêu diệt. như tôi ngồi đây chiếm một không gian, tôi có 61 tuổi, 61 tuổi là số lượng, 61 năm là thời gian; nếu một trong ba thứ này mất thì tôi ở đâu?

Tất cả mọi thứ đều phải có thời gian, thời gian cũng là ngã tướng, nhân loại là đại ngã cũng là đại ngã, chúng sanh là đại ngã lớn hơn hết cũng là ngã tướng. Phải phá hết ngã tướng mới là Bồ Tát, nếu Bồ Tát nói “ta được trang nghiêm Phật độ” thì không được gọi là Bồ Tát, vì còn có ngã chấp.

Nói đến trang nghiêm Phật độ cũng là nghĩa ba câu. Trang nghiêm Phật độ là câu thứ nhất, phi trang nghiêm Phật độ là câu thứ hai, thị danh trang

nghiêm Phật độ là câu thứ ba. Bồ Tát phải thông đạt nghĩa ba câu, thấu hết vô ngã, Phật nói ấy thật là Bồ Tát. Nếu Bồ Tát nói “có chúng sanh thật để cho tôi độ” thì không phải Bồ Tát.

### ***18. Nhất Thế Đồng Quán***

Chánh Văn:

- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có nhục nhãn chăng?
  - Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có nhục nhãn.
  - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có thiên nhãn chăng?
  - Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có thiên nhãn.
  - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có huệ nhãn chăng?
  - Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có huệ nhãn.
  - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có pháp nhãn chăng?
  - Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có pháp nhãn.
  - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có Phật nhãn chăng?
  - Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có Phật nhãn.
  - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như số cát trong sông Hằng kia, Phật nói là cát chăng?
  - Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai nói là cát.
  - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như có những sông Hằng nhiều bằng số cát trong một sông Hằng, rồi lại có cõi Phật nhiều bằng số cát trong những sông Hằng ấy, như thế có phải là nhiều chăng?
  - Bạch Thế Tôn, rất nhiều.
- Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Bao nhiêu thứ tâm niệm của chúng sanh trong cõi Phật ấy, Như Lai đều biết rõ. Tại sao? Như Lai nói các tâm, đều là phi tâm, thị danh là tâm (nghĩa ba câu). Tại sao? Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc (Phá chấp tâm là thật có).

### ***19. Pháp Giới Thông Hóa***

- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Nếu có người đem thất bửu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức nhiều chăng?
- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức rất nhiều.

-Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều. Vì phước đức vốn chẳng thật nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

Giải thích:

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Phật có nhục nhãn không?

Tu Bồ Đề đáp: Có nhục nhãn (con mắt của phàm phu).

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Phật có thiên nhãn không?

Tu Bồ Đề đáp: Có thiên nhãn (thiên nhãn là cõi trời, nhục nhãn cách tường không nhìn thấy, thiên nhãn nhìn thấy xuyên qua vách tường).

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Phật có huệ nhãn không?

Tu Bồ Đề đáp: Có huệ nhãn.

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Phật có Phật nhãn không?

Tu Bồ Đề đáp: Có Phật nhãn.

Bài kệ giải thích ngũ nhãn:

Thiên nhãn thông phi ngại,  
Nhục nhãn ngại chẳng thông.  
Pháp nhãn hay quán tục (tục đế),  
Huệ nhãn thấu rõ không (chơn đế).  
Phật nhãn như ngàn nhật (mặt trời),  
Chiếu dị (khác) thể vẫn đồng.

Nhục nhãn bị chướng ngại (không thông), pháp nhãn quán tục đế, huệ nhãn thấy rõ chơn đế, Phật nhãn như ngàn mặt trời; sự chiếu soi có khác, nhưng bản thể vẫn đồng. Đây là hình dung con mắt của Phật còn hơn một ngàn mặt trời, chứ chẳng phải chỉ một mặt trời thôi; tức là cảnh giới của Phật là không cái nào mà không thấy biết.

Người thế gian chỉ có nhục nhãn, người cõi trời có thiên nhãn; nếu người tu Phật pháp chứng quả thì có pháp nhãn và huệ nhãn, chứng đến quả vị Phật có đủ 5 thứ nhãn. Bây giờ, mình chỉ có nhục nhãn, nhưng do sự tu của mình chứng quả thì có pháp nhãn và huệ nhãn; đến khi quét sạch trống rỗng, trống rỗng tích cực thì dụng tích cực được Phật nhãn.

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Cát sông Hằng có phải là cát không?

Tu Bồ Đề đáp: Phải, là cát.

Phật lại hỏi Tu Bồ Đề: Ý ngươi thế nào? Mỗi hạt cát của một sông Hằng làm một sông Hằng, vậy cát của nhiều sông Hằng là một cõi Phật (tam thiên đại thiên thế giới) có nhiều không?

Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều.

Phật nói với Tu Bồ Đề: Có vô lượng vô biên thế giới như số cát đó, tất cả có bao nhiêu thứ tâm sai biệt, Phật đều biết. Tại sao? Vì thấu nghĩa ba câu, mà tất cả mọi thứ đều ở trong nghĩa ba câu này; như tâm, tức phi tâm, thị danh tâm.

Cuối cùng, Phật nói với Tu Bồ Đề: Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc. Chỗ này ở trên có nói, quá khứ, hiện tại, vị lai là thời gian của 3 khái niệm vọng tâm. Cho nên, người kiến tánh nói là “đập bể hư không” tức phá tan khái niệm không gian.

Kỳ thật, một khái niệm được phá thì tất cả cũng đều được phá. Ba khái niệm này mặc dầu nói danh từ khác, nhưng nó lại liên kết với nhau; bất cứ cái gì cũng đều có 3 khái niệm này, như cái tách, cái bàn, cái đĩa,... đều nằm trong ba khái niệm đó.

Như cái tách chiếm một không gian, cái tách được sản xuất từ lúc đầu cho đến nay gọi là thời gian, rồi ở trong đó có số lượng mấy tháng mấy năm. Tất cả vật gì đều không lìa ba khái niệm này, nhưng ba khái niệm này là hư vô, tức là không có bản thể.

Mình biết được những hiện thực thế giới này, đều do ba khái niệm này mà ra. Nếu không có ba khái niệm này thì vũ trụ vạn vật không thể thành lập được. Khi phá ba khái niệm này thì rõ biết hết, không có cái nào mà không biết.

## ***20. Ly Sắc Ly Tướng***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Có thể nhờ sắc thân đầy đủ thấy Phật chăng?

-Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ sắc thân đầy đủ mà thấy Phật. Tại sao? Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức phi sắc thân đầy đủ, thị danh sắc thân đầy đủ (nghĩa ba câu).

-Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ các tướng đầy đủ thấy Như Lai chăng?

-Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức phi các tướng đầy đủ, thị danh các tướng đầy đủ (nghĩa ba câu).

Giải thích:

Tiếp theo, Phật tử có hiểu ý của Phật không? Lập đi lập lại không ngoài nghĩa ba câu.

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Nếu lấy thân thấy được Như Lai không?

Tu Bồ Đề đáp: Không.

Phật vô hình vô tướng thì không được lấy sắc thân để thấy Như Lai, sắc thân đầy đủ cũng ở trong nghĩa ba câu. Sắc thân, tức phi sắc thân, thị danh sắc thân. Phật lấy cách này để hỏi xem, lấy cách kia để hỏi xem, đủ thứ cách hỏi để người nghe pháp có được rõ hay không? Nếu hiểu rõ hết thì thấu được nghĩa ba câu.

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Phật lấy tất cả tướng để thấy Như Lai chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Không.

Một tướng nằm trong nghĩa ba câu thì tất cả tướng cũng đều nghĩa ba câu. Cho nên, nói tất cả tướng đầy đủ, tức là không đầy đủ, gọi là cả tướng đầy đủ. Tất cả không ngoài nghĩa ba câu, nên không có cái nào để chấp thật được. Tướng chẳng chấp thật, phi tướng chẳng cũng chấp thật. Thường thường phá tướng là không chấp tướng, mà lại chấp phi tướng là không có tướng; nếu chấp không có tướng là thật thì còn ở trong nghĩa ba câu, nên Phật hỏi đi hỏi lại để cho người nghe thấu hiểu.

## ***21. Phi Thuyết Sở Thuyết***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Người chớ nói Như Lai có nghĩ rằng "Ta phải có thuyết pháp," đừng nghĩ vậy. Tại sao? Nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp tức là phi báng Phật, chẳng hiểu lời nói của ta. Tu Bồ Đề! Nói thuyết pháp là vô pháp để thuyết, thị danh thuyết pháp (nghĩa ba câu).

Bấy giờ, Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Những chúng sanh đời vị lai nghe được pháp này sanh lòng tin chẳng?

Phật bảo:

-Tu Bồ Đề! Những chúng sanh ấy là phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Tại sao? Tu Bồ Đề! Chúng sanh cho là chúng sanh, Như Lai nói phi chúng sanh, thị danh chúng sanh (nghĩa ba câu).

Giảng giải:

Tu Bồ Đề đừng nghĩ Như Lai có thuyết pháp. Tại sao? Nếu nói Như Lai có thuyết pháp tức là phi báng Như Lai, chẳng hiểu lời ta nói.

Tu Bồ Đề! Thuyết pháp, tức không có pháp để thuyết, là giả danh thuyết pháp (nghĩa ba câu).

Huệ Mạng nghĩa là truyền pháp cho đệ tử, rồi đệ tử truyền xuống từng đời từng đời, làm cho Phật pháp được hoằng dương ở thế gian. Tu Bồ Đề là đại diện đương cơ để cho Phật thuyết ra kinh này. Ở đây, Tu Bồ Đề tiếp nối sinh mạng Phật pháp nên gọi là Huệ Mạng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Có chúng sanh ở đời mạt pháp nghe thuyết pháp này sanh lòng tin chẳng?

Phật nói với Tu Bồ Đề: Chúng sanh chẳng phải chúng sanh, chẳng phải không chúng sanh. Tại sao? Chúng sanh, chẳng phải chúng sanh, là giả danh chúng sanh (nghĩa ba câu).

## ***22. Vô Pháp Khả Đắc***

Chánh Văn :

Tu Bồ Đề thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn! Phật đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là vô sở đắc chẳng?

-Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Ta ở nơi pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật chẳng đắc một chút gì cả, thị danh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (nghĩa ba câu).

Giảng giải:

Tu Bồ Đề thay mặt cho những người nghe pháp, nhưng sợ người nghe pháp lòng tin chưa đủ, cho nên hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Phật đấng Vô Thượng Bồ Đề là vô sở đắc chẳng?

Phật nói: Đúng thế! Đúng thế! Không có được chút nào gọi là giác ngộ cao nhất, vì còn ngã chấp nên chưa phải là giác ngộ cao nhất.

### ***23. Tịnh Tâm Hành Thiện***

Chánh Văn.:

-Lại nữa, Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả mà tu tất cả thiện pháp, thì liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Như Lai nói thiện pháp tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp (nghĩa ba câu).

Giảng giải:

Muốn những người nghe pháp không được chấp lời của Phật, nên Phật nói đến đâu thì Phật quét đến đó. Nếu nói nói pháp là thật thì có cao thấp, bởi vì cũng nằm trong nghĩa ba câu.

Được ngộ ‘pháp không có cao thấp’ mới là giác ngộ tối cao, tức là không có tứ tướng (ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả), mà vẫn còn tu tất cả thiện pháp. Nếu không tu thiện pháp tức là chấp vào không, tu các thiện pháp thì chứng quả cao nhất; nhưng chấp các pháp thiện pháp cũng không được. Cho nên, pháp thiện cũng nằm trong nghĩa ba câu.

Phật nói ta, nhưng ta cũng không phải thật; nói chúng sanh, nhưng chúng sanh cũng không phải thật; tức là lời nói của Phật là phương tiện tạm thời,

không được chấp thật. Phật thuyết pháp cũng nói “tôi”, nhưng “tôi” cũng không phải thật. Phạm phu tưởng là có “tôi”, phạm phu cũng nằm trong nghĩa ba câu. Phạm phu, tức phi phạm phu, thị danh phạm phu; thiện pháp, tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

#### ***24. Phước Trí Vô Tỷ***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy bằng núi Tu Di chứa trong tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, với người thọ trì đọc tụng Kinh Bát Nhã Ba La Mật này, cho đến chỉ hành theo tứ cú kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức bố thí so với phước đức thọ trì chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng.

Giảng giải:

Đây là so sánh công đức, ở trên có nói; nếu lấy thất bảo chứa đầy tam thiên đại thiên thế giới, để bố thí thì được công đức rất lớn; nhưng so sánh kinh này thì còn thấp rất nhiều. Người đọc tụng thọ trì kinh này, mà giảng cho người khác nghe thì lớn hơn người bố thí rất nhiều; tức là phước đức của người bố thí thất bảo chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, muôn, ức toán thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng với người trì kinh này.

#### ***25. Hóa Vô Sở Hóa***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Các người chớ cho Như Lai có nghĩ rằng "Ta phải độ chúng sanh." Tu Bồ Đề, đừng nghĩ vậy! Tại sao? Thật chẳng có chúng sanh mà Như Lai độ. Nếu nói Như Lai có độ chúng sanh, thì Như Lai mắc vào bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã tức phi có ngã, mà phạm phu chấp là có ngã. Tu Bồ Đề! Như Lai nói phạm phu tức phi phạm phu, thị danh phạm phu (nghĩa ba câu).

Giảng giải:

Thường thường người ta nói Phật độ chúng sanh, cho đó là thật; nhưng ở đây sợ người ta chấp thật, mà phá chấp thật “Phật độ chúng sanh”.



Cho nên, Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý ngươi thế nào? Đừng nói Phật có ý niệm “Phật độ chúng sanh”. Tại sao? Kỳ thật, không có chúng sanh để cho Phật độ, nếu thật có chúng sanh để Phật độ thì Phật còn chấp tứ tướng (ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả). Phật nói có ngã nhưng thật không có ngã, do phàm phu chấp thấy có ngã.

Phải biết, phàm phu cũng nằm trong tứ cú; phàm phu, tức phi phàm phu, thị danh phàm phu (nghĩa ba câu). Đừng nói phá ngã chấp mà được vô ngã, nếu chấp vô ngã là thật cũng không được. Vô ngã cũng nằm trong nghĩa ba câu: Vô ngã, tức phi vô ngã, thị danh vô ngã.

## ***26. Pháp Thân Phi Tướng***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

-Đúng thế! Đúng thế! Có thể dùng ba mươi hai tướng quán Như Lai.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao? (Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng)

Tu Bồ Đề thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa lời Phật, thì chẳng nên dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,  
Dĩ âm thanh cầu ngã,  
Thị nhơn hành tà đạo,  
Bất năng kiến Như Lai.

Dịch nghĩa:

Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta.  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thể thấy Như Lai.

Giảng giải:

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Có thể lấy 32 tướng tốt để thấy Như Lai chăng?

Tu Bồ Đề đáp: Có thể lấy 32 tướng để thấy Như Lai.

(Tu Bồ Đề không phải là không hiểu, mà muốn cho người ta nghe pháp được sâu sát nghĩa này. Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, Phật tử hay chấp có thật).

Phật nói với Tu Bồ Đề: Nếu lấy 32 tướng để thấy được Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng có 32 tướng thấy được Như Lai sao! Như vậy, Chuyển Luân Thánh Vương là Phật rồi, mà Chuyển Luân Thánh Vương thì còn phàm phu.

Tu Bồ Đề thưa với Phật: “Không thể lấy 32 tướng để thấy Như Lai”, vì Phật vô hình vô tướng làm sao có 32 tướng để cho mình thấy! Sau đây, Phật có bài kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta,  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thể thấy Như Lai.

Chữ TA ở đây là chỉ Tự tánh của mình, muốn kiến tánh không được lấy sắc để thấy. Sắc là vật chất có thể thấy được, còn pháp thân vô hình vô tướng thì không thể thấy được. Làm sao lấy vật chất để thấy không vật chất? Âm thanh và sắc ở trong lục trần đều không thật, còn Tự tánh thì chân thật bất hư. Làm sao lấy không chân thật để thấy cái chân thật? Nếu lấy cái không chân thật để thấy cái chân thật thì người ấy đi sai đường. Tà đạo không phải là tà ác mà do đi sai đường.

## ***27. Vô Đoạn Vô Diệt***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Nếu người nghĩ rằng: "Nhu Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác," Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như vậy! Nói Nhu Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng.

Tu Bồ Đề! Nếu người nghĩ như thế thì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là nói các pháp đoạn diệt sao! Đừng nghĩ vậy. Tại sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nơi pháp chẳng nói tướng đoạn diệt.

Giảng giải:

Ở trên phá chấp có, còn ở đây phá chấp không; ở trên nói lấy tướng đầy đủ và tướng không đầy đủ thì không thấy Phật. Nếu có niệm không có tướng đầy đủ để giác ngộ cao nhất là sai lầm.

Trước nói không lấy tướng đầy đủ, sau lấy tướng không đầy đủ cũng không được; tức là không chấp có chấp không, ấy là nghĩa ba câu. Nên, người phát tâm giác ngộ cao nhất không nói pháp đoạn diệt. Tại sao? Vì đoạn diệt cũng nghĩa ba câu: Đoạn diệt, tức phi đoạn diệt, thị danh đoạn diệt. Vậy, không nên lọt vào nghĩa ba câu hay nghĩa tứ cú.

## ***28. Bất Thọ Bất Tham***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát đem thất bửu chất đầy những thế giới như số cát sông Hằng dùng để bố thí, với Bồ Tát biết tất cả pháp vô ngã, được thành tựu pháp nhẫn (lòng tin vững chắc), thì Bồ Tát này được công đức hơn Bồ Tát kia. Tại sao? Tu Bồ Đề, vì các Bồ Tát này chẳng thọ phước đức.

Tu Bồ Đề thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn! Sao nói Bồ Tát chẳng thọ phước đức?

-Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát làm việc phước đức chẳng sanh khởi lòng tham, cho nên nói chẳng thọ phước đức.

## ***29. Oai Nghi Tịch Tịch***

-Tu Bồ Đề! Nếu có người nói rằng "Nhu Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm" thì người ấy chẳng hiểu được ý nghĩa lời ta nói. Tại sao? Vì Nhu Lai chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Nhu Lai.

Giảng giải:

Phật nói với Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát lấy thất bảo chất đầy vô lượng vô biên để bố thí, nếu có người biết là vô ngã, chúng được vô sanh nhẫn; như người chưa ăn đường, không biết thế nào cái ngọt của đường? Có dịp ném một chút đường, rõ biết cái ngọt của đường, lúc ấy chính là ‘nhẫn’.

Bồ Tát được ‘nhẫn’ này hơn Bồ Tát bố thí. Bồ Tát không chấp ngã nên không lãnh thọ phước đức thì không tham dục phước đức. Nhưng không chấp cái không, tức là không chấp đoạn diệt. Nên, vẫn làm thiện độ chúng sanh, không cho mình độ chúng sanh và không có phước đức để lãnh thọ. Nếu còn chấp thì còn ngã, ấy không phải Bồ Tát.

Nếu có người nói Nhu Lai có đi có đến có ngồi có nằm, thì người ấy không hiểu lời của Phật. Tại sao? Hai chữ ‘Nhu Lai’, nghĩa là không đi không lại, ấy là cái dụng của Tự tánh.

## ***30. Nhất Hợp Tướng Lý***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, đem cõi tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát ra thành vi trần, ý người thế nào? Những vi trần chúng có phải nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa rằng:

-Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Nếu những vi trần chúng là thật có thì Phật chẳng nói là vi trần chúng. Tại sao? Vì Phật nói vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng (nghĩa ba câu). Bạch Thế Tôn! Nhu Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Tại sao? Nếu thế giới thật có, tức là nhất hợp tướng. Nhu Lai nói nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng (nghĩa ba câu).

Giảng giải:

Phật nói với Tu BỒ ĐỀ: Nếu có thiện nam tín nữ lấy tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát như hạt bụi, ý người thế nào? Hạt bụi của tam thiên đại thiên thế giới gọi là chúng vi trần, vậy có nhiều không?

Tu BỒ ĐỀ đáp: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Tại sao? Nếu nói chúng vi trần thật có thì Phật không nói là vi trần. Vì chúng vi trần cũng nghĩa ba câu: Chúng vi trần, tức phi chúng vi trần, thị danh chúng vi trần.

Phật nói đi nói lại để cho người ta hiểu nghĩa ba câu, như tôi giảng lia tứ cú phải giảng đi giảng lại để cho người ta hiểu thấu được. Tam thiên đại thiên thế giới là thế giới, thế giới cũng nghĩa ba câu: Thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới.

Nếu thế giới thật có gọi là nhất hợp tướng, vì thế giới do chúng vi trần hợp lại nên có; như nhiều người hợp lại thành nhân loại, nhiều loài hợp lại thành chúng sanh gọi là đại ngã, đại thiên thế giới do vô lượng vô biên hạt bụi gọi là nhất hợp tướng.

Nhưng nhất hợp tướng cũng nghĩa ba câu: Nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng. Tất cả nói ra đều không phải thật, vì lòng tham của phàm phu có bệnh chấp thật.

### ***31. Tri Kiến Bất Sanh***

Chánh Văn:

-Tu BỒ ĐỀ! Nếu có người nói Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến là thật, Tu BỒ ĐỀ! Ý người thế nào? Người ấy có hiểu được ý nghĩa lời ta nói chăng?

-Bạch Thế Tôn, không! Người ấy chẳng hiểu ý nghĩa của Như Lai nói. Tại sao? Như Lai nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến (nghĩa ba câu).

-Tu BỒ ĐỀ! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên tri như thế, kiến như thế, tín giải như thế, chẳng sanh pháp tướng. Tu BỒ ĐỀ! Như Lai nói pháp tướng, tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng (nghĩa ba câu).

Giảng giải:

Phật thuyết không cho chấp 4 thứ tướng (ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả), mỗi tướng có một tri kiến gọi là “ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến”. Nếu mình cho 4 tướng này có thật để phá cũng không được.

Cho nên, Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý người thế nào? Thấy người ấy có tri kiến để phá tướng này, vậy người ấy hiểu tôi nói không?

Tu Bồ Đề đáp: Không. Nếu người ấy nói có tri kiến để phá 4 thứ tướng, thì chưa hiểu ý của Phật thuyết. Tại sao? Tuy, Phật nói 4 thứ tướng nhưng không phải. Nếu chấp thật thì có ngã, nên tất cả pháp không được chấp “có, không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng không”. Không có pháp nào để cho chấp thật, vì tất cả pháp đều trong 3 khái niệm (không gian, thời gian, số lượng) của vọng tâm.

Mình phải biết, thấy, tin hiểu tất cả pháp như thế! Hiểu là không sanh ra các pháp tướng, pháp tướng là gồm tất cả pháp. Có, không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng không đều là pháp tướng; chân thật, hư vọng cũng là pháp tướng. Tâm không sanh tất cả pháp tướng, vì pháp tướng cũng nghĩa ba câu: Pháp tướng, tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

### ***32. Ứng Hóa Phi Chơn***

Chánh Văn:

-Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy vô lượng A Tăng Kỳ thế giới dùng để bố thí, với thiện nam tín nữ phát tâm Bồ Đề thọ trì đọc tụng Kinh này, cho đến chỉ hành theo tứ cú kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức hơn người kia. Vậy phải giảng giải như thế nào? Nên giảng giải như thế này: Như như bất động, chẳng nên chấp nơi tướng. Tại sao?

Nhất thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điện,  
Ứng tác như thị quán.

Dịch nghĩa:

Tất cả pháp hữu vi,  
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như sương mù, điện chớp,  
Nên quán theo như thế.

Giải:

Ở đây, lấy thất bảo chất đầy vô lượng vô biên thế giới để bố thí. Nếu có thiện nam tín nữ phát bồ đề tâm trì kinh này (theo kinh thực hành), hoặc là thực hành theo 4 câu kệ, hay giảng cho người khác nghe thì phước đức nhiều hơn người bố thí.

Tại sao dạy cho người ta không được chấp tướng? Vừa rồi nói “có, không” là tướng. Tất cả pháp đều là pháp tướng, như không gian, thời gian, số lượng; mặc dầu, không thật có nhưng cũng có tướng. Bởi vì có khái niệm nên đều là tướng.

Nếu không chấp tướng là tâm chân thật như như tức bốn tánh, cũng là Phật tánh. Tất cả pháp hữu vi, pháp vô vi ở trong 4 câu kệ, có 6 thí dụ như: Mộng, huyền, bọt, bóng, sương mù, điện chớp, đều hiện ra tạm thời. Thấy tất cả pháp hữu vi, phải quán sát như thế!

Chánh Văn:

Phật thuyết Kinh này xong, trưởng lão Tu Bồ Đề với các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và tất cả thế gian, trời, người, A Tu La, nghe lời Phật thuyết, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Giải:

Phật thuyết kinh này xong, đại diện đương cơ Tu Bồ Đề với các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di là bốn chúng trong Phật pháp. Hai chúng xuất gia là Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, hai chúng tại gia là Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và tất cả người thế gian, cõi trời, a tu la của 3 thiện đạo, nghe Phật pháp đều hoan hỷ tin theo thực hành.

**Hỏi:**

Có phải nghĩa ba câu là một phần trong bốn câu không?

**Đáp:**

Nghĩa ba câu của kinh Kim Cang và bốn câu “sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc” của Tâm Kinh đều một thứ. Tất cả pháp không ngoài nghĩa ba câu của kinh Kim Cang và bốn câu của Tâm Kinh.

Bốn câu của Tâm Kinh, ví dụ: “Tách bất dị không, không bất dị tách, tách tức thị không, không tức thị tách”. Như cuốn kinh này: “Kinh bất dị không, không bất dị kinh, kinh tức thị không, không tức thị kinh”.

Theo nghĩa ba câu: “Kinh, tức phi kinh, thị danh kinh” và “tách, tức phi tách, thị danh tách”. Tất cả pháp trong vũ trụ, do nghĩa ba câu, tứ cú hay bốn câu đều không khác, bất quá cách thức khác thôi.

Cho nên, hiểu thấu nghĩa ba câu trong kinh Kim Cang thì hiểu thấu hết nghĩa kinh Đại thừa, như: Kinh Lăng Nghiêm, kinh Lăng Già, kinh Pháp Hoa,... không có kinh nào ở ngoài nghĩa ba câu; không những kinh mà các pháp trong vũ trụ vạn vật đều là nghĩa ba câu. Đây là căn bản, người ta không giảng, mà lại giảng nhánh lá.

Như muôn cây chết, chỉ cần nhổ gốc rễ; mà chỉ bẻ cành lá, tuy thấy nó giống như chết, nhưng qua một thời gian cành lá có lại. Bây giờ, nhiều người giảng kinh, như bẻ cành lá chứ không chịu nhổ luôn cây. Chứng Đạo Ca có nói vấn đề này, nhưng chính người giảng Chứng Đạo Ca cũng vậy, giảng theo bẻ cành lá, chứ không chịu nhổ luôn gốc.

Bây giờ, tôi giảng như nói trái ngọt, nếu muốn biết thật vị ngọt thì phải nếm qua đường, mới tự rõ ngọt như thế nào.

Hỏi:

Trong kinh Kim Cang chỉ nói “nhất thiết hữu vi pháp”, không nói “vô vi pháp”; nhưng thầy nói “vô vi lẫn hữu vi”, xin thầy giảng rõ chỗ này, để cho người ta khỏi nghi ngờ?

Đáp:

Tất cả hữu vi pháp có sai biệt là do kiến lập vô vi pháp nên sanh ra sai biệt. Bởi vì, vô vi đối đãi với vô vi, cũng như: Hữu vi là cú thứ nhất, vô vi là cú thứ hai. Cho nên, nói một là gồm tứ cú trong đó, phải hiểu như vậy mới đúng ý của Phật. Vì lời nói không thể bao gồm hết được, nhưng ý của Phật bao gồm tất cả pháp.



Muốn lìa tứ cú, mà chỉ lìa cú thứ nhất thì không đúng, nên phải lìa hết tứ cú. Vậy, lìa hữu vi, lìa vô vi, lìa chẳng hữu vi chẳng vô vi, lìa cũng hữu vi cũng vô vi. Lìa một cú thì phải lìa tứ cú.

Hỏi:

Kính xin thầy chỉ phương pháp ứng dụng của kinh Kim Cang?

Đáp:

Phương pháp ứng dụng của kinh Kim Cang là nghĩa ba câu, tức là quét sạch hết bệnh khổ của chúng sanh, bệnh khổ chúng sanh là do chấp thật sanh ra. Nhất là chấp ngã, khi biết Phật pháp thì chấp Phật pháp là thật, khi tu thì chấp sự tu là thật, khi chứng thì chấp sự chứng là thật.

Nếu có chấp thật là không đúng, cho nên nghĩa ba câu là quét hết, không được chấp cái nào. Kinh là lý luận, còn thực hành gồm có 4 loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú và quán tưởng.

Tham thiền là theo đúng kinh của Phật dạy, tôi thường nói “nghi tình” là cái chổi automatic quét nghĩa ba câu, quét sạch hết không còn cái gì; quét sạch cuối cùng thì chứng quả Phật, hiện ra cái dụng bằng Phật.

Phật pháp nói ‘không’ tức là trống rỗng, cái ‘không’ của người thế gian cho là tiêu cực, nhưng sự thật rất là tích cực; vì muốn dùng thì phải có cái ‘không’, như căn nhà có cái ‘không’ mới ở được; cái bàn không có cái ‘không’ thì không thể đồ, cái tách không có cái ‘không’ thì không thể đựng nước. Cho nên, Phật pháp nói “tức dùng tức không”.

Nghi tình là quét cho nó trống rỗng, quét trống bao nhiêu thì cái dùng bấy nhiêu; như cái bàn này, nếu để đồ nhiều thì cái trống rỗng lại ít, nên quét cho trống rỗng thì cái dùng được nhiều; cái không lớn chừng nào thì cái dùng lớn chừng nấy, tùy theo cái không là hiện ra cái dùng; cái không nhỏ thì dùng nhỏ, cái không lớn thì dùng lớn, cái không tích cực thì dùng tích cực.

Phật dùng ra hết, còn mình chất đầy tham sân si, nên cái dùng không hiện ra được, cần phải quét, nghĩa ba câu là quét; tham thiền là thực hành nghĩa ba câu, tức theo đúng kinh mà thực hành còn gọi là trì kinh.

Đọc tụng là để hiểu nghĩa, nếu đọc tụng mà không hiểu nghĩa giống như không đọc tụng. Cho nên, người thích tiểu pháp thì đọc tụng kinh này không

được. Nếu nói vậy thì vô lý! Người biết chữ đều được, tại sao nói đọc tụng không được? Vì người thích tiểu pháp có đọc tụng cũng không hiểu nghĩa.

Hỏi:

Có người nói câu thoại đầu là sở tham, đâu có khác với các môn khác, xin thầy giảng rõ?

Đáp:

Ban đầu câu thoại đầu là sở tham, nhưng nghĩa thoại đầu không phải sở tham; vì đến thoại đầu thì câu thoại tự mất, sở tham đâu còn nữa; nếu còn câu thoại thì chưa đến thoại đầu, vậy làm sao câu thoại làm sở tham được! Đã sở tham không có, sao nói là sở tham được?

Còn nghi tình là thắc mắc không biết gì cả, không biết năng tham, cũng không biết sở tham; nếu biết thì có năng sở, vì nó không biết gì hết, nên không có năng sở. Vậy tham thoại đầu thì không có sở tham.

Hỏi:

Trong kinh Kim Cang có 3 bài kệ: Đầu, giữa và cuối. Trong bài kệ cuối, Phật có nói “đọc, tụng, thọ, trì 4 câu kệ”, vậy 4 câu kệ đó ở trong bài kệ nào? Hay tứ cú mà thầy vừa nói?

Đáp:

Nghĩa ba câu là tứ cú kệ, tứ cú kệ cũng là nghĩa ba câu, hai thứ không khác. Bốn câu Phật nói, mà người ta đuổi theo văn tự, không hiểu ý Phật. Phật nói tứ cú kệ là bao gồm Phật pháp ở trong đó. Nếu tứ cú kệ là nhất định thì không phải ý của Phật, vì Phật pháp không phải là định pháp.

Nếu nói 3 bài kệ để chỉ ra bài nào? Chỉ ra bài nào cũng không đúng. Văn trường hàng, chữ nào cũng là tứ cú kệ; cho nên nói chung tất cả đều là tứ cú kệ, như câu đầu tiên: Như thị ngã văn, tức phi như thị ngã văn, thị danh như thị ngã văn, cũng là nghĩa ba câu.

Nói “y văn giải nghĩa tam thế Phật oan”, mặc dầu Phật nói như vậy; nhưng ý của Phật không phải vậy, vì không hiểu ý của Phật nên đuổi theo văn tự mà giảng thì phải làm oan Phật.

Như vậy, 3 bài kệ đó đều là tứ cú kệ, cũng là nghĩa ba câu. Không những kinh, mà cái tách, cái đĩa,... vũ trụ vạn vật đều ở trong tứ cú kệ. Nếu có một vật ở ngoài tứ cú kệ thì Phật vọng ngữ.

Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Nhược nhân dục liễu tri,  
Tam thế nhất thiết Phật.  
Ứng quán pháp giới tánh,  
Nhất thiết duy tâm tạo.  
(Nếu người muốn biết rõ,  
Ba đời hết thấy Phật.  
Nên quán tánh pháp giới,  
Tất cả do tâm tạo).

Tất cả kinh, lời nói, vũ trụ vạn vật, nếu có pháp nào không phải do tâm tạo thì Phật vọng ngữ. Nếu Phật nói không phải do tâm tạo cũng là vọng ngữ. Phật do tâm tạo vậy, đâu có ngoài tứ cú. Chấp Phật là cú thứ nhất, không Phật là cú thứ nhì, chẳng Phật chẳng không Phật là cú thứ ba, cũng Phật cũng không Phật là cú thứ tư. Theo nghĩa ba câu: Phật, tức phi Phật, thị danh Phật. Tất cả pháp, nghĩa cũng vậy.

Hỏi:

Như thế nào im lặng không có tư tưởng?

Đáp:

Tư tưởng, văn tự và lời nói là 3 thứ trong Phật học gọi là danh (giả danh). Mặc dầu, mình im lặng nhưng có tư tưởng cũng là sai rồi. Tư tưởng là ý thức, vì muốn nói một lời nói thì phải có tư tưởng, cái niệm muốn nói là tư tưởng. Tư tưởng, văn tự và lời nói là 3 thứ, nhưng vẫn là 1 thứ.

Văn tự là tư tưởng có hình, lời nói là tư tưởng có âm thanh, còn tư tưởng là văn tự không có hình và ngôn ngữ không có âm thanh.

Không tư tưởng đối với tư tưởng thì trong tứ cú: Tư tưởng là cú thứ nhất, không tư tưởng là cú thứ nhì, chẳng tư tưởng chẳng không tư tưởng là cú thứ ba, cũng tư tưởng cũng không tư tưởng là cú thứ tư; cũng là nghĩa ba câu: Tư tưởng, tức phi tư tưởng, thị danh tư tưởng.

Cho nên, tu đến vô tướng tứ thiên, không tư tưởng nửa đại kiếp. Hiện nay mình sống lâu là 100 năm, 200 năm là sống dai lắm rồi; nhưng đối với người phi phi tướng của tứ không thiên, thời gian dài biết bao nhiêu! 1 đại kiếp = 4 trung kiếp, 1 trung kiếp = 20 tiểu kiếp, 1 tiểu kiếp = 16 triệu năm. Vậy, nửa đại kiếp khó mà kể ra, mình không có tư tưởng đâu lâu bằng cõi trời!

Vì vậy, Thiên tông nói “không có tư tưởng là bệnh”, còn ngoại đạo cho được không có tư tưởng là chứng quả; nhưng họ còn chấp vào cái ‘không’ thì lọt vào cú thứ nhì.

Hỏi:

Khi ngài Vĩnh Gia Huyền Giác ngộ đạo, đến Lục Tổ ấn chứng để yên tâm hoằng pháp phải không?

Đáp:

Phải, có người làm tài khôn tướng là ngộ triệt đề, giải ngộ cho là chứng ngộ; thấy cảnh giới này cảnh giới kia cho là ngộ, thấy thanh tịnh cũng cho là ngộ; cho nên cần có thiện tri thức để ấn chứng. Còn Pháp Bảo Đàn nói: “Phải nhất định có thiện tri thức để ấn chứng cũng không đúng”. Nhưng người tăng thượng mạn cần phải có thiện tri thức để ấn chứng, thực hành vô sở đắc; nếu không có ai ấn chứng cũng được.

Thí dụ: Chợ Lớn đi Sài Gòn, mục đích là Sài Gòn, từ Chợ Lớn đi Sài Gòn là 100 bước; tham thiền có nghi tình là đi, nếu đi 1 bước thì còn 99, đi được 2 bước thì còn 98, có đi thì phải có đến. Cho nên, ngài Lai Quả nói trong Thiền Thất Khai Thị Lục: “Công phu thành khối, không cần ngộ cũng được; vì thành khối là nghi tình không có giây phút nào gián đoạn, ngủ mê vẫn có công phu, mà nghi tình là vô tướng”.

Nếu nghi tình có gián đoạn thì vọng tưởng nổi lên nên có tướng, có tướng thì Diêm La Vương thấy sai quỷ sứ bắt mình được; như Kim Bích Phong 7 ngày đêm tham thiền, nghi tình kéo dài liên tục thì Diêm La Vương không thấy; vậy không ngộ cũng không được.

Mình đã đến Sài Gòn rồi, nói mình chưa đến Sài Gòn thì đâu có đúng. Nếu có khoe là “ta đến Sài Gòn rồi” thì những người ấy là tăng thượng mạn, nên cần phải ấn chứng.

## **Giảng giải KINH PHẠM VÕNG**

-Giới Thanh Văn là giới tiệm thứ, tức là theo thứ lớp, từ giới từ giới mà thọ; như người nam thọ 5 giới, rồi thọ 10 giới, sau nữa là thọ 250 giới.

-Giới Bồ Tát là đốn lập giới, tức là trước kia chưa có thọ giới nào cũng được thọ giới Bồ Tát. Trong kinh Phạm Võng nói: “Chư thiên, thái giám, ma, quỷ, thần,... đều được thọ giới, nếu nghe được tiếng của Pháp sư”.

Giới Thanh Văn: Sa Di, Sa Di Ni, Thức Xoa, Tỳ Kheo Ni, phải có hình tướng rõ ràng; nam là nam, nữ là nữ, chứ không được nửa nam nửa nữ; nam không thành nam, nữ không thành nữ; như Thái Giám bị cắt mất nam căn, hay súc sanh, ma quỷ, tuy biến thành người cũng không được thọ.

Giới Thanh Văn là chỉ trì, tức là không làm là trì. Giới Bồ Tát có cái không làm là trì, có cái không làm là phạm. Giới Thanh Văn thân làm thì phạm, còn giới Bồ Tát có khởi niệm mới phạm, gọi là Tâm Địa giới. Giới Thanh Văn làm lợi mình, giới Bồ Tát làm lợi người.

Nếu không cho người chưa thọ giới Bồ Tát nghe những giới điều này thì sai lầm. Vì tất cả quỷ, thần, huỳnh môn, tối tứ... đều được nghe và thọ, hướng chi là loài người. Giới Thanh Văn khi thọ giới rồi mới cho biết giới điều, còn giới Bồ Tát phải giải thích cho biết trước, nếu đồng ý thì thọ giới; giới Thanh Văn phải thọ, khỏi cần giải thích giới điều trước.

-Phạm 10 điều trọng gọi là phạm ba la di; ba la di là cực ác, tức là tội cấp thứ nhất, theo Thanh Văn là tội tử hình thì Tỳ Kheo đó phải mất Tỳ Kheo; Tỳ Kheo Ni phạm ba la di là mất Tỳ Kheo ni, tức kiếp này không còn, muốn thọ lại, phải đợi kiếp sau. Theo pháp Tỳ Kheo hoàn tục, rồi xuất gia lại được 7 lần; còn Tỳ Kheo Ni hoàn tục, rồi không được xuất gia lại.

-Nếu giết người thì giới Thanh Văn phạm giới ba la di, còn giết súc sanh thì có thể phạm giới cấp 3 hay cấp 4. Tội giết người của giới Thanh Văn phải đủ 4 nhân duyên:

- 1/ Là đúng người.
- 2/ Nó không phải người cho nó là người.
- 3/ Có cố ý giết.
- 4/ Giết đã chết.

-Tội trộm cắp cũng có đủ 5 nhân duyên, mới thành tội ba la di, 5 nhân duyên đó là:

1/ Vật có chủ.

2/ Tường là có chủ.

3/ Giá trị của vật phải 5 chỉ (thời kỳ Phật, nếu trộm vật có giá trị 5 chỉ vàng thì bị tử hình theo luật nhà nước Aán Độ, vật đó giá trị dưới 5 chỉ thì tội giảm bớt. Bây giờ lại khác, tội trộm cắp không bị tử hình).

4/ Có ý muốn trộm cắp.

5/ Lấy vật rời khỏi chỗ.

Đủ 5 nhân duyên này thành tội ba la di, nếu không đủ 5 nhân duyên thì không thành tội.

-Tội dâm dục cũng phải có đủ 4 nhân duyên thành tội ba la di, 4 nhân duyên đó là:

1/ Có tâm dâm dục.

2/ Có hoàn cảnh đầy đủ.

3/ Nhập đạo (nam căn và nữ căn giao hợp).

4/ Thọ vui sướng.

Nếu thiếu 1 trong 4 nhân duyên này thì không thành tội ba la di.

-Vọng ngữ gồm có: Đại vọng ngữ và tiểu vọng ngữ.

\* Đại vọng ngữ là chưa chứng mà nói đã chứng, chưa có minh mà nói đã minh, cũng có 6 nhân duyên mới thành tội ba la di, 6 nhân duyên đó là:

1/ Thật không biết gì cả.

2/ Nói chứng quả rồi.

3/ Cố ý vọng ngữ.

4/ Cố ý gạt người.

5/ Minh cho nó là người.

6/ Người đó nghe phải hiểu.

\*Tiểu vọng ngữ là vọng ngữ thường, cấp thứ 4, như chuyện có nói không, chuyện không nói có.

-Tỳ Kheo phạm tội ba la di thì không cho sám hối. Nếu có chỗ cho sám hối thì phải săn sóc phụng sự 20 vị Tỳ Kheo thanh tịnh trong nửa tháng. Trong 20 vị Tỳ Kheo này, đều hoan hỷ thì cho đồng ý xuất tội; nếu 1 trong 20 vị

Tỳ Kheo này không đồng ý thì không được xuất tội. Xuất tội là xuất tội địa ngục, chứ tướng Tỳ Kheo phải mất, địa ngục của tội ba la di là 921 ức năm.

-Tỳ Kheo Ni phạm ba la di cho sám hối, phải phụng sự săn sóc 20 Tỳ Kheo thanh tịnh và 20 Tỳ Kheo Ni thanh tịnh trong nửa tháng. Nếu 1 người trong 40 người này không đồng ý, thì không được sám hối xuất tội. Đây là giới luật Thanh Văn.

## **10 GIỚI TRỌNG**

Chánh văn:

Đức Phật bảo các Phật tử rằng: Có 10 giới trọng, nếu người thọ giới Bồ Tát mà không tụng điều giới này, thời người ấy không phải Bồ Tát, không phải là Phật tử, chính ta cũng tụng như vậy.

Tất cả Bồ Tát đã học, sẽ học và đương học! Đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ Tát cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì. Đức Phật dạy:

### ***1- GIỚI SÁT SANH***

Nếu Phật tử, hoặc tự mình giết, bảo người giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhẫn đến dùng bùa chú để giết: Nhon giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết.

Phàm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Phật tử, lẽ ra luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thể cứu giúp tất cả chúng sanh, mà trái lại tự phóng tâm nở lòng sát sanh, Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giảng giải:

Phật nói: Phật tử tự giết tức là tự tử, cũng như giết người. Tự mình giết, dạy người giết, dùng các phương tiện giết, thấy người ta giết mình tán thán, dùng thần chú để giết, tạo nhân để giết, tạo trợ duyên để giết, nghĩ ra cách giết, hay chỉ nổi tâm tạo nghiệp giết người. Cho đến tất cả chúng sanh có thân mạng đều không được cố ý giết.

Theo giới Bồ Tát là hành đạo Bồ Tát cứu độ tất cả chúng sanh. Hai chữ “Bồ Tát” là tiếng phạn, dịch ra là giác hữu tình, tức là cứu độ chúng sanh, cũng là

tâm từ bi. Tôi thường nói “tâm giác ngộ là bồ đề tâm, độ chúng sanh là từ bi tâm”. Từ bi tâm và bồ đề tâm là không phải hai thứ; bồ đề tâm lên 50 độ thì từ bi tâm cũng lên 50 độ, bồ đề tâm lên 100 độ thì từ bi tâm cũng lên 100 độ.

Giải thích thì thấy có hai thứ, nhưng kỳ thật không phải hai thứ. Nói đến thể dụng, bồ đề tâm là thể, từ bi tâm là dụng. Có từ bi tâm mới gọi là Bồ Tát cứu độ chúng sanh.

Nhưng hai chữ “từ bi” khác xa với hai chữ “bác ái” của ngoại đạo.

“Bác ái” của ngoại đạo là chấp ngã, trước hết phải có ta, như việc bố thí là của ta, rồi có ta thương xót rộng khắp đại chúng, gọi là bác ái.

“Từ” là vô duyên từ, tức là không có đối đãi, không có ta, không có người; không có ta làm từ bi cho người, không có người lãnh thọ từ bi của ta. Nếu có của ta của người thì không phải từ bi.

“Bi” là đồng thể bi, tức là thể của người cũng là thể ta; cái khổ của người tức cái khổ của ta là cùng một thể. Cho nên, không có đối đãi mới là từ bi.

Từ bi không có sự chấp ngã, còn bác ái thì có chấp ngã, nên cách xa như trời với đất vậy. Chấp ngã không được giải thoát luân hồi sanh tử, còn phá chấp ngã thì được giải thoát luân hồi sanh tử.

Mình đã thọ giới Bồ Tát thì phải hành đạo Bồ Tát luôn có tâm từ bi, không có ngã để độ chúng sanh. Từ là ban vui cho chúng sanh, bi là cứu cái khổ cho chúng sanh.

Tâm hiếu thuận là luôn luôn không có ngã tướng, theo thể gian gian hiếu nghĩa ‘hiếu thuận’ lại khác, không được rộng khắp; còn hiếu thuận của Bồ Tát thì nghĩa rộng vô cùng, không có hạn chế. Trong Phật pháp có nói: “Tứ ân là ân Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân chúng sanh”. Trong giới Bồ Tát nói “mình phải hiếu thuận báo đáp 4 ân này”.

Kỳ thật, chỉ báo ân chúng sanh là báo ân luôn cả 3 ân kia, luôn luôn hiếu thuận cho tất cả chúng sanh, chứ không phải báo ân hiện tại cha mẹ của mình. Người thế gian chỉ có báo ân cha mẹ riêng của mình hay sư trưởng của mình.



Cho nên, mình phải nghĩ cách cứu độ chúng sanh, không những không cứu giúp chúng sanh, mà lại giết hại chúng sanh thì Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

## ***2- GIỚI TRỘM CƯỚP***

Chánh văn:

Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, nhân đến dùng bùa chú trộm cướp, nhân trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp, nghiệp trộm cướp. Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quý thần hay của giặc cướp, nhân đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Là Phật tử lẽ ra luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, thường giúp cho mọi người được phước, được vui, mà trái lại trộm tài vật của người. Phật tử này phạm "Bồ Tát ba la di tội".

Giảng giải:

Điều thứ 2 là trộm cướp, tại sao Phật tử tự trộm cướp? Tự mình nghĩ đem món đồ của mình cho người khác, nhưng sau nghĩ lại không cho, nên phạm tội trộm cướp. Vì giới Bồ Tát là giới Tâm địa, giới Thanh Văn thì không phạm; giới Bồ Tát có khởi tâm là phạm, đây gọi là tự trộm cướp.

Hay tự mình lấy đồ của người, cũng gọi là tự trộm cướp; làm phương tiện cho người trộm cướp, niệm thần chú khiến cho người trộm cướp; làm trợ duyên để cho người trộm cướp, nghĩ ra cách rồi chỉ cho người trộm cướp. Tất cả khi có nổi tâm tức là có nghiệp.

Ở đây nói “cho đến của quý thần, của có chủ một cây kim một ngọn cỏ, không được cố ý ăn cướp”. Điều giới Bồ Tát thường có chữ “cố ý”, cố ý mới thành tội. Nếu không cố ý ăn cướp thì không thành tội, như đồ trong nhà của mình đã dùng quen, lấy dùng cũng không thành tội, hay đồ của bạn thân dùng qua dùng lại cũng không phạm, chứ không phải mỗi cái mà phạm. Nếu đồ của cha mẹ mình cất kín không cho mình biết, mà cố ý lấy thì phạm tội trộm cướp.

Mình hành đạo Bồ Tát là hiếu thuận tứ ân, trong đó từ chúng sanh đến chư Phật; hành đạo không nên có ngã, chỉ giúp cho chúng sanh được phước an vui thoát khổ. Trái lại, không làm như vậy mà trộm cướp tài vật của người khác, làm cho người buồn rầu đau khổ; Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

### 3- GIỚI DÂM

Chánh văn:

Nếu Phật tử tự mình dâm dục, bảo người dâm dục, với tất cả phụ nữ, các loài cái, loài mái, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm dục. Là Phật tử đối với tất cả không được cố dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh dạy người, mà trái lại không có tâm từ bi, làm mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong lục thân; Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giảng giải:

“Nếu Phật tử tự dâm”, tự dâm này, nam và nữ tự có. Người nam có thủ dâm, người nữ có thủ dâm nhưng ít hơn, hay lấy dụng cụ để làm dâm cho xuất tinh. Dạy người dâm, người nam đến với người nữ, hay người nữ đến với người nam, làm trợ duyên cho người dâm dục, nghĩ phương cách cho người thực hành, hay là nổi tâm dâm dục thì thành cái nghiệp dâm dục.

Không phải đối với người thôi, mà đối với súc sanh quý thân cũng vậy, cùng với phi đạo (phi đạo là không phải nam căn, chẳng phải nữ căn), hành động nơi nào ở trên thân đều là phạm dâm.

Theo hạnh Bồ Tát, tâm hiếu thuận cứu độ chúng sanh thì phải bố thí sự thanh tịnh cho người. Việc dâm dục là việc bất tịnh. Những điều sám hối có câu “phá phạm hạnh người khác”, chữ phạm là thanh tịnh. Giới luật nói “phá phạm hạnh” là phá giới lần thứ nhất, như Tỳ kheo cùng với người nữ dâm dục lần thứ nhất, tức là phá phạm hạnh. Nếu phạm giới dâm lần thứ nhì, lần thứ ba, ... thì không phải là phá phạm hạnh, vì trước khi lần thứ hai lần thứ ba thì không còn thanh tịnh.

Phật tử thọ giới luôn giữ thanh tịnh cho người, mà trở lại phá phạm hạnh của người, làm cho người không được thanh tịnh, bất cứ là người, hay là súc sanh, mẹ, chị, em ở trong lục thân, nếu phạm dâm dục thì tội càng nặng thêm. Khi bắt đầu thọ giới, lúc hỏi giá nạn, nếu có phạm giới dâm trong lục thân thì không cho người ấy thọ giới. Cho nên, phạm giới dâm là không có từ bi, Phật tử ấy phạm giới ba la di của Bồ Tát.

## 4- GIỚI VỌNG

Chánh văn:

Nếu Phật tử, mình nói vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử, lẽ ra luôn luôn phải chánh ngữ, chánh kiến, và cũng làm cho tất cả chúng sanh có chánh ngữ, chánh kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp, Phật tử này phạm “Bồ tát Ba la di tội”.

Giảng giải:

Vọng ngữ gồm có 4 thứ: Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt.

-Vọng ngôn: Là có nói không, không nói có, nói dối gạt người.

-Ý ngữ: Là nói những lời nói có liên quan dâm dục của nam nữ, hay nói những lời hoa nguyệt.

-Ác khẩu: Chửi mắng người hay nói lời độc ác.

-Lưỡng thiệt: Nói lười 2 chiều, đem chuyện người này nói với người kia, đem chuyện người kia nói với người này.

Tự mình vọng ngữ hay dạy người vọng ngữ. Giới Thanh văn có tiểu vọng ngữ và đại vọng ngữ, trong này bao gồm hết. Đại vọng ngữ và tiểu vọng ngữ đều ở trong 10 điều trọng. Vì hạnh Bồ Tát phải lợi tha, muốn lợi tha thì tự mình phải gương mẫu cho người, nếu mình vọng ngữ làm sao độ người không vọng ngữ được!

Cho nên, đại vọng ngữ và tiểu vọng ngữ đều không được. Tự vọng ngữ hay dạy người vọng ngữ, dạy người có phương tiện vọng ngữ, tạo cái nhân đề cho người vọng ngữ, làm cái duyên giúp cho người vọng ngữ, hay là nghĩ cách gì để cho người vọng ngữ để gạt người, có nổi tâm vọng ngữ thành cái nghiệp vọng ngữ.

Theo hạnh Bồ Tát phải chánh ngữ, nói năng phải đàng hoàng, đúng đắn, có chánh kiến. Chánh kiến đối với tà kiến, trong Phật pháp phải có chánh kiến. Đại thừa phải phá ngã chấp, giới Bồ Tát là tập cho mình phá ngã chấp mới được giải thoát. Có lòng từ bi độ chúng sanh thì không có ngã, không được

ngĩ là ta độ chúng sanh và có chúng sanh của ta được độ. Nếu thấy có chúng sanh để độ thì có ngã chấp, nên không được, như thế là chánh kiến; nếu còn có ngã chấp không gọi là chánh kiến.

Mình có chánh ngữ chánh kiến làm cho chúng sanh có chánh ngữ chánh kiến. Vì chánh ngữ chánh kiến được giải thoát cái khổ sanh tử luân hồi, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn. Trái lại, mình không làm như thế mà dạy cho chúng sanh tà ngữ, tà kiến, vọng ngữ đủ thứ, làm tà nghiệp. Bồ Tát là muốn chúng sanh thoát khổ, lại tự mình làm khổ và chúng sanh thêm khổ, thì phạm tội ba la di của Bồ Tát.

## ***5- GIỚI BÁN RƯỢU***

Chánh văn:

Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: Nhân bán rượu, duyên bán rượu, cánh thức bán rượu nghiệp bán rượu, tất cả rượu không được bán, rượu là nhơn duyên sanh tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho tất cả chúng sanh, Phật tử này phạm “Bồ Tát Ba la di tội”.

Giảng giải:

Ngũ giới của giới Thanh văn, uống rượu thì phạm, còn bán rượu không phạm, vì không cho uống rượu. Giới Bồ Tát uống rượu là tội nhẹ, vì giới Bồ Tát là lợi tha, uống rượu chỉ hại tự mình chứ không hại đến người. Đáng lẽ, mình phải làm gương mẫu không uống rượu, mà dạy người ông rượu vậy làm sao được! Và bán rượu là hại người bị tội nặng.

Tự mình bán hay dạy người bán, làm cái nhân giúp cho người bán, hoặc làm trợ duyên giúp cho người bán; như không có chỗ, mình giúp cho người có chỗ để bán; không có vốn lại giúp vốn, đó là trợ duyên; hay là nghĩ cách bán làm sao cho đắt, nổi tâm bán rượu để kiếm tiền cho nhiều cũng là tạo nghiệp bán rượu.

Tất cả rượu mình không được bán. Đáng lẽ, rượu không có tội, vì uống rượu làm say; nên phạm vào những tội: “sát, đạo, dâm, vọng”. Vì vậy, rượu làm cái nhân để người phạm tội nặng. Theo hạnh Bồ Tát là muốn cho chúng sanh được trí huệ sáng suốt, còn bán rượu cho người uống làm say mê thêm thì phạm giới cực ác của Bồ Tát.

## 6- GIỚI RAO LỖI CỦA TỨ CHÚNG

Chánh văn:

Nếu Phật tử, tự miệng rao nói tội lỗi của Bồ Tát xuất gia và Bồ Tát tại gia, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc bảo rao nói những tội lỗi ấy: Nhân rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử, khi nghe những lời ác, ngoại đạo cùng người Nhị thừa nói những điều phi pháp, trái luật trong Phật pháp, thời phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy cho họ sanh tín tâm lành đối với Đại thừa, mà trái lại Phật tử tự mình rao nói tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giảng giải:

Nếu Phật tử thọ giới Bồ Tát nói tội lỗi của tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di; hoặc là dạy người khác nói, hay làm cái nhân cho người nói, làm trợ duyên cho người nói, nghĩ cách sắp đặt cho người nói, nếu có nổi tâm muốn nói thành cái nghiệp. Nói lỗi này là cố ý muốn phi báng.

Trong giới luật, ngày bồ tát người nữ có thể chứng tỏ Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni phạm giới gì, việc ấy không phải phi báng, mà muốn bảo vệ luật. Bây giờ, nói giới và luật không có phân biệt; đáng lẽ giới là giới, luật là luật. Giới là giúp ích cho cá nhân, còn luật là giúp ích cho đoàn thể. Thí dụ giới là bảo hiểm cho cá nhân, còn luật là bảo hiểm cho đoàn thể; mà luật là bảo hiểm cái giới, nếu không có luật thì giới ấy không thi hành được. Hiện nay chỉ có giới, chứ không có luật; nên người trụ trì phạm tội ba la di không có ai can thiệp.

Theo giới luật thì phải có Tăng đoàn, nửa tháng để bồ tát. Bồ tát không phải chỉ tụng giới, mà làm việc, thọ giới,... cũng ở trong bồ tát. Trước khi bồ tát phải kiểm thảo, Chủ sự nói với đại chúng “ai có lỗi phải ra trước đại chúng phát lồ sám hối”. Nếu tự mình không nói ra, mà người khác biết phải nói ra trong chúng cử tội. Nếu biết không cử tội cũng phạm giới, tức là phú tàng (ngăn che).

Tỳ Kheo Ni ngăn che tội ba la di của bạn mình thì Tỳ Kheo Ni ấy cũng phạm ba la di.

Nếu có người nữ được mọi người tin tưởng, đến báo với Tăng đoàn rằng: Tôi đã thấy một Tỳ Kheo phạm tội gì đó... có thể phạm ba la di, có thể phạm tội cấp 2, cấp 3,... người nữ ấy không có lỗi với tứ chúng mà lại có công. Bởi vì giúp cho luật bảo vệ giới được tốt.

Nếu nói lỗi của tứ chúng, mục đích để phỉ báng mới phạm tội. Còn mình đã biết người kia phạm tội, rồi nhắc nhở người kia không nên phạm nữa, thì mình không phạm tội nói lỗi của tứ chúng. Vì đó là thiện ý chứ không phải ác ý, không phải nói lỗi là phạm giới.

Đệ tử của Phật nghe kẻ ngoại đạo và Nhị thừa phỉ báng Đại thừa còn không được, huống chi mình hành đạo Bồ Tát lại hủy báng nói lỗi của tứ chúng; vậy làm sao giáo hóa chúng sanh? Vì trách nhiệm của Bồ Tát là giáo hóa chúng sanh, làm cho chúng sanh giác ngộ được tự do tự tại. Nếu nói tội lỗi của tứ chúng thì phạm tội ba la di của Bồ Tát.

## ***7- GIỚI KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI***

Chánh văn:

Nếu Phật tử tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen ngợi mình chê người: Nhân chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử, lẽ phải thay thế những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô dương tài đức của mình mà đim che điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê; Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giải thích:

Giới Bồ Tát là lợi tha, chính mình phải phá ngã chấp; nếu tự khen mình chê người là tăng thêm ngã chấp. Lợi tha là muốn chúng sanh giải thoát, nếu tự mình có ngã chấp thì không được giải thoát, làm sao độ chúng sanh được giải thoát?

Làm hạnh Bồ Tát thì mình phải hy sinh để độ chúng sanh, tức là thay cho chúng sanh chịu những điều cực khổ, việc tốt nhường cho người, việc xấu mình chịu. Nhưng trái lại, nếu làm nhân, làm duyên, hay làm phương cách... như trên đã nói, khen mình chê người, lại tăng thêm ngã chấp, nghịch với hạnh Bồ Tát thì thành tội ba la di.

## **8- GIỚI BỎN SẼN THÊM MẮNG ĐUÔI**

Chánh văn:

Nếu Phật tử, tự mình bỏn sẻn, bảo người bỏn sẻn: Nhân sẻn, duyên sẻn, cách thức bỏn sẻn, nghiệp bỏn sẻn. Phật tử khi thấy những người bần cùng đến cầu xin, phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ; mà Phật tử lại đem lòng giận ghét, cho đến không cho một mảy, có người cầu học giáo pháp, cũng chẳng nói một kệ một câu, lại còn xua đuổi quở mắng. Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giảng giải:

Trong này gồm có 2 thứ: Bỏn sẻn tài hay bỏn sẻn pháp đều là phạm tội.

Bồ Tát phải phá ngã chấp, rồi giáo hóa chúng sanh được phá ngã chấp. Bồ Tát có Lục Độ và Tứ Nhiếp Pháp, trong này đều có điều thứ nhất là bố thí: Bố thí tài và bố thí pháp.

Thấy người nghèo đến xin, mà mình bỏn sẻn không cho, lại sanh tâm sân ghét, đuổi người ta đi thì phạm điều này, hay người ta đến cầu pháp cũng như vậy. Bố thí pháp thì công đức lớn hơn bố thí tài pháp rất nhiều, bỏn sẻn pháp nên tội cũng lớn.

Nếu hành đạo Bồ Tát, người ta xin thứ gì đều cho theo tinh thần vô ngã. Nhưng bây giờ mình thọ giới Bồ Tát là đang học hạnh Bồ Tát, có sức tới đâu thì làm tới đó; như người ta xin tiền thì tùy theo sức mình mà cho, đừng để người xin về tay không; hay mình không có cái gì để cho thì phải phát tâm tùy hỷ, nên không có phạm giới. Nếu mình không cho mà lại mắng đuổi người ta, thì phạm điều giới ba la di này.

## **9- GIỚI GIẬN HỜN KHÔNG NGUÔI**

Chánh văn:

Nếu Phật tử, tự mình giận, bảo người giận: Nhân giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Người Phật tử lẽ ra làm cho tất cả chúng sanh được những căn lành không gây gỗ; thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Mà trái lại, đối với trong tất cả chúng sanh, cho đến trong loài phi chúng sanh, đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay, chân, dao, gậy để đánh đập mà vẫn chưa

hả dạ, cho đến nạn nhân kia lấy lời xin lỗi, cầu sám hối tạ tội, nhưng vẫn không hết giận; Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giảng giải:

Nói đến Phật pháp, luôn luôn phải phá ngã chấp; nhất là giới Bồ Tát chuyên phá ngã chấp, nếu mình nổi sân thì đã có ngã chấp. Tất cả chúng sanh đều phá ngã chấp, thì không có việc tranh luận để đưa đến sân hận đấu tranh. Nếu có nổi tâm sân hận, phải biết lỗi của mình để sám hối. Đã có lỗi sân, mà mình không chịu nghe người ta khuyên, để sám hối thì phạm tội này.

Tâm từ bi và tâm hiếu thuận đều phá ngã chấp, tức là phụng sự cho tất cả chúng sanh; mình đã không phụng sự cho tất cả chúng sanh, lại nổi tâm hờn giận chúng sanh, còn có thêm ác khẩu chửi mắng, đánh đập,... người ta cầu xin lỗi, lại mình không cho xin lỗi, mình cứ giận hờn không nguôi thì phạm giới ba la di này.

### ***10- GIỚI HỦY BÁNG TAM BẢO***

Chánh văn:

Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam bảo, xúi người hủy báng Tam bảo: Nhân hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử nghe một lời hủy báng Tam bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, huống là tự mình hủy báng! Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam bảo, lại còn giúp sức cho kẻ ác, kẻ tà kiến hủy báng nữa; Phật tử này phạm “Bồ Tát ba la di tội”.

Giảng giải:

Tam bảo gồm hai thứ: Thường trụ Tam bảo và Tự tánh Tam bảo.

-Người quy Tam bảo gọi là quy y thường trụ Tam bảo, theo sự giáo của Thường trụ Tam bảo, rồi thực hành theo đề ngộ Tự tánh Tam bảo, cũng gọi là ngộ Tự tánh chính mình, giải thoát tất cả khổ, được tự do tự tại vĩnh viễn.

-Tại sao gọi là Thường trụ Tam bảo? Tam bảo gồm có: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

Phật tiếng Aán Độ là Phật Đà, dịch ra là giác giả (giác ngộ), trong đó gồm có: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn; tức là mình giải thoát tự do tự tại,



cũng giải thoát cho người được tự do tự tại, nên gọi là giác hạnh viên mãn, nhưng bao gồm có quá khứ, hiện tại, vị lai. Bây giờ, mình quy y phải có hình tượng Phật để tượng trưng cho Phật bảo.

Mình muốn giác ngộ thì phải có phương pháp, pháp của Phật dạy gồm có 84.000 pháp môn, tùy theo căn cơ trình độ thích ứng của mọi chúng sanh, quy nạp có 4 pháp môn: “Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng”, đó là phương pháp tu hành gọi là Pháp bảo. Nhưng lấy gì để tượng trưng? Lấy kinh của Phật để tượng trưng cho Pháp bảo.

Tăng tiếng Aán Độ là Tăng Già dịch là hòa hợp chúng, tức là nhiều người thanh tịnh hòa hợp lại thành Tăng; theo quy định là 4 người trở lên mới thành Tăng, còn 3 người trở xuống không gọi là Tăng.

Hoàng Nhất luật sư nói: “Gần đây, mọi người chỉ quy y nhị bảo và giao thiệp với một Đại đức”. Bởi vì, họ quy y rồi chỉ nhìn nhận một thầy của mình, chứ không nhìn nhận cả chúng Tăng là thầy của mình. Tất cả Tăng chúng thay thế cho Tăng bảo, nhưng thầy của mình quy y đại diện cho Tăng bảo để chứng minh; người này đã quy y Tam bảo là đệ tử của Tam bảo, chứ không phải đệ tử riêng của một vị thầy.

Tăng ở trong Tam bảo cần nhất, nếu có Phật bảo, có Pháp bảo, mà không có Tăng bảo thì Phật pháp tiêu diệt. Như Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, nếu không có Tăng từ mỗi đời tiếp nối thì Phật pháp tiêu diệt từ lâu; có Tăng bảo mới có Phật bảo và Pháp bảo, nhưng bây giờ người ta không chú trọng Tăng bảo, ấy là sai lầm.

Trách nhiệm của Tăng, như Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, có trách nhiệm giáo hóa chúng sanh. Cho nên, giới luật có quy định: Tỳ kheo chưa đủ 10 tuổi hạ không được rời thầy, Tỳ Kheo Ni chưa đủ 12 tuổi hạ không được rời thầy. Thầy bốn sư có trách nhiệm dạy người đó, nếu không biết dạy người đó thì phải bị tội. Bởi vì, xuất gia rồi không biết gì để dạy chúng sanh, nên có thể phá hoại Tam bảo. Vậy làm sao đứng trong hàng ngũ Tăng bảo? Cho nên, quy định Tỳ Kheo phải biết giới Tỳ Kheo, giới Tỳ Kheo Ni và có chánh ngữ chánh kiến về Phật pháp.

Cái tệ bây giờ, có người xuất gia được nửa năm, một năm, rồi lạc quyên tiền xây chùa, tự mình làm trụ trì; cũng có người chưa xuất gia, làm chùa xong, rồi mời thầy cạo đầu mình, làm lễ xuất gia và trụ trì luôn. Việc ấy trái ngược giới luật, phá hoại Tam bảo.

Cho nên, nghĩa hủy báng Tam bảo rất rộng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Hư tiêu Tín thí, lạm nhận cung kính là tội địa ngục”. Nếu mình không chân thật tu hành, nhận sự cúng dường của Tín thí là hư tiêu Tín thí. Người ta cung kính mình, không phải vì mình cạo đầu, mặc áo cà sa; người ta cung kính Tam bảo là muốn sự giáo hóa của Tam bảo, cho mình và chúng sanh được giải thoát.

Phật pháp làm lợi ích cho chúng sanh được tu chánh pháp, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn giải thoát, ấy là mục đích của Tam bảo. Nếu mình không chân thật tu hành, tự độ mình chưa được, làm sao độ chúng sanh! Tức là hư tiêu Tín thí. Còn mình lạm dụng hình tướng Tăng để nhận sự cúng dường của người, đều phải bị đọa địa ngục, chưa nói đến việc phá giới.

Cho nên, giới hủy báng Tam bảo, không phải chỉ miệng nói hủy báng mà cái nghĩa nó rất rộng. Ở đây nói, nếu Bồ Tát nghe kẻ ngoại đạo và người ác dùng lời ác hủy báng Tam bảo, như 300 mũi giáo đâm chia vào tim mình. Trái lại, tự mình hủy báng Tam bảo thì mắc tội ba la di của Bồ Tát.

Hiện nay, nhiều Phật tử không hiểu Phật pháp là do Tu sĩ không có trách nhiệm, vì lạm thu đệ tử xuất gia, đã tự mình không biết giới luật, không có chánh kiến Phật pháp, lấy gì để dạy đệ tử? Cũng như ban đầu sữa nguyên chất, rồi sau pha thêm nước, sau nữa hoàn toàn là nước không có sữa. Bây giờ, muốn khôi phục Phật giáo như xưa thì phải xây dựng Tăng bảo, mà hiện nay không có Tăng đoàn, tự mình làm chùa nhỏ để trụ trì, có phạm ba la di tội cũng không có ai can thiệp được. Nhưng người ta vẫn cung kính cúng dường, vậy Phật pháp làm sao khỏi bị tiêu diệt!

Nếu thường trụ Tam bảo bị hủy hoại thì không thể hy vọng ngộ nhập được Tự tánh Tam bảo. Nếu không ngộ nhập được Tự tánh Tam bảo thì không được giải thoát. Được người tôn xưng là Tăng bảo, người xuất gia chúng ta hãy tự kiểm điểm chính mình, có xứng đáng là Tăng bảo hay chưa?

Nếu có nhân duyên tổ chức thành Tăng đoàn, rồi Tăng đoàn tổ chức thành luật của Tăng đoàn mới bảo vệ được giới. Luật là bảo vệ giới, giới là bảo vệ mình; ở trong luật gồm có giới, mà giới không thể gồm có luật.

Hỏi:

Trước khi thọ giới Bồ Tát thì phải nghe giảng giới Bồ Tát. Tại sao khi tụng giới lại không cho người chưa thọ giới Bồ Tát nghe?

Đáp:

Phải cho nghe hết. Tụng giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni không cho nghe đối với người chưa thọ giới này. Còn giới Bồ Tát thì tất cả mọi người đều được nghe. Kinh Phạm Võng nói: “Tất cả ma, quỷ, huỳnh môn, súc sanh,... nghe được lời Pháp sư mà lãnh thọ”, huống chi là người! Nếu thọ được thì phải được nghe.

Hỏi:

Ở trong Tăng vấn hòa có hỏi: “Trong đây có ai chưa thọ giới Bồ Tát và không thanh tịnh ra chưa? Trả lời: Trong đây chưa ai thọ giới Bồ Tát, hoặc đã ra rồi”. Như vậy, chúng tở người chưa thọ giới Bồ Tát không được nghe giới Bồ Tát?

Đáp:

Đó là việc sai lầm, lúc bạch tứ yết ma tức là tác pháp để làm việc. Lúc yết ma có thể người không có quan hệ thì không cho nghe. Vì yết ma có thể trị tội Tăng sĩ, tức là theo tội để phán tội Tăng sĩ; không cho những người có quan hệ, như cư sĩ để biết tội của Tăng sĩ do Tăng đoàn xử. Cho nên, mới hỏi những người không có quan hệ ra trước, chứ không phải tụng giới không cho nghe.

Bây giờ, cũng có nhiều cư sĩ thọ giới Bồ Tát xuất gia, thọ được thì nghe được, làm sao không được nghe? Giới Bồ Tát là đôn lập giới, tức là trước kia chưa thọ giới gì cũng được thọ.

Giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, nếu có trường hợp nào, cư sĩ cũng có thể nghe biết; chứ không phải nhất định là không cho cư sĩ nghe biết. Vì sợ cư sĩ biết chư Tăng phạm giới luật, nổi tâm khinh mạn Tam bảo nên cấm không cho nghe.

Còn giới Bồ Tát thì người xuất gia hay tại gia đều được nghe, làm sao không cho nghe? Thành ra mâu thuẫn, không cho nghe là pháp yết ma, chứ tụng giới sao không cho nghe!

Người chưa thọ giới Bồ Tát đều được nghe giảng giới Bồ Tát. Giới Bồ Tát là phá ngã chấp, muốn giúp đỡ chúng sanh. Người nào có tâm là có tư cách thọ giới Bồ Tát, chứ không phải như giới Thanh Văn phải đúng người mới được

thọ; không phải người, ma quỷ, súc sanh thì không được thọ. Còn giới Bồ Tát, ma quỷ, súc sanh đều được thọ, mà trước kia chưa thọ giới gì; trước kia chưa quy y Tam bảo thì quy y Tam bảo thì thọ liền, vì thọ giới nào cũng có tam quy hết. Cho nên, gọi là đốn lập giới, không phải tiệm thứ của giới Thanh Văn.

Tam tạng là kinh, luật, luận; người thông suốt kinh gọi là kinh sư, người thông suốt luật gọi là luật sư, người thông suốt luận gọi là luận sư. Bây giờ, Tăng bảo thiếu luật sư, ít có người phát tâm học luật. Theo Tăng đoàn, người nào thọ giới rồi thì phải sống trong Tăng đoàn. Khi Phật giáo sang Trung Quốc có sáng lập phái luật tông. Muốn làm luật sư thì phải học giới luật.

Sau này, ít có người phát tâm học luật, mà người hoằng luật thì người ta ít kính trọng vì họ không thích. Các vị thuyết pháp, người nghe lại đông; còn giảng giới luật thì ít có người đến nghe. Nhưng nếu không có luật thì không có pháp, Phật pháp bị tiêu diệt; vì khi Phật nhập Niết Bàn, trước đó có dặn đệ tử phải lấy giới luật là thầy; mà bây giờ không chú trọng đến luật, nên Phật pháp dần dần tiêu mất.

Hiện nay, chỉ có phần giới, không có phần luật. Theo Tăng đoàn có việc gì phải qua pháp yết ma, pháp yết ma là ở bên phần luật. Nếu Tỳ Kheo không biết giới luật Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni không biết giới luật của Tỳ Kheo Ni; vậy làm sao giữ giới? Vì người thầy lạm nhận đệ tử xuất gia không dạy đệ tử, nên thầy đó phải bị tội; cũng là phá hoại Phật pháp, hủy báng Tam bảo. Đó là phá hoại cái gốc, còn dùng miệng để hủy báng là hủy báng bên ngoài.

## **48 ĐIỀU GIỚI KHINH**

Chánh văn:

Đức Phật bảo các vị Bồ Tát rằng: Đã giảng 10 giới trọng rồi, nay tôi sẽ nói 48 giới khinh:

### ***1- GIỚI KHÔNG KÍNH THẦY BẠN***

Nếu Phật tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương hay sắp lãnh chức quan, trước nên thọ giới Bồ Tát. Như thế tất cả quỷ thần cứu hộ thân vua và thân các quan, chư Phật đều hoan hỷ.

Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bực Thượng tọa, Hòa thượng, A xà lê, những bậc Đại đức đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi thăm. Mỗi sự đều đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân quốc thành con cái, cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bực ấy. Nếu Phật tử sanh lòng kêu mạn, sân hận ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y pháp mà cúng dường, Phật tử này phạm “khinh cấu tội”.

Giảng giải:

Chuyển Luân Vương có 4 cấp:

- Kim Luân Vương cai trị hết 4 đại bộ châu (1 tiểu thế giới có 4 đại bộ châu).
- Ngân Luân vương cai trị 3 bộ châu.
- Đồng Luân Vương cai trị 2 bộ châu.
- Thiên Luân vương cai trị 1 bộ châu.

Chuyển Luân Vương là phi hành (biết bay), mắt của mình không thấy được. Quốc Vương là vua của loài người trong một nước. Chuyển Luân vương là mình chỉ nghe thấy chứ không thấy.

Hai chữ “Bồ Tát” là tiếng Aán Độ, nói cho đủ là “bồ đề tát đỏa”, dịch ra là giác hữu tình, tức là giác ngộ chúng sanh. Giác này gồm tự giác, giác ngộ chúng sanh là giác tha. Hành đạo Bồ Tát là làm cái nhân để thành Phật. Nếu làm cho chúng sanh được giác ngộ cũng là tăng phước đức của mình, giúp cho người được giác ngộ.

Cho nên, tất cả chúng sanh muốn thành Phật, đều phải hành đạo Bồ Tát. Chuyển Luân Vương, Quốc Vương, bá quan, kiếp trước đã gieo trồng thiện căn, nên được làm vua làm quan, học có sẵn phước đức, muốn thành Phật thì dễ hơn.

Tại sao muốn thành Phật? Vì thành Phật thì vĩnh viễn hết tất cả khổ, nếu không thành Phật thì cái khổ không thể dứt được. Vì vậy, ở đây nói “khi được ngôi vua hay ngôi quan, trước hết phải thọ giới Bồ Tát”. Bởi vì, người nào cũng muốn được tự do tự tại giải thoát cho mình và giải thoát cho người; hai cái tương nhân với nhau, mình tự giác rồi lại giác tha. Giác tha cũng giúp cho mình được giác ngộ; tự giác là tự lợi, giác tha là lợi tha. Kỳ thật, lợi tha cũng là tự lợi, tự lợi cũng là lợi tha.

Giới Bồ Tát là tập cho mình phá ngã chấp, phá được ngã chấp thì hết cái khổ sanh tử luân hồi. Hành đạo Bồ Tát là tự lợi cũng là lợi tha, 48 điều khinh

phần nhiều nói về lợi tha. Nếu mình thọ giới Bồ Tát thì quý thần, hộ pháp ủng hộ, chư Phật cũng hoan hỷ. Đã được giới rồi thì phải có tâm hiếu thuận.

Tâm hiếu thuận và tâm từ bi giống nhau, vì hiếu thuận của Phật pháp không giống như hiếu thuận của thế gian. Hiếu thuận thế gian chỉ hiếu thuận cha mẹ và sư trưởng, còn Phật pháp là hiếu thuận tứ ân (ân Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng và ân chúng sanh).

Hiếu thuận cha mẹ là chỉ một ân trong tứ ân, hiếu thuận chúng sanh gồm tứ ân; vì cha mẹ, sư trưởng và Phật đều ở trong chúng sanh. Tâm hiếu thuận là mình phát tâm độ chúng sanh được giác ngộ, nên đối với cha mẹ và sư trưởng đều phải cung kính.

Vậy, gặp Hòa thượng, Thượng tọa, A xà lê (Thượng sư), bạn thân, người đồng kiến, đồng hạnh (như tham thiền với nhau gọi là đồng tham, tức là đồng hạnh), mình gặp phải đứng dậy nghinh tiếp; các vị lớn hơn, như: Hòa Thượng, Thượng tọa gặp thì phải lễ bái hỏi thăm. Trong thời của Phật, có người gặp vị Thượng tọa lễ bái, chấp tay hỏi thăm “Thượng tọa có ít bệnh, ít phiền não, an lạc không”? Ở bên người Hoa chỉ có xá chào, chứ không có hỏi. Đáng lẽ ra phải vấn tín (hỏi thăm).

Trong này nói: “Bán thân, bán con trai, bán con gái,…” là có ý tận sức cúng dường, tùy theo sức mình cúng dường Tam bảo, vì mình đã quy y Tam bảo, cần sự giáo hóa của Tam bảo, theo đó mà thực hành đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, giải thoát tất cả khổ. Cái ân đó rất lớn, nên mình tận sức mà cúng dường. Nếu không biểu thị cung kính, mà sanh tâm ngã mạn, hoặc còn nổi sân lên, không theo pháp cúng dường thì phạm tội khinh này.

## ***2- GIỚI UỐNG RƯỢU***

Chánh văn:

Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống hay sanh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, sẽ mang ác báo: Năm trăm đời không tay, uống là tự uống. Cũng chẳng đặng bảo người và tất cả chúng sanh uống rượu, uống là tự mình uống! Tất cả thứ rượu, Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống cũng bảo người uống, Phật tử này phạm “khinh cầu tội”.

Giải thích:

Cư sĩ thọ 5 giới, trong đó có một giới uống rượu, không có giới bán rượu, tức là uống rượu thì phạm và bán rượu thì không phạm.

Giới Bồ Tát lại khác, bán rượu tội nặng, uống rượu tội nhẹ, vì uống rượu chỉ hại mình, còn bán rượu thì hại người. Giới Bồ Tát là lợi tha, mà nghịch lại hại người khác, cho nên tội nặng. Ở trong 10 điều trọng không được bán rượu, còn ở đây uống là tội khinh.

Phật tử thọ giới Bồ Tát không được uống rượu. Rượu không có tội lỗi, nhưng uống rượu say rồi có thể phá giới trước làm ra tội lỗi, nên trong Phật giáo cấm uống rượu. Nếu đưa chén rượu cho người uống, phải mắc quả báo 500 đời không tay, huống chi mình uống, cũng không được dạy người uống, không được dạy tất cả chúng sanh uống, tức là tất cả rượu không được uống.

Theo giới uống rượu thành tội, cũng có 4 nhân duyên:

- 1- Rượu đó uống say.
- 2- Mình cho nó là rượu.
- 3- Cố ý uống rượu.
- 4- Uống rượu vào cổ họng.

Có khi người ta dùng rượu để làm trong đồ ăn, nhưng ăn đồ thì không phạm hay là cơm rượu để ăn uống không say thì không phạm. Nếu mình lấy các thứ để uống, lại uống nhằm rượu, không cho nó là rượu cũng không phạm. Uống rượu thiếu 1 trong 4 nhân duyên thì không phạm.

Nếu tự mình uống rượu hoặc đưa rượu cho người uống thì phạm giới khinh này.

### ***3- GIỚI ĂN THỊT***

Chánh văn:

Nếu Phật tử cố ăn thịt. Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thời mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh; tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi.

Vì thế, nên tất cả Phật tử không được ăn thịt mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm “khinh cấu tội”.

Giảng giải:

Giới Bồ Tát là muốn lợi ích cho chúng sanh. Nếu mình phát tâm hành đạo Bồ Tát, mà còn ăn thịt chúng sanh, làm sao độ chúng sanh được? Theo nhân quả thì giết một mạng phải đền một mạng, ăn một cục thịt phải trả một cục thịt, mới là đúng nhân quả.

Nếu mình cố ý ăn thịt chúng sanh thì không có lòng từ bi. Vì lòng từ bi là muốn độ chúng sanh. Như vậy, thọ giới Bồ Tát phải ăn chay trường, còn thọ ngũ giới không có quy định ăn chay trường. Cho nên, thọ giới Bồ Tát không được ăn thịt.

Nếu mình ăn thịt gà thì sau này đâu thai thành gà, gà đâu thai thành người, rồi nó ăn lại. Ấy là việc nhân quả; còn tội phá giới thì lại khác, tội phá giới có thể sám hối diệt tội, nhưng tội nhân quả không được sám hối diệt tội, vì nhân nào quả nấy.

#### ***4- GIỚI ĂN NGŨ TÂN***

Chánh văn:

Nếu Phật tử, chẳng được ăn loại ngũ tân là hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ. Loại ngũ tân này, gia vào trong các thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm “khinh cấu tội”.

Giảng giải:

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Không được ăn ngũ tân”. Người Hoa có để ý cử ăn ngũ tân, người Việt ít để ý cử ăn ngũ tân; như củ kiệu mà người Việt vẫn ăn. Ngũ tân gồm có: “Tỏi, nén, hành, hẹ, hưng cừ”. Hưng cừ chỉ Aán Độ mới có, ở đây có 4 thứ kia.

Tại sao cấm ăn ngũ tân? Vì ăn sống thì sân hận, ăn chín thì kích thích dâm dục. Cho nên, người tu hành phải cấm, và tánh chất khi ăn thấy hôi. Nếu mình ăn ngũ tân, hộ pháp thần thấy hôi nên không ủng hộ, ma quỷ thì liếm môi mình. Vì vậy, Phật cấm người tu hành không được ăn ngũ tân, người ăn ngũ tân rất chướng ngại việc tu hành.



## PHẨM PHỔ MÔN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giải thích đề kinh:

Diệu pháp, chữ “Diệu” là bất khả tư nghì, pháp này không có thể dùng ý thức nghĩ ra được. Cho nên, lấy hoa sen để ví dụ, dù ở trong bùn sinh sanh ra, nhưng không bị bùn sinh làm ảnh hưởng ô nhiễm, lấy hoa sen để hình dung quyền kinh này.

Quán Thế Âm, theo âm thanh của thế gian phải lấy tai nghe mới đúng, nhưng người ngộ triệt để thì lục căn hỗ dụng, mắt nghe tai xem.

Chữ “Quán” phải dùng mắt để nhìn, mà dùng mắt để nghe âm thanh chỉ có tự tánh làm được. Ở đây là chỉ tự tánh của mình (Phật), Phật nghĩa là tự giác, giác ngộ cho chúng sanh và giác ngộ hoàn toàn đầy đủ. Bồ Tát cũng có nghĩa giác ngộ chúng sanh. Tự tánh của mình phổ biến cùng khắp hư không pháp giới, nên gọi là phổ môn hay phổ cập, phổ biến, chỗ nào cũng đến hết. Phẩm Phổ Môn là phẩm thứ 25 của kinh Pháp Hoa.

Dao Tần Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Ở Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng cũng gọi là Tần. Đến sau, thời ngũ đại có 16 nước, trong đó 1 nước Tần, vua là Phù Kiên, lấy quốc hiệu là Phù Tần (tiền Tần).

Vua Phù Kiên chết, Dao Trành kế vị, nên gọi là Dao Tần, lại xưng là Hậu Tần.

Vua Dao Trành chết, con là Dao Hưng kế vị, nhà vua cung nghinh pháp sư Cưu Ma La Thập về Trường An.

Tại sao gọi là Tam Tạng Pháp Sư?

Tam tạng là kinh, luật, luận. Nếu thông suốt kinh gọi là kinh sư, thông suốt luật gọi là luật sư, thông suốt luận gọi là luận sư. Cưu Ma La Thập thông suốt 3 tạng, cho nên gọi là Tam Tạng Pháp Sư. Cưu Ma La Thập ở trong nước Dao Tần, nhà vua rất kính trọng và ngài dịch nhiều kinh. Quyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa này do ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch rất hay và đúng nghĩa. Ngài nói rằng: “Nếu kinh của tôi dịch sai, khi tôi chết, đem đi thiêu thì cái lưỡi của tôi mất, nếu đúng thì lưỡi của tôi còn”.

Sau này ngài tịch rồi đem đi thiêu tất cả đều cháy hết, chỉ còn lại cái lưới không cháy, chứng tỏ kinh của ngài dịch không sai bản ý của Phật và hiện nay lưu hành rộng rãi nhất.

Chánh văn:

Lúc ấy, Vô Tận Ý Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: Quán Thế âm có nhân duyên gì gọi là Quán Thế Âm?

Phật bảo: Nếu có vô lượng vô biên chúng sinh chịu tất cả khổ, nghe được Quán Thế âm Bồ Tát, nhất tâm xưng danh. Tức thời, Quán Thế âm Bồ Tát quán được âm thanh kia đều được giải thoát.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế âm này, dầu vào lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức oai thần lực của Bồ Tát vậy.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát này tức thời liền vào chỗ cạn.

Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh, vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hồ phách, chơn châu các thứ báu, mà vào trong biển lớn; giả sử gió lớn thổi ghe thuyền kia trôi tấp nơi nước quỷ La Sát, trong đó nếu có đến một người xưng danh hiệu Quán Thế âm thì những người ấy đều giải thoát khỏi nạn La Sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế âm.

Giải thích:

Ở trên nói Quán Thế âm là tự tánh của mình, không phải thật có 1 Quán Thế âm nghe người ta xưng danh lại cứu, nếu có vậy thì cứu không kịp, không những chỉ có thế giới này, mà có tam thiên đại thiên thế giới, vì trần thế giới, vô lượng vô biên thế giới, bất cứ có chúng sinh nào cầu cứu thì cứu được!

Như đài phát thanh cực mạnh, nếu có radio nhỏ rà được làn sóng thì muôn triệu máy radio cũng rà được làn sóng đều thu được. Bởi vì, điều dụng của tự tánh cùng khắp hư không pháp giới; nên bất cứ chỗ nào cũng có, tức là tự tánh mình tự cứu, chứ không phải người khác cứu hay Quán Thế âm cứu mình.

Nói đến nhất tâm là sự tu của mình quét sạch tất cả chấp trước, chỉ còn tâm trống rỗng, như ngũ uẩn giai không thì không tướng hiện ra gọi là nhất tâm, không có niệm khác thì điều dụng của Tự tánh hiện ra.

Phải biết, Quán Thế âm dùng con mắt để nghe, mới gọi là Quán Thế âm. Nếu dùng con mắt nghe không được không gọi là Quán Thế âm. Cho nên đạt đến cảnh giới này thì tất cả chấp trước đều sạch hết, mới được giải thoát.

Quán Thế âm là tự tánh của mình, tự tánh mình có thần thông biến hóa, không kém hơn Phật một chút nào cả, nên gọi là Phật tánh, người nào cũng sẵn đầy đủ, mà Phật đã dùng ra hết, còn mình chưa được dùng ra, nếu có dùng ra chỉ được một chút.

Ví dụ như dùng hết là một triệu phần, còn mình dùng ra chỉ một phần triệu hay không đủ một phần triệu nữa. Nếu không dùng ra nó cũng biến vậy, nó chậm trở thành nghiệp lực, nhanh gọi là thần thông lực. Hiện giờ, đang biến hóa rất chậm nên mình không biết được.

Như tóc của mình dài mỗi giây phút mà không tự biết, hay móng tay đang ra dài mình không biết, tế bào mỗi giây phút thay đổi mình cũng không biết. Chính mình biến hóa mà tự không biết. Nó ngày đêm không ngừng biến nên có nhân quả tam thế, kiếp trước tạo thành kiếp này, kiếp này tạo thành kiếp sau.

Vì nhất thiết duy tâm tạo, tạo chậm gọi là nghiệp lực, ví như tâm lực một triệu độ, mình dùng ra chỉ có 1 độ nên nó biến chậm. Nếu tham thiền từ tâm lực 1 độ tiến lên 10 độ 100 độ đến phân nửa là 500.000 độ thì nó có thể biến nhanh. Như biến cái tách thành cái tách, biến mất cái tách thì cái tách mất, gọi là thần thông lực.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm mình như họa sĩ rất hay”, họa ra đủ thứ ở trên thế gian, họa ra thiên đường thì mình mừng, họa ra ở địa ngục thì mình thấy sợ, đều do tâm mình họa ra mà thôi.

Ở trong này nói: “Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế âm Bồ Tát”, chữ “trì” có người hiểu sai lầm tưởng là tụng, cũng như mỗi ngày tụng phẩm Phổ Môn, nói trì Phổ Môn là sai. Trì là theo kinh thực hành. Cũng như chúng tôi trì giới, nửa tháng bố tát tụng giới, tụng giới giống như tụng kinh vậy.

Nếu tụng là trì thì có phá giới cũng không sao, vì có trì rồi. Trì giới là theo giới thực hành, như theo kinh thực hành gọi là trì kinh. Tham thiền khởi lên nghi tình tự động quét tất cả chấp phạm phu, Tiểu thừa, Trung thừa và Phật thừa.

Tham thiền là trì kinh, nếu có trì mới đạt đến Quán Thế âm, đạt đến tự tánh được. Cái dụng của tự tánh không qua tác ý. Nhiều Phật tử tham thiền có sức dụng phần ít của tự tánh. Chúng tổ túc cầu viên làm thủ môn, trong lúc đang tham thiền không để ý trái banh, nhưng trái banh nào bay vô cầu môn đều chụp được.

Tháng 6 năm 1979 chùa Từ ân mở thiên thất, Trương Quốc Anh dự đến cuối thiên thất. Anh là thủ môn hăng bột ngọt, đối phương là đội tuyển thủ rất mạnh, ai cũng tin chắc là đội bột ngọt sẽ thua, nhưng kết cuộc ngược lại đội bột ngọt thắng 4 – 0. Vì anh tham thiên không để ý trái banh, tức là không qua bộ óc để ý nên tác dụng rất nhanh, chụp không sót một trái banh nào.

Nếu để ý banh là trẻ thì không thể chụp banh được. Theo khoa học giải thích cho là vô lý, người ta để ý còn khó chụp được, mà không để ý lại chụp được!

Có một cô thợ may tên là Trì Hằng Thiên cũng đang tham thiên vừa cắt vải may quần áo nhưng không lộn, lại có năng suất nhiều hơn. Chứng tỏ công việc bộ óc không cần qua bộ óc mà làm xong công việc bằng óc. Như dùng con số để tính nếu không để ý thì dễ sai, mà tham thiên không để ý con số tính số không sai. Rõ ràng diệu dụng của tự tánh tự động không cần qua bộ óc.

Trì kinh là theo kinh thực hành mới đạt đến danh hiệu Quán Thế âm thì được diệu dụng tự tánh hiện ra. Nếu đạt đến chỗ này, vào lửa không thể cháy được, vì thần lực tự tánh hiện ra. Như nhiều người tham thiên chạy xe máy không để ý xe cộ, nhưng không bị xe đụng; nếu có đụng nhau, người tham thiên không bị gì.

Một vị chở vợ bằng xe máy, trong khi người chồng tham thiên, người vợ không tham thiên, khi xe khác đụng vào xe thì người vợ la lên, xe người khác hư và ngã, xe người tham thiên không ngã và không hư.

Lúc nhất tâm thì diệu dụng tự tánh hiện ra, chứng tỏ lửa không thể cháy, nước không thể làm chìm, mà muốn cái gì được cái nấy, tất cả tai nạn ma quỷ đều được giải thoát. Vì nhân duyên này gọi là Quán Thế âm là cái dụng tự tánh của mình.

Chánh văn:

Lại nữa, có người đang lúc bị hại, mà xưng danh hiệu Quán Thế âm Bồ Tát, thời dao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, liền được thoát khỏi.

Nếu quý Dạ Xoa cùng La Sát đầu trong cõi tam thiên muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Quán Thế âm Bồ Tát thì các quỷ dữ đó còn không thể dùng mắt dữ để nhìn, huống lại làm hại được.

Dầu lại người có tội hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thầy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu, trải qua đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng: “Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, nên phải một lòng xưng danh Quán Thế Âm Bồ Tát, vị Bồ Tát này hay đem pháp vô úy thí cho chúng sanh, các vị nên xưng danh hiệu thì thoát khỏi oán tặc kia”.

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, vì xưng danh hiệu này đều được thoát khỏi.

Giảng giải:

Nếu theo kinh thực hành tức là tu theo 1 pháp môn nào, như pháp môn tu thiền; 1 người trước đó phạm tội tử hình, nếu được diệu dụng tự tánh hiện ra thì dao kiếm đụng tới thân, kiếm dao gãy từng đoạn, mà thân không hề gì.

Hồi trước tôi chưa hiểu nghĩa này, cho rằng chỉ gạt con nít, ai khó tin được! Nhưng người tham thiền hiện ra cái dụng tự tánh chút ít có thể tin được. Nếu giải thích ra vô lý, nhưng sự thật đúng vậy. Nói xưng đúng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát chứ không phải tụng cái danh thôi. Tụng cái danh mà tâm nghĩ cái này nghĩ cái khác thì không có công hiệu.

Tức là lúc ấy không có niệm gì khác, mới hiện ra cái dụng của tự tánh, mà tất cả ma quỷ đầy tam thiên đại thiên thế giới muốn ăn thịt người hay muốn hút tinh khí người thì không thể được. Nếu dụng tự tánh Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra thì những tai nạn đó không thể hại được, huống là lấy mắt ngó! Việc ấy trong Thiền tông có nhiều.

Như Hộ pháp thần muốn nhìn mặt vị trụ trì 30 năm của 1 ngôi chùa đã kiến tánh, nhưng không thấy được, vì vị trụ trì có hào quang. Hộ pháp thần không biết làm cách nào, rồi hỏi chủ sự chùa: Tôi muốn thấy mặt trụ trì phải làm thế nào?

Chủ sự nói: Dễ mà! Ngày mai, đại chúng đang ăn cơm ông lấy thùng cơm lật ngược lại.

Hộ pháp thần làm theo lời nói, khi thùng cơm bị lật ngược, vị trụ trì rầy: Cơm của thí chủ sao làm đổ như vậy!

Lúc đó, vị trụ trì không nhất tâm, thành ra hào quang hạ xuống, Hộ pháp thần thấy được rồi lại trước mặt đánh lễ. Được một lúc, hào quang phục hồi thì Hộ pháp thần không thấy nữa.

Tất cả mọi người đều có hào quang, ai tu nhiều tâm lực mạnh thì có hào quang mạnh. Hộ pháp thần còn thấy không được, huống chi phàm phu làm sao thấy được! Thiên tông có chuyện tích khác.

Tổ Luật tông là Đạo Tuyên luật sư trì giới rất nghiêm chỉnh cảm ứng được thiên thần ở cõi trời, mỗi buổi trưa đem đồ ăn cúng dường trải qua thời gian tiếng tăm đồn khắp nơi. Thiên sư muốn gặp người cõi trời ra sao? Một hôm Thiên sư đến Đạo Tuyên, để chờ gặp người cõi trời, chờ đến qua giờ Ngọ, Thiên sư thấy người cõi trời không đến, liền từ giả Đạo Tuyên về.

Vừa ra khỏi nhà thì Thiên thần vào, Đạo Tuyên nói: Tại sao hôm nay ông đến trễ vậy? Biết tôi quá giờ Ngọ không ăn!

Thiên thần đáp: Không phải đi trễ, tôi vẫn đi như mỗi ngày vậy; nhưng có hào quang tỏa sáng khắp tòa nhà, nên tôi vào không được, bây giờ hào quang tan, tôi mới vào được.

Đạo Tuyên mới biết Thiên sư có hào quang, không phải như lúc đầu coi thường Thiên sư không có oai nghi. Nhưng Thiên sư trì giới siêu việt mà Đạo Tuyên không biết, không ngờ Luật sư trì giới không bằng.

Diệu dụng của tự tánh hiện ra không thể nghĩ bàn. Nếu có tội hay không có tội, xưng danh đúng Quán Thế Âm thì tất cả gông cùm xiềng xích được tan rã. Như đoàn người thương buôn gặp cướp tặc chỉ trong đó có người xưng đúng danh hiệu Quán Thế Âm thì cướp tặc không hại được.

Cho nên, gọi Quán Thế Âm ban cho cái không sợ. Tất cả khủng bố, khiếp sợ đều được thoát khỏi. Tức là nhất Tâm thì diệu dụng tự tánh được hiện ra, chứ không phải niệm suông một câu “Quán Thế Âm Bồ Tát” mà cứu được. Nếu như vậy thì người nào niệm cũng đều được cả! Nhưng lúc niệm phải niệm nhất tâm, muốn được nhất tâm nên ngày thường phải có sự tu tập.

Như tham thiền chỉ có nghi tình, không có niệm khác thì cái dụng tự tánh hiện ra; như có tài xế xe hơi đang tham thiền, không để ý xe, mà không đụng xe. Lúc chưa tham thiền bị cảnh sát giao thông thổi phạt, tham thiền rồi không còn bị thổi phạt.

Việc ấy chứng tỏ sức dụng của tự tánh tự động, không cần qua bộ óc. Nếu qua bộ óc thì không phải dụng tự tánh, đó đều là vọng. Cho nên, nói xưng đúng danh Quán Thế Âm, nghĩa là con mắt nghe được âm thanh, tức là không có phân biệt. Nếu có phân biệt thì chỉ mắt thấy tai nghe.

Chánh Văn:

Vô Tận Ý! Quán thế âm Đại Bồ Tát sức oai thần cao lớn như thế.  
Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế âm Bồ Tát, liền được lìa dục.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế âm Bồ Tát, liền được lìa lòng giận.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế âm Bồ Tát, liền được lìa ngu si.

Vô Tận Ý! Quán thế âm Đại Bồ Tát sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế.  
Cho nên, chúng sanh phải thường tưởng nhớ.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, vì trước đã trồng cội phước đức, mọi người đều kính mến.

Giảng giải:

Vô Tận Ý là đại diện đương cơ phẩm kinh này, thần lực tự tánh Quán Thế âm của mọi người rất oai thần. Nếu người ham dâm dục, ngu si, sân hận, mà niệm đúng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì ngu si, sân hận sẽ hết.

Có sự thật chứng tỏ, những người tham thiền, trước kia thích coi hát, mặc áo đẹp hay ăn uống, tham thiền một thời gian thì hết thích coi hát, mặc áo đẹp hay ăn uống. Tự nhiên hạ căn chuyển thành thượng căn, như ban đầu nghe tôi giảng không hiểu gì cả, có thể gọi ngu si, chỉ tin lời nói của tôi mà tham thiền vài tháng sau thành linh phát huệ; trước kia coi kinh không hiểu, bây giờ coi kinh thì hiểu.

Tự tánh mình đầy đủ, không kém hơn Phật. Không được dùng ra là do bị tham sân si che khuất, nên không hiện ra cái dụng. Như bụi che lấp mặt gương, nên gương không chiếu ra được. Nếu quét sạch bụi trên gương thì ánh sáng gương hiện ra.

Không phải do mình tu mà thành Phật, như không phải quét bụi mới thành gương, vì gương đã thành sẵn. Lúc quét trống ra được bao nhiêu thì cái dụng

hiện ra bấy nhiêu. Bởi vì Phật pháp nói đến chữ không là hiện ra cái dụng tích cực, chứ không phải tiêu cực.

Như nhà này, chẳng có cái không thì chúng ta chẳng thể ngồi đây được. Cho nên, tất cả dùng đều phải nhờ cái không. Có cái không mới dùng được, chẳng có cái không chẳng dùng được. Vì vậy, Phật pháp nói đến cái không là hiện ra cái dùng.

Ví dụ cái tay là cái dụng của tự tánh, nó là hoạt bát vạn năng, muốn lấy cái khăn, cái đĩa,... đều được. Nếu cầm chặt cây bút thì không thể lấy thứ khác được nữa. Nếu cần lấy thứ khác thì phải buông cây viết ra mới lấy được mọi thứ.

Mà cây bút là pháp có, nếu chấp không tức là trong nắm tay không có gì hết, cũng làm mất cái dụng của cái tay. Như nắm tay “không” cần phải buông ra thì cái dùng của tay mới có. Như không còn chấp không thì cái dụng tự tánh được hiện ra.

Tự tánh luôn luôn hiện ra cái dụng hoạt bát vạn năng, nếu chấp nơi có thì trụ nơi có, chấp nơi không thì trụ nơi không đều có sở trụ, nên mất cái dụng hoạt bát vạn năng tự tánh. Cho nên, không trụ chỗ nào thì cái dụng hoạt bát vạn năng tự tánh có vô lượng vô biên.

Dụng của tự tánh có oai thần lực như thế, có lợi ích cho chúng sanh, nên tất cả chúng sinh đều hướng vào tự tánh mà ngộ. Phải theo kinh thực hành, quét sạch bệnh chấp thật. Lúc ấy, dụng Phật tánh hiện ra, mình không cần cầu nó vẫn được.

Phật tánh hiện ra thì được tự do tự tại, như muốn cầu nam được nam, muốn cầu nữ được nữ, muốn cái gì được cái nấy. Nếu còn một chút chướng ngại thì không được tự do tự tại hay còn một chút khổ cũng gọi là không tự do tự tại.

Vì vậy chúng sinh đều phải thọ trì. Thọ trì là lãnh thọ thực hành, chứ không phải chỉ có miệng nói, không thực hành. Nếu như thế ai làm chẳng được! Vậy đâu có công hiệu, tự tánh không hiện ra cái dụng để dùng. Cho nên, tin tự tánh mình là Phật, rồi mới lãnh thọ thực hành theo, được hiện ra cái dụng tự tánh, mới đúng danh Quán Thế Âm có lực căn hộ dụng.

Chánh văn:



Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần như thế.

Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ Tát, thời phước đức chẳng lường mất. Cho nên, chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của 62 hàng hà sa ức Bồ Tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam tín nữ có nhiều chăng?

Vô Tận Ý thưa: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật nói: Nếu người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.

Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát đặng vô lượng vô biên lợi ích như thế.

Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dạo đi trong cõi Ta Bà như thế nào? Nói pháp cho chúng sanh như thế nào? Sức phương tiện việc đó như thế nào?

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật đặng độ thoát, thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Duyên Giác đặng độ thoát, liền hiện thân Duyên Giác mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thanh Văn đặng độ thoát, liền hiện thân Thanh Văn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Phạm Vương đặng độ thoát, liền hiện thân Phạm Vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đế Thích đặng độ thoát, liền hiện thân Đế Thích mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tự Tại Thiên đặng độ thoát, liền hiện thân Tự Tại

Thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên đặng độ thoát, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thiên Đại Tướng Quân đặng độ thoát, liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ Sa Môn đặng độ thoát, liền hiện thân Tỳ Sa Môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tiểu Vương đặng độ thoát, liền hiện thân Tiểu Vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Trưởng Giả đặng độ thoát, liền hiện thân Trưởng Giả mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cư Sĩ đặng độ thoát, liền hiện thân Cư Sĩ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tể Quan đặng độ thoát, liền hiện thân Tể Quan mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà La Môn đặng độ thoát, liền hiện thân Bà La Môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đặng độ thoát, liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn đặng độ thoát, liền hiện thân phụ nữ của Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ đặng độ thoát, liền hiện thân đồng nam, đồng nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Ma Hầu La Đà, nhơn cùng phi nhơn đặng độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cháp Kim Cang thân đấng độ thoát, liền hiện thân Cháp Kim Cang thân mà vì đó nói pháp.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát thành tựu công đức như thế, dùng mỗi thân hình dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các vị phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

Quán Thế Âm Đại Bồ Tát ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta Bà này đều gọi là vị Thí Vô Úy.

Giải thích:

Phật nói: “Có người thọ trì 62 ức, hằng hà sa Bồ Tát”. Tại sao nói 62 ức? Không nói 60 hay 61? Vì kiến chấp của chúng sinh có 62 thứ, cho nên có số 62 để đối trị kiến chấp. 62 thứ là gì? Gồm có tứ cú: Cú thứ nhất là “có”, cú thứ nhì là “không”, cú thứ 3 là “chẳng có chẳng không”, cú thứ tư là “cũng có cũng không”. Nếu chấp có lọt vào cú thứ nhất, chấp không lọt vào cú thứ nhì, chấp chẳng có chẳng không lọt vào cú thứ 3, chấp cũng có cũng không lọt vào cú thứ tư. Nhân cùng với ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) thành 20, rồi nhân với tam thế (quá khứ, hiện tại, vị lai) thành 60 và cộng nguồn gốc Có và Không thành 62:

(Tứ cú x ngũ uẩn x tam thế) + Có & Không.

Cho nên, kiến chấp gồm 62 thứ, tất cả các pháp đều do kiến chấp này sanh ra. Vì thế, muốn trị bệnh của chúng sinh, mới nói có 62 ức số để trị bệnh chấp chúng sinh.

Thọ trì 62 ức hằng hà sa số Bồ Tát để đối trị 62 kiến chấp này, mình chỉ xưng đúng Quán Thế Âm là đầy đủ. Bởi vì, tự tánh của mình đầy đủ tất cả, tất cả không ngoài tự tánh.

Như hư không pháp giới không ở ngoài tự tánh. Nói tâm bao gồm hư không pháp giới thì tâm là tâm, hư không pháp giới là hư không pháp giới là 2 rồi. Vì tự tánh bất nhị, nên hư không pháp giới là tâm, tâm là hư không pháp giới, hư không pháp giới là tự tánh, chứ không phải là 2 cái, nếu là 2 thì không phải tự tánh.

Nói ra có 62 ức thì nhiều, nhưng gom lại là bất nhị, cũng là Quán Thế Âm. Vì vậy công đức bằng nhau không khác, tất cả dụng tự tánh hiện ra dùng

không hết. Phước đức của thế gian tuy nhiều, nhưng dùng có ngày phải hết; còn công đức của tự tánh dùng không bao giờ hết, vì tự tánh không sanh thì không diệt.

Chư Phật muốn mình tu để tự tánh hiện ra cái dùng rốt ráo, như quét trống bao nhiêu thì cái dụng hiện ra bấy nhiêu. “Không” tích cực thì dụng tích cực. Thọ trì là quét chập trước cho sạch, nếu quét chưa sạch thì còn năng lực gọi là tiềm năng, tiềm năng ẩn nơi tự tánh của mình.

Nếu quét sạch chập trước hoàn toàn thì cái dụng bằng Phật. Lúc ấy được tự do tự tại, muốn dùng như thế nào đều được cả. Ở đây nói có 32 ứng thân của Quán Thế Âm là chúng sanh nào cần thân Phật độ thì hiện thân Phật để độ, cần thân gì thì hiện thân ấy để độ. 32 thứ là tùy theo trình độ căn cơ của chúng sanh mà độ.

Như Lục Tổ nói: “Tự tánh tự độ”, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng là tự tánh tự độ, mỗi mỗi chúng sanh cũng là tự tánh tự độ. Vì tự tánh là Quán Thế Âm Bồ Tát, tự tánh là Phật, chứ không phải người khác độ mình được. Nếu có người khác độ mình được, vậy Phật đại từ đại bi độ chúng sanh hết thì chúng sanh bây giờ không còn khổ!

Không thể kể ra chi tiết 32 thứ ứng thân, vì những thứ kia cũng như vậy.

Chánh văn:

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: “Thế Tôn! Con nay cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát”. Liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lượng vàng, đem trao cho ngài Quán Thế Âm mà nói rằng: “Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này”.

Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: “Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này”.

Bấy giờ, Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: “Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, nhơn và phi nhơn, ... mà nhận chuỗi ngọc đó”.

Tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát thương hàng tứ chúng và Trời, Rồng, Nhơn và phi nhơn,... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: Một phần dung Phật Thích Ca Mâu Ni, một phần dung tháp của Phật Đa Bảo.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần tự tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta Bà.

Giảng giải:

Đến đây, Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Con muốn cúng dường xâu chuỗi ngọc cho Quán Thế Âm Bồ Tát”. Đây là hình dung trân trọng cung kính pháp. Nếu mình không được nghe pháp thì không biết cách tu hành, nên không được giải thoát và không hiện ra cái dụng Phật tánh.

Vô Tận Ý Bồ Tát muốn biểu thị cung kính Tam Bảo, mới lấy xâu chuỗi ngọc rất giá trị cúng dường. Ban đầu Quán Thế Âm Bồ Tát không chịu nhận. Vô Tận Ý Bồ Tát thưa cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: “Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này”.

Khi ấy, Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: “Phải thương xót Vô Tận Ý Bồ Tát”. Vì Vô Tận Ý Bồ Tát là đại diện cho đương cơ, thương Vô Tận Ý Bồ Tát là thương xót tất cả người đang nghe pháp gồm có: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, Thiên Long bát bộ,...

Quán Thế Âm Bồ Tát chịu nhận chuỗi ngọc anh lạc, rồi chia ra làm 2 phần: Một phần cúng dường Phật Thích Ca và còn một phần cúng dường tháp Phật Đa Bảo.

Phật nói với những người nghe pháp: Tự tánh Quán Thế Âm của mình có thần lực tự do tự tại, không những cùng khắp thế giới Ta Bà, mà cùng khắp vô lượng vô biên thế giới.

Chánh văn:

Lúc đó, Ngài Vô Tận Ý nói kệ hỏi Phật:  
Thế Tôn đủ tướng tốt!  
Con nay lại hỏi kia  
Phật tử nhơn duyên gì  
Tên là Quán Thế âm?  
Đáng đầy đủ diệu tướng.

Giảng giải:

Nói đến chữ “diệu” thì bất khả tư nghĩ, nếu có tướng để thấy là suy nghĩ được, vậy không phải “diệu tướng”. Diệu tướng này có sẵn đầy đủ cái dụng của tự tánh, tất cả chúng sanh cũng đầy đủ diệu tướng.

“Nhân duyên gì tên là Quán Thế âm?” Ở trên nói Quán Thế Âm Bồ Tát là cái dụng của tự tánh được hiện ra, mới có lục căn hỗ dụng, nên con mắt nghe âm thanh, vì vậy có tên là Quán Thế âm. Việc ấy không thể suy nghĩ được, gọi là đầy đủ diệu tướng. Cho nên, tất cả người thế gian tôn kính trân trọng.

Chánh văn:

Nói kệ đáp Vô Tận Ý:  
Ông nghe hạnh Quan âm  
Khéo ứng các nơi chỗ  
Thệ rộng sâu như biển  
Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn  
Hầu nhiều nghìn ức Phật  
Phát nguyện thanh tịnh lớn.  
Ta vì ông lược nói  
Nghe tên cùng thấy thân  
Tâm niệm chẳng luống qua  
Hay diệt khổ các cõi.  
Giả sử sanh lòng hại  
Xô rớt hầm lửa lớn  
Do sức niệm Quán âm  
Hầm lửa biến thành ao.  
Hoặc trôi dạt biển lớn  
Các nạn quỷ, cá, rồng  
Do sức niệm Quan âm  
Sóng mòi chẳng chìm đắm.  
Hoặc ở chót Tu Di  
Bị người xô rớt xuống  
Do sức niệm Quan âm  
Nhu mặt trời trên không.  
Hoặc bị người dữ rượt  
Rớt xuống núi Kim Cang  
Do sức niệm Quan âm  
Chẳng tổn đến mây lông.

Hoặc gặp oán tặc vây  
Đều cầm dao làm hại  
Do sức niệm Quan Âm  
Đều liền sanh lòng lành.  
Hoặc bị khổ nạn vua  
Khi hành hình sắp chết  
Do sức niệm Quan âm  
Dao liền gãy từng đoạn.  
Hoặc tù cầm xiềng xích  
Tay chân bị gông cùm  
Do sức niệm Quan âm  
Tháo rã được giải thoát  
Nguyên rửa các thuốc độc  
Muốn hại đến thân đó  
Do sức niệm Quan âm  
Trở hại nơi bồn nhờn.  
Hoặc gặp La Sát dữ  
Rồng độc các loài quỷ  
Do sức niệm Quan âm  
Liền đều không dám hại.  
Hoặc thú dữ vây quanh  
Nanh vuốt nhọn đáng sợ  
Do sức niệm Quan âm  
Vội vàng bỏ chạy thẳng.  
Rắn độc cùng bò cạp  
Hơi độc khói lửa đốt  
Do sức niệm Quan âm  
Theo tiếng tự bỏ đi.  
Mây sấm nổ sét đánh  
Tuông giá xối mưa lớn  
Do sức niệm Quan âm  
Liền đọng tiêu tan cả.  
Chúng sanh bị khổ ách  
Vô lượng khổ bức thân  
Quán âm sức trí diệu  
Hay cứu khổ thế gian  
Đầy đủ sức thần thông  
Rộng tu trí phương tiện  
Các cõi nước mười phương  
Không cõi nào chẳng hiện.

Các loài trong đường dữ:  
Địa ngục quỷ, súc sanh  
Sanh, già, bệnh, chết, khô  
Lần đều khiến dứt hết.  
Chơn quán thanh tịnh quán  
Trí huệ quán rộng lớn  
Bỉ quán và từ quán,  
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng  
Sáng thanh tịnh không nhơ  
Huệ nhật phá các tối  
Hay tiêu tai khói lửa  
Khắp soi sáng thế gian.  
Lòng bi răn như sấm  
Ý từ diệu dường mây  
Xôi mưa pháp cam lồ  
Dứt trừ lửa phiền não  
Cải kiện qua chỗ quan  
Trong quân trận sợ sệt  
Do sức niệm Quan âm  
Cừ oán đều lui tan.  
Diệu âm, Quán thế âm  
Phạm âm, hải triều âm  
Tiếng hơn thế gian kia,  
Cho nên thường phải niệm.  
Niệm niệm chớ sanh nghi  
Quán âm bực Tịnh Thánh  
Nơi khổ não nạn chết  
Hay vì làm nương cậy.  
Đủ tất cả công đức  
Mắt lành trông chúng sanh  
Biển phước lớn không lường  
Cho nên phải đánh lễ.

Giảng giải:

Phật nói: “Nay nghe hạnh Quán Thế âm”, tức là cái dụng của tự tánh khắp mười phương. Tất cả Phật và Bồ Tát đều có thế nguyện rộng sâu như biển, không bị thời gian, số lượng hạn chế nên gọi là nhiều kiếp không nghĩ bàn.

Đại thanh tịnh là không sạch và không dơ. Chữ “đại” là siêu việt số lượng,



siêu việt hiện tượng, lìa tương đối. Nếu có sạch có dơ thì chẳng phải là “đại”. Cho nên, phải quét luôn cả thanh tịnh, mới được đại thanh tịnh.

“Ta vì ông lược nói, nghe tên cùng thấy thân, tâm không bỏ qua trống rỗng”. Như tham thiền không để lọt vào vô ký không, phải có nghi tình; nếu không có vọng tưởng không có nghi tình thì lọt vào vô ký không, đối với việc tu hành kiến tánh là vô ích.

Nhưng đây “nghe danh thấy thân” không phải thật mình nghe danh thấy thân. Như Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nghe là phản văn (nghe)” là nghe tự tánh của mình. Tự tánh không có hình tướng, không có thân. Kinh Kim Cang nói: “Không có thân mới là đại thân”. Nếu có thân thì không phải đại thân, có hình tướng cũng không phải là đại thân.

Lúc tự tánh hiện ra thì tất cả khổ đều tiêu mất, giả sử có người muốn hại mình, muốn xô xuống hầm lửa, niệm đúng danh Quán Thế Âm thì sức dụng tự tánh biến hầm lửa thành ao mát trong xanh cho mình tắm. Đoạn dưới nói nạn rồng, cá, quỷ,... nếu niệm được đúng danh Quán Thế Âm thì tất cả nạn kia không thể hại được.

Ở đây nói nhiều thứ, nhưng ý nghĩa giống nhau, chỉ cần hiểu một ý nghĩa là đủ.

“Quán âm diệu trí lực” cũng là cái dụng của tự tánh cứu tất cả khổ thế gian. “Đầy đủ sức thần thông”, vì thần thông biến hóa tự tánh mình không kém thua Phật một chút nào; Phật hiện ra dùng hết, còn mình hiện ra một phần nào thôi.

Lúc mình thọ trì theo lời Phật dạy, cuối cùng cũng hiện ra hết cái dụng như Phật, gọi là kiến tánh thành Phật. Sức dụng tự tánh được dùng ra hết gọi là Quán Thế Âm diệu trí lực thì tất cả khổ đều hết, nên đầy đủ tất cả thần thông.

Vậy 10 phương quốc độ đều có thần thông lực. Nếu có thần túc thông (biết bay) cũng không được tự do tự tại. Ngoại đạo tà ma đều có 5 thứ thần thông, trong đó có thần túc thông. Nếu muốn bay qua Pháp phải có không gian thời gian thì bị không gian thời gian hạn chế, nên không được tự do tự tại.

Nếu thật tự do tự tại thì không cần bay, chỉ nổi niệm thì đã qua Pháp rồi hay nuốn hiện thân ở cõi nào, chỉ khởi niệm là thân ở cõi đó. Cho nên khởi cần

bay, cần bay thì không được tự do tự tại.

Nếu được tự do tự tại thì các khổ ác thú, địa ngục, ngã quý, súc sanh, sanh lão bệnh tử đều tiêu diệt. Sau khi tiêu diệt thì cái quán đó gọi là chơn quán. Ở đây có 5 thứ quán là cái dụng của tự tánh:

Chơn quán là quán sát không hư vọng, không dính líu gì cả, nó rất trong sạch, luôn cả thanh tịnh cũng không có, mới là thanh tịnh quán. Lúc ấy không phải trí huệ của thế gian qua tác ý, nếu có tác ý thì không được quăng đại. Trí huệ này là Bát Nhã mới được quăng đại, không bị số lượng hạn chế, vì khắp 10 phương thế giới gọi là quăng đại trí huệ.

Bi quán và từ quán: Bi là cứu khổ chúng sanh, từ là ban vui. Tự tánh sẵn có từ bi.

Từ là vô duyên từ, tức là không thấy ta ban vui cho chúng sanh, cũng không thấy chúng sanh thọ vui của ta, không có đối đãi ta và người.

Bi là đồng thể bi, tức là ta và chúng sanh đồng một bản thể không khác, cho nên gọi là bất nhị.

Người ta thường cho từ bi và bác ái giống nhau, nhưng khác nhau như trời với đất.

Bác ái là chấp ngã, tức là tất cả của ta được, rồi ta yêu đại chúng, ta cho đại chúng. Còn từ bi thì không có ngã, không có ta cho đại chúng, không có đại chúng thọ cái từ bi của ta.

Từ bi là cái dụng của tự tánh, không có ngã, không có tự, không có tha, không có tương đối.

Nếu chúng ta chưa đạt đến từ bi thì phải thường nguyện thường chiêm ngưỡng, tức là tu tập ngày đêm không gián đoạn. Tu tập theo Giáo môn thì tu thiền quán, tu Tổ Sư thiền thì hỏi câu thoại đầu, khởi nghi tình lên liên tục thì đúng “thường nguyện thường chiêm ngưỡng”. Quét sạch tâm chấp thì ánh sáng thanh tịnh hiện ra.

Ánh sáng thanh tịnh tự tánh hiện ra cũng như trí huệ mặt chiếu soi thì mây mù đen tối tiêu tan. Ành sáng tự tánh hiện ra thì gió, lửa, tai nạn đều tiêu hết, thế gian được sáng tỏ, các khổ không còn.

Dụng tự tánh hiện ra thì không thể suy nghĩ được, phổ biến khắp nơi, cho nên tất cả chúng sanh đều thọ nhận cam lồ. Như trời mưa xuống chỗ nào thì chỗ ấy được thấm ướt.

Nay tôi giảng phẩm Phổ Môn này các vị đều nghe hiểu, như trời mưa mà các vị thọ nhận được cam lồ. Trước kia có lửa phiền não thì nay được dập tắt. Nếu sức dụng tự tánh hiện ra thì những oán ghét tranh chấp với nhau đều tan rã hết.

Phạm âm và hải triều âm là sức dụng của tự tánh. Chữ “phạm” là thanh tịnh, hải triều âm là tiếng kêu của biển ngày đêm liên tiếp không gián đoạn. Cũng như sức dụng của tự tánh không gián đoạn, mặc dầu thân này vào thai trâu bụng ngựa,...

Nếu tự tánh hiện ra thì âm thanh cùng khắp nơi hơn các âm thanh thế gian, cho nên mình phải luôn luôn nhớ quán tự tánh của mình. Tham thiền là hỏi câu thoại đầu khởi lên nghi tình, để tự tánh của mình được hiện ra, dùng hết cái dụng tiềm ẩn bằng như dụng tự tánh của Phật.

Các vị nghe tôi giảng rồi không còn nghi ngờ nữa. Tự tánh của mình là Quán Thế Âm, cũng là Phật, có sức lực bằng Phật, không kém hơn Phật. Tự tánh của mình thanh tịnh, vì thế tất cả khổ nạn,... chỉ cần tự tánh được hiện ra thì được yên ổn.

Chỉ nhờ tự tánh của mình, chứ không nhờ ngoài tự tánh. Cho nên, Phật và Tổ nói: “Tin tự tâm là Phật gọi là chánh tín, tin ngoài tâm có Phật gọi là tà tín”. Nhờ chính mình chứ không nhờ người khác, nếu nhờ người khác là ý lại thì không được tự do tự tại.

Mình phải làm chủ cho mình, mà hiện nay không biết mình là cái gì! Vì vậy, không làm chủ mình thì không được tự do tự tại, nếu được tự do tự tại thì hết các khổ. Chư Phật chư Tổ muốn mình giác ngộ, chữ “Phật” nghĩa là giác ngộ.

Giác ngộ cái gì? Giác ngộ là biết là cái gì, chưa giác ngộ nên không làm chủ được. Vì vậy, mình không muốn già nhưng nó vẫn già, không muốn bệnh mà nó cũng bệnh, không muốn chết thì nó lại chết. Giác ngộ biết mình là cái gì thì làm chủ mình mới được tự do tự tại, tiềm năng của mình dùng ra bằng Phật.

Tự tánh của mình đầy đủ tất cả công đức, không phải do mình làm ra. Cho nên, lấy “từ nhân” mà xem chúng sanh thì thấy phước đức của chúng sanh có vô lượng vô biên.

Đánh lễ Phật không phải đánh lễ tượng Phật gỗ hay tượng Phật đất, mà đánh lễ tự tánh của mình và hướng vào tự tánh của mình mà ngộ. Nếu có đánh lễ thì không nên quên tự tánh, vì vậy đánh lễ là như thế!

Chánh văn:

Lúc ấy, Trì Địa Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát đạo nghiệp tự tại, phổ môn thị hiện sức thần thông, nên biết công đức người đó chẳng ít”.

Khi Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm vô đẳng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Giảng giải:

Phật thuyết phẩm Phổ Môn đến đây có Trì Địa Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát đạo nghiệp tự tại, Phổ Môn thị hiện sức thần thông, nên biết công đức người đó chẳng ít”. Nghĩa là tự tánh mình hiện ra cùng khắp, thần thông lực cũng hiện ra cùng khắp thì công đức không chỗ nào thiếu sót.

Lúc ấy, Phật thuyết phẩm Phổ Môn này, trong chúng hội có 84000 người đều phát tâm vô thượng bồ đề, tức là phát tâm giác ngộ. Tâm giác ngộ ở trong Thiền tông gọi là phát tâm vô sở đắc.

Phát tâm vô sở đắc là phát tâm cao nhất, nếu còn có sở đắc thì còn chấp ngã thì không phải tâm giác ngộ cao nhất. Cho nên, tôi dạy các vị tham thiền, căn bản là vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ.

Nếu giữ được vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ thì tâm bồ đề luôn luôn được giữ, luôn luôn được phát. Nếu có sở đắc thì không phải tâm bồ đề, nên không được giác ngộ, vì còn có ngã chấp.

Hỏi:

Các vị kiến tánh rồi như những trường hợp quả báo của Sư Tử tôn giả, Tô Huệ Khả, Tổ Nam Đầu,... mà thầy đã giảng có sức dụng tự tánh hiện ra thì những đao trượng gãy từng khúc. Nhưng đao trượng đến các vị đó không gãy từng khúc, mà ngược lại làm cho thân thể các vị phải bị tan nát rất thâm, tại sao?

Đáp:

Câu hỏi này rất hay, chư Phật chư Tổ độ chúng sanh có thuận độ và có nghịch độ. Có việc Bồ Tát làm ra hiện tượng ác rồi đọa địa ngục, để cho chúng sanh thấy sợ mà không dám làm. Chư Đạo Ca nói: “liễu tức nghiệp chướng bền lâu không”, liễu là ngộ triệt để thì nghiệp chướng sẽ tiêu hết.

Như trong chiêm bao có người tạo tội, bị chính phủ chiêm bắt khảo đánh, ở tù; lúc ấy rất khổ sở, nhưng khi tỉnh thức thì thấy chiêm bao ở đâu? Luôn cả thân chiêm bao cũng không có. Vậy ai phải chịu khổ, bị bắt khảo ở tù! Nhưng vì độ chúng sanh, nên chư Tổ thị hiện cho chúng sanh sợ.

Thấy rằng nhân quả không sai, như Phật nói: Dân tộc Phật Thích Ca bị Lưu Ly Vương đem quân bao vây đều giết hết lớn nhỏ. Lúc ấy, Tôn giả Mục Kiền Liên có thần thông thấy vậy chịu không nổi, rồi lấy bát cứu 500 người đem lên hư không để khỏi bị giết.

Khi quân Lưu Ly Vương giết xong rồi kéo quân về, Tôn giả Mục Kiền Liên đem bát xuống thấy trong bát toàn là máu. Rồi Tôn giả Mục Kiền Liên hỏi Phật: Con đã cứu 500 người, mà tại sao vậy?

Phật nói: Đó là nhân quả.

Tôn giả Mục Kiền Liên hỏi: Nhân quả như thế nào?

Phật nói: Dân tộc Thích Ca sống nghề bắt cá, Lưu Ly Vương cùng quân lính là cá ở trong một cái ao. Dân tộc này lấy hết nước rồi bắt hết cá để ăn. Nhưng chỉ có một con nít không bắt và không ăn cá. Con nít đó là ai? Là ta. Bây giờ thành Phật rồi còn nhưc đầu 3 ngày.

Vì độ chúng sanh nên nói nhưc đầu 3 ngày, nhưng ở trong kinh khác nói: “Phật vì chúng sanh nên nói nhưc đầu 3 ngày, chứ Phật đâu có nhưc đầu”. Bởi thế, Phật từ bi phải nói như vậy, chỗ này nói như thế này thì chúng sanh

mới tin, chỗ khác nói khác thì chúng sanh mới tin. Nếu không biết ý của Phật thì thấy rất mâu thuẫn, nhưng sự thật không mâu thuẫn.

Phật vì chúng sanh muốn thoát khổ, mà tùy theo căn cơ để thuyết pháp, chứ không phải Phật có ý gạt chúng sanh. Chư Phật chư Tổ nói: “Chư Phật chư Tổ không có ý gạt chúng sanh, vì chúng sanh không thấu qua ý của chư Phật chư Tổ, nên bị Phật, Tổ gạt”.

Như nước sông, nước biển không có ý làm chướng ngại người, tại người đi qua không được, nên bị sông biển làm chướng ngại. Cho nên, trong Thiên tông nói: “Về sau tôi không bị Phật, Tổ gạt nữa”. Có nhiều người theo mặt chữ giải thích phẩm Phổ Môn thì nghịch ý Phật. Vì kinh Pháp Hoa là kinh liễu nghĩa phá chấp thật.

Phật thuyết 2 thứ kinh: Kinh liễu nghĩa là phá chấp thật và tùy theo căn cơ chấp thật nên nói kinh bất liễu nghĩa.

Trong kinh Duy Ma Cát, Phật dạy: “Phải y kinh liễu nghĩa, chứ không y kinh bất liễu nghĩa”. Câu này ở trong pháp tứ y:

- 1- Y pháp bất y nhân.
- 2- Y nghĩa bất y ngữ.
- 3- Y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa.
- 4- Y trí bất y thức.

## **PHẦN ĐẦU** **ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC** **TU ĐA LA LIỄU NGHĨA KINH**

Giải thích đề kinh:

3 chữ “đại phương quảng” là siêu việt số lượng, Viên Giác là biệt danh của tự tánh, giác ngộ viên mãn là Phật. Chữ “Phật” tiếng Aán Độ là Phật Đà, dịch ra giác giả gồm 3 nghĩa: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

“Tu đa la” tiếng An Độ, dịch là kinh.

Phật thuyết pháp có bất liễu nghĩa và liễu nghĩa:

- Bất liễu nghĩa là tùy thuận bệnh chấp của chúng sanh mà bất đắc dĩ nói bất liễu nghĩa.
- Liễu nghĩa phá chấp thật, bất liễu nghĩa chấp thật.

Dịch giả Sa môn Phật Đà Đa La ở nước Kế Tân là người không có văn hóa, giai cấp thấp nhất.

Chánh văn:

Tôi nghe như vậy: Một thuở Phật nhập đđịnh Thần Thông Đại Quang Minh Tạng, là nơi trụ trì Thường Tịch Quang Trang Nghiêm của tất cả Như Lai,

Giải thích:

“Như thị ngã văn”, tất cả kinh của Phật đầu tiên đều có 4 chữ này, 4 chữ này do tôn giả A Nan nói ra, để chứng tỏ cho người ta được tin.

Như thị là như vậy, ngã văn là ta nghe, tức là ta nghe như vậy. Tôn giả A Nan là tổ thứ nhì của Thiên tông. 2 chữ “nhất thời” là không có chỉ định một thời gian nào, nghĩa là ngay lúc Phật thuyết pháp, Phật thuyết kinh nào cũng để 2 chữ “nhất thời”.

Bà Già Bà (tiếng Phạn) là biệt danh của Phật, thuộc về quả vị Phật từ xưa đến nay không dịch ra, chỉ dịch theo âm. Tại sao? Vì nghĩa rất nhiều, nếu dịch một nghĩa thì sót các nghĩa kia, thành ra không dịch.

Có 6 nghĩa: 1 là tự tại, 2 là trí thành (thạnh: rộn, trí:lửa ùn ùn), 3 là đoan nghiêm, 4 là danh xưng (cái danh xưng đáng để xưng hô), 5 là kiết tường, 6 là tôn quý. 6 nghĩa này thường lấy tán thán công đức của Phật.

“Phật nhập định Thần Thông Đại Quang Minh Tạng”, đây là chỗ thuyết pháp của Phật.

Phật gồm có 3 thân: Pháp thân, hóa thân, báo thân.

Nói về Quốc Độ cũng có 3:

-Tịch Quang Độ là pháp thân y trụ nơi đó.

-Thật Báo Trang Nghiêm Độ là báo thân Phật y trụ.

-Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Thần Thông Đại Quang Minh Tạng là thuộc về Tịch Quang Tịnh Độ, vì lấy quang minh làm trang nghiêm, không phải lấy bảo vật khác để làm trang nghiêm.

Tam muội dịch là chánh định, Phật pháp có phá ngã chấp gọi là chánh định, còn tà ma ngoại đạo cũng có nhập định, nhưng không phá ngã chấp nên gọi là tà định.

Chánh thọ là tiếng Hán, Phật nói: “Ở trong chánh định được thọ dụng gọi là chánh thọ”, tức là tự thọ pháp lạc, cho nên gọi là tam muội chánh thọ.

“Là nơi trụ trì Thường Tịch Quang Trang Nghiêm của tất cả Như Lai”, 2 chữ “quang nghiêm” là tịch quang, tức là lấy quang làm trang nghiêm, cho nên gọi là quang nghiêm. Vì Tịch Quang Độ là do pháp thân Phật y trụ nơi đó, mới gọi là trụ trì, cũng như nhà ở của pháp thân, không phải việc khác để so sánh được, vì hiện pháp này rất thù thắng.

Chánh văn:

Cũng là giác địa vốn trong sạch của tất cả chúng sanh, tất cả thánh phàm đều tùy thuận bản thể bình đẳng bất nhị của tự tánh đầy khắp mười phương không gian và thời gian, thân tâm tịch diệt mà hiện cảnh bất nhị nơi các cõi tịnh độ,

Giảng giải:

Kinh Viên Giác là biệt danh của tự tánh, tức là cảnh giới Phật. Cảnh giới Phật mà tất cả chúng sanh đều sẵn có, ở đây chúng sanh và chư Phật là bất nhị, trong thực tế bình đẳng bất nhị.

“Thân tâm tịch diệt bình đẳng bản thể, viên mãn thập phương bất nhị tùy thuận”. Nếu có thân tâm là nhị, khi đạt đến tịch diệt thì quên hết thân tâm, mới đạt đến bình đẳng. Bản thể là thực tế cũng là bất nhị. Viên mãn thập phương là cái dụng, cái dụng của tự tánh khắp mười phương. Bất nhị tùy thuận là văn Hán, dịch ra là tùy thuận bất nhị.

Bất nhị là biệt danh của tự tánh, thuyết pháp phải tùy thuận bất nhị. Như Lục Tổ nói: “Thuyết pháp không lìa tự tánh”. Bất nhị thì bao gồm 10 phương không có trong ngoài, không có thánh phàm, không có chúng sanh chư Phật, tất cả bình đẳng. Cho nên nói: “Tùy thuận bất nhị”.



“Ư bất nhị cảnh, hiện chư Tịnh Độ” là ở trong cảnh bất nhị thì cảnh Tịnh Độ hiện ra, tức là chư Phật đều thọ dụng pháp lạc. Nếu đạt đến cảnh giới này, không có tướng thân, không có tướng tâm, không có thuyết pháp, cũng không có khai thị.

Nói từ cảnh bất nhị hiện ra cảnh Tịnh Độ là hiện ra tự thọ dụng và hiện ra tha thọ dụng, việc ấy chỉ là Bồ Tát Tịnh Địa (từ Sơ Địa đến Thập Địa). Nói về tự tánh gọi là báo độ của pháp tự tánh, cho nên ở đây có nói có nghe, có thuyết pháp có người nghe pháp.

Mặc dầu, có thuyết pháp có người nghe pháp, như Phật cũng còn ở trong tam muội chánh định, chưa ra ngoài định. Tại sao có thuyết pháp? Vì ý muốn cho biết kinh này là pháp thân Phật thuyết, tức là hiển thị pháp này lia tâm ý thức.

Cảnh giới lia tâm ý thức là cao nhất, gọi là Như Lai tối thắng thanh tịnh thiên, tức là pháp cao nhất, không có pháp nào so sánh bằng. Bởi vậy, muốn thuyết pháp phải dùng tâm ý thức, có người thuyết có người nghe, nhưng hiển thị lia tâm ý thức cảnh giới cao, không có kinh khác so sánh được.

Chánh văn:

Cùng với mười vạn Đại Bồ Tát, bậc thượng thủ là: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Nhãn Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Thanh Tịnh Huệ Bồ Tát, Oai Đức Tự Tại Bồ Tát, Biện Âm Bồ Tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát, Phổ Giác Bồ Tát, Viên Giác Bồ Tát, Hiền Thiện Thủ Bồ Tát, v.v... cùng các môn đồ đều nhập chánh định, đồng dự pháp hội bình đẳng của Như Lai.

Giảng giải:

Đại Bồ Tát ma ha tát gồm 10 vạn người, bậc thượng có 12 vị Bồ Tát thay mặt cho 12 vấn đề, đại diện đương cơ hỏi Phật.

12 vị Bồ Tát thượng thủ và quyền thuộc đều nhập tam muội. Tại sao đều nhập tam muội? Vì Phật thuyết pháp này ở trong tam muội, nếu người nghe mà tán thán làm sao nghe được? Cho nên, cũng phải nhập tam muội, rồi mới cùng trụ trong bình đẳng pháp hội của Phật.

Tức là người thuyết cũng phải ở trong tam muội và người nghe pháp cũng phải ở trong tam muội. Vậy làm sao có thuyết có nghe? Đây muốn hiển thị pháp này bất khả tư nghì, gọi là diệu pháp bất khả tư nghì.

Có một chuyện tích để hình dung pháp cao quý nhất:

Trước kia Tu Bồ Đề đang tọa thiền ở hang núi, trời Đế Thích rải hoa tán thán, nói: Tôn giả thuyết Bát Nhã rất hay.

Tu Bồ Đề nói: Tôi ngồi đây đâu có thuyết Bát Nhã.

Trời Đế Thích nói: Không thuyết mà thuyết, tôi không nghe mà nghe; tức là không thuyết mà thuyết là chân thuyết Bát Nhã, không nghe mà nghe là chân nghe Bát Nhã.

Lấy chuyện tích này để hình dung pháp này cao, không thấy không nghe mà cũng thuyết cũng nghe. Đoạn này là tán thán pháp hội.

Chánh văn:

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

-Xin Đại Bi Thế Tôn vì pháp chúng dự hội này giảng về nhân địa phát tâm trong sạch của Như Lai phải dựa theo pháp nào, tu theo hạnh gì mà được thành Phật. Và những Đại Thừa Bồ Tát đã phát tâm trong sạch nguyện độ chúng sanh thành Phật, nhưng chẳng biết dụng tâm tu hành như thế nào mới được chánh tri kiến, xa lìa các thiền bệnh, khiến cho mạng pháp chúng sanh đời vị lai cầu pháp đại thừa chẳng đọa tà kiến".

Giảng giải:

Đầu tiên Văn Thù Bồ Tát đại diện đương cơ hỏi Phật thuyết pháp, trong đại chúng đứng dậy, nhiễu quanh Phật 3 vòng, rồi quỳ gối chấp tay hỏi Phật:

-Nhân địa của Phật phát tâm y theo pháp nào và theo hạnh nào để thành Phật?

-Bồ Tát trong đại thừa phát tâm thanh tịnh, nguyện thành Phật độ chúng sanh, không biết dụng tâm như thế nào, được chánh tri kiến, không lọt tà kiến?

Chánh văn:

Ngài Văn Thù Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh ba lần như vậy.  
Bấy giờ Phật bảo Văn Thù Bồ Tát rằng:

-Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát hỏi về nhân địa phát tâm của Như Lai dựa theo pháp nào, tu hạnh gì, lại vì tất cả chúng sanh đời mạt pháp cầu pháp đại thừa được trụ nơi chánh pháp, chẳng đọa tà kiến. Nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà thuyết.

Lúc ấy Văn Thù Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

-Thiện nam tử! Có pháp môn Tổng trì của Vô Thượng Pháp Vương gọi là Viên Giác. Từ pháp này kiến lập tất cả thanh tịnh, Chơn Như, Bồ Đề, Niết Bàn và Ba La Mật để dạy Bồ Tát và chúng sanh về nhân địa phát tâm của tất cả Như Lai, đều nên y theo giác tướng trong sạch chiếu soi đầy đủ, dứt hẳn vô minh mới thành Phật đạo.

Giảng giải:

Phật thuyết xong Văn Thù Bồ Tát đánh lễ ngũ thể đầu địa (2 chân quỳ 2 tay hứng bàn chân Phật và đầu sát đất), mỗi lần thỉnh đều đánh lễ cho đến 3 lần; thường thường người ta thỉnh và đánh lễ 1 lần. Tại sao thỉnh và đánh lễ 3 lần? Là để biểu thị trọng pháp, vì chúng sanh được pháp đó tu giải thoát.

Lúc ấy, Phật nói với Văn Thù Bồ Tát: Tốt lắm! Tốt lắm! Thiện nam tử (trong đó có thiện nữ nhân). Tại sao nói chỉ có thiện nam tử? Vì Phật chỉ nói với đại diện đương cơ, đại diện đương cơ là đại diện cho tất cả người nghe pháp, ở trong pháp hội này gồm có 10 vạn người; nhưng Phật chỉ nói Văn Thù Bồ Tát là đại diện đương cơ, nên nói là thiện nam tử.

Được vì pháp hạnh của Bồ Tát, để hỏi pháp hạnh nhân địa của Phật trong đời mạt pháp, chúng sanh muốn cầu đại thừa được chánh tri kiến chánh trụ trì, không lọt vào tà kiến. Câu hỏi như vậy rất tốt.

Lúc ấy, Văn Thù Bồ Tát nghe lời giáo huấn rất hoan hỷ và đại chúng im lặng lắng tai nghe.

Phật nói: Thiện nam tử! Pháp vô thượng có đà la ni môn là Viên Giác. Tiếng phạn đà la ni dịch là tổng trì, tổng bao gồm tất cả pháp, trì là vô lượng nghĩa. Tức là không có pháp nào không đầy đủ ở đó nên nói tổng, nhưng nhân quả không mất không hoại nên gọi là trì. Tất cả thánh phàm đều ở trong cửa này mà ra, ở trong cửa này là Viên Giác tự tánh của mọi chúng sanh.

Chúng sanh thành Phật được nhờ Viên Giác, ở trong này chảy ra tất cả. Tuy chúng sanh có tâm ô nhiễm, nhưng nhiễm mà không nhiễm nên gọi là thanh tịnh chân như. Tại sao gọi là chân như? Vì từ vô thi đến nay không vọng không thay đổi, chỉ vì vô minh che lấp, không hiện ra cái dụng của Phật. Tất cả chân như, bồ đề, niết bàn đều là biệt danh và dụng của tự tánh.

Viên Giác chảy ra quả Phật, mà tất cả nhân địa Bồ Tát từ trong đó chảy ra, ba la mật cũng từ trong đó chảy ra. Vì dạy căn bản của Bồ Tát tu hành là không có pháp khác, nên gọi là giáo thọ Bồ Tát, mà y theo Viên Giác, cái sáng suốt tự tánh này để chiếu thanh tịnh tịch diệt của giác thể gọi là giai y viên chiếu thanh tịnh giác tướng, tức là cách tu hành. Như kinh Lăng Nghiêm nói: “Phân văn văn tự tánh”, nghĩa như vậy. Nếu được trở về tự tánh thì vô minh vĩnh viễn cắt đứt, mới được thành Phật.

Chánh văn:

Thiện nam tử! Thế nào là vô minh? Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay đủ thứ điên đảo, ví như kẻ lạc đường nhận lầm phương nam thành phương bắc, vọng cho tứ đại là thân tướng thật của mình, cho vọng tâm tạo hình ảnh thành lục trần là tâm tướng thật của mình, ví như kẻ bị nhậm thấy hoa đốm trên không và thấy mặt trăng thứ hai.

Thiện nam tử! Hư không vốn chẳng hoa đốm, vì bệnh nhậm vọng chấp thành có. Do vọng chấp ấy, chẳng những không biết tánh hư không, lại còn lầm nhận chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Từ cái vọng này thành có sanh tử luân hồi, nên gọi là vô minh.

Giảng giải:

Tại sao là vô minh? Phật giải thích: Tất cả chúng ta từ vô thi đến nay, tạo ra đủ thứ điên đảo, cũng như người đi đường không biết đường đi; đáng lẽ chỗ

mục đích là phía đông, mà mình lại đi hướng tây, chỗ mục đích là phía nam, mà lại đi hướng bắc, chỗ thật cần đi nhưng không đi.

Nhận tứ đại thân này làm tướng tự thân, tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong; cơ thể này do tứ đại tổ chức thành, mà chấp thật cơ thể này là thân của ta. Cơ thể này có lục căn tiếp xúc lục trần chấp là thật. Giống như người mắt nhắm thấy hoa đốm trên không và thấy có mặt trăng thứ 2.

Kỳ thật, trong hư không đâu có hoa đốm! Tại do con mắt bệnh mới thấy có hoa đốm, ở trên trời chỉ có một mặt trăng, vì con mắt bệnh thấy mặt trăng thứ 2. Người bệnh chấp đó là thật, do chấp thật làm mất đi tự tánh của hư không.

Bởi vì, tự tánh hư không thanh tịnh, đâu có hoa đốm! Mà người mê cho là hư không sanh ra hoa đốm. Do cảm giác sai lầm mới có việc sanh tử luân hồi do chấp thật nên gọi là vô minh.

Chánh văn:

Thiện nam tử! Vô minh này chẳng có thật thể, như người trong mộng lúc chiêm bao thì có, đến khi thức tỉnh thì chẳng còn gì cả. Cũng như hoa đốm diệt nơi hư không, chẳng thể nói nhất định có chỗ diệt. Tại sao? Vì chẳng có chỗ sanh vậy.

Tất cả chúng sanh ở nơi pháp vô sanh vọng thấy có sự sanh diệt, cho nên gọi là sanh tử luân hồi.

Thiện nam tử! Như Lai nơi nhân địa tu theo tự tánh Viên Giác, chiếu soi bản thể của tự tánh vốn tịch diệt, biết rõ thân tâm thế giới như hoa đốm trên không, vậy thì thân tâm vốn không, lấy gì để thọ sanh tử luân hồi? Cái KHÔNG này là vì bản tánh vốn không, chẳng phải do tạo tác thành không. Cái biết đó ví như hư không, kẻ biết như hư không đó tức là tướng hoa đốm cũng chẳng thể nói không có tánh tri giác, CÓ với KHÔNG đều lìa, ấy mới gọi là tùy thuận giác tánh trong sạch.

Tại sao? Vì tánh hư không thường trụ chẳng động. Trong Như Lai Tạng vốn chẳng có sự sanh diệt nên chẳng có sự tri kiến sanh diệt trong đó, cũng như pháp giới tánh, rốt ráo viên mãn đầy khắp mười phương không gian và thời gian, ấy mới gọi là nhân địa phát tâm theo chánh pháp, tu hành theo chánh hạnh.

Bồ Tát vì thế ở nơi đại thừa phát tâm trong sạch, chúng sanh trong đời mạt pháp theo đó tu hành chẳng đọa tà kiến.

Giảng giải:

Vô minh thật không có bản thể, chỉ là giả danh thôi. Cũng như mình thấy chiêm bao, thấy người ở trong chiêm bao, khi thức tỉnh thì người trong chiêm bao mất. Vô minh này cũng vậy, như hoa đốm trên hư không, diệt ở trên hư không, tuy thấy diệt nhưng không có chỗ nhất định diệt.

Tại sao? Vì nó không có chỗ sanh thì không chỗ diệt. Vô minh cũng vậy, không có chỗ sanh thì không có diệt, do vọng tâm hoạt động có cảm giác sai lầm, nên chấp thật có sanh diệt, có sanh tử luân hồi.

Chư Phật cũng từ trong nhân địa tu theo Viên Giác này, giác ngộ biết được không có sanh tử luân hồi, tức là không có thân tâm này chịu cái khổ sanh tử luân hồi. Việc ấy không phải do tu rồi nó tiêu diệt, tại bản tánh nó vốn không có.

Nếu mình tiêu diệt thì nó có thật, tức là vô minh không có thật. Chỉ cần giác ngộ thì thấy vô minh vốn không có. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô vô minh diệt vô vô minh tận” là cái nghĩa vậy.

Sở tri và năng tri cũng như hư không, giác hư không tức là tướng hoa đốm trong hư không chẳng thật có. Không thể nói là chẳng có tánh tri giác, có và không đều phải quét sạch, mới gọi là tùy thuận thanh tịnh giác tánh. Như trên nói là tùy thuận bất nhị.

Tịnh giác là biệt danh của tự tánh. Tại sao? Vì tánh nó là hư không, hư không là trống rỗng không có bản thể. Hư không chẳng lay động thì không sanh diệt. Như Lai Tạng như hư không chẳng khởi chẳng diệt, cũng không có tri kiến.

Vì thế, tôi giảng Bát Nhã Tâm Kinh, quét từ tri kiến phàm phu, tri kiến Tiểu thừa, tri kiến Trung thừa, tri kiến Đại thừa và tri kiến Phật thừa đều sạch hết, thì chứng quả Phật.

Bởi vì, vốn không có tri giác, nói quét tri kiến là không đúng rồi. Pháp giới tánh viên mãn khắp 10 phương, không thêm bớt, như hư không vậy. Nên gọi là pháp hạnh trong nhân địa, mà Bồ Tát vì việc này trong Đại thừa phát tâm

thanh tịnh tu hành và giáo hóa chúng sanh đời mạt pháp theo pháp này tu hành khỏi đọa vào tà kiến.

Tham thiền là pháp hạnh nhân địa thành Phật. Tham thiền phải phá ngã chấp bằng 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” thì không lọt vào tà kiến, mà thẳng đến thành Phật.

Chánh văn:

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Văn Thù người nên biết,  
Tất cả các Như Lai,  
Từ nơi bản nhân địa,  
Đều nhờ trí huệ giác.  
Thông đạt nơi vô minh,  
Cũng như hoa đốm kia.  
Thì khỏi bị luân hồi.  
Cũng như người trong mộng,  
Thức tỉnh cảnh mộng mất.  
Giác ngộ như hư không,  
Bình đẳng chẳng lay động.  
Bản giác khắp mười phương,  
Liên được thành Phật đạo.  
Huyền chẳng chỗ sanh diệt,  
Thành đạo cũng vô đắc,  
Vì bản tánh viên mãn.  
Bồ Tát ở trong đó,  
Khéo phát tâm Bồ Đề.  
Chúng sanh đời mạt pháp,  
Tu theo lìa tà kiến

Giảng giải:

Phật giảng xong chỗ này, lại muốn giảng lần nữa, rồi nói ra một bài kệ mỗi câu 5 chữ, bài kệ ý nghĩa trên đã nói.

Từ nhân địa của mình lấy trí tuệ để liễu đạt vô minh, biết rằng vô minh vốn không có bản thể, giống như hoa đốm trong hư không. Nếu giác ngộ thì ra khỏi sanh tử luân hồi, như người chiêm bao được thức tỉnh thì việc trong chiêm bao chứng tỏ không thật.

Người giác ngộ giống như hư không chẳng có bản thể (“người giác ngộ” từ chữ “Phật Đà” dịch ra) thì mới bình đẳng không có lay động, cái dụng của giác ngộ khắp 10 phương thế giới, tức là 10 phương thế giới đều là cái dụng của tự tánh.

Ngộ được vậy gọi là thành Phật đạo, tuy nói thành Phật nhưng biết không có Phật đạo để thành, lúc ấy tất cả huyền đều tiêu diệt nhưng không có chỗ tiêu diệt. Vì không có chỗ sanh thì không có chỗ diệt, tức là không có bản thể.

Kinh nói vô minh không có bản thể, vì vô minh không có chỗ sanh thì không có chỗ diệt. Nhưng muốn nói thì phải nói là diệt, nói là thành Phật thành đạo. Thành Phật đạo cũng là nghĩa vô sở đắc, tức là đến lúc chứng ngộ thì thấy không có đạo để thành và không có Phật để thành. Vì bốn tánh viên mãn như thế! Việc ấy giác ngộ mới biết.

Bồ Tát phát tâm giác ngộ là phát tâm vô sở đắc, nếu có sở đắc thì không thể giác ngộ. Cho nên, tôi thường dạy người tham thiền phải vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ. Nếu chúng sanh theo lời dạy trong kinh này tu hành thì khỏi lọt vào tà kiến, tức là được chánh kiến, tu được đắc quả thành Phật.

Tham Tổ Sư thiền là theo chánh kiến, cũng là pháp hạnh nhân địa để thành Phật, khi đến giác ngộ thì biết được vô minh không phải thật, Phật cũng không phải thật. Nếu còn chấp thật cái gì thì chưa giác ngộ, chưa phải thành Phật.

Hỏi:

Con có chỗ không hiểu, thầy nói “muốn có Viên Giác thì phải nhập tam muội”, trước đó thầy nói “nhập tam muội không có tà định, phải có chánh định, tức là có sự thọ dụng pháp lạc”. Kính xin thầy khai thị?

Đáp:

Tôi nói Phật thuyết kinh Viên Giác là ở trong chánh định chánh thọ mà thuyết, nhưng Bồ Tát cũng ở trong chánh định mà nghe.

Vừa rồi ông hỏi vấn đề này, kỳ thật chánh định của Phật không có nhập định và xuất định, lúc nào cũng ở trong định, ấy là nói pháp hội Viên Giác.

Còn mình bây giờ thì khác, tôi không có nhập định để giảng kinh Viên Giác, các vị nghe cũng không có nhập định để nghe.



Hỏi:

Thế nào là tam muội?

Đáp:

Tam muội là chánh định, chánh định là để phân biệt tà định. Tà định không được giải thoát, vì còn chấp ngã. Chánh định là phá ngã chấp nên được ra khỏi sanh tử luân hồi.

Hỏi:

Thế nào là ba la mật?

Đáp:

“Ba la mật” là tiếng phạn, dịch là bờ sông bên kia. Bờ sông bên này có khổ có phiền não, không được tự do tự tại; đến bờ sông bên kia hết phiền não, hết khổ, được tự do tự tại. Cho nên, kinh Phật thường nói đến ba la mật là đến được cảnh giới Phật được tự do tự tại, không có phiền não, lìa được cái khổ sanh tử luân hồi.

Hỏi:

Xin xác định lại, chánh định có nghĩa là chánh thọ, có chỗ giảng chánh thọ có 3 nghĩa là vô thọ chư thọ. Ở đây chư thọ là gì? Là khổ thọ, lạc thọ, vô khổ vô lạc thọ. Nếu có cảm giác khổ là khổ thọ, có cảm giác sung sướng là lạc thọ, có cảm giác không khổ và không sung sướng là vô khổ vô lạc. Nếu lìa được 3 thọ này là chánh niệm tam muội. Nếu nghe giảng chánh thọ được lạc thọ thì khó hiểu, xin sư phụ giảng lại cho xác thực thêm?

Đáp:

Tôi ở đây dạy Tổ Sư thiền không có thọ và chẳng thọ, thọ và chẳng thọ đều phải quét sạch, vì thọ và chẳng thọ là tương đối. Theo nghĩa tứ cú thì thọ là cú thứ nhất, chẳng thọ là cú thứ hai, không thọ không chẳng thọ là cú thứ ba, cũng thọ cũng chẳng thọ là cú thứ tư.

Trong Tổ Sư thiền chỉ tự mình tham thiền đến kiến tánh, nếu lấy lời nói cao siêu cũng là vô dụng, cho nên không xác định danh từ nào đúng được. Tất cả danh từ đều giả danh, gọi là danh tướng.

Hỏi:

Đức Phật nhập chánh định thuyết kinh Viên Giác, đại chúng nghe pháp cũng nhập chánh định nghe thuyết kinh Viên Giác. Vậy hành giả tham thiền phải thế nào?

Đáp:

Tôi giảng cũng phải có câu thoại đầu có nghi tình, các vị đang nghe cũng phải có câu thoại đầu có nghi tình, như vậy rất tốt, chứ không phải định.

Hỏi:

Tham thiền được kiến tánh có đồng với bậc A La Hán không?

Đáp:

A La Hán chưa phải kiến tánh, A La Hán dứt được tập khí tam giới, tức là dứt hết tư hoặc và kiến hoặc, nhưng chưa thấy bản tánh. Dứt hết kiến hoặc và tư hoặc thì không tái sanh ở tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), tức là ra khỏi phần đoạn sanh tử, nhưng còn biến dịch sanh tử, nên cần phải tiến lên vì còn chấp pháp.

Kiến tánh thì không có ngã chấp và pháp chấp nên cao hơn A La Hán rất nhiều, phá sơ quan là hơn A La Hán, chứ không phải bằng A La Hán!

Hỏi:

Thế nào phá trùng quan còn chút ghi nhớ?

Đáp:

Phàm phá trùng quan, tập khí thế gian và xuất thế gian vẫn còn nguyên. Nhưng phá trùng quan thì tự tánh rõ ràng hiện ra, cũng như vũ trụ vạn vật rõ ràng không còn cái gì nghi hoặc nữa. Cảnh giới đó ghi nhớ rõ ràng không có tan rã được.

Cho nên, không được chánh biến tri của Phật, đến sau này tiến lên thì ghi nhớ cảnh giới đó không còn nữa, tức là phá được trùng quan thì mới đạt đến cuối cùng. Nhưng người muốn ghi nhớ đó, nên Tổ gọi là “chảo dầu sôi, lò lửa than”.

Cảnh giới phá trùng quan là thành thánh rất tốt, không cho ghi nhớ mà còn phải cho tan rã hết mới đạt đến cảnh giới cuối cùng. Mà bây giờ mình chưa có gì hết, lại ghi nhớ cho nhiều thì bị hại biết bao nhiêu!

Hỏi:

Nguyên do đâu A Nan trong vòng một đêm nhập định chứng A La Hán?

Đáp:

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tôn giả A Nan chứng quả Tư Đà Hàm, bị Phật quở nên cố gắng tu sau này chứng A La Hán, nhưng chưa kiến tánh. Rồi phát tâm tham thiền do tổ Ca Diếp truyền cho cái nghi, có nghi nên mới được ngộ kế thừa nhị tổ Thiên tông. Nếu không tu chỉ học rộng nghe nhiều thì không thể nào chứng quả.

Hỏi:

Các vị A La Hán có diệu dụng thần thông, còn phàm phu kiến tánh có diệu dụng thần thông không?

Đáp:

Có người kiến tánh rồi cũng không có thần thông, có người không chứng A La Hán, tà ma ngoại đạo có thần thông. Thần thông tà ma ngoại đạo trong kinh Lăng Nghiêm rất cao, như ở Chợ Lớn đi Mỹ trong vòng 5 phút để lấy một món đồ là có sự thật. Nhưng đó không phải sự giải thoát, cho nên có thần thông không phải chứng quả.

Chứng quả giải thoát thì khác, thần thông tự tánh có diệu dụng vô lượng vô biên, không phải thần thông của A La Hán và thần thông của ngoại đạo có sự hạn chế.

Tự tánh cùng khắp không gian thời gian, không phải ở chỗ này đi đến chỗ khác. Như thần thông biết bay từ đây qua Mỹ chỉ có 5 phút thì không phải

thần thông của tự tánh. Tại sao? Vì còn có thời gian và không gian hạn chế, có khoảng không gian để bay, có thời gian là 5 phút.

Thần thông của tự tánh khỏi cần bay, muốn hiện ở đâu thì hiện. Nếu cần bay thì không phải thần thông của tự tánh. Người chú trọng thần thông thì rất có hại, như nhiều người có thần thông lại học Tổ Sư thiền, tôi bảo họ bỏ thần thông nhưng họ không chịu bỏ.

Nếu giữ lại thần thông là chướng ngại cho sự kiến tánh. Dù phàm phu không có thần thông nhưng tu được kiến tánh, sau này cũng hiện được thần thông tự tánh siêu việt tất cả thần thông khác.

## **PHẨM BÁT NHÃ THỨ HAI PHÁP BẢO ĐÀN KINH**

Chánh văn:

Qua ngày sau, Vi Sử Quân xin giảng nữa, Sư thăng tòa bảo đại chúng rằng: “Cần phải tỉnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã La Mật Đa”. Lại nói: “Thiện trí thức, trí bồ đề Bát Nhã của chúng sanh vốn sẵn có, chỉ vì tâm mê chẳng thể tự ngộ, phải nhờ thiện trí thức khai thị dẫn dắt để đi đến kiến tánh. Phải biết Phật tánh của kẻ ngu người trí vốn chẳng sai biệt, chỉ vì mê ngộ chẳng đồng, nên mới có kẻ ngu người trí. Nay ta thuyết pháp Bát Nhã Ba La Mật, khiến cho mọi người đều được trí tuệ, hãy chú tâm nghe.

“Thiện trí thức, người đời suốt ngày miệng niệm Bát Nhã, chẳng nhận được Tự Tánh Bát Nhã, cũng như nói ăn mà chẳng no, miệng chỉ thuyết “Không”, muôn kiếp chẳng được Kiến Tánh, rốt cuộc vô ích.

Thiện trí thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là tiếng phạn, dịch là đại trí huệ đến bờ bên kia, đây cần phải tâm hành, chẳng ở miệng niệm, miệng niệm tâm chẳng hành thì cũng như huyễn hóa. Miệng niệm tâm hành thì tâm và miệng tương ưng. Bản tánh là Phật, lìa tánh chẳng có Phật.

Sao gọi Ma Ha? Ma Ha là đại, tâm lượng như hư không, chẳng có biên giới, cũng chẳng vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng chẳng trên dưới dài ngắn, cũng chẳng giận, chẳng vui, chẳng phải chẳng quấy, chẳng thiện chẳng ác, chẳng đầu chẳng đuôi.

Các cõi Phật đều đồng như hư không, diệu tánh con người vốn không, chẳng có một pháp có thể đắc, tự tánh chơn không cũng như thế.

Thiện tri thức, chớ nên nghe ta nói “không” mà liền chấp “không”. Trước nhất chớ chấp “không”, nếu để tâm “không” tĩnh tọa là lọt vào “vô ký không”.

Thiện tri thức, thế giới hư không bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời, mặt trăng, núi sông, đất đai, cây cối, biển lớn, kẻ dữ người lành, pháp ác pháp thiện, thiên đàng địa ngục, tất cả đều ở trong hư không, “Tánh Không” của con người cũng vậy.

Thiện tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp là đại, muôn pháp đều ở trong tự tánh của con người. Nếu thấy điều dữ điều lành của con người, tất cả đều chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng chấp chẳng nhiễm, tâm như hư không gọi là Đại, nên nói là Ma ha.

Thiện tri thức, kẻ mê miệng nói, người trí tâm hành. Lại có kẻ mê để tâm “không” mà tĩnh tọa, trăm điều chẳng nghĩ, tự xưng là đại, với bọn người này không thể nói gì được, vì họ rơi vào tà kiến.

Thiện tri thức, tâm lượng quảng đại cùng khắp pháp giới, dùng thì liễu liễu rõ ràng, ứng dụng liền biết tất cả. Tất cả tức một, một tức tất cả, tới lui tự do, tâm thể vô ngại tức là Bát Nhã.

Giảng giải:

Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ Huệ Năng, bản dịch Việt văn, nhiều người đều biết. Nhưng tôi thấy chánh văn không đúng ý của Lục Tổ. Có người hỏi tôi: Thiền tông cần có nghi tình, mà trong Pháp Bảo Đàn, không thấy Lục Tổ dạy người khởi nghi tình?

Tôi trả lời: Nếu trong Pháp Bảo Đàn dạy người khởi nghi tình, thì ngài Huệ Năng không có tư cách làm Lục Tổ.

Bởi vì, trước đời nhà Tống, chư Tổ không có dạy người tham công án hay tham thoại đầu, mà dùng thủ đoạn. Thủ đoạn của chư Tổ làm cho người tham thiền mà không biết mình tham thiền, tức là khởi lên chân nghi mà tự mình không biết nghi.

Nếu Lục Tổ nói trắng ra thì ngài không có tư cách làm Lục Tổ. Như Hoài Nhượng gặp Lục Tổ, Lục Tổ hỏi: Vật gì đến thế này? Hoài Nhượng thắc

mắc 8 năm sau mới ngộ. Nhưng trong Pháp Bảo Đàn không có nói thác mắc đến 8 năm, chỉ nói là ngộ hay trả lời được.

Vi Sử Quân là quan địa phương (nay gọi là tỉnh trưởng) ở Tào Khê (nay chùa Nam Hoa) thỉnh Lục Tổ thuyết pháp.

Lục Tổ thăng tòa thuyết với đại chúng rằng: Hãy tịnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Lục Tổ gọi người nghe pháp là thiện tri thức, trí huệ của Bát Nhã, người thế gian người nào cũng có, chỉ vì tâm mê mà không được tự ngộ, phải nhờ đại thiện tri thức chỉ dẫn mới được kiến tánh.

Phải biết, Phật tánh của người ngu với người trí không có sai biệt, chỉ vì mê ngộ không giống nhau, nên có ngu có trí. Bây giờ, tôi nói pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa này, để cho quý vị đều được trí tuệ, quý vị để ý nghe.

Thiện tri thức! Suốt ngày miệng niệm Bát Nhã, nhưng sự thật không biết Tự Tánh Bát Nhã, cũng như nói ăn mà không ăn thì không no; miệng nói “không”, nhưng qua muôn kiếp không được kiến tánh, cuối cùng vô ích.

Thiện tri thức! Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là chữ phạm tiếng Aán Độ, dịch ra đại trí huệ, tức đến bờ bên kia, mà cái này thì tâm thực hành, chứ không phải ở miệng niệm. Nếu miệng niệm mà tâm không thực hành giống như huyền hóa, như lộ như điên thì không có ích, chẳng thực tế.

Nếu miệng niệm mà tâm thực hành thì tâm và miệng được tương ưng, mới đúng với bản tánh Phật, vì bản tánh của mình là Phật. Là tánh chẳng có Phật nào khác! Như nói “Tự tâm là Phật, ngoài tâm không có Phật”.

Chữ “đại” là siêu việt số lượng như hư không, chẳng có số cho mình đếm được, không thể suy nghĩ. Cho nên, không biên giới, không vuông tròn, không lớn nhỏ, không màu sắc vàng xanh đỏ trắng, không trên dưới, không dài ngắn, không sâu, không vui, không thị phi, không thiện ác, không đầu đuôi, tức là không có tất cả tương đối.

Như tôi giảng Bát Nhã Tâm Kinh, nếu lọt vào tương đối thì không phải Bát Nhã. Bát Nhã là dụng tự tánh automatic, tất cả chư Phật đều như hư không. Diệu tánh của người thế gian vốn KHÔNG, tức là không có pháp nào cho mình được.

Cho nên, tôi dạy tham thiền là vô sở đắc. Chân tâm tự tánh cũng như thế, không có một pháp nào cho mình đắc được. Nếu có pháp nào đắc được thì

không gọi là Bát Nhã, không phải kiến tánh thành Phật. Nhưng Lục Tổ sợ người ta đuổi theo lời nói, hiểu theo lời nói, ở đây giải thích.

Thiện tri thức! Đừng nghe tôi nói không mà chấp không. Nếu ngồi tĩnh tọa để tâm không là lọt vào vô ký không. Vì vậy tôi dạy tham thiền, chẳng thà có nghi tình có vọng tưởng, còn tốt hơn không có nghi tình và không có vọng tưởng. Vì không có nghi tình không có vọng tưởng lọt vào vô ký không là thiền bệnh.

Thế giới hư không bao hàm tất cả vạn vật, mặt trời, mặt trăng, vì sao, sơn hà, đại địa, núi sông, thảo mộc, tông lâm, người ác, người thiện, pháp ác, pháp thiện, thiên đường, địa ngục... tánh Không của người thế gian cũng như vậy, bao hàm vạn pháp, ấy gọi là đại.

Đại là siêu việt số lượng, tất cả vạn pháp đều ở trong tánh Không, chẳng thiếu sót một pháp nào cả. Nếu mình thấy tất cả pháp ác pháp thiện mà không lấy không bỏ, không nhiễm trước thì tâm như hư không, nên gọi là Đại, tức Ma Ha.

Người mê miệng nói mà tâm không thực hành, người trí miệng nói thì tâm thực hành. Còn có người chấp theo ý của mình, cho rằng trong tâm chẳng suy nghĩ gì hết, rồi tự xưng là Đại; Lục Tổ nói những hạng người này, không thể nói chuyện, vì họ có tà kiến sâu nặng khó phá được.

Tôi thường nói, đối với chữ “Không” của Phật pháp là hiện ra cái dụng, chứ chẳng phải không có gì! Pháp tu của ngoại đạo hay pháp môn khác Tổ Sư thiền, thường thường muốn cho tâm không, tức là không có một niệm gì hết. Nhưng pháp môn Tổ Sư thiền không cho tâm không, tâm nghi phải liên tục, không để niệm dứt.

Cho nên, Lục Tổ nói: “Tâm lượng rộng lớn khắp pháp giới, dụng thì rõ ràng”. Cái không của tự tánh trống rỗng, như căn nhà chẳng có khoảng không thì chẳng thể ở được. Cái tách chẳng có khoảng không thì không thể đựng nước được.

Phàm muốn dùng thì phải “không”, có “không” mới dùng được, bất cứ cái gì cũng vậy, chứ không phải là cái “không” chết! Vì thế, dùng thì rõ ràng, ứng dụng biết tất cả là một, một là tất cả, đi ở tự do. Tâm thể cùng khắp pháp giới, không có cái nào làm chướng ngại, ấy là Bát Nhã.

Chánh văn:

Thiện tri thức! Trí Bát Nhã đều từ tự tánh mà sanh, chẳng từ bên ngoài vào, chớ dùng lầm ý thức, gọi là chơn tánh tự dụng.

Nhất chơn nhất thiết chơn, tâm lượng là việc lớn. Chẳng nên hành đạo nhỏ, miệng chớ trọn ngày nói “không” mà trong tâm chẳng tu hạnh này, giống như thường dân tự xưng là vua thì không được, hạng người này chẳng phải đệ tử của ta.

Thiện tri thức! Sao gọi là Bát Nhã? Bát Nhã dịch là trí huệ. Bất cứ nơi nào lúc nào, niệm niệm chẳng ngu muội (chẳng chấp thật), thường hành đúng trí huệ, tức là hạnh Bát Nhã. Một niệm ngu muội (chấp thật) thì Bát Nhã tuyệt, một niệm trí huệ thì Bát Nhã sanh. Con người ngu mê chẳng thấy Bát Nhã, miệng nói Bát Nhã mà trong tâm thường ngu muội, tự nói ta tu Bát Nhã, niệm niệm nói “không” mà chẳng biết “Chơn Không”. Bát Nhã không hình tướng, ấy là tâm trí huệ, nếu hiểu thấu như thế gọi là Trí Bát Nhã.

Sao gọi là Ba La Mật? Ba La Mật là tiếng Aán Độ, dịch là đến bờ bên kia, nghĩa là lìa sanh diệt. Chấp cảnh thì sanh diệt dấy lên như nước nổi làn sóng, tức gọi là bờ bên này; lìa cảnh thì chẳng sanh sanh diệt như nước chảy im lìm, tức là bờ bên kia, nên gọi là Ba La Mật.

Thiện tri thức! Kẻ mê miệng niệm, đang trong lúc niệm có vọng có sai, niệm niệm nếu hành, gọi là chơn tánh. Kẻ ngộ pháp này là pháp Bát Nhã, kẻ tu hạnh này là hạnh Bát Nhã, chẳng tu tức là phạm phu, một niệm tu hành tự thân bằng Phật.

Thiện tri thức! Phạm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề, niệm trước mê tức phạm phu, niệm sau ngộ tức Phật. Niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ Đề.

Thiện tri thức! Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, tối cao tối thượng tối đệ nhất, không trụ không đi cũng không đến, tam thế chư Phật từ đó ra. Cần phải dùng Đại Trí Huệ phá ngũ uẩn trần lao, tu hành như thế, nhất định thành Phật, đổi tam độc thành giới, định, huệ.

Giảng giải:

Thiện tri thức! Trí Bát Nhã là do tự tánh sanh, không những Bát Nhã mà tất cả vạn pháp đều do tự tánh sanh ra, không phải ở ngoài vào, không dùng ý thức sai lầm, mới gọi là chơn tánh tự dùng. Một chân nên tất cả đều chân, một giả thì tất cả đều giả.



Tâm lượng là sự lớn, không hành đường nhỏ. Đừng có suốt ngày nói “không” mà không tu cái hạnh này, cũng như thường dân tự xưng là vua thì không được. Nếu thường dân xưng vua thì ở thời xưa bị chém đầu, nên Lục Tổ nói là “những người này không phải đệ tử của ta”.

Tại sao gọi là Bát Nhã? Bát Nhã dịch là trí huệ, tất cả chỗ và thời gian, niệm không ngu si, thường thực hành niệm trí huệ, tức là hạnh Bát Nhã. Nếu có một niệm ngu si thì Bát Nhã dứt, một niệm trí thì Bát Nhã sanh.

Tại sao một niệm ngu? Nếu mình có chấp trước cái gì là ngu. Vô sở trụ là không chấp trước cái gì, không lọt vào tương đối, không lọt vào tứ cú là trí. Cho nên, Tổ sư nói “không có Bát Nhã không phải Bát Nhã, có Bát Nhã cũng không phải bát Nhã”. Tại sao? Không có Bát Nhã thì không phải Bát Nhã, vậy người ta hiểu; nói có Bát Nhã không phải Bát Nhã thì người ta không hiểu, vì rơi vào tương đối là “có” thì phải có cái “không” để đối đãi.

Người thế gian ngu mê không thấy Bát Nhã, miệng hay nói Bát Nhã, mà trong tâm lại chấp trước, nói rằng “ta tu Bát Nhã”, nên gọi là thường ngu.

Nói “không” là Bát Nhã thì sai lầm, vì Bát Nhã đâu phải “không”, không đối với sắc là tương đối. Nếu ở trong tứ cú thì Không là cú thứ nhì. Miệng cứ nói không mà chẳng biết chơn không, chơn không là vô sở trụ, không phải trụ nơi không.

Bát Nhã không có hình tướng, tâm trí huệ tức là Bát Nhã, tâm trí huệ thì vô sở trụ, nếu có sở trụ thì không phải Bát Nhã. Giải như thế mới gọi là Bát Nhã trí.

Thế nào là Ba La Mật? Đây là tiếng Aán độ dịch là bờ bên kia, nghĩa là lìa sanh diệt. Nếu chấp trước cảnh gì thì sanh diệt khởi lên, như nước vốn yên tĩnh, khi gió thổi thì làn sóng nổi lên, nên gọi là bờ bên này. Nếu lìa cảnh, tức không chấp trước cảnh thì không có sanh diệt khởi lên, như dòng nước lưu thông bình thường, nên gọi là bờ bên kia.

Bờ bên này có sanh diệt, có phiền não không được tự do tự tại; bờ bên kia không có chấp trước, tức là bệnh chấp đã hết, không có phiền não, không có khổ. Nhưng người mê, lúc miệng niệm, tâm có vọng có quấy, tức là không chấp trước cái này thì chấp trước cái kia.

Nếu niệm vô sở trụ gọi là chơn tánh, ngộ pháp này gọi là pháp Bát Nhã, tu hạnh này gọi là hạnh Bát Nhã, không tu là phàm phu, một niệm tu là tự thân bằng Phật.

Tại sao một niệm tu là tự thân bằng Phật? Cũng như tham thiền là đề lên câu thoại đầu, khởi nghi tình; chính nghi tình không lọt vào tương đối, không lọt vào tứ cú. Niệm niệm tu hành thì lúc ấy nghi tình liên tục, không có sanh diệt nổi lên, không có phiền não, không có đau khổ, mà hiện ra dụng Bát Nhã automatic của tự tánh.

Cho nên, Lục Tổ nói “phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề, niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật”, không có 2 thứ nên gọi là bất nhị, mà ở đây có người y văn giải nghĩa có thể tưởng lầm.

Vì lời nói nên mới có trước sau, ở trên nói “phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề”, tức là không có 2 thứ để đối đãi. Nếu không có đối đãi thì tại sao nói niệm trước mê là phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật? Đã nói phiền não tức Bồ Đề, phàm phu tức Phật, mà phàm phu là mê, còn Phật là giác ngộ! Vì bệnh chấp thật của chúng sanh hay phân biệt mê và ngộ, phàm phu và Phật. Nên Lục Tổ mới nói như vậy.

Kỳ thật, niệm không có trước sau, nếu nói có trước sau thì kinh Kim Cang đâu nói “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc!” Có trước sau, mê ngộ là 2.

Đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, khởi cần nghĩ đến trước sau gì hết, khởi cần chấp trước cảnh hay lia cảnh. Vì nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả. Cho nên, nói “phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề”, vì nghi tình không biết, nên không có phân biệt.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa tối tôn tối thượng, không trụ, không đi, không lại. Ba đời chư Phật đều trong đó sanh, vì vậy mình trí huệ Bát Nhã đập tan ngũ uẩn trần lao, tu hành như thế sẽ nhất định thành Phật. Nhưng nói đập tan đả phá ngũ uẩn trần lao là không phải mình có nổi ý đả phá, vì có nghi tình thì tự nhiên được đả phá.

Chánh văn:

Thiện tri thức! Pháp môn này từ Bát Nhã mà sanh ra tám mươi bốn ngàn trí huệ. Tại sao vậy? Vì con người có bốn mươi tám ngàn trần lao, nếu không có trần lao thì trí huệ luôn luôn hiển hiện, chẳng lia tự tánh. Người ngộ pháp

này tức là vô niệm vô ức (không ghi nhớ), vô nhiễm trước, chẳng khởi cuồng vọng. Đối với tất cả pháp, dùng trí huệ chơn như tự tánh chiếu soi, chẳng lấy chẳng bỏ, tức là Kiến Tánh Thành Phật.

Thiện tri thức! Muốn đi vào pháp giới thâm sâu và Bát Nhã Tam Muội, phải tu hạnh Bát Nhã, thực hành theo kinh Kim Cang thì sẽ được Kiến Tánh. Phải biết cái công đức kinh này vô lượng vô biên, trong kinh rõ ràng tán thán, chẳng thể kể xiết. Pháp môn này là Tối Thượng thừa, vì người đại trí mà thuyết, vì người thượng căn mà thuyết, kẻ căn khí nhỏ nghe được khó tin.

Tại sao vậy? Ví như trận mưa bão lụt, thành thị nông thôn đều bị cuốn trôi như cỏ lá, nếu mưa bão trong biển lớn thì chẳng thêm chẳng bớt; như người thượng thừa, người tối thượng thừa nghe kinh Kim Cang, tâm liền khai ngộ.

Nên biết tự tánh vốn có trí Bát Nhã, trí huệ tự tánh thường chiếu soi nên chẳng nhờ văn tự, ví như nước mưa chẳng do trời có, mà do khí trời làm nên, khiến cho tất cả chúng sanh, tất cả cây cối, hữu tình vô tình, đều được thấm nhuần, tất cả sông ngòi đều chảy về biển lớn, hợp thành nhất thể. Trí Tự Tánh Bát Nhã của chúng sanh cũng vậy.

Thiện tri thức! Kẻ tiểu căn nghe được pháp môn đốn giáo này, như cây cỏ mà gặp mưa bão, đều tự gãy đổ chẳng sanh trưởng được, kẻ tiểu căn cũng vậy. Họ vốn có trí Bát Nhã đồng với người đại trí, chẳng có khác biệt, tại sao nghe pháp mà chẳng được tự ngộ? Đó là do tà kiến chướng nặng, phiền não căn sâu, như mây lớn che khuất mặt trời, chẳng được gió thổi nên chẳng hiện ánh sáng.

Trí Bát Nhã vốn chẳng lớn nhỏ, chỉ vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ chẳng đồng, tâm mê tu hành hướng ngoại tìm Phật mà chưa ngộ tự tánh, tức là tiểu căn. Nếu khai ngộ đốn giáo, chẳng chấp lấy hình tướng bên ngoài, chỉ ở trong tự tâm thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao thường chẳng ô nhiễm, tức là kiến tánh.

Giảng giải:

Thiền tông rất chú trọng nghi tình, tu hành phải có nghi tình. Trước đời nhà Tống, chư Tổ dùng thủ đoạn cho người tham học phát khởi nghi tình mà tự mình không biết. Sau đời nhà Tống bắt buộc tham công án tham thoại đầu mới khởi được nghi tình.

Đời xưa và đời nay có nghi tình mới được ngộ đạo, như Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây bồ đề cũng khởi nghi tình mà ngộ. Chính nghi tình này đầy đủ giới, định, huệ. Cho nên, biến tam độc là tham, sân, si thành giới, định, huệ.

Tại sao nghi tình đầy đủ giới, định, huệ? Vì nghi tình là không biết gì cả, không nghĩ đến thiện ác. Không suy nghĩ là giới, nghi tình miên mật thì vọng tưởng khởi lên không được, tâm không tán loạn là định. Chính nghi tình không lọt vào tương đối, không lọt vào tứ cú thì vô sở trụ là huệ.

Ở đây mặc dầu không có pháp môn nào, nhưng thủ đoạn của Tổ là pháp môn, làm cho người khởi lên nghi tình, mà người tham thiền tự mình không biết, ấy là pháp môn rồi. Chứ không phải đời sau này dạy công án hay thoại đầu là pháp môn!

Pháp môn của ta tức là môn phái của Tổ Sư thiền là từ Bát Nhã sanh ra 84.000 trí huệ. Tại sao? Vì người thế gian có 84.000 trần lao. Nếu không có trần lao thì trí huệ thường hiện ra, tức là cái dụng của tự tánh. Bây giờ trần lao lấp đầy hết, không có cái trống rỗng thì cái dụng automatic của tự tánh không được hiện ra.

Cho nên, quét trống rỗng bao nhiêu thì cái dụng của tự tánh hiện ra bấy nhiêu, quét trống rỗng tích cực thì dụng tích cực là Phật. Cái dụng tức là trí huệ, trí huệ của người thế gian cần phải tác ý. Trí huệ Bát Nhã được dùng thì automatic, không cần tác ý.

Bây giờ có nhiều Phật tử tham thiền đã chứng tỏ, như Trương Quốc Anh, Trì Hằng Thiền và nhiều Phật tử được hiện ra cái dụng của tự tánh phần nào.

Trí huệ không lia tự tánh, Lục Tổ thuyết pháp không lia tự tánh, nếu lia tự tánh thuyết pháp gọi là tướng thuyết, trong kinh này có nói. Ngộ pháp này tức là vô niệm, vô niệm vô trước là tôi thường nói, quá khứ đừng ghi nhớ, hiện tại chẳng trụ, vị lai không sắp đặt, gọi là vô trước, vô niệm. Vô niệm không phải không có niệm nào hết! Không khởi lên cuồng vọng thì cái dụng tự tánh automatic hiện ra, gọi là tánh chân như.

Lấy trí huệ để quán chiếu tất cả pháp. Nói quán chiếu thì người ta có thể tưởng lầm là giáo môn quán chiếu. Nghi tình tự nhiên quán chiếu, tuy lấy tên quán chiếu nhưng không phải quán chiếu. Như Pháp Bảo Đàn nói: “Tọa thiền lấy tâm tọa, chứ không phải lấy thân tọa”. Quán chiếu của nghi tình là không lấy không bỏ thì cuối cùng sẽ kiến tánh thành Phật.

Mình muốn nhập thậm thâm pháp giới. 2 chữ “thậm thâm” này là siêu việt số lượng, nghĩa rộng hơn vũ trụ. Muốn được chánh định Bát Nhã thì phải tu hạnh Bát Nhã. Tham thiền là hành thâm Bát Nhã, tức tu hạnh Bát Nhã, cũng gọi trì kinh Kim Cang.

Thường thường người ta cho tụng kinh là trì kinh thì sai lầm. Tụng kinh là đọc tụng, trì là theo ý của kinh thực hành, trì và tụng có liên quan với nhau. Trong kinh Kim Cang nói: “Đọc tụng, thọ, trì”, nếu đọc tụng không hiểu nghĩa giống như không đọc tụng. Đọc tụng hiểu ý nghĩa của Phật, rồi mới lãnh thọ thực hành.

Cho nên, cuối cùng của mỗi cuốn kinh đều có “tín, thọ, phụng, hành”. Trì là phụng hành, tham thiền chính là trì kinh thì được kiến tánh, nếu tụng suông không bao giờ kiến tánh. Vì thế công đức kinh này có vô lượng vô biên, trong kinh Kim Cang tán thán nhiều.

Pháp môn này là Tội thượng thừa, vì người thượng căn mà nói, nếu người tiểu căn nghe không tin. Tại sao? Như trời mưa lớn làm cho cây cỏ bị xối mòn ngã gãy, còn mưa ở nơi biển thấy nước không tăng thêm.

Như người thượng căn nghe kinh Kim Cang tâm lực được ngộ được hiểu, vì bản tánh của mình có trí Bát Nhã. Nếu mình quyết tử tham thiền thì trí Bát Nhã hiện ra, do thường quán chiếu tức là có nghi tình, khởi cần văn tự. Nên, Thiền tông nói: “Bất lập văn tự” là vậy.

Theo tập quán của thời Lục Tổ cho rằng con rồng làm mưa, làm cho hữu tình và vô tình đều được lợi ích. Tất cả sông lớn, sông nhỏ đều chảy vào biển lớn hợp thành một thể. Trí của chúng sanh và bản tánh Bát Nhã cũng như thế.

Người tiểu căn nghe pháp đốn giáo, như cây nhỏ bị mưa lớn xối xuống, không có lợi ích mà lại bị ngã đổ. Trí Bát Nhã của người tiểu căn và trí Bát Nhã của người thượng trí thì không sai biệt.

Tại sao nghe pháp không khai ngộ? Vì bị tà kiến làm chướng ngại, tà kiến nhiều chừng nào thì căn phiền não sâu chừng nấy. Chính tà kiến ấy giống như mây lớn che khuất mặt trời, nếu không có gió thổi thì ánh sáng mặt trời không thể hiện ra.

Trí Bát Nhã không lớn không nhỏ, vì tâm chúng sanh mê ngộ không giống nhau. Người có tâm mê chỉ thấy Phật ở ngoài, không tin tự tâm mình là Phật, nên không ngộ được tự tánh, gọi là tiểu căn.

Phật giáo đồ phần nhiều hướng ở ngoài mà tìm, chứ không tìm ở tự tâm. Nếu ngộ pháp đốn giáo, không chấp ở ngoài, chỉ ở trong tự tâm thường khởi lên chánh kiến.

Chánh kiến là gì? Có nghi tình là chánh kiến, vì nghi tình không trụ nơi nào thì phiền não trần lao không thể nhiễm được. Nghi tình miên mật nên vọng tưởng khởi lên không được, cuối cùng được kiến tánh.

Chánh văn:

Thiện tri thức! Trong ngoài chẳng trụ đi lại tự do, nếu trừ được chấp tâm thì thông đạt vô ngại. Nếu tu được hạnh này, với kinh Bát Nhã vốn chẳng sai biệt.

Thiện tri thức! Tất cả kinh điển và văn tự, đại tiểu nhị thừa, 12 bộ kinh đều do người đặt ra, vì có tánh trí mới được kiến lập; nếu chẳng có con người thì vạn pháp vốn chẳng tự có. Nên biết vạn pháp vốn do tâm người kiến tạo, tất cả kinh sách là vì con người mà nói. Vì trong con người có kẻ ngu người trí, ngu là tiểu nhân, trí là đại nhân, kẻ ngu hỏi pháp với người trí, người trí thuyết pháp cho kẻ ngu, kẻ ngu đốn ngộ tự tâm thì chẳng khác với người trí vậy.

Thiện tri thức! Khi chưa ngộ thì Phật tức chúng sanh, lúc một niệm khai ngộ, chúng sanh tức Phật. Nên biết vạn pháp đều ở nơi tự tâm, vậy sao chẳng ở nơi tự tâm đốn thấy chơn như bản tánh? Kinh Phạm Võng nói: “Tự tánh vốn thanh tịnh, nếu nhận được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành Phật đạo”. Kinh Duy Ma Cật nói: “Ngay lúc đó hoát nhiên đốn ngộ, liền được bản tâm”.

Thiện tri thức! Ta ở nơi Hòa thượng Hoằng Nhẫn vừa nghe câu nói liền ngộ, đốn thấy chơn như bản tánh, cho nên hoằng dương giáo pháp này, khiến hành giả đốn ngộ Bồ Đề, mọi người tự thấy bản tâm, tự kiến bản tánh.

Nếu chẳng tự ngộ, phải tìm người đã khai ngộ pháp Tội Thượng thừa, chỉ ngay đường lối chánh pháp, vì thiện tri thức có nhân duyên lớn giáo hóa dẫn

dắt, khiến hành giả được Kiến Tánh, tất cả thiện pháp đều do thiện tri thức mà được kiến lập.

Tam thế chư Phật, 12 bộ kinh ở trong tự tánh vốn đã đầy đủ, vì tự ngộ chẳng được, nên phải nhờ thiện tri thức chỉ ra mới thấy, kẻ tự ngộ chẳng phải nhờ đến người khác. Nếu cố chấp rằng phải luôn luôn ý lại thiện tri thức mới mong được giải thoát thì không bao giờ được.

Tại sao? Vì ở trong tự tâm sẵn có tri thức tự ngộ, nếu khởi tà kiến mê chấp vọng tưởng điên đảo, dẫn cho gặp thiện tri thức dạy bảo cũng chẳng cứu được. Nếu khởi chơn tánh Bát Nhã tham cứu, trong một sát na vọng tưởng đều tiêu, nhận được Phật tánh, đốn siêu Phật địa.

Thiện tri thức! Dùng trí huệ chiếu soi trong ngoài sáng tỏ rõ ràng thì nhận được bản tâm. Nếu nhận được bản tâm tức vốn là giải thoát, được giải thoát tức là Bát Nhã Tam Muội, Bát Nhã Tam Muội tức là vô niệm.

Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy tất cả pháp không nhiễm trước gọi là vô niệm, dùng thì khắp nơi, cũng chẳng dính mắc ở khắp nơi, hễ sạch được bản tâm, khiến lục thức ra cửa lục căn, đối với lục trần mà chẳng nhiễm chẳng trước, đi lại tự do, ứng dụng vô ngại, tức là Bát Nhã Tam Muội, tự tại giải thoát, gọi là vô niệm. Chứ chẳng phải như người làm tướng cho là “trăm điều chẳng nghĩ, chỉ cho niệm tuyệt”, ấy là pháp trói buộc, tức là biên kiến.

Thiện tri thức! Kẻ ngộ pháp Vô Niệm thông đạt vạn pháp, ngộ pháp Vô Niệm thấy được cảnh giới chư Phật, ngộ pháp Vô Niệm được đến địa vị Phật.

Thiện tri thức! Nếu người đời sau ngộ được pháp này, đem pháp môn đốn giáo này với những người đồng một chánh kiến, chánh hạnh phát nguyện cùng tu, như cúng dường Phật mà suốt đời chẳng thôi lui, người ấy nhất định được vào Thánh vị. Nhưng phải truyền thọ, từ trước đến nay các Tổ đều mặc truyền tâm ấn, chẳng được ẩn giấu chánh pháp.

Nếu chẳng phải đồng môn chánh kiến, chánh hạnh, là người ở trong pháp khác thì chẳng được truyền thọ. Vì sợ kẻ ngu chẳng hiểu, lại sanh phỉ báng pháp môn này, phá hoại truyền thống Chánh Pháp của Cổ đức, làm cho muôn ngàn kiếp sau đoạn dứt Phật chủng, cuối cùng vô ích.

Thiện tri thức! Nay ta có một bài Vô Tướng Tụng, mọi người hãy tự giữ lấy, không kể xuất gia, tại gia, nên y theo bài tụng mà tu hành. Nếu chẳng tự tu, mà chỉ ghi nhớ lời ta cũng chẳng ích lợi gì. Bài tụng rằng:

Giảng giải:

Nội tâm và ngoại cảnh là tương đối, Lục Tổ sợ mình chấp vào lời nói của Tổ, nên ngài nói: “Nội ngoại đều không trụ”. Vì bản tánh của mình hoạt bát khư lai tự do. Nghi tình quét sạch hết chấp tâm thì thông đạt, không có chướng ngại. Nếu tu hành này với kinh Bát Nhã không có sai biệt.

Tham thiền là trì đúng kinh Bát Nhã. Tất cả kinh Đại thừa, Tiểu thừa, 12 bộ kinh đều do người làm ra. Do tánh trí huệ mới kiến lập được, nếu không có người thế gian thì muôn pháp cũng không có. Phải biết muôn pháp của pháp giới vốn từ người làm ra. Tất cả kinh sách đều từ người mới có.

Nhưng có người ngu người trí, ngu là tiểu nhân, trí là đại nhân. Người ngu hỏi người trí, người trí thuyết pháp cho người ngu nghe. Người ngu thành linh được ngộ, với người trí không có khác biệt. Cho nên không ngộ, Phật tức là chúng sanh; nêu một niệm ngộ rồi, chúng sanh là Phật. Vì Phật và chúng sanh là tương đối. Vạn pháp đều ở trong tự tâm, không phải từ bên ngoài mà có. Tại sao không ở trong tự tâm mà kiến tánh? Vậy muốn kiến tánh thì phải tham thiền.

Đã tin pháp môn, mà không tin tự tâm mình là Phật thì tu không thể kiến tánh. Lục Tổ dẫn chứng kinh Phạm Võng: “Tự tánh vốn thanh tịnh, nếu nhận được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành Phật đạo”. Lục Tổ lại dẫn chứng kinh Tịnh Danh tức là kinh Ma Cật ý nghĩa cũng như vậy.

Nếu tham thiền, công phu đến thành khối, khi gặp cơ duyên nào, như bị vấp té cũng ngộ, bị đánh bạt tai cũng ngộ, nghe một tiếng hát cũng ngộ,... lúc ngộ thành linh hoát nhiên được bản tâm (Phật).

Lục Tổ không những lấy kinh nghiệm để dẫn chứng, mà còn lấy kinh nghiệm của mình, nói rằng: “Tôi lúc ở Tổ Hoàng Nhãn, nghe Tổ giảng câu ‘ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm’ của kinh Kim Cang, thành linh hoát nhiên ngộ. Nên tôi mới lấy pháp đốn giáo này để hoằng dương lưu hành, làm cho người được giác ngộ”.

Mình phải nhất tâm tham thiền sẽ được thấy bản tánh. Nếu không tự ngộ,



cần phải tìm thiện trí thức hiểu pháp Tối thượng thừa để chỉ đường lối chánh pháp. Vì thiện trí thức có nhân duyên lớn giáo hóa chỉ đạo, làm cho mình được mau kiến tánh.

Ba đời chư Phật, 12 bộ kinh, ở trong tánh mình đầy đủ, chứ không phải mình học từ cuốn kinh này qua cuốn kia mới biết được. Lục Tổ không biết chữ, khi ngộ rồi, nói ra thành Pháp Bảo Đàn Kinh. Cái học không phải của mình, nếu tự ngộ nên không cần cầu ở ngoài. Cứ chấp rằng phải nhờ thiện trí thức mới được kiến tánh thì không đúng.

Tại sao? Vì ở nơi tự tâm mình có thiện trí thức, tự tánh có đầy đủ thiện trí thức làm cho mình tự ngộ. Nếu tự mình khởi lên tà kiến mê muội, vọng tưởng điên đảo thì thiện trí thức ở ngoài không thể cứu được.

Nếu mình chân chánh khởi lên Bát Nhã (nghi tình) ở trong một sát na thì vọng niệm đều tiêu diệt. Có nhiều Tổ ngộ một lần thấu qua 3 quan, tức là từ địa vị phàm phu chứng lên quả Phật. Trí huệ Bát Nhã được dùng ra trong ngoài sáng tỏ, biết được tự tâm vốn là giải thoát, chứ không phải trước có bó buộc.

Được giải thoát là chánh định, cũng gọi là Bát Nhã tam muội và gọi là vô niệm. Lục Tổ sợ mình hiểu lầm 2 chữ “vô niệm”, ở đây ngài giải thích thêm. Tại sao gọi là vô niệm? Mình thấy tất cả pháp, tâm không nhiễm trước là vô niệm, tức là cái dụng của tự tánh cùng khắp pháp giới. Nếu không chấp trước ở mọi nơi thì bỗng tánh thanh tịnh. Như lục căn tiếp xúc lục trần sanh ra lục thức không bị nhiễm trước.

Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”, tức là không có nhiễm trước. Vì được tự do, không bị chướng ngại, đó gọi là Bát Nhã tam muội. Tất cả các pháp mình không suy nghĩ, làm cho niệm tuyệt, làm cho pháp bị bó buộc, gọi là biên kiến. Vì lọt vào chấp không, biên kiến là 1 trong 5 thứ ác kiến.

Cho nên, Lục Tổ nói đời sau được pháp của ta phải lấy pháp môn đốn giáo này, nói với người đồng kiến đồng hành. Nhưng người đồng kiến đồng hành phải phát nguyện thọ trì như phụng sự Phật mới được, suốt đời không lui sụt, nhất định sẽ nhập vào Thánh vị.

Sự truyền thọ là từ ở trên xuống đây là nói “truyền” không giấu chánh pháp, nếu người không phải đồng kiến đồng hành, ở trong pháp khác thì không

được truyền thọ. Vì truyền thọ sẽ hại người đó, rốt cuộc vô ích. Tại sao? Vì người ngu không hiểu, nên phỉ báng pháp môn này, làm cho muôn ngàn kiếp chắm dứt hạt giống Phật.

Lục Tổ có bài Tụng Vô Tướng khuyên những người tham thiền, bất cứ tại gia hay xuất gia đều phải theo đó mà tu hành. Nếu không tự tu, chỉ nhớ lời nói là vô ích.

Chánh văn:

Thuyết thông lại tâm thông,  
N như mặt trời giữa không,  
Chỉ truyền pháp kiến tánh,  
Hoằng pháp phá tà tông.  
Pháp vốn chẳng đôn tiêm,  
Mê ngộ có nhanh chậm,  
Pháp môn kiến tánh này,  
Kẻ ngu chẳng thể tri,  
Thuyết tuy muôn ngàn lời,  
Đúng lý chỉ là một,  
Nhà phiền não đen tối,  
Thường nên sanh huệ nhật,  
Tà khởi phiền não tới,  
Chánh đến phiền não trừ,  
Tà chánh đều chẳng chấp,  
Thanh tịnh đến cùng tột.  
Tự tánh vốn Bồ Đề,  
Khởi tâm tức là vọng,  
Tịnh tâm ở trong vọng,  
Niệm chánh chẳng tam chương,  
Người đời muốn tu đạo,  
Tất cả đều chẳng ngại,  
Thường tự thấy lỗi mình,  
Vớ đạo tức tương ưng.  
Muôn loài tự có đạo,  
Mỗi mỗi chẳng ngại nhau,  
Ngoài tâm đi tìm đạo,  
Suốt đời chẳng thấy đạo,  
Sau cùng tự áo não.  
Muốn thấy được chơn đạo,

Hạnh chánh tức là đạo,  
Nếu tự chẳng đạo tâm,  
Đen tối chẳng thấy đạo.  
Nếu là người chơn tu,  
Chẳng thấy lỗi thế gian,  
Nếu thấy lỗi của người,  
Trái lại thành tự quấy,  
Thấy quấy thành tự lỗi.  
Hễ bỏ tâm chấp quấy,  
Phiền não tự tan rã.  
Thương ghét chẳng quan tâm,  
Duỗi thẳng hai chân nằm.  
Muốn hóa độ chúng sanh,  
Tự phải có phương tiện,  
Khiến họ hết nghi ngờ,  
Tức là tự tánh hiện.  
Phật pháp tại thế gian,  
Chẳng rời thế gian giác,  
Lìa thế tìm Bồ Đề,  
Cũng như tìm sừng thỏ.  
Chánh kiến gọi xuất thế,  
Tà kiến gọi thế gian,  
Tà chánh đều quét sạch,  
Tánh Bồ Đề rõ ràng.  
Tụng này là đôn giáo,  
Cũng gọi đại pháp thuyền.  
Lúc mê tu nhiều kiếp.  
Ngộ chỉ một sát na.

Sư lại nói: “Nay ta ở chùa Đại Phạm thuyết pháp đôn giáo này, nguyện cho pháp giới chúng sanh nghe được pháp này liền kiến tánh thành Phật”. Lúc ấy Vi Sử Quân và tất cả quan chức, đạo tục, nghe Sư thuyết pháp đều được tỉnh ngộ. Đánh lễ tán thán rằng: “Lành thay, đâu ngờ xứ Lãnh Nam lại có Phật ra đời”.

**Giảng giải:**

**Bài Vô Tướng Tụng này diễn tả hết pháp môn Tổ Sư thiên.**

Thuyết thông lại tâm thông,

Như mặt trời giữa không.

Người giảng kinh thuyết pháp thông, có thể là tâm chưa thông. Nhưng tâm thông, tự nhiên thuyết được thông. Thuyết thông và tâm thông như mặt trời ở trên hư không. Tại sao lấy mặt trời để thí dụ? Vì mặt trời không trụ chỗ nào. Nếu có một sợi chỉ treo mặt trời thì sợi chỉ đó làm khuất ánh sáng, nên mặt trời không chiếu khắp. Tự tánh mình như mặt trời ở trong hư không chẳng dính líu gì.

Tông phái Tổ Sư thiên chỉ truyền pháp kiến tánh, chư Tổ ra đời là phá tất cả tà tông. Vì tà tông không đúng với chánh pháp, còn chấp ngã, chấp nhân ngã hoặc chấp pháp ngã.

Pháp không có đốn tiệm, tại sao lại có đốn giáo? Vì có mê ngộ, nên có nhanh ngộ chậm ngộ, vì vậy mới có đốn tiệm. Đốn tiệm do người, không phải do pháp.

Người ngu không thể hiểu được, vì chấp trước nhiều. Theo Phật pháp, người chấp nhiều chùng nào thì hạ căn chùng nấy. Chấp ít chùng nào thì thượng căn chùng nấy. Chứ không phải thông minh lanh lợi là cao, pháp môn này không phân biệt thông minh lanh lợi và dốt nát.

Pháp nói thì nhiều, nhưng hợp lại chỉ có một. Chúng sanh đang ở trong nhà đen tối, nhưng phải thường thường (nghĩ tình miên mật) sanh ra trí huệ mặt trời. Nếu khởi lên một niệm thì tà kiến phiền não đến, không có biệt niệm mà chỉ có chánh niệm (nghĩ tình) thì phiền não hết.

Nhưng tà và chánh đều không dùng, mới thanh tịnh đến cùng tột. Tham thiền còn biết tham thiền thì chưa đến chân tham, đến chân tham thì không phân biệt tà chánh, luôn cả tham thiền cũng không biết mình đang tham thiền.

Trước kia thủ đoạn của Tổ làm cho người tham thiền mau đến chỗ chân tham. Nếu khởi một niệm để tìm hay cho rằng Bồ Đề, đó là vọng. Vì Bồ Đề vốn tự tánh sẵn có.

Mặc dầu, tâm mình là vọng, nhưng tự tánh mình thanh tịnh, không bị ô nhiễm của vọng. Cho nên, chỉ cần mình có chánh kiến thì không bị chướng

ngại.

Người thế gian tu đạo này không có chướng ngại, nhưng phải phá ngã chấp. Thường thường người ta chỉ thấy lỗi người, chứ không thấy lỗi của mình là do có ngã chấp. Lục Tổ dạy thường thấy lỗi mình mới phá ngã chấp, được tương ưng với đạo.

Các loại chúng sanh đều tự có đạo và không chướng ngại với nhau, nếu lìa đạo ở tự tâm, đi tìm đạo ở ngoài thì suốt đời không được thấy đạo. Như bôn ba để qua một đời, cuối cùng ăn năn đã muộn.

Muốn thấy chân đạo thì cái hạnh phải chánh, ngày đêm giữ được nghi tình miên mật là hạnh chánh. Nếu tự mình không có tâm đạo, đi ở chỗ đen tối thì không thấy đạo, vì đạo do tâm mà có.

Sao biết người chân thật tu hành? Người chân thật tu hành thì không thấy lỗi của người khác, thấy lỗi người khác là có ngã chấp. Thấy quấy của người khác cho là quấy, tức là mình cũng quấy.

Người khác quấy mà mình không quấy, mình quấy lại nói người ta quấy thì mình càng quấy. Chỉ cần bỏ tâm chấp quấy thì tự nhiên phá được phiền não. Yêu và ghét đều không quan tâm đến.

Muốn hóa độ chúng sanh thì tự mình phải có phương tiện, chư Phật chư Tổ giáo hóa chúng sanh đều có phương tiện, không có pháp nào mà không có phương tiện để tu giải thoát! Bây giờ mình đối với vũ trụ vạn vật đều có nghi.

Tại sao có ta? Tại sao ta có lục căn? Tại sao có ngũ tạng lục phủ? Tại sao con mắt lại thấy tai nghe? Tại sao có ghế này? Tại sao có cây cối? Tại sao có trời đất? Tất cả đều nghi.

Muốn giáo hóa người phải có phương tiện, để cho họ tu hết nghi thì được tự tánh hiện, tức là kiến tánh. Tham thiền là khởi lên nghi tình, đến khi nào nghi tình vỡ, Tổ Sư thiền nói là cắt đứt căn nghi được kiến tánh.

Kiến tánh là tự tánh hiện ra, chứ không phải có ta là năng kiến, có người khác là sở kiến. Nếu có năng sở không phải là kiến tánh, cho nên ở đây nói là tự tánh hiện.

Phật pháp trên thế gian không là thế gian mà giác ngộ, vì là thế gian thì cần gì Phật pháp! Vì vậy là thế gian để cầu Bồ Đề như tìm sừng thỏ (con thỏ không có sừng).

Chánh kiến là phá ngã chấp, tà kiến là chấp ngã. Ở trong này nói tà kiến đối với chánh kiến, không phải tà kiến trong 5 thứ ác kiến không có nhân quả. Tham thiền thì tà kiến và chánh kiến đều quét sạch, mới không có đối đãi. Vì tà đối với chánh, chánh đối với tà.

Tà kiến là pháp thế gian, chánh kiến là pháp xuất thế gian, hai pháp đó đều quét sạch thì tánh Bồ Đề rõ ràng. Vậy Vô Tướng Tụng này là pháp môn đốn giáo của Tổ Sư thiền, cũng gọi là Đại Pháp Thuyền, tức là chiếc ghe lớn chở chúng sanh đến bờ bên kia.

Người mê nghe pháp đốn giáo không tin, nên phải chịu khổ từ kiếp này sang kiếp khác. Khi có lòng tin, tu theo pháp môn này thì ngộ trong sát na, nên gọi là đốn giáo.

Ở trên nói phẩm Bát Nhã, sao Lục Tổ nói là pháp đốn giáo? Vì Ngài muốn giới thiệu cho người ta biết pháp môn Thiền tông là pháp môn đốn giáo, để phổ biến và hy vọng tất cả chúng sanh trong pháp giới nghe rồi, theo đó thực hành được kiến tánh thành Phật.

Lúc ấy, các quan và người khác nghe Lục Tổ giảng được khai ngộ, cùng nhau tán thán: “Ai ngờ, xứ Lĩnh Nam có Phật ra đời”.

Hỏi:

Thế nào nghiệp chướng sâu nặng và ngộ lý chơn không?

Đáp:

Ngộ là ngộ vào tự tánh, chứ không phải ngộ lý chân không. Thiền tông là giáo ngoại biệt truyền, tức là ở ngoài giáo lý, quét sạch hết lý mới ngộ tự tánh. Nếu còn lý thì còn nằm trong ý thức, chưa thể là ý thức. Ý thức phải có hợp lý hay hợp logic thì không được kiến tánh.

Lai Quả thiên sư quả chúng Tăng rằng: “Các ông chứa đầy bụng kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm; nhưng ở trong Thiền đường này, một chữ dùng cũng không được”.

Vừa rồi nói là nghiệp chướng ăn sâu vào xương tủy, nhưng ở trong Thiền tông không thể nói vậy. Như căn phòng đen tối một ngàn năm, đốt cây đèn lên thì được sáng tỏ, ngàn năm đen tối đều hết. Cho nên, Tổ Sư thiền nói đừng đổ thừa nghiệp chướng nặng, cũng đừng tin La Hán tái lai, Bồ Tát tái thế, ấy là gạt người, chính là Ngài Lai Quả nói.

Tổ Bác Sơn nói trong Tham Thiền Cảnh Ngữ: “Tin tự tâm là Phật tức chánh tín, tin ngoài tâm có Phật là tà tín”. Đừng có đổ thừa nghiệp chướng, trong Từ Bi Thủy Sám có 7 thí dụ: Thí dụ thứ nhất là mình phải biết mắc cỡ, vì mình với Phật Thích Ca lúc trước đều là chúng sanh, mà Phật Thích Ca thành Phật đã lâu rồi, còn mình làm chúng sanh thì phải biết mắc cỡ. Vì Phật với mình đâu có khác!

Tại sao cứ đổ thừa nghiệp chướng nặng? Vậy chùng nào mới bằng Phật Thích Ca? Tổ Sư thiền không kể nghiệp chướng nặng, không kể sơ tham hay lão tham, không kể hạ căn hoặc thượng căn, thông minh và ngu si. Vì người nào đều cũng có Phật tánh, nếu mình chấp nghiệp chướng nặng thì bị chướng ngại.

Hỏi:

Pháp Bảo Đàn của Thiền tông có niệm, vậy đó là niệm gì?

Đáp:

Niệm đó là vô niệm, cũng gọi chánh niệm hay ‘nghi tình’. Nghi tình không phải không có niệm, nghi tình không cho dứt, phải liên tục. Nếu nghi tình dứt, không liên tục thì bị gián đoạn.

Hỏi:

Nếu chúng ta dùng cái biết để biết thế gian này là vọng huyễn, như vậy có phải quán chiếu Bát Nhã hay trì kinh Bát Nhã?

Đáp:

Không phải, cái vọng huyễn mình biết là rơi trong tứ cú và cũng lọt vào nghĩa 3 câu của kinh Kim Cang. Biết vọng là huyễn hóa thì lọt vào cú thứ 2,

vì cú thứ 1 chấp thật, chưa đến câu thứ 3. Dù đến câu thứ 3, nhưng cũng quét luôn câu thứ 3. Cho nên, biết vọng không phải Bát Nhã.

Hỏi:

Phương pháp biết vọng là quán chiếu Bát Nhã, cũng là phương pháp của Thiền tông. Nếu xử dụng trí đó đẩy được tâm thức đến chỗ cùng cực, nghĩa là thấy được chỗ khởi niệm, vọng niệm rớt xuống, ngay đó sẽ được ngộ đạo. Con nghĩ rằng không biết đúng hay không, xin Thượng tọa giải nghi?

Đáp:

Tự mình bày đặt vậy, đó là niệm gì? Ai đẩy niệm đó? Nếu có đẩy niệm thì cái đẩy là năng, niệm đó là sở. Có năng có sở sao gọi là Bát Nhã! Vừa giảng Bát Nhã, nếu có năng sở không phải Bát Nhã. Quán chiếu không phải Bát Nhã, vì quán chiếu có năng quán và sở quán là tương đối.

Hỏi:

Đến giai đoạn nào mới gọi là Bát Nhã và áp dụng Bát Nhã thế nào được tốt?

Đáp:

Tham thoại đầu là hành thâm Bát Nhã, cũng là trì kinh. Bát Nhã thì vô sở trụ, không có năng sở, không lọt vào tương đối. Bát Nhã không phải Bát Nhã, huống chi có năng sở!

Hỏi:

Nếu chúng ta không dùng phương tiện quán chiếu của Giáo môn, làm sao đạt đến hệ thống?

Đáp:

Giáo môn thì khác, còn kinh Pháp Bảo Đàn là Thiền môn, cũng gọi là giáo ngoại biệt truyền, khác hẳn Giáo môn.

Hỏi:

Đọc kinh cũng có thể ngộ đạo, đâu phải chỉ do tham thiền mới được ngộ đạo?



Đáp:

Phải rồi, vì do có cái nghi nên mới được ngộ. Nếu tham thiền đến chết mà chưa kiến tánh thì kiếp sau tiếp tục tham.

Truyền Đăng Lục có cô gái 15 tuổi là cháu thừa tướng Tô Công Tụng kiến tánh, phá sơ quan. Kiến tánh rồi không nói cho ai biết, cô tưởng ai cũng như vậy. Kiếp trước tu nên cái nghi có sẵn, rồi kiếp này nghi tiếp tục đến ngày chín mùi được ngộ. Vì Bát Nhã đã gieo trồng, nên xuất gia làm Diệu Tổng Thiền sư.

Ngày xưa, tông lâm ở Trung Quốc, tỉnh trưởng mời người kiến tánh làm trụ trì để hoằng pháp. Diệu Tổng Thiền Sư cũng được tỉnh trưởng mời làm trụ trì một ngôi chùa, thầy cô là Đại Huệ Thiền sư tác giả cuốn Lá Thư Thiền. Thấy cô không tham thiền, nhưng sự thật có tham thiền nên mới ngộ.

Hỏi:

Giáo môn dùng quán chiếu sao không ngộ đạo?

Đáp:

Lai Quả Thiền sư nói: “Quán chiếu tuy có ngộ, nhưng không đến đỉnh núi Niết Bàn”, tức là ngộ không triệt để, nên Như Lai thiền khác Tổ Sư thiền. Như Lai thiền có từng cấp để chứng, như kinh Lăng Nghiêm có 57 cấp, quán chiếu thuộc về Như Lai thiền.

Hỏi:

Thế nào ngài Khuê Phong chủ trương biết vọng là tu?

Đáp:

Ngài Khuê Phong là Tổ thứ 5 của phái Hiền Thủ, không phải Tổ Sư thiền. Ngài nói kinh Viên Giác, câu: “Nhất thiết chúng sanh giai chứng Viên Giác”, dịch chữ “chứng” là sai, phải đổi chữ “cụ” mới đúng.

Ngài ở bên Giáo môn nên cho sai, còn bên Thiền môn biết là đúng. Theo ý ngài Khuê Phong cho tất cả chúng sanh đều đầy đủ tánh Viên Giác, không phải tất cả chúng sanh đều chứng Viên Giác. Vì còn chấp có chúng sanh

thật, chấp có Viên Giác thật. Bỏ tánh của mình đâu phải là chúng sanh!  
Bỏ tánh của mình đâu phải là Phật!

Nếu lấy trí huệ mình cũng có thể suy ra biết. Bỏ tánh mình là Phật thì sao làm chúng sanh được? Bỏ tánh mình là chúng sanh, tu hành để thành Phật cũng vô ích! Vì sau này cũng trở lại chúng sanh. Bỏ tánh mình là chúng sanh nên tu thế nào cũng không thành Phật.

Ngài Khuê Phong còn chấp thật, nên chỉ làm Tổ bên Giáo môn, không thể làm Tổ bên Thiền môn được.

Hỏi:

Có người nói hết vọng tưởng là kiến tánh, còn thầy nói hết vọng tưởng thì chưa kiến tánh. Kính xin thầy giảng rõ chỗ này?

Đáp:

Nếu không phá ngã chấp mà hết vọng tưởng thì được sanh lên cõi trời Vô Tướng, cao nhất là cõi trời Phi Phi Tướng. Nhưng Phật thọ ký cho Uất Đầu Lam Phát hưởng hết ở cõi trời đó, rồi đọa súc sanh làm chồn bay. Đừng nói một đời có mấy chục năm, mà chỗ đó hết vọng tưởng nửa đại kiếp cũng còn đọa súc sanh.

Tôi thường nói, tham thiền không có nghi tình và không có vọng tưởng là thiền bệnh. Tổ Sư thiền nói là “ngâm nước chết”, nếu chấp vào đó vĩnh viễn không được kiến tánh.

Hỏi:

Pháp Bảo Đàn nói: “Tiền niệm bất sanh tức tâm, hậu niệm bất diệt tức Phật”.  
Xin thầy giảng rõ?

Đáp:

Nếu chấp theo lời nói có trước sau là có thời gian, có mê ngộ đều là tương đối. Tâm niệm mình mỗi giây đều khác, tuy thấy giống nhau, như ngọn đèn giây trước không phải giây sau.

Tham thiền có nghi tình miên mật không để ý trước sau, không để ý mê ngộ,

đến giây phút thành linh ngộ, tức là kiến tánh thành Phật. Bây giờ chưa ngộ thì niệm nào cũng mê. Nhưng lúc có nghi tình không phải mê, mặc dầu chưa kiến tánh.

Lai Quả Thiên sư nói: “Nếu công phu ngày đêm 24 giờ không gián đoạn, không kiến tánh cũng không được. Tại sao? Vọng tưởng thì có tướng, Diêm La Vương sai quỷ sứ bắt; còn nghi tình không tướng, Diêm La Vương không thấy, nên không sai quỷ sứ bắt”.

Nhưng sự thật công phu đến mức đó, không kiến tánh cũng không được. Như mình ở Chợ Lớn đi Sài Gòn, Sài Gòn là mục đích đến, đã đến Sài Gòn, còn nói mình chưa đến Sài Gòn sao được! Có đi thì có đến.

Đối với chúng sanh chấp mê thì phải nói ngộ, niệm trước là mê, niệm sau là ngộ. Đến lúc ngộ rồi mới biết là không có ngộ, vì trước đâu có mê mà nói ngộ! Nếu chấp thật vào đó thì không hiểu ý Tổ; lời Phật, Tổ là phương tiện tạm thời.

Đối với căn cơ này thì nói pháp này, đối với căn cơ kia thì nói pháp kia. Thường khi pháp này với pháp kia mâu thuẫn với nhau. Nhưng ý của Phật, Tổ không có mâu thuẫn, vì người chấp nên có mâu thuẫn, thành ra pháp có mâu thuẫn.

Cho nên, bệnh của chúng sanh là bệnh giả, thuốc của Phật, Tổ cũng là thuốc giả. Vì vậy bệnh giả hết rồi thì thuốc giả cũng hết. Nếu chấp thuốc đó thật là sai lầm.

Hỏi:

Nếu tham thoại đầu, có người giận mình lại trừ yếm có được không?

Đáp:

Mình sợ thì có thể bị trừ yếm, nếu không sợ, đề câu thoại đầu khởi nghi tình liên tục thì không thể bị trừ yếm được.

Hỏi:

Thế nào là 5 nhà 7 tông?

Đáp:

Phật pháp chỉ có một, sao chia ra 5 tông 7 phái? Vì trước đời nhà Tống bên Trung Quốc, chư Tổ dùng thủ đoạn đặc biệt riêng của mình, hoặc đánh, hoặc hét, hoặc chửi,... khiến cho người tham học phát lên chân nghi để mau kiến tánh.

Đến Truyền Đăng Lục ra đời có ghi lại những thủ đoạn của chư Tổ, làm cho người tham học khó phát chân nghi. Nên chư Tổ bắt buộc dĩ phải dạy tham công án hay tham thoại đầu.

-Nhu Lâm Tế đến hỏi pháp với Hoàng Bá, lại bị Hoàng Bá đánh đập đuổi ra, cho đến 3 lần đánh thật đau. Lâm Tế nghi trong tâm, tại sao mình đến hỏi pháp mà Hòa thượng đánh đuổi ra? Cứ nghi trong tâm mà không biết mình nghi, mới là chân nghi. Rồi sau gặp Đại Ngu được ngộ đạo triệt để.

-Từ Minh đến hỏi pháp thầy của ông là Thiện Chiêu ở Phần Dương, lần nào cũng bị chửi mắng, lời chửi mắng còn ác hơn thế tục. Qua 2 năm cứ như vậy, Từ Minh nghi trong tâm, rồi nói: Đại thiện tri thức, tại sao đến hỏi pháp mà Hòa thượng chửi mắng còn hơn người thế tục?

Thiện Chiêu nói: Ông dám nói vậy sao!

Rồi Thiện Chiêu mắng chửi thêm và đánh nữa, Từ Minh chịu không nổi, muốn mở miệng cãi thì Thiện Chiêu lấy tay bịt miệng lại, Từ Minh liền ngộ.

-Hội Thông làm thị giả cho Đạo Lâm mấy năm, mà thầy không dạy gì hết, cứ nghi trong tâm là xuất gia để học đạo giải thoát, đến đây mấy năm chẳng biết gì? Không biết mình đang tham thiền, thắc mắc chịu không nổi, liền từ giả thầy ra đi.

Đạo Lâm hỏi: Muốn đi đâu?

Hội Thông đáp: Con muốn đi học thiền để tu.

Đạo Lâm nói: Ở đây, tôi cũng có chút thiền vậy.

Hội Thông hỏi: Thiền của thầy ra sao?

Lúc ấy, Đạo Lâm mặc áo dài có lông, nhổ sợi lông thổi một cái thì Hội Thông liền ngộ.

Hỏi:

Tất cả vọng niệm đều rơi hết, năng và sở không còn phân biệt, vậy có phù hợp với “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” của kinh Kim Cang không?

Đáp:

“Ung vô sở trụ” là giữ hoạt bát vạn năng của tự tánh. “Nhi sanh kỳ tâm” là dụng của tự tánh được dùng ra. Như cái tay là tự tánh hoạt bát vạn năng, lấy khăn, lấy đĩa, lấy ghế,... đều được.

Nếu tay trụ vào cây viết, không buông thì cái dùng của tay bị mất, lấy mọi thứ gì đều không được. Trụ trong nắm tay không có gì, cũng mất đi cái dùng của cái tay thì lấy thứ gì cũng không được. Nên nắm tay phải buông ra thì cái tay dùng được.

Vì trụ có, không, nên chư Phật, Tổ dạy phải quét hết chấp tâm, mới khôi phục hoạt bát vạn năng tự tánh thì ứng dụng việc gì cũng được.

Hỏi:

Có người giảng “phản văn văn tự tánh là tai chạy theo âm thanh, mình liền cắt đứt, như vậy là trở về tự tánh”. Chẳng những nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn,... 6 căn không chạy theo 6 trần, ngay đó là trở về tự tánh. Như thế có đúng không?

Đáp:

Như vậy làm sao trở về được? Làm sao không chạy theo?

Hỏi:

Người đó nói: Biết nó thì không theo và dẫn trong Viên Giác:  
Biết huyền liền lìa,  
Chẳng cần phương tiện.  
Lìa huyền tức giác,  
Không có thứ lớp.  
Như vậy, xin thầy chỉ dạy?

Đáp:

“Chẳng cần phương tiện” này, không phải không cần phương tiện. Nhưng không tác ý dùng phương tiện. Như tham thiền không được tác ý buông bỏ vọng tưởng, không được trừ vọng tưởng, không được đè nén vọng tưởng.

Nếu tác ý không trừ vọng tưởng cũng không được, vì có tác ý là không được. Không phải là không cần phương tiện, cần phương tiện mà không có tác ý. Cho nên, chẳng cần phương tiện mới lìa được. Có tác ý phương tiện thì tác ý đó cũng vọng huyễn là lìa không được.

Dùng phương tiện tham Tổ Sư thiền để lìa, nhưng không nổi ý lìa thì mới được đến chỗ giác. Lìa huyễn được giác phải không có thứ lớp. Nếu có thứ lớp, như vừa nói “nhập lưu vong sở...” đó là pháp tiệm thứ. Lìa huyễn tức giác thì cái giác này không có thứ lớp, nên lìa được huyễn.

Khởi lên nghi tình tức không biết thứ lớp, không biết lìa hay không lìa, không biết có giác hay không giác nên mới được giác. Nếu còn năng lìa và sở lìa, năng giác và sở giác thì có tương đối, có thứ lớp là không được.

Hỏi:

Sơ quan, trùng quan, mật hậu lao quan, vậy có phải là tiệm thứ không?

Đáp:

Đó là người lập ra, không phải do pháp mà có. Pháp không có đôn tiệm, vì do chấp tâm của người nên sanh ra tiệm thứ. Kinh là nói pháp, không phải nói người. Pháp không có tiệm thứ, còn người mới có tiệm thứ. Nhưng cũng có người ngộ một lần thấu cả 3 quan, không có tiệm thứ là đúng với pháp, vì họ chấp ít. Chấp nhiều chừng nào thì tiệm thứ nhiều chừng nấy.

Nếu nói sống trong hiện tại là chấp vào câu thứ nhất của nghĩa 3 câu. Biết vọng huyễn để lìa thì nằm ở câu thứ nhì của nghĩa 3 câu, chưa đến câu thứ 3. Bởi vậy, câu thứ nhất là chấp thật, câu thứ nhì chấp không phải thật tức là huyễn thì phá được chấp thật.

Ngài Bá Trượng nói: “Pháp sư giảng được 2 câu thì phải bị đọa địa ngục, nếu Pháp sư giảng được nghĩa 3 câu, người nghe hiểu lầm đọa địa ngục, không liên quan đến Pháp sư”. Còn giảng lọt vào câu thứ nhất thì hại người ta biết bao nhiêu! Chấp thật hiện hữu nên còn nằm trong câu thứ nhất.

Hỏi:

Chúng ta làm việc gì thì biết việc đó, như ăn cơm chỉ biết ăn cơm, mặc áo chỉ biết mặc áo hay nghe điện thoại chỉ biết nghe điện thoại và những việc khác cũng vậy. Như thế có tu đúng không?

Đáp:

Y như thế mà tu thì có thể gieo nhân lành để trăm ngàn kiếp sau mới thành Phật, không thể trong hiện tại thành Phật.

Chữ “thiền” là phổ thông, tiếng Aán Độ gọi là thiền na, dịch ra tiếng Hán là tịnh lự. Người thường có tịnh thì không lự, có lự thì không tịnh. Còn thiền thì tịnh lự đồng thời, lúc đang tịnh cũng là lúc đang lự, đang lự cũng là đang tịnh.

Theo câu hỏi trên thì đuổi theo vật chất liên tục. Như lúc uống nước thì đuổi theo uống nước, nằm trên giường thì đuổi theo nằm trên giường, mặc áo thì đuổi theo mặc áo. Vậy làm sao nhập được thiền na? Cứ đuổi theo ngoại cảnh thì sao tâm được tịnh!

Bốn câu kệ trong Pháp Bảo Đàn:

Thường ứng chư căn dụng,  
Nhi bất khởi dụng tướng.  
Phân biệt nhất thiết pháp,  
Bất khởi phân biệt tướng.

Dịch:

Thường ứng các căn dụng,  
Mà chẳng khởi dụng tướng.  
Phân biệt tất cả pháp,  
Chẳng khởi phân biệt tướng

Nếu biết ta mặc áo là dụng tướng, biết ta uống nước là dụng tướng, vậy sao nhập môn thiền được!

Hỏi:

Như vậy nhập Như Lai thiền được không?

Đáp:

Cũng không được, vì chữ “thiền” là thiền phổ thông, không phải riêng Tổ Sư thiền. Cho nên, còn năm câu thứ nhất của nghĩa 3 câu của kinh Kim Cang, cũng là người thường chưa thể gọi là tu hành. Vì câu thứ nhất chấp thật, còn chấp thật cái hiện hữu. Câu thứ nhì là chấp vọng chấp huyễn, nhưng câu thứ nhất không biết đó là vọng huyễn, chấp hiện hữu là thật.

Nhưng niệm một câu chú, một câu Phật thì gieo trồng muôn ngàn kiếp sau sẽ thành Phật, việc ấy cho là được. Tu hành phải phá ngã chấp, trước phá nhân ngã chấp, sau phá pháp ngã chấp.

Hỏi:

Nếu người học đạo mới vào chùa, cứ bắt buộc người đó niệm chú. Vậy việc ấy thế nào?

Đáp:

Không kể căn cơ nào có thích hợp hay không, người nào cũng bắt buộc làm vậy thì có hại. Những người không thích hợp bị oan một đời. Phật, Tổ dạy mình phải chuyên một pháp môn, gọi là nhất môn thâm nhập.

Tham thiền thì ngày đêm cứ hỏi câu thoại đầu, ở trong câu thoại đầu đầy đủ tất cả pháp, trì chú, lễ Phật, niệm Phật, tụng kinh,... vì có thực hành theo ý của Phật, ý của Phật là muốn mình giải thoát, muốn giải thoát thì phải giác ngộ, nên gọi là phát bồ đề tâm.

Nếu mình suốt ngày uống phải trì chú, mặc áo phải trì chú,... đáng lẽ theo thần chú là của Mật tông. Muốn tu Mật tông thì phải tu đúng tông chỉ Mật tông. Có người nói pháp môn nào cũng phải nhờ trì chú để giúp làm trợ duyên, đó là bày đặt sai lầm. Chư Phật chư Tổ muốn mình nhất môn thâm nhập. Như Phật giảng kinh nói kinh này đệ nhất, kinh kia đệ nhất. Vậy kinh nào là đệ nhất? Là muốn mình chuyên môn, chứ không có kinh nào hơn nhau cả.

Nếu mình không theo đúng tông chỉ của pháp môn đó, cứ áp dụng qua lại, vậy lòng tin pháp môn chưa đầy đủ thì không thể tu thành tựu. Như người ta nói “Thiền Tịnh song tu”, nếu đem áp dụng thì không thể được, vì Thiền không tin và Tịnh Độ cũng không tin.



Hỏi:

Đời nhà Minh có Liên Trì đại sư kết tập những luật tiểu (Tỳ Ni, Oai Nghi, Sa Di, Cảnh Sách), rồi ngài Hoàng Tín sơ giải những bộ đó. Vậy như thế nào?

Đáp:

Luật sư Phật giáo Trung Quốc có phê bình Liên Trì không phải luật sư. Ông đối với luật không có nghiên cứu sâu vào, nên ông nói luật có chỗ còn trái ý Phật.

Phật chế luật là khai, giá, trì, phạm rất hoạt bát. Vì giá là tùy theo phong tục của địa phương, tùy theo thời đại mà biến đổi. Như theo giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni ở Án Độ làm ruộng thì phạm, nhưng ở Trung Quốc làm ruộng là trì.

Vì phong tục Án Độ, Tu sĩ không được làm ruộng, nếu làm ruộng người ta chê, chướng ngại sự hoằng pháp ở thế gian. Tu sĩ ở Trung quốc đi khát thực, người ta nói là con mọt ăn gạo, nếu tự mình làm ruộng được khen ngợi. Cho nên, Phật chế giới giá để ngăn che, tức là ngăn ngừa người thế gian khỏi phê bình Tăng đoàn, không bị ảnh hưởng sự hoằng pháp.

Phải biết, giới và luật khác nhau. Giới là bảo vệ cá nhân, luật là bảo vệ Tăng đoàn, tức là có luật mới bảo vệ được giới. Bây giờ không có Tăng đoàn, nên giới không có luật để bảo vệ.

Người Tu sĩ phạm giới ba la di, không có ai can thiệp cũng làm trụ trì chùa, Phật tử lễ bái cúng dường bình thường là tại không có luật, không có Tăng đoàn. Cái tệ ở Trung Quốc là không có Tăng đoàn, người có giới luật trang nghiêm thì có lợi ích xung quanh người đó một thời gian. Nếu người đó mất đi thì pháp cũng theo đó mà mất.

Nếu có Tăng đoàn thì không phải vậy, thời gian thọ giới không lâu, nhưng thọ giới rồi phải sống trong Tăng đoàn. Giới ấy có luật của Tăng đoàn bảo vệ, như vậy người nào đâu dám phạm. Như ở bên Nam Vang, nếu người nào phạm giới ba la di thì bị lột áo cà sa, rồi giao cho chính phủ trị tội, nên không ai dám phạm.

Còn ở đây hay ở Trung Quốc, tự mình có chùa riêng, rồi tự làm trụ trì phạm

giới ba la di chẳng ai can thiệp, cũng có cúng dường lễ bái, nhưng sau này phải đọa địa ngục. Vì thế làm cho người ta không sợ, nên nhiều người phạm giới, làm cho giới luật hiện đời không còn tác dụng.

Người ta hiểu lầm các vị Thiên sư ít giữ giới, vì các vị ấy không chú trọng hình thức bên ngoài, nhưng rất giữ gìn giới luật. Như Bác Sơn tác giả Tham Thiên Cảnh Ngữ, ngài chú trọng Thiên Luật đi song song là Tổ của tông Tào Động dạy tham thoại đầu, không dạy mặc chiếu, cũng là Tổ Luật tông.

Gần đây, ngài Lai Quả, ngài Hư Vân cũng vậy, các vị đã ngộ rồi. Như Lục Tổ không biết chữ đã ngộ và Phật Thích Ca ngộ nói ra thành kinh, hành vi là giới luật, tâm là thiên, các Tổ đã ngộ đều như vậy.

Hỏi:

Đắc quả A La Hán có phải kiến tánh và đại tử đại hoạt không?

Đáp:

Đắc quả A La Hán chưa phải kiến tánh, còn nói kiến tánh thì có thể phá được sơ quan. Ngài Nguyệt Khê nói: “Ngoại đạo và A La Hán chưa phá căn bản vô minh”, tức là chưa phá vô thi vô minh. Bên Tổ Sư thiên phá căn bản vô minh mới là kiến tánh, cũng là phá thức ám. Vì thức ám phá rồi thì lìa được tâm, ý, thức, không còn chấp pháp nữa.

A La Hán còn chấp pháp, chấp pháp tu của mình là thật, chấp quả chứng của mình là thật, nên bị Phật quở. Vì A La Hán phá được nhân ngã chấp ra khỏi phần đoạn sanh tử, nhưng còn biến dịch sanh tử.

Hỏi:

Tham thiên đến đầu sào 100 thước, lìa tâm, ý, thức chưa?

Đáp:

Tham thiên đến đầu sào 100 thước cũng gọi là thoại đầu hay tận cùng ý thức, hoặc đến vô thi vô minh. Đến cảnh giới này cần phải tiến thêm một bước nữa, lìa khỏi ý thức mới kiến tánh.

Ngoại đạo và Tiểu thừa chỉ đến đầu sào 100 thước, chỗ này thanh thanh tịnh

tịnh, vọng tưởng không còn. Như vô tướng thiên tới chỗ đó cho là cứu cánh, nhưng chỉ là nguồn gốc của ý thức. Còn dính líu ý thức thì căn bản vô minh chưa phá.

Nếu không tham thiên thì không thể lìa ý thức được. Biết đó là huyền, muốn lìa huyền nhưng không thể nào lìa được.

Hỏi:

Có người dẫn trong Pháp Bảo Đàn: “Niệm mê là chúng sanh, niệm giác là Phật”, rồi dẫn chứng lời Tổ: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Vọng tưởng khởi lên mình giác nó, ngay nơi đó là Phật, cứ giác liên tục là Phật. Được một chút giác làm Phật một chút, thành Phật từ chút, nếu giác 100% thì Phật hoàn toàn. Vậy như thế nào?

Đáp:

Có người nói: “Không có vọng tưởng, thấy thanh thanh tịnh tịnh (vô ký không) được 5 phút thì phá sơ quan, được 1 giờ thì kiến tánh triệt để”. Lấy Thiên bệnh cho là kiến tánh.

“Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, lời Phật, Tổ là phương tiện tạm thời tùy cơ thuyết pháp. Như Phật có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Niệm ác khởi nếu giác chậm thì đi làm ác phải bị tội. Theo giới Tiểu thừa niệm khởi chưa phạm, thân làm mới phạm. Nếu giác khởi ngăn được ác, nên phải nói vậy.

Nhưng Tổ Sư thiên không cho nghĩ thiện ác, còn Giáo môn không cho nghĩ ác, mà cho nghĩ thiện. Ngài Lai Quả nói: “Giáo môn cho sanh tử là vọng nên bỏ, Niết Bàn là chân nên lấy”. Thiên môn thì sanh tử và Niết bàn đều quét sạch.

Hỏi:

Vậy không thể theo cái giác mà tu hành để kiến tánh phải không?

Đáp:

Kinh Duy Ma Cật nói: “Phải y theo kinh liễu nghĩa, không y theo bất liễu nghĩa”. Kinh bất liễu nghĩa cũng là Phật nói, nếu y theo đó để làm căn cứ thì

không được. Vì Phật nói ở kinh khác: “Đừng y bất liễu nghĩa, nếu y bất liễu nghĩa là nghịch ý Phật”.

Y liễu nghĩa mà chấp thật cũng không được, y theo ý của Phật, không y theo lời của Phật. Nếu y theo lời của Phật là sai lầm, tức là chấp lời nghịch ý. Cho nên, Phật nhắc nhiều lần trong kinh Kim Cang là sợ chấp lời Phật.

Mục đích phá chấp lời nên Phật nói: “Không có Phật pháp để phát Bồ Đề tâm cao nhất. Không có Phật pháp để Như Lai chứng được. Nếu tôi có giác ngộ cao nhất thì Nhiên Đăng Phật không thọ ký cho tôi hiệu là Thích Ca Mâu Ni”. Vì Phật sợ mình chấp lời nghịch ý Phật.

Phật phải dùng lời nói theo ngôn ngữ thế gian, nếu mình ở trong lời nói thế lưu bố tượng của Phật, chấp là thật để căn cứ thì làm oan Phật. Vì ý của Phật không phải vậy, nên gọi là “y văn giải nghĩa tam thế Phật oan”.

Rõ ràng kinh Kim Cang là Phật thuyết, mà Phật nói trong kinh Kim Cang: “Nếu người nói Phật có thuyết pháp là phỉ báng Phật”, cũng là sợ người ta chấp lời Phật. Lời Phật chấp còn không được, huống chi lời của người khác làm sao được!

Có số sách Thiên bản ở ngoài giải thích công án, thoại đầu đều nghịch ý Phật, Tổ. Ý Tổ là muốn mình nghi, muốn mình ngộ; tức là mình nghe lời nói của Tổ, lúc đó ngộ thì ngộ liền, không ngộ thì phải nghi, nghi đó làm nhân cho ngộ, sau này sẽ được ngộ.

Cho nên, Tổ không cho mình hiểu, nếu hiểu rồi hết nghi thì không ngộ. Nhưng bây giờ tự xưng là Thiên sư giải công án, thoại đầu làm cho người hết nghi là nghịch ý Tổ, làm lấp bít cửa ngộ người tham thiền. Theo trong kinh Phật nói thì những người đó có tội.

Hỏi:

Trong nhà lửa làm sao lấy kiến giải để phá kiến giải?

Đáp:

Kinh Pháp Hoa thí dụ: Chúng sanh là con nít ham chơi giỡn trong nhà đang cháy, lửa đó sẽ đốt cháy mọi người. Nhưng con nít không biết nên không sợ. Ông trưởng giả dụ cho Phật, nói: “Các con mau ra nhà này, khỏi bị lửa đốt cháy”.

Nhưng các con nít không nghe lời, nên ông trưởng giả mới dùng phương tiện nói rằng: “Ngoài cửa nhà này có nhiều thứ xe, nào là xe dê, xe nai, xe trâu, các con mau ra đây, lấy chơi cho thỏa thích”. Các con nít nghe ông trưởng giả nói, liền trong nhà chạy ra khỏi cửa, đều được chiếc xe trâu lớn (Đại thừa).

Phật dùng phương tiện để cho chúng sanh thoát khổ, kỳ thật không có 3 thừa, nhưng Phật cũng phải nói có 3 thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát).

Pháp Bảo Đàn Kinh phá chấp nhà lửa, sau khi Pháp Đạt ngộ do Lục Tổ khai thị và nói kệ:

Tụng kinh ba ngàn bộ,  
Bị Tổ một lời tiêu.  
Chưa thấu đạo xuất thế,  
Sao dứt lụy kiếp mê.  
Dê, nai, trâu giả thiết,  
Ba đoạn thiện quét sạch.  
Ai ngờ trong nhà lửa,  
Vốn là tự tánh Phật.

Nhiều người hiểu lầm “sơ, trung, hậu thiện dương”, họ lại dịch rằng: “Sơ, trung, hậu khéo hoằng dương”, ấy là sai lầm. Vì đây là nghĩa 3 câu, dịch đúng là “ba đoạn thiện quét sạch”.

Nếu hiểu theo câu: “Sơ, trung, hậu khéo hoằng dương” thì Pháp Đạt chưa ngộ. Cho nên, ai ngờ trong nhà lửa, vốn là tự tánh Phật; khỏi cần ra nhà lửa, tự tánh vốn ở trong đó.

Hỏi:

Xin thầy giảng: Tâm bình hà lao trì giới, hạnh trực hà dụng tu thiên?

Đáp:

Nhiều người theo câu này khỏi cần tu, ấy là sai lầm. Tâm bình hạnh trực đâu phải người nào làm cũng được! Ngài Hư Vân nói: Tâm của ông bình chưa? Khi ông gặp con gái đẹp, nếu tâm giao động thì không được nói câu này. Đây là người kiến tánh tập khí đã hết.

“Bình thường tâm thị đạo”, bình thường tâm là cái dụng automatic của tự tánh, không lọt vào tứ cú, không lọt vào tương đối. Nếu có dính líu một chút chỗ nào thì không phải là bình thường tâm, mình đâu có dễ đạt đến cảnh giới này!

Theo câu này đã kiến tánh, chỉ còn bảo nhậm tập khí dứt hết, tâm mới được bình thường. Tâm bình thường thì hạnh trực, bây giờ có gặp người nào hạnh trực chưa? Chưa có.

Hỏi:

Xin thầy giảng: Sơ, trung, hậu thiện dương?

Đáp:

“Sơ, trung, hậu thiện dương”, dịch là ba đoạn thiện quét đều sạch. Mới phát tâm là sơ thiện, chẳng chấp thiện tâm là trung thiện, không trụ nơi chẳng chấp là hậu thiện, luôn cả tri giải biết về sự “không trụ nơi chẳng chấp” cũng quét sạch.

Tức là nghĩa 3 câu: “Thiện, tức phi thiện, thị danh thiện”. Câu thứ nhất chấp có thiện là thật, câu thứ nhì là dùng “phi thiện” để quét chấp câu thứ nhất, câu thứ 3 là “thị danh thiện”, cũng là giả danh thiện quét chấp câu thứ nhất, quét chấp câu thứ nhì và tự quét bốn thân chấp câu thứ ba.

Đến đây được lia ý thức, tức là ngộ. Cho nên, có câu:

Ai ngờ trong nhà lửa,  
Vốn là tự tánh Phật.

Như vậy tự tánh mình vốn ở trong nhà lửa, không cần phải tìm ở nơi khác.

Hỏi:

Thế nào là tông chỉ Tịnh Độ?

Đáp:

Tông chỉ Tịnh Độ có Tín, Hạnh, Nguyện làm căn bản.

1- Tín có 3 thứ:

- Tin lời Phật Thích Ca không nói dối.
  - Tin cõi Cực Lạc không già, không bệnh, không chết, muốn gì được nấy.
  - Tin mình kiếp này sẽ được vãng sanh, khỏi cần đến kiếp sau.
- Phải tin 100%, chứ 99% cũng không được.

2- Nguyên gồm có 2 thứ:

-Nếu phát tiểu nguyên không hợp nhân quả, không được vãng sanh. Vì tiểu nguyên chỉ cho mình được vãng sanh, vãng sanh thì không đi đầu thai, không chết làm sao có quả báo! Kiếp này mình có đập chết con muỗi, con kiến không? Có ăn thịt chúng sanh không?

Theo nhân quả là giết một mạng phải trả một mạng, ăn một cục thịt phải trả một cục thịt. Nếu phát nguyên một mình được vãng sanh thì phá hoại nhân quả, vì vãng sanh rồi thì không đi đầu thai không trả nợ mạng nợ thịt, nên phải phát đại nguyên.

-Đại nguyên là mình có tiền mặt để trả, mình phải ký ngân phiếu là hẹn kỳ sau để trả. Như sanh cõi Cực Lạc, rồi tu thành Phật trở lại độ chúng sanh. Phát đại nguyên cần phải thực hành, phát nguyên mà không thực hành là nguyên giả.

Như người tu Tịnh Độ không ăn chay là nguyên giả, vì phát nguyên độ chúng sanh mà ăn thịt chúng sanh. Đã phát nguyên độ chúng sanh thì chỗ nào cũng hồi hướng cho tất cả chúng sanh, tức là ở trong đó có chủ nợ của mình.

Gặp chúng sanh nào mình cũng phải độ, gặp chó độ chó, gặp mèo độ mèo, dù nó có nghe hay không cũng phải phát tâm độ. Vì phát đại nguyên rồi phải thực hành. Bây giờ có ai thực hành được đại nguyên không? Chắc không!

Có người tu Tịnh Độ 30 năm, nói Tín, Nguyên, Hạnh thông suốt. Tôi hỏi phát đại nguyên hay tiểu nguyên, y nói phát đại nguyên, rồi tôi hỏi có thực hành phát đại nguyên không? Hỏi ra thì không có, có thực hành chút ít nhưng không đúng.

3- Hạnh là cách thực hành niệm Phật.

Hỏi:

Chỗ ngộ Như Lai thiên và Tổ Sư thiên như thế nào?

Đáp:

Ngộ của Như Lai thiên có giai cấp, ngộ của Tổ Sư thiên không có giai cấp, từ địa vị phàm phu tu chứng Phật quả. Tất cả Giáo môn đều thuộc Như Lai thiên. Giáo môn Đại thừa ở Trung Quốc có 4 tông: Thai thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức.

Thiền quán của tông Thiên Thai là Thiền Chỉ quán, tông Hiền Thủ là Pháp Giới quán, tông Duy Thức là Tứ Tâm Tư quán, tông Tam Luận là Tánh Không quán. Thiền quán có giai cấp.

Như kinh Lăng Nghiêm có 57 cấp, có chỗ 55 cấp. Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác Và Diệu Giác. Thêm Càn Huệ và Tứ Gia Hạnh, tổng cộng là 57 cấp.

Hỏi:

Thế nào là tham Tổ Sư thiên?

Đáp:

Tham tổ Sư thiên là không phải ngồi thiền, tham thiên khỏi cần ngồi, đi đứng nằm ngồi, đi xe đi bộ, làm công việc bằng tay chân hay việc bằng trí óc đều tham được, đang ăn cơm đang đi cầu, đang ngủ mê cũng tham, không giờ phút nào không tham. Cho nên, nói tham thiên khỏi cần ngồi.

Vì thế, Lục Tổ nói: “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, trong phẩm Tọa Thiền của Pháp Bảo Đàn Kinh nói: “Tâm tọa chứ không phải thân tọa”.

Vậy chữ “tham” là sao? Tham là nghi, nghi tức không hiểu, không hiểu gọi là nghi tình. Tham thiên rất chú trọng nghi tình, bây giờ muốn lấy cái gì cho mình không hiểu? Thiền tông lấy công án hay thoại đầu.

Nhưng công án có chuyện tích phức tạp khó tham, nên tôi không dạy tham công án, mà chỉ dạy tham thoại đầu. Câu thoại đầu có rất nhiều không thể kể hết được. Tôi chỉ đưa ra 5 câu thoại đầu để người tham thiên lựa một câu mà tham. Chỉ chọn một câu, không được chọn hai câu, chọn rồi tham cho đến kiến tánh, không đổi đi đổi lại.

5 câu thoại đầu là:



1. Khi chưa có trời đất ta là cái gì?
2. Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bốn lai của ta ra sao?
3. Muôn pháp về một, một về chỗ nào?
4. Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?
5. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?

Câu thoại đầu là câu hỏi, có hỏi thì phải có đáp. Hỏi thầm trong tâm, như hỏi “khi chưa có trời đất, ta là cái gì?” Không hiểu, đáp không ra thì hỏi tiếp câu thứ hai, cũng đáp không ra thì hỏi tiếp câu thứ ba, cũng đáp không ra, cứ liên tiếp hỏi, đáp không ra, thắc mắc tức là nghi tình, hỏi liên tiếp gọi là miên mật.

Miên là kéo dài, mật là không kẽ hở, tức là câu thứ nhất, câu thứ nhì, câu thứ ba,... liên tiếp không kẽ hở, tối ngày sáng đêm như thế. Bất cứ giờ phút nào, bất cứ nơi nào cũng vậy, đừng cho gián đoạn.

Nhưng ban đầu tất nhiên phải gián đoạn, như ngày đêm 24 giờ, sẽ bị gián đoạn 23 giờ thì sự gián đoạn bớt lại, bớt lại 22 giờ, bớt lại 21 giờ,...bớt dần dần gián đoạn sẽ không còn thì nghi tình được thành khối.

Nghi tình thành khối là ngày đêm 24 giờ không giây phút nào gián đoạn thì đến thoại đầu. Bây giờ mình tham thoại đầu, nhưng chưa đến thoại đầu, không phải ở thoại vĩ, tức là ở giữa đường từ thoại vĩ đi đến thoại đầu. Cho nên, cũng gọi là tham thoại đầu.

Nhiều người coi sách tham thoại đầu, nhưng phần nhiều lọt vào hồ nghi, không phải chánh nghi. Hồ nghi không phải tham thiền. Thế nào là hồ nghi? Hồ nghi là lấy tâm đi tìm hiểu, giải thích câu thoại đầu cho ra đáp án.

Tham thiền là chánh nghi, chỉ cho tâm nghi, không cho tâm đi tìm hiểu. Nghi tình không được lấy tâm đi tìm hiểu, cứ nghi mãi cho đến nghi tình bùng vỡ thì được kiến tánh.

Người coi sách tham thoại đầu gặp đau đầu, tức ngực, khó thở,... thì sợ không dám tham nữa. Sự thật tham thiền đến đau đầu, tức ngực, khó thở,... nhiều chừng nào tốt chừng nấy, không nên sợ và đừng bỏ qua.

Bởi vì, nghi là nhân, ngộ là quả; không có nhân thì không có quả, nên không nghi thì không ngộ; nhân nhỏ thì quả nhỏ, nên tiểu nghi tiểu ngộ; nhân lớn thì quả lớn, nên đại nghi đại ngộ.

Tham đến nhức đầu, tức ngực, khó thở,... là nghi tình nặng. Nghi tình nặng là đại nghi, đại nghi thì sẽ được đại ngộ. Cho nên, tôi nói nghi tình nặng đau đầu, tức ngực, khó thở,... nhiều chừng nào tốt chừng này là vậy.

Nhưng lúc ngồi có tình hình này thì không được. Vậy phải làm sao? Phải mau mau đứng dậy đi kinh hành, hoặc kiếm công việc để làm, không nên ngồi nữa. Nếu không phải ngồi, mà đi hay làm công việc, có nhức chừng nào tốt chừng này, không nên sợ.

Tức ngực khó thở mà muốn dứt hơi thở thì càng tốt nữa. Tham thiền không có ai chết đâu! Nhiều người có bệnh nan y, mà tham thiền lại hết. Nhưng nghe nói vậy, lại có ý tham thiền để trị bệnh thì bệnh không hết. Bệnh hết là mình chú ý câu thoại đầu, tất cả tinh thần chú ý nghi tình thì quên thân, nên bệnh được hết.

Tham thiền là muốn liễu thoát sanh tử, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, không phải lấy tham thiền để trị bệnh. Nhưng người quyết tử tham thiền thì bệnh trong thân cũng hết luôn. Hết bệnh thân không phải là việc chánh, mà muốn hết bệnh tâm.

Nhưng tất cả do tâm tạo, bệnh thân là do bệnh tâm tạo thành. Nên bệnh tâm hết thì bệnh thân cũng hết, bệnh tâm hết vĩnh viễn thì bệnh thân cũng hết vĩnh viễn.

Phải biết trong Phật pháp, từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa đều phải phá ngã chấp. Nếu không phá ngã chấp thì không được ra khỏi sanh tử luân hồi. Cho nên, chánh pháp cần phải phá ngã chấp.

Vậy tham thiền lấy gì để phá ngã chấp? Lấy 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” để phá ngã chấp. Nếu mình thấy đắc cái gì hay thấy sợ cái gì hoặc cầu cái gì thì phải nhớ lại vô sở đắc, vô sở sợ, vô sở cầu để quét.

Chính nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả. Ma lại nó cũng quét, không có cái gì mà nó không quét. Nhưng không được nổi tâm muốn quét hay nổi tâm không muốn quét.

Thường thường người ta tu hành buông bỏ vọng tưởng, đè nén vọng tưởng, trừ vọng tưởng. Nhưng tham thiền thì ngược lại, không được buông bỏ vọng tưởng, không đè nén vọng tưởng, không trừ vọng tưởng.

Tại sao? Vì nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả, vọng tưởng tự nhiên chấm dứt. Nếu buông bỏ vọng tưởng thì vọng tưởng không thể buông được. Vì có ý buông bỏ đó là vọng tưởng, lấy vọng để bỏ vọng thì cái vọng đó làm sao bỏ được!

Cho nên, bà già, con nít, thông minh, dốt nát đều tham thiền được. Trong Truyền Đăng Lục có nhiều Tổ sư dốt nát khờ ngốc, tham thiền được kiến tánh, thành Tổ sư Thiên tông.

Tổ nói: Bất cứ người nào cũng tham thiền được, trừ ra mù, điếc, câm, 3 thứ đủ hết thì tham thiền không được. Vì sao? Vì nói, nó điếc không nghe; lấy tay làm hiệu, nó mù không thấy; hỏi hiểu hay không, nó câm không trả lời được.

Ngoài ra 3 thứ này, người nào cũng tham thiền được. Cho nên, mình phải tin người nào cũng có tư cách thành Phật. Khi quy y Tam Bảo có phát nguyện tứ hồng thệ:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,  
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.  
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,  
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Chữ “Phật” là nghĩa giác ngộ, người nào giác ngộ thì người đó là Phật. Tại sao muốn giác ngộ? Vì không giác ngộ thì không được giải thoát. Giải thoát là đạt đến tự do tự tại, muốn tự do tự tại phải làm chủ chính mình.

Muốn làm chủ chính mình phải biết mình là cái gì? Tất cả chúng sanh không biết mình là cái gì? Chỉ biết ở ngoài, không biết ở mình, như mắt, tai ở ngoài thấy rõ ràng, nhưng tự mình là cái gì mà chẳng biết.

Sanh không biết từ đâu đến, chết không biết đi về đâu? Nếu mình không biết là cái gì thì không thể làm chủ mình. Không làm chủ cho mình thì sao được tự do tự tại? Vì vậy mình không muốn già mà cũng phải già, không muốn chết cũng phải chết. Cho nên, sanh tử không được tự do.

Giác ngộ biết mình là cái gì làm chủ được mình thì được tự do không còn khổ nữa. Nếu còn một chút khổ thì không được tự do. Phật pháp rất tích cực vô cùng không giới hạn không gian. Tham thiền sẽ đạt đến tự do tự tại, mình phải tin như thế, phải quyết tử mà tham, tự nhiên sẽ đạt đến chỗ đó.

Người thế gian thường gọi Phật là một thần linh để bảo hộ và ban phước cho mình, ấy là sai lầm. Phật là tâm của mình, chứ không phải ở ngoài. Nên nói: “Ngoài tâm không có Phật, ngoài tâm không có pháp”.

Nhiều người quy Tam Bảo đã lâu, không biết Tam bảo là cái gì? Chỉ biết quy y để phù hộ cho mình, không biết Phật phù hộ cho mình không được. Phật chỉ dạy cho mình biết cách tu hành để đạt đến cho mình tự mình phù hộ mình. Phật đại từ đại bi phù hộ được thì mình khỏi tu hành.

Có người hỏi Phật: Ngài là gì? Có phải là Thượng Đế không?

Phật trả lời: Không phải.

Người ấy hỏi: Ngài có phải là thần tiên không?

Phật trả lời: Không phải.

Người ấy hỏi: Ngài có phải là người có oai quyền không?

Phật trả lời: Không phải.

Người ấy hỏi: Cái gì cũng không phải, vậy là cái gì?

Phật nói: Ta là người giác ngộ.

Đến bây giờ mọi người không gọi Phật là người giác ngộ, mà cho Phật là một thần linh. Phật muốn chúng sanh giác ngộ, vì giác ngộ được hết tất cả khổ. Nếu người nào không giác ngộ thì không khỏi khổ. Cho nên, quy y Phật là phát thệ nguyện thành Phật, giải thoát hết các khổ.

## TRUNG QUÁN LUẬN

Vì sợ người ta chấp văn tự, không hiểu rõ nghĩa “Tất Cánh Không” kinh Đại thừa do Phật Thích Ca nói ra, nên Bồ Tát Long Thọ trước tác Trung Quán Luận này, mục đích lấy sự hiểu biết của người ta chấp thật để chứng tỏ là sai lầm.

Sự hiểu biết hiện tượng thế giới này không có pháp nào thật cả, tất cả đều là Tất Cánh Không. Nhưng người ta hiểu lầm cho là đoạn diệt không, kỳ thật là để phá chấp tâm của mình. Ngày xưa tình hình xã hội khác, đến đời ngài Long Thọ khác nữa, sự hiểu biết cũng theo đó mà khác.

Ngày nay khoa học tiến bộ thì sự hiểu biết lại khác. Nhưng lời của Phật không khác biệt, vì Phật đã nói ra nghĩa rốt ráo. Do mình có sự hiểu sai biệt, nên ngài Long Thọ lấy sự hiểu của mình để chứng tỏ là không đúng.

Đáng lẽ, Trung Quán Luận thấp hơn kinh liễu nghĩa của Phật mới đúng,

nhưng người ta không hiểu cho rằng cao hơn. Bởi vậy giảng theo ở trong này, nhiều chỗ người ta không hiểu. Vì mục đích để cho người ta hiểu rõ, mà theo đó lại làm cho người ta càng thêm không hiểu. Bây giờ, khoa học tiến bộ chứng tỏ sự hiểu biết mình sai và không thật có. Vậy khỏi cần y văn trong này, từ câu từ chữ mà giảng.

### ***PHẨM NHÂN DUYÊN***

Chánh văn:

Bất sanh cũng bất diệt,  
Bất thường cũng bất đoạn,  
Bất nhất cũng bất dị,  
Bất lai cũng bất xuất.  
Thường nói là nhân duyên,  
Khéo diệt các hý luận,  
Tôi kính đánh lễ Phật,  
Trong các thuyết đệ nhất.

Giảng giải:

Theo trong này lấy hạt lúa để giải thích, mình biết người nào cũng có cái thân. Thân này rõ ràng là do cha mẹ sanh, nhưng cha mẹ cũng có cha mẹ sanh là ông nội bà nội sanh. Rồi ông bà nội cũng có cha mẹ sanh nữa, cứ từ đời truy cứu không hạn chế, cho đến cha mẹ đầu tiên được không?

Giả thuyết muôn triệu kiếp trước có cha mẹ đầu tiên, vậy cha mẹ đầu tiên ai sanh ra? Nếu có ai sanh ra thì còn có cha mẹ, không phải đầu tiên. Nói không có cha mẹ sanh ra thì ở đâu mà có? Truy cứu cha mẹ đầu tiên không có, tức là đời thứ nhì không có, đời thứ ba cũng không có, cho đến đời thứ mười, ... đến đời mình cũng không có. Vậy là bất sanh bất diệt.

Bây giờ, mình biết có diệt thì phải có sanh, nên sự hiểu biết của mình chứng tỏ là bất sanh. Mình chấp cái thân là thật, nhưng truy cứu ra cứu cánh là không thật.

Bất sanh cũng bất diệt thì cũng bất thường bất đoạn. Nếu sanh là có thì sự có vĩnh viễn, phải thường. Nhưng sự thật không thường, cũng như tôi già rồi phải chết, tức là không phải thường. Từ con nít biến thành người già, người già rồi sẽ chết.

Nếu không có thường thì phải có đoạn, có đoạn thì trước ác sanh khởi. Nhưng cha mẹ sanh con, con lớn lên rồi làm cha mẹ sanh con nữa, không có đoạn. Sự thật vì đoạn là đối với thường, diệt đối với sanh.

Thường không có thì đoạn cũng không có, thường không có thì cái nhất và cái dị cũng không có. Tai nghe, mắt thấy, mũi ngửi, nếu nói là nhất, tại sao mắt không nghe không ngửi được? Tai không thấy không ngửi được? Mũi không thấy không nghe được? Nói là nhất thì không đúng, vì sao chung một người nói là khác? Lục căn đâu có độc lập mà nói khác!

Cha mẹ đầu tiên không có, vậy mình từ đâu đến đây? Như thời gian có bắt đầu không? Thời gian không có bắt đầu thì mình từ đâu đến đây?

Triệu Luận có bài Vật Bất Thiên thí dụ: Nếu có xưa mà đến nay, có nay đến xưa thì xưa là trẻ nay là già. Nếu nay là già, xưa có tướng trẻ thì xưa đến nay. Bây giờ già không có tướng trẻ, chứng tỏ là xưa không có đến nay. Nếu mà nay có đến xưa thì xưa phải có tướng già, nhưng xưa không có tướng già. Sự thật là vậy, tức là không có lai không có xuất.

Người ta giảng kinh lấy nhân duyên để giải thích, nhưng ở đây lại phá nhân duyên, nhân duyên không phải thật. Kinh Lăng Nghiêm nói phi nhân duyên và phi tự nhiên là phá nhân duyên và phá tự nhiên.

Mình thấy thân mình là do cha mẹ sanh ra, nhưng truy cứu không có cha mẹ đầu tiên. Lý nhân duyên không thành lập được, vì không có nhân thứ nhất, làm sao có nhân thứ nhì, cho đến nhân bây giờ. Tất cả cái gì cũng vậy, vì bệnh chấp trước, như tôi lấy thân để ví dụ thì dễ hiểu dễ tin hơn.

Tự nhiên trong này cũng có phá, nếu tự nhiên thì không cần nhân duyên. Nhưng không có cha mẹ, làm sao sanh ra mình được? Lý tự nhiên cũng không thể thành lập, mà nhà khoa học cho là tự nhiên.

Nguồn gốc các pháp và thế giới này từ đâu sanh ra? Được sanh ra là do 3 thứ không gian, thời gian và số lượng. 3 thứ này là cái gì? 3 thứ này không có bản thể, chỉ là 3 khái niệm vọng tâm tạo ra.

Vũ trụ vạn vật lấy 3 khái niệm này làm cái sườn nhà, vũ trụ vạn vật là cái nhà. Nếu không có sườn nhà thì không thể cất lên cái nhà được. Cái sườn nhà rút ra thì cái nhà sụp đổ. Như 3 khái niệm không gian, thời gian, số lượng, 1 trong 3 cái tiêu mất thì vũ trụ vạn vật cũng tan rã.

Vũ trụ vạn vật do 3 khái niệm này thành lập, cho nên Phật nói “tất cả đều do tâm tạo”. Tất cả vật nào cũng không rời 3 khái niệm này, nếu rời 3 khái niệm này thì phải tiêu diệt. Như tôi ngồi đây chiếm mất một không gian, năm nay tôi 61 tuổi, 61 là số lượng, tuổi là 61 năm là thời gian. Nếu 3 thứ này rút ra vậy tôi ở đâu?

Nhưng 3 thứ này là hư vô không có bản thể, vì mình chấp thật nên bị 3 khái niệm này bó buộc, không được tự do tự tại. Cho nên ở Thiên tông có người kiến tánh gọi là đập bể hư không, tức là phá khái niệm không gian. Kinh Kim Cang nói: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc” là đập tan khái niệm thời gian.

“Pháp thân vô vi bất đọa chư số”, nghĩa là vô vi pháp chẳng đọa nơi số lượng. Đây là phá khái niệm số lượng. Không gian, thời gian và số lượng không thể rời nhau được. Nếu đập tan 1 cái thì 2 cái kia cũng tan luôn. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Một người trờ về tự tánh thì 10 phương hư không đều tiêu diệt” là đập tan khái niệm không gian.

3 khái niệm đập tan thì được tự do tự tại, vì mình bị 3 khái niệm này ràng buộc nên không được tự do. Muốn đập tan 3 khái niệm này là chỉ tham thiền đến kiến tánh. Nếu chưa kiến tánh, mặc dầu mình hiểu biết, nhưng vẫn bị 3 khái niệm này bó buộc.

Lập trường Phật pháp nói kiến thức khoa học là si mê. Tại sao? Vì họ chấp thật, Phật nói tất cả các pháp không có sự bắt đầu, tức là vũ trụ vạn vật không có bắt đầu. Tại sao các pháp không có bắt đầu? Vì thời gian không có bắt đầu. Thời gian có bắt đầu thì các pháp mới có bắt đầu, có sự bắt đầu thì phải có thời gian đầu tiên! Cho nên, các pháp không sanh không diệt.

Ở trên nói: Đoạn – thường, nhất – dị, lai – xuất làm sao sanh ra được? Nếu hiểu nguồn gốc như vậy thì mấy vấn đề đó cũng giải quyết.

Tất cả có duyên đều thu nhiếp trong 4 duyên này. Do 4 duyên này nên vũ trụ vạn vật mới sanh khởi. Cho nên, lấy nhân duyên để nói tất cả hữu vi pháp.

Thứ Đệ Duyên là từ quá khứ, hiện tại ở trong tâm và tâm sở. Duyên Duyên, Tăng Thượng Duyên, tất cả các pháp đều có trong bài kệ thứ nhì. Nếu quá khứ, hiện tại, tâm tâm sở pháp, làm sao có Thứ Đệ Duyên, có Nhân Duyên, có Tăng Thượng Duyên và tất cả pháp?

Có quả phải từ duyên sanh hay phi duyên sanh. Nếu nói có duyên thì phải có quả hay không có quả. Nhưng sự thật có quả không đúng và không quả cũng không đúng. Tại sao? Nếu quả chưa sanh thì lúc đó không được gọi là duyên, nhưng mắt thấy duyên sanh quả, nên mình gọi là duyên.

Duyên thành do quả, lấy quả sau duyên trước. Nếu chưa có quả làm sao gọi là duyên? Duyên trước thì chưa có quả không được gọi là duyên. Cho nên, duyên đó không thành lập được, vì có quả mới gọi là duyên.

Ở đây ví dụ cái bình là do nước và đất hòa hợp làm thành. Nếu cái bình chưa có, tại sao không gọi đất và nước là phi duyên? Vì vậy, quả không từ duyên sanh, duyên còn không sanh huông là phi duyên!

Nếu quả trước ở trong duyên thì không cần sanh; nói có không được, nói không cũng không được. Nếu trước không có thì làm duyên cho ai? Trước có thì không cần duyên. Nếu duyên được sanh quả thì phải có 3 thứ: Nếu có, nếu không, nếu có không.

Như bài kệ nói, nếu ở trong duyên có quả trước thì không được là sanh, vì trước đã có sanh rồi. Nếu trước không có quả thì không được gọi là sanh. Nếu duyên cũng vô duyên thì vẫn vậy.

Có – không thì chẳng sanh, vì nửa có nửa không là có với không trái ngược nhau, nên ở trong một pháp không được 2 tướng có – không ở chung. Nếu có trong 3 thứ này, muốn cầu tướng quả không được, làm sao nói có nhân duyên?

Tất cả pháp tâm tâm sở ở trong quá khứ, hiện tại, vị lai, tức là thứ đệ từ lớp sanh ra. Hiện tại pháp tâm tâm sở đã diệt, vị lai làm duyên cho thứ đệ. Pháp vị lai chưa sanh làm sao thứ đệ cho ai? Nếu pháp vị lai đã có thì đã sanh rồi, đâu cần thứ đệ duyên nữa!

Vì pháp tâm tâm sở không người, không trụ. Nếu không trụ sao làm thứ đệ duyên? Nếu trụ không phải pháp hữu vi. Tại sao? Vì pháp hữu vi có tướng diệt, nếu đã diệt sao làm thứ đệ duyên được!

Pháp đã diệt, mà nói thường thì cái thường đó không tội phước, không nhân quả. Nếu pháp làm thứ đệ duyên, lúc nửa diệt nửa chưa diệt thì không có pháp thứ 3, gọi là lúc diệt. Như sự đi vừa rồi nói.



Phật nói: “Tất cả pháp hữu vi niệm niệm diệt, không có một niệm thời gian trụ”. Vậy làm sao nói có pháp hiện tại có sự muốn diệt mà chưa diệt? Tức là nửa diệt nửa chưa diệt làm sao có?

Nếu nói ở trong một niệm có muốn diệt và chưa diệt thì pháp tự phá. Có pháp diệt có pháp không diệt thì pháp diệt là hiện tại pháp sẽ muốn diệt và chưa muốn diệt, trừ hiện tại sẽ muốn diệt pháp đó, dư pháp hiện tại, quá khứ, vị lai vô vi pháp gọi là pháp không muốn diệt. Cho nên, không có thứ đệ duyên. Ở trên phá nhân duyên, tiếp theo phá thứ đệ duyên.

Nói đến duyên thì phải có quả mới gọi là duyên, quả chưa sanh thì không có diệt, nếu có pháp diệt thì không duyên. Cho nên, không có thứ đệ duyên. Vì pháp trước đã diệt, làm sao pháp sau làm thứ đệ!

### ***Phá Duyên Duyên***

Nếu không nhân duyên, tại sao có duyên? Đây gọi là Thánh Ngôn Lượng, tức là lấy lời của Phật để chứng tỏ. Hiện Lượng, Phi Lượng, Tỉ Lượng và Thánh Ngôn Lượng gọi là Tứ Lượng. Nếu lấy vi diệu chân thật thì không có duyên, như kinh nói “phi nhân duyên”. Nếu không có duyên làm sao có nhân duyên?

Phật thuyết kinh Đại thừa: “Phàm có sắc hay không có sắc, có hình hay không có hình, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi, tất cả pháp tướng do pháp tánh đều không”. Nghĩa này vô tướng vô duyên, cũng như tất cả sông chảy ra biển đều một vị. Nếu tin pháp Thánh Ngôn Lượng thì không có nhân duyên. Ở đây chỉ lấy Thánh Ngôn Lượng để chứng tỏ.

### ***Phá Tăng Thượng Duyên***

Kinh nói 12 nhân duyên, việc có cho nên nói việc có, ở đây không phải vậy. Tại sao? Tất cả pháp đều do nhân duyên sanh, nếu do nhân duyên sanh thì không có tánh nhất định. Không có tánh nhất định thì không có tướng có. Tướng có không thành được thì sao có việc có! Cho nên không có Tăng Thượng Duyên.

Phật tùy phân biệt của phàm phu mà nói có, nói không, nói nhân duyên,...

nhưng sự thật lời nói của Phật là phương tiện tạm thời, không được chấp thật.

Ở trong nhân duyên hòa hợp thì không có quả là duyên, trung là mỗi mỗi duyên không có quả, thì duyên trung tất cả nhân duyên đều không có quả. Đã không có quả làm sao nói từ nhân duyên mà sanh ra?

Nếu nói ở trong nhân duyên không có quả, mà lại trong nhân duyên sanh ra quả thì cái quả sao không ở phi duyên mà sanh ra? Cũng như trong nhân duyên tìm quả không được, tại sao không ở cái khác (ngoài nhân duyên) mà tìm quả?

Như cái bình do đất và nước hợp thành nói là duyên, ở trong đất và nước tìm không có bình thì ở nhân duyên tìm không có quả. Cho nên, duyên không được và phi duyên cũng không được.

Quả từ duyên sanh, mà duyên không có tự tánh; nếu không có tự tánh thì không có pháp, không có pháp tại sao được sanh? Cho nên, quả không từ duyên sanh, không từ phi nhân duyên sanh. Vì duyên phá rồi, nên nói là phi duyên.

Kỳ thật không có pháp phi duyên, nên không từ phi duyên sanh. Nếu không từ duyên sanh, không từ phi duyên sanh, vậy thì không có quả. Nếu không có quả thì duyên và phi duyên cũng không, nên cuối cùng phá Tăng Thượng Duyên.

Đây giảng theo Trung Quán Luận, nhưng tôi cảm thấy giảng theo Trung Quán Luận rất phức tạp làm cho người ta khó hiểu. Nên tôi giảng cho giản dị để người ta dễ hiểu dễ tin. Vì vậy tôi không theo từng bài mà giảng.

Đáng lẽ, Trung Quán Luận là thấp hơn kinh Đại thừa, vì luận là để diễn bày kinh, người ta không hiểu mà nói Trung Quán Luận cao, đó là sai lầm. Làm sao nói cao mà giảng cái thấp được? Tại y theo bài luận mà giảng, vì sự hiểu biết thời đại ngài Long Thọ có khác. Thời đại hiện nay sự hiểu biết khác nữa.

Vì vậy, phải theo tư tưởng hiện tại để giảng cho thích hợp, dễ hiểu dễ tin. Nếu người ta nghe không hiểu thì không tin được, nên tác dụng của luận cũng như không. Giới luật của Phật là hoạt bát, nếu chấp chặt giới luật là nghịch ý Phật.

Sự thật tôi không có nghiên cứu giới luật, tôi nói chuyện các vị luật sư hoàng luật thì người ta tưởng tôi có nghiên cứu luật. Phải biết, Phật nhân duyên gì chế ra giới luật? Ban đầu Phật chưa chế ra luật, đến 12 năm sau, có người phạm giới nên mới chế ra điều luật.

Phải hiểu nguồn gốc thì ứng dụng giới luật mới hoạt bát. Phải biết ý Phật, nếu không hiểu ý Phật mà y văn giải nghĩa, nhớ y theo giới luật thì nghịch ý Phật.

Như Tu sĩ ở Trung Quốc không làm ruộng là phạm, nên hoàng dương Phật pháp ở Trung Quốc không được. Tu sĩ ở Aán Độ không làm ruộng là trì, nên hoàng dương Phật pháp ở Aán Độ được. Ý của Phật sợ hoàng pháp bị chướng ngại, nên mới chế ra giới giá.

Ý Trung Quán Luận không phải muốn giải thích danh từ đó, mà muốn phá bệnh chấp danh từ đó. Vì tất cả danh tướng đều là giả danh, luôn cả danh từ Phật cũng giả danh, do lý nhân duyên không thành lập được.

### ***Phẩm Khử Lai***

Chánh văn:

Đã đi chẳng phải đi  
Chưa đi cũng chẳng đi  
Lìa đã đi, chưa đi  
Đang đi cũng chẳng đi

Giảng giải:

Đang đi mà lấy đã đi để chứng tỏ đang đi chẳng phải đi. Vì đang đi, trừ ra cái đã và cái chưa thì đâu có cái đang. Nhưng muốn lấy đã đi để chứng tỏ đang đi không phải đi, nên phải tin cái đã đi chẳng phải đi trước, mình mới lấy đó làm chứng được.

Vậy có tin cái đã đi chẳng phải đi không? Đã đi chẳng phải đi, nhiều người không thể tin được. Đã đi không phải đang đi, nhưng có đi. Tại sao nói đã đi chẳng phải đi? Khoa học bây giờ có chiếu bóng, phim của chiếu bóng từ mỗi hình nổi tiếp theo. Đây là giải sự đang rất dễ dàng.

Muốn hình cho nó đi, bước 1 bước cần 10 cái hình, bước thêm 1 bước nữa cần 100 cái hình. Vậy 100 cái hình thấy có hình nào đi không? Không có

hình nào đi. Nhìn thấy thì 100 cái hình nào cũng đang đi. Cho nên, đang đi chẳng phải đi, đã đi chẳng phải đi.

Ngược lại, lấy đang đi để chứng tỏ đã đi, đã đi để chứng tỏ đang đi. Đang đi còn không phải đi, làm sao đã đi cho là đi! Đây là nghĩa kinh Pháp Hoa: “Pháp đó trụ nơi ngôi pháp, tướng thế gian thường trụ”. Như hình số 1 thì trụ hình số 1, hình số 2 thì trụ hình số 2, hình số 3 thì trụ hình số 3. Ngôi pháp nào trụ nơi ngôi pháp đó, tướng thế gian thường trụ là như vậy.

Như tôi là Tăng thì trụ ngôi pháp Tăng, nếu tôi hoàn tục thì trụ ngôi pháp tục. Nếu ngôi pháp tục còn sống thì trụ nơi ngôi pháp sống, nếu chết thì trụ nơi ngôi pháp chết. Thường thường người ta thắc mắc chỗ này, tại sao tướng thế gian thường trụ?

Vì tướng thế gian sanh diệt, do có câu trên là “pháp đó trụ nơi ngôi pháp”, tức là ngôi pháp nào trụ nơi ngôi pháp đó. Ngôi pháp sanh trụ nơi ngôi pháp sanh, ngôi pháp diệt trụ nơi ngôi pháp diệt. Tướng thế gian thường trụ, cũng như nghĩa 3 câu kinh Kim Cang.

Đi, tức phi đi, thị danh đi. Câu thứ nhất chấp đi là thật có đi, câu thứ nhì là chấp chẳng phải đi, câu thứ 3 thì đi là giả danh, phi đi cũng giả danh, thị danh đi cũng giả danh; tức là câu thứ 3 phá câu thứ nhất, phá câu thứ nhì, phá luôn câu thứ 3.

Tất cả đều là nghĩa 3 câu, như phẩm Tác và Tác Giả, Nhiễm và Nhiễm Giả,... của Trung Quán Luận đều là nghĩa 3 câu phá hết.

Ở trong luận cũng có tứ cú kệ để lia, nghĩa tứ cú và nghĩa 3 câu không khác. Nếu thông suốt nghĩa này thì kinh Đại thừa liễu nghĩa và luận chư Tổ cũng thông suốt, khỏi cần nghiên cứu từng câu từng chữ, từng bài hay từng cuốn kinh. Cho nên mình phải biết nguồn gốc.

Nguồn gốc là do 3 khái niệm không gian, thời gian, số lượng sanh ra vũ trụ vạn vật này, tức là nghĩa “tất cả do tâm tạo”. Nếu không có 3 khái niệm này, làm sao vũ trụ vạn vật sanh ra được? Chính 3 khái niệm này là hư vô. Nếu đã biết thì còn chấp thật chi nữa!

Vừa rồi giảng xong phẩm Nhân Duyên và phẩm Khứ Lai. Các vị có thắc gì đề ra hỏi, tôi sẽ giải đáp.

Hỏi:

Ý Trung Quán Luận không phải 1 cũng không phải 2, vậy ở chính giữa phải không?

Đáp:

Nếu có 2 đầu mới có chính giữa, 2 bên chẳng có thì chính giữa ở đâu? Trung đạo này cũng nghĩa 3 câu và tứ cú. 3 câu ấy là: Trung, tức phi trung, thị danh trung. Trung là đối với biên, trung là cú thứ nhất, biên là cú thứ nhì, chẳng trung chẳng biên là cú thứ ba, cũng trung cũng biên là cú thứ tư.

Trung đạo không phải thật, chỉ là giả danh. Nghĩa trung đạo là lia tứ cú và nghĩa 3 câu. Nếu cho trung đạo ở chính giữa là sai lầm. Vì tròn ở giữa là trung, trên vòng tròn là biên hay trung có 2 đầu biên. Không có biên làm sao có trung? Không có 2 bên làm sao có chính giữa? Nói đến biên gồm có 1 thứ trong 5 thứ ác kiến: Biên kiến, thân kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ.

Hỏi:

Có phải xa lia điên đảo chứng Niết Bàn không?

Đáp:

Như vậy là chấp cứ cánh Niết Bàn, kỳ thật đâu có điên đảo để xa lia. Trung Quán Luận đã phá hết, tất cả chẳng có thật, làm sao điên đảo lại có thật? Kinh Viên Giác nói: “Vô minh không phải thật”, mà ở trong vô minh sanh ra điên đảo mộng tưởng làm sao thật được? Vì tất cả đều do vô minh sanh ra là tại bệnh chúng sanh chấp thật mới thành có vô minh và minh làm đôi đũa.

Nếu không chấp thật thì đi đâu tìm vô minh? Vô minh là do vọng tâm tạo ra. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô minh diệt vô vô minh tận”, nghĩa là vô minh đã không có, làm sao hết vô minh? Cũng như cái tách này có nước, tôi uống hết mới nói tôi uống hết nước. Nếu cái tách này vốn không có nước, làm sao nói uống hết nước được?

Kỳ thật, có thì mới có sanh, hết mới nói là diệt; vừa rồi nói sanh còn không có, làm sao nói diệt? Nếu có là thật thì có phải vĩnh viễn. Cũng như thân tôi, nếu nói có thì quá khứ phải có và vị lai cũng phải có; mà thân tôi quá khứ không có, vì cha mẹ chưa sanh ra tôi. Vị lai là thân chết đem thiêu thành tro cũng không có, hay là chôn dưới đất rồi biến thành đất cũng không có.

Quá khứ không có, vị lai không có sao thật có được? Nói không có làm sao tôi ngồi đây nói chuyện? Cho nên, cái có không thành lập và cái không có cũng không thành lập. Nhưng bệnh chấp thật của chúng sanh chấp có rồi lại chấp không.

Ngài Lai Quả nói: “Bệnh chấp thật làm cho mình phải bị sanh tử luân hồi, muốn trị bệnh sanh tử chỉ có thuốc thoại đầu mới trị được, nếu không dùng thuốc thoại đầu thì không thể trị bệnh sanh tử”.

Đã biết thân này không phải thật, tại sao ham tìm những cái ở bên ngoài để hưởng thụ và tranh giành làm cho mình tạo nghiệp khổ? Chấp nặng là chấp thân này, nếu không chấp thân này thì dễ giải quyết. Cho nên tôi không theo Trung Quán Luận để giải, mà theo cái thân để thí dụ.

Hỏi:

Nghiệp bất tùng duyên sanh  
Bất tùng phi duyên sanh  
Thị cố tắc vô hữu  
Năng khởi ư nghiệp dã  
Vô nghiệp vô tác giả  
Hà hữu nghiệp sanh quả  
Nhược kỳ vô hữu quả  
Hà hữu thọ quả giả.

Tạm dịch:

Nghiệp chẳng từ duyên sanh,  
Chẳng từ phi duyên sanh,  
Cho nên không thật có.  
Thường khởi ở nơi nghiệp,  
Không nghiệp không tác giả,  
Làm sao nghiệp sanh quả?  
Nếu không có quả đó,  
Sao có người thọ quả?

Xin thầy giảng bài kệ nói về nghiệp?

Đáp:

Truy cứu thân này là vô sanh, làm sao nói tạo nghiệp? Đây là căn bản. Nếu thân này không phải thật thì tạo ra nghiệp này cũng không phải thật. Theo nghĩa 3 câu kinh Kim Cang thì nghiệp, tức phi nghiệp, thị danh nghiệp.

Trong này nói nghiệp chẳng từ nhân duyên sanh, cũng không phải từ phi duyên sanh. Cho nên, nghiệp không thật có, vì nghiệp không tự sanh, phải người tạo mới có. Nếu nghiệp đó là thật thì không cần người tạo, tức là nó đã có hay người làm nghiệp trước. Nếu người làm nghiệp có trước, chưa có làm nghiệp sao nói là tác giả? Trung Quán Luận nói: Nếu không nghiệp, không làm nghiệp, vậy từ đâu sanh?

Bây giờ nghiệp sanh ra quả báo, cũng như ở trong trái cây, quả thì không cần nhân duyên (nó đã có rồi). Nếu nói không có thì sao sanh ra cái quả? Kỳ thật, biết không phải thật là do cái không thật tạo ra, nên tất cả đều không thật có.

Nghiệp từ đâu sanh ra? Tất cả nghiệp không có sự bắt đầu. Nếu nói người tạo nghiệp sanh, còn cái nghiệp không sanh, làm sao có cái nghiệp đây? Nói không cần tạo nghiệp, tức là không có duyên (phi duyên), phi duyên làm sao sanh? Không sanh được thì cái nghiệp là hư vô, không có thật.

Bài sau cũng có ý này, Phật có thần thông biến ra người, người biến hóa được làm ra gọi là nghiệp. Người biến hóa không phải thật tạo ra nghiệp, làm sao thật được? Truy cứu thân mình không có sự bắt đầu, giống như người biến hóa.

Theo thời đại của ngài Long Thọ thì sự hiểu biết theo thời ấy. Hiểu biết thời nay tiến bộ nên có tầm nhìn khác hơn. Vậy tôi không y cứ trong Trung Quán Luận để giải thích từng bài, vì mục đích của ngài Long Thọ lấy kiến giải phá kiến giải.

Trung Quán Luận giải thường lấy trước sau để chứng tỏ. Như lấy con gà và trứng gà để ví dụ: Nếu có trứng gà thì trước phải có con gà, sự thật con gà có trước không được. Vì không có trứng gà làm sao ấp ra con gà? Nếu trứng gà có trước cũng không được, vì không có con gà làm sao có trứng gà?

Theo sự hiểu biết của mình thì con gà do trứng gà ấp ra, trứng gà do con gà sanh ra. Nhưng 2 thứ đó không thể đầu tiên được! Nếu 2 thứ đó là 1 thì trứng gà là trứng gà, con gà là con gà. Nếu 2 thứ là khác thì lia con gà không có trứng gà, lia trứng gà không có con gà, độc lập không được, cũng là nghĩa bất nhất bất dị trong tám thứ bất.

Vì con gà cũng do tâm tạo, trứng gà cũng do tâm tạo, làm sao kết hợp được?

Bài kệ kinh Hoa Nghiêm:

Nếu người muốn biết rõ,  
Tất cả Phật ba đời,  
Đều thấy tánh pháp giới,  
Hết thảy do tâm tạo.

Nếu còn 1 pháp không phải do tâm tạo thì Phật vọng ngữ, không có pháp nào không phải do tâm tạo, nên gọi là “hết thảy do tâm tạo”, luôn Phật ba đời cũng vậy.

Nói tánh pháp giới là danh từ của đạo Phật, vũ trụ là danh từ khoa học. Khoa học nói vũ trụ vạn hữu, còn pháp giới bao gồm cả vạn hữu và vạn vô. Vạn hữu cũng ở trong pháp giới, vạn vô cũng ở trong pháp giới; tức là nghĩa pháp giới rộng hơn nghĩa vũ trụ. Hữu do tâm tạo và vô cũng do tâm tạo. Cho nên, hữu không phải thật, vô cũng không phải thật.

Tất cả nói trong Trung Quán Luận đều là vô. Nếu chấp vô là thật thì nghịch ý Trung Quán Luận. Vô là do hữu sanh ra, hữu diệt rồi mới nói là vô. Hữu không phải thật thì vô làm sao thật? Hữu với vô đối đãi, tất cả 62 kiến chấp đều do hữu với vô sanh ra. Ngài Long Thọ mượn chữ “vô” để phá bệnh chấp thật của chúng sanh, cũng là tùy theo thế lưu bố tướng.

Ca Diếp đại diện đương cơ hỏi Phật: Phạm phu có điên đảo tướng sanh ra phiền não, bậc Thánh có điên đảo tướng sao không sanh ra phiền não?

Phật nói: Sao ông nói bậc Thánh có điên đảo tướng?

Ca Diếp đáp: Bậc Thánh thấy trâu cũng gọi là trâu, thấy ngựa vẫn gọi là ngựa thì không phải điên đảo tướng sao?

Phật nói: Tướng có 2 thứ, thế lưu bố tướng và trước tướng. Phạm phu ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, còn bậc Thánh chỉ có thế lưu bố tướng không có trước tướng. Có trước tướng mới có điên đảo tướng, không có trước tướng thì không có điên đảo tướng.

Tại sao gọi là trước tướng? Vì phạm phu thấy trâu chấp trâu là thật, nên dính mắc vào trâu; thấy ngựa cho ngựa là thật, nên dính mắc vào ngựa. Còn bậc Thánh thấy trâu không chấp thật trâu, nên không dính mắc vào trâu; thấy



ngựa không chấp thật ngựa, nên không dính mắc vào ngựa. Bậc Thánh chỉ tùy theo danh từ thế gian lưu hành mà gọi trâu gọi ngựa. Ấy là thế lưu bố tướng. Nếu không theo danh từ thế gian thì lấy gì để nói!

Ngài Long Thọ nói hữu nhưng không chấp thật hữu, nói vô nhưng không chấp thật vô. Trong Trung Quán Luận từ đầu đến cuối đều là “vô”, nếu mình chấp cho là “vô” thì bệnh chấp càng nặng, không hiểu ý ngài Long Thọ.

Vì chữ “vô” là thế lưu bố tướng, cũng để phá chấp thật chúng sanh, không phải nói vô là thật vô. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô lục căn, vô lục trần, vô lục thức”, chữ “vô” này là tác dụng như cây chổi để quét bệnh chấp thật của chúng sanh, không phải vô là không có gì!

Hỏi:

Vừa rồi thầy nói thời gian không có thật thể, chỉ là khái niệm. Phẩm Quán Thời của Trung Quán Luận có 6 bài kệ.

### *Phẩm Quán Thời.*

Nhược hơn quá khứ thời  
Hưởng vị lai hiện tại  
Vị lai cập hiện tại  
Ứng tại quá khứ thời  
Nhược quá khứ thời trung  
Vô vị lai hiện tại  
Vị lai hiện tại thời  
Vân hà nhân quá khứ  
Bất nhân quán khứ thời  
Tắc vô vị lai thời  
Diệc vô hiện tại thời  
Thị cố vô nhi thời  
Dĩ y thị nghĩa cố  
Tắc chi dư nhị thời  
Thượng trung hạ nhất di  
Thị đản giai phát ngôn  
Vân hà thuyết thời tướng  
Nhân vật cố hữu thời  
Ly vật lìa hữu thời  
Vật thượng vô hữu thời  
Hà hướng đương hữu thời

Xin thầy giảng bài kệ cho đại chúng được rõ?

Đáp:

Ngài Tăng Triệu nói: “Xưa không có đến nay thì nay không có đến xưa”. Nếu nay không có đến xưa thì có quá khứ, xưa không có đến nay thì có hiện tại. Ở đây nói, nếu do quá khứ thì có vị lai có hiện tại. Như vậy vị lai và hiện tại thì ở trong quá khứ.

Thí dụ cái đèn có ánh sáng gọi là đèn, tùy theo chỗ có đèn mới có sáng. Vì quá khứ nên có vị lai và hiện tại, trong quá khứ phải có vị lai và hiện tại. Nếu ở trong thời quá khứ có thời hiện tại và vị lai, tức 3 thời đều là quá khứ rồi!

Tại sao còn nói vị lai, hiện tại? Nếu không có vị lai, hiện tại thì thời đó không có quá khứ. Vì tương đối sanh ra, như gà sanh trứng, trứng sanh gà, không thể lìa nhau được. Vậy do có quá khứ nên mới có vị lai, hiện tại. Vì có vị lai, hiện tại nên mới có quá khứ.

Nếu không có quá khứ chỉ có vị lai, hiện tại thì không được. Nếu không có vị lai, hiện tại chỉ có quá khứ cũng không được, tức là 3 thời đó đều không có thật. Cho nên, kinh Kim Cang nói 3 thời không thể được, chỉ là do tâm tạo.

Như không có con gà thì không thể có trứng gà, không có trứng gà thì không thể có con gà, chỉ vì tương đối mà ra. Con gà và trứng gà không có thật, nếu có thật thì phải có bắt đầu mới sanh ra được. Bởi không có bắt đầu thì không có sanh, nên không có thật.

Vì vậy, 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai không sanh, tức là không thật có.

Hỏi:

Không sanh là không có lời nói, có nhân đầu tiên nên có sanh. Trong hiện tại của thế gian thì có trụ, có trụ nên nói có diệt. vậy như thế nào?

Đáp:

Trong này có bài phá cái trụ, lấy thân này để thí dụ. Thân này có trụ không? Thân này có quá khứ, rồi từ nhỏ đến lớn; nếu thật có trụ thì thân con nít đâu thể lớn? Đâu thể già? Nếu có trụ là thường làm sao diệt được? Hay có trụ là

thật thì không thể diệt, sự thật không trụ. Phải biết tế bào mình thay đổi luôn luôn, 7 năm thay đổi tức là 7 năm hoàn toàn khác.

Phật lấy ngọn đèn để ví dụ, đốt ngọn đèn lên, thấy ngọn lửa có trụ, không thay đổi. Sự thật ngọn lửa giây thứ nhất khác ngọn lửa giây thứ nhì, ngọn lửa giây thứ ba không phải ngọn lửa giây thứ nhất. Con mắt mình không thấy biến đổi, tưởng nó trụ. Nhưng nó luôn luôn thay đổi liên tục.

Như mình cho cái ghế là trụ, nhà khoa học phát hiện cái ghế đang hoạt động thường xuyên, nó gồm có 2 thứ động: Một thứ động là do trái đất xoay, hai là do nguyên tử tổ chức thành, mỗi hạt nguyên tử ở chính giữa có một trung tử, xung quanh có nhiều điện tử, điện tử đó ngày đêm xoay chuyển không ngừng.

Vì con mắt mình không thấy cho là trụ, ấy sai lầm. Vậy tất cả không có cái nào trụ, nếu trụ thì không thể biến đổi, khắp thế gian này đều chết và làm sao có sanh diệt? Trung Quán Luận có phá vấn đề này.

Ở trong xã hội khoa học tiến bộ, nên lấy khoa học để giải thích thì người ta dễ tin. Vì thế tôi không theo trong Trung Quán Luận giải thích, nếu giải thích làm người ta khó hiểu khó tin. Ngài Long Thọ lấy sự hiểu biết trước mắt để chứng tỏ sự hiểu biết của mình không đúng.

Hỏi:

Phẩm Quán Chúng Sanh: 20.

Nếu chúng duyên hòa hợp  
Mà có cái “quả” sanh  
Trong hòa hợp đã có  
Đâu cần hòa hợp sanh  
Nếu chúng duyên hòa hợp  
Trong đó chẳng có quả  
Tại sao từ chúng duyên?  
Hòa hợp mà sanh quả.

Đáp:

Nhân quả đó nếu hòa hợp sanh ra quả thì ở trong hòa hợp đã có, làm sao cần hòa hợp mà sanh? Nếu chúng duyên hòa hợp, ở trong đó có quả thì ở trong hòa hợp phải có, nhưng sự thật thì không có. Nếu chúng duyên hòa hợp, ở trong đó không có quả thì ở trong chúng duyên và không phải nhân duyên

giống nhau.

Như hạt lúa làm nhân thứ nhất, nói trong hạt lúa có quả, khi hạt lúa thấm nước thì nó lên mộng. Nếu đập hạt lúa tan nát, thấy hạt lúa có mộng không? Tìm mộng lúa không có. Mộng lúa không có thì sao nói hạt lúa sanh mộng?

Nếu nói trong hạt lúa có quả sẵn thì khỏi cần sanh, vì đã sanh rồi. Nếu trong hạt lúa không có quả thì sao sanh được? Cho nên, sự thật nhân quả do tâm tạo.

Nếu nói nhân quả đồng thời nên mình không thấy được, đồng thời là một, sự thật không phải vậy. Mộng lúa và hạt lúa thì khác nhau, nếu nói trong nhân duyên phải chịu phi nhân duyên. Nếu là phi nhân duyên ở trong cái khác, làm sao nó không sanh ra mộng lúa?

Cho nên, chấp thật có không đúng, chấp thật không có cũng không đúng. Ở trong này phá nhân quả, nhưng mình không phải không ở trong nhân quả! Nếu chấp “không” mình cũng chịu cái khổ, tuy cái khổ không phải thật. Giống như lúc khổ ở trong chiêm bao, mình vẫn đau khổ vậy.

Hỏi:

Tất cả lời giảng đều không thật, vì do tâm tạo. Vậy ý niệm không thật đó có không thật không? Và nếu không thật thì lấy gì tu để đến chỗ nhất như?

Đáp:

Nếu tất cả đều không thật thì ý niệm đó làm sao thật được! Nếu thật là không phải do tâm tạo thì nghịch với ý Phật. Hay có nhất như để cho mình đạt đến cũng ở ngoài tâm tạo. Vừa rồi nói 8 thứ bất, trong đó có bất nhất, bất dị. Như vậy làm sao có nhất như!

Hỏi:

Trước khi nhân quả chưa tạo, vậy nó là cái gì?

Đáp:

Theo nhân quả làm thiện được quả thiện, làm ác thì chịu quả ác. Nếu nói trước khi chưa có nhân quả, tức là không có làm thiện làm ác thì ai lên thiên

đường, ai xuống địa ngục? Không lẽ không có tội lại bị đọa địa ngục và không có phước mà lên thiên đường!

Phật đã nói rõ, tất cả các pháp không có sự bắt đầu. Đã không có sự bắt đầu, sao còn nói trước chưa có nhân quả! Nói đến chưa có nhân quả thì phải có trước thời gian. Vậy thời gian có trước khi có thời gian không?

Nếu trước khi chưa có nhân quả, mà thành linh sanh ra nhân quả thì có sanh. Tất cả pháp đều vô sanh, chứng quả là chứng vô sanh pháp nhẫn, tức là nhẫn khả, không phải nhẫn nhục. Như mình không biết ngọt thế nào, chỉ cần nếm một chút đường, lúc đó cảm thấy ngọt của đường thì nhẫn khả là hình dung như vậy.

Bây giờ, mình chưa biết vô sanh, khi nào chứng được pháp vô sanh thì mới rõ hết.

Hỏi:

Thế nào bất liễu nghĩa và liễu nghĩa?

Đáp:

Bất liễu nghĩa của Phật và bất liễu nghĩa của ngoại đạo khác nhau. Bất liễu nghĩa của ngoại đạo thật là bất liễu nghĩa, bất liễu nghĩa của đạo Phật thì còn con đường thông vào liễu nghĩa, chỉ tạm thời làm cái cầu cho người ta đi lên vào liễu nghĩa.

Liễu nghĩa là phá chấp thật, bất liễu nghĩa là chất thật. Có kinh phá chấp phàm phu, có kinh phá chấp ngoại đạo, có kinh phá chấp của Tiểu thừa và có kinh phá chấp Đại thừa. Kỳ thật đều phá kiến chấp mà thôi! Như Trung Quán Luận phá 62 kiến chấp, vì sợ người ta hiểu lầm Tất Cảnh Không của Đại thừa.

Tiểu thừa tu phá được nhân ngã chấp, được ra khỏi sanh tử luân hồi. Nếu cho mình tu Đại thừa, không phá nhân ngã chấp mà lại chấp thêm pháp ngã thì không thể được! Người thế gian có nhân ngã chấp, chứ không có pháp ngã chấp, vì họ không biết Phật pháp thì không lấy gì để chấp.

Còn cho mình tu Đại thừa đã học hết Sơ Đẳng, Trung Đẳng, Cao Đẳng. Nếu không phá chấp, mà học Sơ Đẳng thì pháp ngã còn nhỏ, đến Trung Đẳng thì

pháp ngã lớn thêm, đến Cao Đẳng thì pháp ngã càng lớn hơn. Chấp pháp là chỉ mình học biết thì còn thấp, đến tu rồi chấp sự tu là thật, đến chứng thì chấp sự chứng là thật.

Tiểu thừa chứng quả A La Hán và Bích Chi Phật đã ra khỏi sanh tử luân hồi, còn bị Phật quở là “hạt giống bị cháy”, vì quả A La Hán và Bích Chi Phật không chịu tiến lên Đại thừa.

Bát Nhã Tâm Kinh quét tri kiến phàm phu, quét tri kiến Tiểu thừa, quét tri kiến Đại thừa và quét luôn tri kiến Phật.

“Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn” là quét tri kiến Phật. Phật nói trong kinh Kim Cang: “Nếu ta chứng quả Vô Thượng Chánh Giác (cứu kính Niết Bàn) thì Nhiên Đăng Phật không thọ ký cho ta hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni”. Bởi vì còn chấp pháp.

Nếu chứng Sơ Quả còn chấp thì không lên được Nhị Quả, chứng Nhị Quả còn chấp thì không lên được Tam Quả, cho đến chứng Đẳng Giác còn chấp thì không lên đến Diệu Giác. Nếu chấp Diệu Giác chưa phải thành Phật.

Cho nên, Tổ Sư thiên nói: “Ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Vì đối với mê nên mới có ngộ. Nếu hết mê làm sao có ngộ? Đối với sanh tử nên mới nói Niết Bàn. Sanh tử không có thì Niết Bàn sao có?

Kỳ thật, chư Phật chư Tổ dạy mình cách thực hành, có lý luận cũng để cho mình thực hành, không phải lý luận cho mình hiểu biết giáo lý cao siêu để dạy cho người khác hiểu biết.

Bây giờ người học Phật ngày càng nhiều cho là Tăng tài, nhưng Tăng tài đó trong thế gian không dùng được, vì công thương kỹ nghệ đều không dùng cái đó. Còn ở trong Phật pháp cần sự giải thoát, nếu chấp vào giáo lý thì không thể giải thoát, mà lại chướng ngại cho sự giải thoát.

Vì không theo ý Phật để thực hành, cho đó là thật, cho đó là cao nhất, kinh nào cũng biết, ta dạy các người biết. Nhưng cái biết ấy đối với việc sanh tử không liên quan gì. Mặc dù tu và chứng cũng không được chấp, huống là thuyết suông! Nếu thuyết suông không có sự tu chứng thì sự tu hành có thể không biết.

Trí Giả đại sư là Tổ thứ 3 của tông Thiên Thai nói 3 thứ ngoại đạo:

-Ngoại đạo thứ nhất: Là treo bảng hiệu ngoại đạo, không có liên quan đến Phật Giáo. Những ngoại đạo này tu lên cõi trời, vì họ cũng làm việc thiện.

-Ngoại đạo thứ nhì: Là lấy bảng hiệu Phật Giáo, mà hành pháp ngoại đạo, để cho người hiểu lầm cho đó là Phật pháp. Nên những người đó phải bị đọa địa ngục, vì làm hại người ta đi sai lầm. Hiện nay thứ này rất nhiều.

-Ngoại đạo thứ ba: Là học Phật pháp thành ngoại đạo, vì người ấy lấy ý mình thay cho ý Phật, tưởng là mình đã hiểu rồi. Hiểu lầm ý của Phật thành ngoại đạo, nhưng tự mình không biết rồi cũng giảng kinh thuyết pháp, sự thật không đúng chánh pháp. Cho nên, Phật nói: “Những người này giống như con trùng ở trong thân sư tử, tiêu diệt Phật pháp”.

Những người lấy bảng hiệu Phật Giáo mà hành theo ngoại đạo, họ có thể quay lại chánh pháp, vì họ còn biết mình là ngoại đạo.

Người học Phật pháp thành ngoại đạo thì không biết mình ngoại đạo, nên không thể trở về chánh pháp, vì cho mình là chánh pháp. Người nghe pháp tưởng đúng, vì thấy Pháp sư cũng lấy kinh luận để giảng. Nhưng họ dạy sai lầm, không đúng ý Phật, lấy ý mình thay cho ý Phật.

Ngài Bá Trượng nói: “Nếu Pháp sư chỉ giảng được 2 câu thì Pháp sư đó phải bị đọa địa ngục, Pháp sư giảng được nghĩa 3 câu, người nghe không thấu hiểu là lỗi của người nghe, chứ không do Pháp sư”.

“Chúng sanh, tức phi chúng sanh” là nghĩa 2 câu và câu thứ 3 là “thị danh chúng sanh (giả danh chúng sanh)”. Nếu chỉ quét được câu thứ nhất, quét câu thứ nhì, còn chấp câu thứ ba; tức là chấp giả danh, nên chỉ giảng được 2 câu. Họ giảng được tương đối lại chấp trung đạo, trung đạo là câu thứ 3. Vậy câu thứ ba tự quét bản thân, quét câu thứ nhất và quét luôn câu thứ nhì.

Hỏi:

Khi làm việc gì đều giữ chánh niệm vào việc đó, vậy làm phương pháp để tu giải thoát được không?

Đáp:

Lúc hiện tại thì đã qua quá khứ, làm sao lấy hiện tại để làm chánh niệm? Như nói uống nước giữ chánh niệm trong lúc uống nước, nhưng uống nước chấp uống nước là thật; tức là tùy duyên nào chấp thật duyên đó thì bệnh

chấp thật đâu bớt để giải thoát! Nếu có chánh niệm thì không thể thưởng thức được mùi vị.

Phật dạy 84.000 pháp môn làm phương tiện cho mình tu được giải thoát. Kỳ thật, 84.000 pháp môn quy nạp có 4 loại: Tham thiền, niệm Phật, trì chú, quán tưởng. Loại nào cũng lấy phá ngã chấp làm gốc, nếu không lấy phá ngã chấp làm gốc thì thành ngoại đạo, không được giải thoát.

Cho nên, chánh pháp luôn phá ngã chấp, tức là không chấp thật. Như chấp thật thưởng thức mùi vị của quít thì không thể phá chấp được. Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”.

Nếu còn muốn thưởng thức miếng quít, tức là còn muốn hưởng vị trần (chấp vị trần), vậy làm sao giải thoát được? Nếu lấy cái ấy dạy người là tội địa ngục, vì dạy người chấp ngã.

Hỏi:

Mình ăn phải biết ngon chứ! Nếu không biết ngon đâu khác gì vô tri vô giác ư?

Đáp:

Ăn ngon cho là ngon thì còn chấp vị trần, tức là còn chấp thiệt căn thì bệnh chấp thật vẫn còn nguyên. Mình đề câu thoại đầu, khởi lên nghi tình được thuần thực, đi không biết đi, ngồi không biết ngồi. Như người ta hỏi ngài Lai Quả: Ở trên chánh điện thờ Phật gì?

Ngài Lai Quả đáp: Không biết.

Người ấy lại hỏi: Ngài tên gì?

Ngài Lai Quả đáp: Không biết.

Trạng thái này là ngài Lai Quả đạt đến chân tham, nếu người ấy được cảnh giới này thì sao biết mùi vị ngon hay không ngon!

Người ta thấy người tham thiền đạt đến thoại đầu thì giống như khờ ngốc, nhưng cảnh giới đó là đại trí huệ, tức là hiện ra cái dụng Bát Nhã Tự Tánh.



Hỏi:

Tâm con hay rối loạn suy nghĩ lung tung làm khổ sở, xin thầy có phương pháp nào để cho con được hết khổ?

Đáp:

Đề câu thoại đầu lên phát khởi nghi tình liên tục thì cái dụng automatic tự tánh hiện ra. Nếu mình không có nghi tình, mà để ý chuyện khác thì tâm sẽ loạn.

Như Trương Quốc Anh là thủ môn, đang tham thiền không để ý trái banh, bất cứ trái banh nào đến thì y đều chụp được hết. Nếu y để ý trái banh mà khó chụp được hết.

Cô Hằng Thiên đang tham thiền và tay đang cắt vải để may, không biết mình đang cắt, nhưng công việc cắt may không sai. Nhiều Phật tử đang tham thiền đi xe không để ý xe, nhưng không bị xe đụng. Vì dụng tự tánh hiện ra trong lúc nghi tình có liên tục. Nếu mình có chỗ sợ thì nghi tình không được liên tục, nên cái dụng tự tánh không hiện ra được.

Cho nên, tôi dạy tham thiền luôn luôn nhắc đến “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, ấy là cho mình phá ngã chấp. Có sở đắc thì còn chấp ngã, có sở cầu thì còn chấp ngã, có sở sợ thì còn chấp ngã.

Hỏi:

Ai có tư cách lập ra pháp môn tu giải thoát?

Đáp:

Chỉ có Phật và Tổ kiến tánh triệt để mới có tư cách lập ra pháp môn tu giải thoát. Vì Phật và Tổ đã kiến tánh triệt để đã đi qua con đường đến chỗ giải thoát, nên mới dạy người ta tu được. Nếu chưa có đi qua con đường đó, mà dạy người ta tu thì phải có tội. Vì mình chưa đến đó làm sao dạy người ta được!

Hỏi:

Ngoại đạo hỏi Phật: Ngài tu pháp môn gì?

Phật trả lời: Tôi chỉ đi, đứng, nằm, ngồi, ăn chỉ biết ăn, ngồi chỉ biết ngồi.

Vậy đó có phải là pháp môn để tu không?

Đáp:

Có một công án: Quan hỏi Thiền sư kiến tánh: Ngài có tu hay không có tu?

Thiền sư đáp: Có tu chứ!

Quan hỏi: Tu như thế nào?

Thiền sư nói: Tôi đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ thì đi ngủ.

Quan nói: Nếu vậy, người nào cũng đều tu! Người nào đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ thì ngủ đâu có khác?

Thiền sư nói: Khác chứ!

Quan hỏi: Khác thế nào?

Thiền sư nói: Tôi ăn cơm chỉ ăn cơm, các người ăn cơm thì phân biệt đủ thứ; tôi ngủ chỉ là ngủ, các người ngủ thì suy nghĩ đủ thứ.

## **YẾU CHỈ TRUNG QUÁN LUẬN**

### *Lời nói đầu*

Có người hỏi: “Phật pháp có thể chia nhiều tông, tại sao không thể chia nhiều phái?” Nên biết Phật pháp là để hiển bày bản thể tự tánh bất nhị của Diệu Giác nên chẳng thể chia. Có thể chia là giáo pháp (chẳng phải Phật pháp). Chư Phật chư Tổ vì muốn thích ứng căn cơ trình độ của mọi chúng sanh, nên vì khế hợp đương cơ mà chia nhiều tông, tức là trên phù hợp ý Phật (Phật pháp chẳng thể chia), dưới khế hợp đương cơ (giáo pháp có thể chia) là vậy.

Giáo pháp thích hợp với người phương Đông được chia làm 5 hệ: Thiên, Giáo, Luật, Tịnh và Mật. Thiên, Luật, Tịnh, mỗi hệ có một tông. Giáo môn lại chia thành bốn tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức, cộng chung là tám tông Đại thừa.

Luận này vì muốn phá chấp nhị biên tương đối, nên phương tiện thiết lập Trung Quán. Nguồn gốc của nhị biên là “hữu” và “vô”. “Hữu” bao gồm hữu vi pháp, “vô” bao gồm vô vi pháp. Nhị biên đã phá thì “trung” không có chỗ để an lập. Như thế, đâu có học thuyết cao siêu để cho nghiên cứu mà dựng lập học phái Trung Quán!

Lục Tổ nói thuyết pháp chẳng lìa tự tánh, tự tánh là bất nhị. Kinh Đại thừa liễu nghĩa do Phật thuyết đều là bất nhị. Chư Tổ căn cứ theo kinh liễu nghĩa lập luận số giải cũng là bất nhị. Bất nhị thì chẳng có tương đối, chẳng có tương đối thì chẳng dùng bộ não suy nghĩ, chẳng thể dùng lời nói văn tự diễn đạt, cho nên Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: Là “tướng tâm duyên”, là “tướng danh tự”...

Nên biết, những phương tiện do chư Phật chư Tổ thiết lập chỉ muốn khiến chúng sanh ngay đó khai ngộ, chứ chẳng phải muốn chúng sanh nghiên cứu tìm hiểu lý đạo. Do đó chẳng thể xem như một học thuyết để nghiên cứu mà chia ra nhiều học phái.

Trung Quán Luận gồm 27 phẩm, mặc dù có quán có phá, kỳ thật quán cũng là phá. Bất cứ hữu vi pháp vô vi pháp, tất cả đều phá. Như các phẩm Quán Như Lai, Quán Niết Bàn là thuộc về phá pháp vô vi, những phẩm Quán Nhân Duyên, Quán Khứ Lai thuộc về phá pháp hữu vi. Hữu vô tất cả đều phá. Phẩm có nhị biên tương đối đều phá hết.

Chư Phật chư Tổ dùng pháp làm phương tiện để phá sự chấp trước của chúng sanh. Chúng sanh có cái sở chấp nào thì phá cái sở chấp ấy. Nếu chúng sanh chẳng có chấp trước thì pháp cũng thành dư thừa. Nay chúng tôi biên tập Yếu Chỉ Trung quán Luận này, chỉ mỗi phẩm rút ra vài bài kệ chủ yếu, để sáng tỏ yếu chỉ về pháp phá của tác giả mà thôi.

Thích Duy Lực.

### ***Phẩm thứ nhất : PHÁ NHÂN DUYÊN***

Phẩm thứ nhất là phá tất cả pháp, bởi vì tất cả pháp đều từ nhân duyên mà sanh.

Bất sanh cũng bất diệt  
Bất thường cũng bất đoạn  
Bất nhất cũng bất dị  
Bất lai cũng bất xuất  
Thường nói là nhân duyên  
Khéo diệt các hý luận  
Tội kính đảnh lễ Phật  
Trong các thuyết đệ nhất

Các pháp chẳng tự sanh  
Cũng chẳng từ tha sanh  
Chẳng cộng, chẳng vô nhân  
(Không nguyên nhân mà có)  
Cho nên biết vô sanh.

Giải thích:

Các pháp từ nhân duyên mà sanh, duyên sanh thì chẳng có tự tánh (duyên hợp mới có, duyên lìa thì không) tức là nghĩa vô sanh vậy. Các pháp 27 phẩm trong luận này đều là nhân duyên tương đối, nên đều có thể dùng bài kệ thứ hai để phá trừ.

Các pháp từ nhân duyên sanh thì chẳng phải tự sanh (các pháp chẳng tự sanh). Tha cũng có tự thể của nó, nên tha cũng đồng như tự (cũng chẳng từ tha sanh). Vậy tự với tha đều chẳng thể thành lập thì lấy gì để cộng.

Lại pháp đã từ duyên sanh thì chẳng phải vô nhân (chẳng cộng chẳng vô nhân), cho nên biết tất cả pháp đều vô sanh. Người chứng ngộ tức là ngộ cái pháp “vô sanh” này vậy.

Hỏi:

Tự tánh và ngã khác nhau như thế nào? Trí và huệ khác nhau như thế nào? Có phải do trí mà ngộ được không?

Đáp:

Do trí chẳng thể ngộ được, như Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô trí diệt vô đắc”, tức là đã phá cái trí, mà không có cái trí để đắc. Trí Bát Nhã tại sao người dịch không dịch là trí? Vì chữ “trí” chưa đúng, nên mới dịch âm. Trí là trí của bộ não sanh diệt, sanh diệt thì không ngộ được không sanh không diệt tồn tại vĩnh viễn. Cho nên, trí Bát Nhã không qua bộ óc, tự động mà không bao giờ ngưng.

Pháp Bảo Đàn nói: “Một niệm ngu thì Bát Nhã tuyệt, một niệm trí thì Bát Nhã sanh”. Vậy một niệm ngu là gì? Là chấp thật. Một niệm trí là gì? Là phá chấp thật.

Ngũ âm là cái thân này (cái ngã), mà tất cả cái gì đều là cái ngã của nó, cũng là tự tánh. Như trái lê có tự tánh trái lê, có cái ngã trái lê, trái hồng có cái

ngã của trái hồng, có tự tánh của trái hồng. Nó có thể giống và cũng có thể khác, như “tự tánh bất nhị” thì khác, vì không có tương đối, nên không phải ngã hay vô ngã. Cho nên giống cũng có và khác cũng có.

Trí huệ bộ óc và trí huệ tự tánh khác nhau, trí huệ tự tánh không bao giờ ngưng, trí huệ bộ óc có lúc phải ngưng. Như thân này biến thành tro thì trí huệ bộ óc cũng theo đó tiêu luôn, vì nó thuộc về sanh diệt, còn trí huệ tự tánh không sanh diệt.

### ***Phẩm thứ ba : PHÁ LỤC TÌNH***

#### **Ghi chú: Lục tình.**

Lục thức đối với lục căn, lục trần, sanh khởi tình chấp, nên gọi là lục tình (có cảm tình chấp đó là thật).

Nhãn nhĩ và tỷ thiệt  
Cùng thân ý lục tình  
Nhãn nhĩ... lục tình này  
Hành sắc thanh... lục trần  
Kiến chẳng thể có kiến  
Phi kiến cũng chẳng kiến  
Nếu đã phá nơi kiến  
Tức là phá người kiến  
Lìa “kiến”, chẳng “lìa kiến”  
Người kiến chẳng thể đắc  
Vì chẳng có người kiến  
Đâu có kiến để kiến

Giải thích:

Kinh Lăng Nghiêm nói: Lúc thấy sáng, kiến tinh (tánh thấy) chẳng phải là sáng; lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải tối; lúc thấy thông, kiến tinh chẳng phải là thông; lúc thấy nghẽn, kiến tinh chẳng phải là nghẽn. Bốn nghĩa trên chứng tỏ kiến tinh chẳng theo cảnh trần sanh diệt. Người còn nên biết:

Kiến kiến chi thời (lúc bản kiến tự hiện),  
Kiến phi thị kiến (kiến chẳng phải là kiến),  
Kiến do ly kiến (kiến còn phải lìa kiến),  
Kiến bất năng cập (kiến chẳng thể thấy kiến).

Theo cái nhìn của Thiền tông:

Ấy là Thế Tôn hiển bày đệ nhất nghĩa đế, cũng là diệu Bồ Đề đạo vậy. Kiến và kiến duyên gồm có 5 nghĩa: Sáng, tối, thông, nghẽn (trần) là 4 thứ kiến duyên (sở kiến), còn kiến tinh là một thứ kiến vọng (năng kiến). Thế Tôn ở đây phân biệt năng kiến (kiến tinh) và kiến duyên (tướng sáng, tối, thông, nghẽn).

Bản thể Diệu Giác gọi là chân kiến, dụ như đệ nhất nguyệt, thường chiếu rõ kiến tinh, mà kiến tinh (đệ nhị nguyệt) thì chẳng thể thấy được chân kiến. Nên cho kiến tinh là vọng (do dụi mắt sở hiện tức là vọng). Cái kiến tinh của năng kiến đã là vọng thì sắc tướng do kiến tinh thấy được dĩ nhiên cũng là vọng.

Năng sở đều vọng thì chẳng có “kẻ năng kiến” và sắc tướng của “sở kiến”. Theo đó suy luận đều biết những cảnh trần do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cảm nhận được cũng như thế.

Nên kinh Bảo Tích nói: “Pháp thân” không thể dùng kiến, văn, giác, tri để cầu; chẳng phải sở kiến của nhục nhãn, vì vô sắc; chẳng phải sở kiến của thiên nhãn, vì vô vọng; chẳng phải kiến của huệ nhãn, vì lìa tướng chẳng phải sở kiến của pháp nhãn, vì lìa chư hành (vô thường); chẳng phải sở kiến của Phật nhãn, vì lìa chư thức. Nếu chẳng do những cái thấy kể trên thì gọi là tri kiến Phật (Diệu Giác).

Công án Thiền tông (chứng minh những điều trên).

Tăng Văn Thù ở chùa Báo Từ có nghiên cứu kinh Thủ Lăng Nghiêm, gặp Thiền sư Pháp Nhãn, trình sở học của mình, cho là phù hợp ý chỉ trong kinh.

Nhãn hỏi: Lăng Nghiêm há chẳng phải nghĩa bát hoàn u? (Tám thứ trả về gốc).

Thù đáp: Phải.

Nhãn hỏi: Sáng hoàn cái gì?

Thù đáp: Sáng hoàn nhật luân (mặt trời).

Nhãn hỏi: Nhật hoàn cái gì?

Văn Thùỵ ngỡ ngác, chẳng thể trả lời. Từ đó khâm phục tinh pháp. Nguyên có thể biết “chủ trong chủ” thực chẳng phải ghi chú, giải thích có thể đến được.

Giảng giải:

Phẩm thứ ba trong Trung Quán Luận giải thích rất khó hiểu, cho nên tôi phải nhờ kinh Lăng Nghiêm để giải thích rõ hơn, vì trong kinh Phật lấy chuyện trước mắt để chứng tỏ sự hiểu biết của chúng sanh là không đúng thực tế.

Ai cũng cho kẻ thấy là con mắt, nhưng Phật chứng tỏ không phải sự thấy là con mắt. Vậy Phật làm sao chứng tỏ? Mỗi cuốn kinh đều có vị đại diện đương cơ cả triệu người nghe để hỏi Phật. A Nan là đại diện đương cơ.

Phật dùng tay thí dụ: Ta có cái tay để làm nắm tay, người có con mắt thì thấy được Như Lai, vậy hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật nói: Không giống. Tại sao? Ta có cánh tay mới làm ra nắm tay được. Nếu không có cánh tay thì nắm tay làm sao có? Người không có con mắt vẫn còn thấy.

A Nan nói: Người không có con mắt làm sao thấy?

Phật bảo: Người đi hỏi người không có con mắt, trước mắt có thấy gì không? Người ấy sẽ trả lời: Trước mắt sẽ thấy đen tối.

A Nan nói: Thấy trước mắt đen tối, sao gọi là thấy?

Phật muốn giải thích “thấy đen tối vẫn là thấy” thì phải thí dụ thêm. Một người không có con mắt ở trong phòng đen tối không có ánh sáng gì cả, có phải thấy trước mắt đen tối phải không?

A Nan đáp: Phải, thấy đen tối.

Phật nói: Vậy người có con mắt thấy trước mắt đen tối và người không có con mắt thấy trước mắt đen tối, hai thứ đen tối này có khác nhau không?

A Nan đáp: Không khác.

Phật hỏi tiếp: Vậy người không có con mắt, thỉnh linh được con mắt sáng thấy đồ vật sắc tướng trước mắt, phải là con mắt thấy không?

A Nan đáp: Phải, con mắt thấy.

Phật hỏi tiếp: Người có con mắt ở trong phòng đen tối, thỉnh linh đốt đèn lên thấy rõ đồ vật sắc tướng trước mắt, có phải đèn thấy không?

A Nan không trả lời được.

Cây đèn là hiển hiện sắc tướng để chiếu soi như lục căn vậy. Năm thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) chỉ tác dụng như cây đèn, chứ không phải kẻ thấy, kẻ thấy là tánh thấy. Thấy là nhãn thức mà không phải nhãn căn, nhãn căn chỉ là chiếu soi như cây đèn.

Sáng với tối là hai pháp sanh diệt, lúc sáng thì không thấy tối, lúc tối thì không thấy sáng. Nếu thấy tối là không thấy thì thấy sáng cũng là không thấy. Vì lúc sáng thì không thấy tối cho là không thấy, lúc tối thì không thấy sáng cũng cho là không thấy. Nói thấy thì hai cái đều thấy, thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy. Tại sao thấy tối mà nói là không thấy? Còn thấy sáng cho là thấy! Đó là mâu thuẫn.

Do thí dụ của Phật nên mình biết: Cái thấy không phải con mắt, mà cái thấy là tánh thấy. Con mắt là tác dụng như cây đèn để chiếu soi. Căn là vật chất thì chết mất, thức là thể tinh thần không chết mất. Tại sao? Vì nó không lay động nên không biến đổi.

Tiếp theo vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: “Ngoại đạo nói khi thân này chết thì tất cả đều biến mất” phải không?

Phật nói: Không phải, cái nào có lay động thì biến đổi chết mất. Cái nào không lay động không biến đổi không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: Vua biết mình có cái không chết mất không?

Vua đáp: Không biết.

Phật nói: Để cho ta nói cho vua biết.

Phật dùng tay để đối đáp với A Nan, Tay Phật nắm buông rồi hỏi A Nan: Người có thấy tay ta nắm buông không?



A Nan đáp: Thấy tay Phật nắm buông.

Phật nói: Thấy tay ta nắm buông hay tánh thấy của người nắm buông?

A Nan nói: Tay của Phật nắm buông, còn tánh thấy của con đâu có lay động mà nói nắm buông!

Tay của Phật nắm buông, sau khi chết thiêu thành tro, chôn thành đất. Tánh thấy không lay động làm sao chết mất được? Vì không lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không chết mất. Tại vì con mất lay động thì chết mất. Tánh thấy không lay động thì không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Như vậy, Phật còn chưa thỏa mãn, cái lay động là thân của Phật, còn tánh thấy không lay động là thân của A Nan, hai thân khác nhau. Phật muốn trong một thân có cái lay động và có cái không lay động. Phật mới phóng hào quang bên vai mặt của A Nan, A Nan ngó qua vai mặt. Phật phóng hào quang vai trái của A Nan, A Nan ngó qua vai trái.

Phật hỏi A Nan: Tại sao cái đầu người ngó qua ngó lại làm cho đầu người lay động vậy?

A Nan đáp: Đầu của con lay động, còn tánh thấy của con tịnh còn không có làm sao có động?

Cho nên, cái đầu lay động thì sau này sẽ chết mất, thiêu thành tro, chôn thành đất. Còn tánh thấy không lay động, không biến đổi thì làm sao chết mất được? Không những tánh thấy không chết mất, mà tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết đều tồn tại vĩnh viễn, không chết mất.

Vì tánh thấy là tâm pháp thuộc thể tinh thần, thể vật chất là lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) sẽ chết mất; còn lục thức thì tồn tại vĩnh viễn, không thể chết mất, vì nó không lay động nên không có biến đổi.

Mấy năm trước tôi đi nước Úc thuyết pháp đến chỗ này, có một Phật tử hỏi tôi: Thầy nói tánh của con tồn tại vĩnh viễn, không có chết mất. Vậy sau khi con chết thì tánh thấy con ở đâu?

Tôi nói: Bây giờ, tôi chưa chết, ông cũng chưa chết, chuyện sau khi chết làm sao nói được? Ông ngồi đây cùng nhiều người và bàn, ghế, bình, tách,... có phải do tánh thấy của ông thấy không?

Ông ấy đáp: Phải.

Tôi hỏi: Vậy ông còn sống hãy tự chỉ ra tánh thấy của ông ở đâu? Ông ấy ngó qua ngó lại chỉ không ra. Tại sao chỉ không được? Vì cùng thấy một lượt, cũng như 100 người cùng thấy một lượt, nếu chỉ tánh thấy ở người này thì 99 người kia không có tánh thấy. Vậy làm sao chỉ một lượt? Đâu phải thấy người này, rồi đến người kia, thấy từng người rồi mới chỉ được?

Nếu chỉ ra được thì tánh thấy chỉ có tiếp xúc một người, còn 99 người kia không có tiếp xúc. Vậy làm sao tiếp xúc thấy một lượt? Cho nên có chỗ thì không cùng khắp, vì tánh thấy cùng khắp nên không có chỗ để chỉ.

Cùng khắp không gian thì không có chỗ để chỉ, cùng khắp thời gian thì không có lúc để chỉ. Nếu có lúc để chỉ thì không cùng khắp thời gian, có chỗ để chỉ thì không cùng khắp không gian. Nhưng tất cả tâm pháp của mình (tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết) đều cùng khắp không gian và thời gian.

### *Phẩm thứ tư : PHÁ NGŨ ÁM (NGŨ UẨN)*

Nếu lìa nơi “sắc nhân”  
(Nhân của sắc tướng)  
“Sắc” thì bất khả đắc  
Nếu phải lìa nơi sắc  
Sắc nhân chẳng thể lìa  
Nếu lìa sắc có nhân  
Thì có nhân không quả  
Nếu có nhân không quả  
Thì chẳng có chỗ đứng.

Giải thích:

Vũ trụ vạn vật đều chẳng thể truy cứu nhân đầu tiên, nên Phật nói là vô thi (chẳng có bắt đầu) cũng là nghĩa “vô sanh” (trong phẩm nhân duyên đã phá). Sắc ám phá như thế, thì thọ, tưởng, hành, thức bốn ấm kia cũng đều như sắc ấm.

Giảng giải:

Bây giờ mình thấy gì cũng sanh diệt, nhưng Phật nói không sanh. Vì không có lý do sanh khởi. Lý do sanh khởi là nó tự sanh hay cái khác sanh nó (tha

sanh) hoặc là cộng sanh (tự với tha cùng sanh ra) đều không thể được, tức là không có nhân mà tự có.

Những việc nhà khoa học không biết cho là tự nhiên, nhưng không đúng. Phật đã phủ nhận tự nhiên và nhân duyên, trong này cũng có nói đến. Mặc dầu nói nhân duyên, nhưng không nhất định là phải nhân duyên có thật.

Như nhà khoa học danh tiếng khắp thế giới ở nước Anh có 2 vấn đề không giải quyết được, nên ông hỏi: Vũ trụ có bắt đầu chăng? Và con gà có trước hay trứng gà có trước? Sự thật không thể cái nào có trước được. Nếu nói con gà có trước được không? Không được. Vì không có trứng gà làm sao ấp ra con gà! Trứng gà có trước được không? Không được. Vì không có con gà làm sao đẻ ra trứng gà! Vậy 2 cái đều không có trước, tức là 2 cái không có bắt đầu.

Cho là tự nhiên thì không được, vì trứng gà do con gà đẻ; con gà do trứng gà ấp. Nhân duyên cũng không được, vì không nhân đầu tiên; nếu không có nhân đầu tiên thì đâu có nhân bây giờ.

Như thân tôi rõ ràng là do cha mẹ sanh ra, nhưng cha mẹ cũng có cha mẹ sanh ra, như vậy từ đời từ đời truy cứu không hạn chế, truy cứu có cha mẹ đầu tiên không? Truy cứu không ra, không có cha mẹ đầu tiên được.

Giả thiết có cha mẹ đầu tiên, vậy cha mẹ đầu tiên có cha mẹ không? Nếu có cha mẹ thì không có đầu tiên. Có cha mẹ thì từ đâu ra? Có người nói con khi tiến hóa thành con người. Con khi thì con gì tiến hóa? Có thể trả lời là con chó, con chó do con mèo,... nói hết động vật trên thế giới thì con cuối cùng do con nào tiến hóa? Không trả lời được.

Có người nói con người là do từ điện tử, phân tử biến dần thành. Dùng bào thai con người để thí dụ: Đàn bà có thai 1 tháng thì phải có hình 1 tháng, 2 tháng có hình 2 tháng,... đến 10 tháng đầy đủ ngũ tạng lục phủ sanh ra.

Nếu từ điện tử, phân tử không thể là 10 tháng sanh ra, giả thiết là 1 triệu năm, cho 1 năm là 1 cấp thì 1 triệu năm mới thành con người. Nhưng mình chỉ thấy cấp 1 là điện tử và cấp 1 triệu là con người, còn những cấp kia đâu có ai thấy?

Người ta nói mình chỉ sống mấy chục năm, làm sao thấy 1 triệu năm? Tôi nói khỏi cần 1 triệu năm, chỉ vài năm cũng được. Tại sao? Vì gàn thành con

người, như 2 năm gần thành con người có thể thấy được chứ! Đâu cần phải đến 1 triệu năm mới thấy! Nhưng không có ai thấy, rõ ràng không đúng.

Nên nhà khoa học nói ra không có lý, vì sự thật chứng tỏ không được. Do tình chấp của mình cho là vậy thôi, chứ sự thật không phải.

### ***Phẩm thứ sáu : PHÁP NHIỆM VÀ KẺ NHIỆM***

Nếu lìa nơi pháp nhiệm  
Trước tự có kẻ nhiệm  
Thì kẻ bị nhiệm này  
Phải sanh ra pháp nhiệm  
Nếu chẳng có pháp nhiệm  
Tại sao phải có nhiệm  
Có nhiệm hoặc chẳng nhiệm  
Kẻ nhiệm cũng như thế.

Giải thích:

Lục trần thuộc về pháp nhiệm. Chúng sanh ham thích lục trần thuộc về kẻ nhiệm. Nếu cho rằng lìa pháp nhiệm, mà kẻ nhiệm có trước thì giả thuyết này chẳng thể lập. Nếu chúng sanh chẳng ham thích lục trần thì chẳng thành kẻ nhiệm. Nếu chẳng có kẻ nhiệm thì làm sao có pháp nhiệm?

Nếu pháp nhiệm và kẻ nhiệm cùng một lúc thì chẳng có nhân duyên tương đối, tức là chẳng vì kẻ nhiệm mà có pháp nhiệm, cũng chẳng vì có pháp nhiệm mà có kẻ nhiệm. Thế thì hai thứ “kẻ nhiệm” và “pháp nhiệm” phải là “thường” (không đoạn). Nếu thế thì chúng sanh vĩnh viễn chẳng có ngày giải thoát. Nhưng sự thật thì đời đời đều có chúng sanh giải thoát.

Hỏi:

Ngài Long Thọ nói: “Hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật”, sao lại nói phá hư không?

Đáp:

Vì nghĩa này là vô sở trụ, nếu trụ thì không đúng. Tất cả là do lời nói mà đặt

tên gọi, sự thật không có tên gọi, thật thì không có tên, không có chỗ nào để cho mình trụ được.

Lời của Phật là vô trụ, nên cho lời của Phật là đúng thì không được, cho lời của Phật không đúng cũng không được. Vì đúng và không đúng là tương đối, vì vậy Phật và Tổ có nói điều gì, mình không thể chấp thật được.

Cho nên, ngài Long Thọ phá hết, không cho người ta chấp thật, mới đúng nghĩa vô sở trụ.

### ***Phẩm thứ bảy : QUÁN TAM TƯỚNG (SANH, TRỤ, DIỆT)***

Nếu sanh là hữu vi  
Thì phải có tam tướng  
Nếu sanh là vô vi  
Đâu có tướng hữu vi  
Tam tướng nếu hợp lia  
Chẳng thể có sở tướng  
Tại sao ở một chỗ  
Đồng thời có tam tướng.

Giải thích:

Sanh, trụ, diệt thuộc về 3 pháp hữu vi. Nếu hợp thì tam pháp trái ngược nhau, chẳng thể cùng ở một lúc, nghĩa lúc sanh thì chẳng có tướng trụ diệt, lúc trụ thì chẳng có tướng sanh diệt, lúc diệt thì chẳng có tướng sanh trụ.

Nếu lia thì chẳng có “sở tướng”, tức là sanh chẳng có tướng “sở sanh”, trụ chẳng có tướng “sở trụ”, diệt chẳng có tướng “sở diệt”. Nếu thuộc về pháp vô vi thì chẳng có tam tướng.

Giảng giải:

Hiện tượng thế giới này theo sự hiểu biết của mình thấy có sanh, trụ, diệt. Nhưng thật tế muốn thành lập nghĩa sanh, trụ, diệt thì không thể được. Tức là sanh, trụ, diệt hợp lại không được; sanh, trụ, diệt lia nhau cũng không được.

Nếu hợp lại thì lúc sanh không có trụ diệt, lúc trụ không có sanh diệt, lúc diệt không có sanh trụ. Hay chia ra cũng không được, nếu chia thì không có

tướng sở sanh, trụ thì không có tướng sở trụ, vậy trụ chỗ nào? Diệt thì không tướng sở diệt thì diệt cái gì? Cho nên chia ra không thể được, hợp lại cũng không thể được. Vì thế không có sanh, trụ, diệt.

Hỏi:

Thế nào là tham Tô Sư thiên?

Đáp:

Hỏi câu thoại là kích thích niệm không biết, khán là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là gì; nhưng chỗ không biết thì không có chỗ, không có chỗ thì không có mục tiêu để nhìn, không có mục tiêu để nhìn nên nhìn mãi không thấy gì vẫn còn không biết. Chính cái vẫn còn không biết, Thiền tông rất chú trọng gọi là nghi tình, cứ hỏi và nhìn đi song song để giữ nghi tình, rồi sẽ đưa hành giả đến chỗ kiến tánh.

Những người đang tập tham thiên, chưa dẹp được cái biết nên không có nghi tình. Trái lại dùng cái biết tìm hiểu nghi tình là sai lầm. Vì nghi tình không phải là không có, chỉ cần dẹp cái biết, trong đó có nghi tình sẵn. Tại sao? Vì tánh con người hay ham biết lâu đời, chứ không phải chỉ kiếp này. Tánh ham biết, biết không nổi tự mình thắc mắc, thắc mắc không hiện ra do bị cái biết che khuất.

Những người tham thiên sai lầm nhiều là không dùng cái không biết để dẹp cái biết bộ óc để dẹp cái biết bộ óc, mà ngược lại tìm hiểu có nghi tình hay không, nghi lớn nghi nhỏ! Đó là sai lầm lớn, nếu tham thiên như vậy mà tham 2 ngàn năm, 2 triệu năm,... cũng vô ích.

Mục đích Phật Thích Ca dạy dùng cái không biết để dẹp cái biết (tìm hiểu biết, ghi nhớ biết, suy nghĩ biết), 3 cái biết này sạch hết thì đến thoại đầu. Bây giờ nói tham thoại đầu, nhưng chưa đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường. Lấy cây viết để ví dụ, dưới là thoại vĩ, trên là thoại đầu, đang đi ở giữa đường là giữa đường ý thức.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân gọi là 5 thức trước đối với tiền trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Thức thứ 6 đối pháp trần, không phải trước mắt, tức là biết những chuyện ở xa quá khứ, vị lai. Trần là bụi phải sanh diệt, còn thức không sanh diệt.

Bất cứ có một niệm ý thức gọi là nhất niệm vô minh, cuộc sống hiện nay đều

dùng nhất niệm vô minh để ứng phó. Phạm ý thức nhận biết phải có tương đối, như có không, sáng tối,... Phật dạy dẹp cái tương đối để hiện cái biết tuyệt đối, gọi là vô duyên tri (không có nhân duyên đối đãi), cũng gọi là chánh biến tri (phổ biến khắp không gian thời gian), mục đích cuối cùng hiện ra cái biết đó.

Nhưng hiện giờ đang đi giữa đường, có một ngày sẽ đến thoai đầu rồi sắp kiến tánh, đến chỗ này thì tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết đều chấm dứt, nhưng vẫn còn cái không biết của bộ não che khuất. Từ thoai đầu tiến lên một bước nữa, biết và không biết của bộ não đều sạch thì cái biết của tự tánh hiện lên khắp không gian và thời gian, tức là không chỗ nào không biết và không lúc nào không biết.

Cái biết bộ não thì ngủ mê chẳng biết, thật chết không biết, vì không cùng khắp thời gian. Cái biết vô duyên tri không có đối đãi cùng khắp thời gian, nên ngủ mê vẫn biết, thật chết cũng biết, nếu thật chết và ngủ mê đều không biết thì không cùng khắp thời gian.

Mặc dầu, mình chưa kiến tánh nhưng cái biết tự tánh cũng không ngưng. Có người hỏi: Tham thiền đến thoai đầu sắp kiến tánh thì sắp biết phải không?

Tôi nói: Không phải, không được nói là sắp biết.

Người ấy nói: Như vậy vĩnh viễn không biết như gỗ đá sao?

Tôi nói: Không phải. Vì cái biết tự tánh không bao giờ ngưng, nếu ngưng rồi biết lại thì nói sắp biết được.

Người hỏi còn chưa hiểu, nên đổi lại câu hỏi: “Trời gần sáng, mặt trời sắp chiếu được không? Không được. Mặt trời không thể nói là sắp chiếu. Tại sao? Vì mặt trời không bao giờ ngưng chiếu. Mặt trời đâu phải sáng ra mới chiếu! Không thấy mặt trời là bị mây đen và trái đất che khuất, không phải có ngưng chiếu.

Biết của tự tánh không bao giờ ngưng biết, vì không hiện ra là do biết và không biết của bộ não che khuất; mặt trời dụ cái biết của tự tánh chiếu khắp không gian thời gian. Tôi dùng nhất niệm vô minh để giảng cho các vị nghe, tham thiền dùng niệm không biết cũng là nhất niệm vô minh.

Hỏi:

Mới tham thiền, vô thường đến thì thế nào?

Đáp:

Khi chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến, gieo tà nhân thì tà quả đến, vì nhân quả rõ ràng. Nếu kiếp này chưa kiến tánh, rồi kiếp sau tiếp tục tham.

**HẾT**